

DANH MỤC ĐỊA DANH NỘI THÀNH, NGOẠI THÀNH & VÙNG PHỦ CỦA 247
(cập nhật ngày 01/10/2022, hiệu lực ngày 2/10/2022)

STT	Tên tỉnh thành	Tên quận huyện	Tên phường xã	Thực hiện phát	Nội thành/Ngoại thành
1	Thành phố Cần Thơ	Huyện Cờ Đỏ	Xã Trung An	CÓ	Ngoại thành
2			Xã Trung Thạnh	CÓ	Ngoại thành
3			Xã Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
4			Xã Trung Hưng	CÓ	Ngoại thành
5			Thị trấn Cờ Đỏ	CÓ	Ngoại thành
6			Xã Thới Hưng	CÓ	Ngoại thành
7			Xã Đông Hiệp	CÓ	Ngoại thành
8			Xã Đông Thắng	CÓ	Ngoại thành
9			Xã Thới Đông	CÓ	Ngoại thành
10			Xã Thới Xuân	CÓ	Ngoại thành
11		Huyện Phong Điền	Xã Trường Long	CÓ	Ngoại thành
12			Xã Nhơn Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
13			Thị trấn Phong Điền	CÓ	Ngoại thành
14			Xã Nhơn Ái	CÓ	Ngoại thành
15			Xã Giai Xuân	CÓ	Ngoại thành
16			Xã Tân Thới	CÓ	Ngoại thành
17			Xã Mỹ Khánh	CÓ	Ngoại thành
18		Huyện Thới Lai	Xã Đông Bình	CÓ	Ngoại thành
19			Xã Đông Thuận	CÓ	Ngoại thành
20			Xã Trường Thành	CÓ	Ngoại thành
21			Xã Trường Xuân	CÓ	Ngoại thành
22			Thị trấn Thới Lai	CÓ	Ngoại thành
23			Xã Thới Thạnh	CÓ	Ngoại thành
24			Xã Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
25			Xã Xuân Thắng	CÓ	Ngoại thành
26			Xã Thới Tân	CÓ	Ngoại thành
27			Xã Trường Thắng	CÓ	Ngoại thành
28			Xã Định Môn	CÓ	Ngoại thành
29			Xã Trường Xuân A	CÓ	Ngoại thành
30			Xã Trường Xuân B	CÓ	Ngoại thành
31		Huyện Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Bình	CÓ	Ngoại thành
32			Thị trấn Thạnh An	CÓ	Ngoại thành
33			Thị trấn Vĩnh Thạnh	CÓ	Ngoại thành

34	Thành phố Cần Thơ	Huyện Vĩnh Thạnh	Xã Thạnh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
35			Xã Vĩnh Trinh	CÓ	Ngoại thành
36			Xã Thạnh An	CÓ	Ngoại thành
37			Xã Thạnh Tiến	CÓ	Ngoại thành
38			Xã Thạnh Thắng	CÓ	Ngoại thành
39			Xã Thạnh Lợi	CÓ	Ngoại thành
40			Xã Thạnh Quới	CÓ	Ngoại thành
41			Xã Thạnh Lộc	CÓ	Ngoại thành
42		Quận Bình Thủy	Phường Long Hòa	CÓ	Nội thành
43			Phường Long Tuyền	CÓ	Nội thành
44			Phường Bình Thủy	CÓ	Nội thành
45			Phường Trà An	CÓ	Nội thành
46			Phường Trà Nóc	CÓ	Nội thành
47			Phường Thới An Đông	CÓ	Nội thành
48			Phường An Thới	CÓ	Nội thành
49			Phường Bùi Hữu Nghĩa	CÓ	Nội thành
50		Quận Cái Răng	Phường Lê Bình	CÓ	Nội thành
51			Phường Hưng Phú	CÓ	Nội thành
52			Phường Hưng Thạnh	CÓ	Nội thành
53			Phường Ba Láng	CÓ	Nội thành
54			Phường Thường Thạnh	CÓ	Nội thành
55			Phường Phú Thứ	CÓ	Nội thành
56			Phường Tân Phú	CÓ	Nội thành
57			Phường Cái Khế	CÓ	Nội thành
58		Quận Ninh Kiều	Phường An Hòa	CÓ	Nội thành
59			Phường Thới Bình	CÓ	Nội thành
60			Phường An Nghiệp	CÓ	Nội thành
61			Phường An Cư	CÓ	Nội thành
62			Phường Tân An	CÓ	Nội thành
63			Phường An Phú	CÓ	Nội thành
64			Phường Xuân Khánh	CÓ	Nội thành
65			Phường Hưng Lợi	CÓ	Nội thành
66			Phường An Khánh	CÓ	Nội thành
67			Phường An Bình	CÓ	Nội thành
68		Quận Ô Môn	Phường Thới Hòa	CÓ	Nội thành
69			Phường Thới Long	CÓ	Nội thành
70			Phường Long Hưng	CÓ	Nội thành
71			Phường Thới An	CÓ	Nội thành
72			Phường Trường Lạc	CÓ	Nội thành
73			Phường Châu Văn Liêm	CÓ	Nội thành
74			Phường Phước Thới	CÓ	Nội thành

75	Thành phố Cần Thơ	Quận Thốt Nốt	Phường Thốt Nốt	CÓ	Nội thành
76			Phường Thới Thuận	CÓ	Nội thành
77			Phường Thuận An	CÓ	Nội thành
78			Phường Tân Lộc	CÓ	Nội thành
79			Phường Trung Nhứt	CÓ	Nội thành
80			Phường Thạnh Hoà	CÓ	Nội thành
81			Phường Trung Kiên	CÓ	Nội thành
82			Phường Tân Hưng	CÓ	Nội thành
83			Phường Thuận Hưng	CÓ	Nội thành
84	Thành phố Đà Nẵng	Huyện Hòa Vang	Xã Hòa Bắc	CÓ	Ngoại thành
85			Xã Hòa Ninh	CÓ	Ngoại thành
86			Xã Hòa Phú	CÓ	Ngoại thành
87			Xã Hòa Liên	CÓ	Ngoại thành
88			Xã Hòa Sơn	CÓ	Ngoại thành
89			Xã Hòa Nhơn	CÓ	Ngoại thành
90			Xã Hòa Phong	CÓ	Ngoại thành
91			Xã Hòa Châu	CÓ	Ngoại thành
92			Xã Hòa Tiến	CÓ	Ngoại thành
93			Xã Hòa Phước	CÓ	Ngoại thành
94			Xã Hòa Khương	CÓ	Ngoại thành
95		Huyện Hoàng Sa	Đảo Hoàng Sa	KHÔNG	Ngoại thành
96		Quận Cẩm Lệ	Phường Khuê Trung	CÓ	Nội thành
97			Phường Hòa Phát	CÓ	Nội thành
98			Phường Hòa An	CÓ	Nội thành
99			Phường Hòa Thọ Tây	CÓ	Nội thành
100			Phường Hòa Thọ Đông	CÓ	Nội thành
101			Phường Hòa Xuân	CÓ	Nội thành
102		Quận Hải Châu	Phường Thanh Bình	CÓ	Nội thành
103			Phường Thuận Phước	CÓ	Nội thành
104			Phường Thạch Thang	CÓ	Nội thành
105			Phường Hải Châu 1	CÓ	Nội thành
106			Phường Hải Châu 2	CÓ	Nội thành
107			Phường Phước Ninh	CÓ	Nội thành
108			Phường Hòa Thuận Tây	CÓ	Nội thành
109			Phường Hòa Thuận Đông	CÓ	Nội thành
110			Phường Nam Dương	CÓ	Nội thành
111			Phường Bình Hiên	CÓ	Nội thành
112			Phường Bình Thuận	CÓ	Nội thành
113			Phường Hòa Cường Bắc	CÓ	Nội thành
114			Phường Hòa Cường Nam	CÓ	Nội thành
115		Quận Liên Chiểu	Phường Hòa Hiệp Nam	CÓ	Nội thành

116	Thành phố Đà Nẵng	Quận Liên Chiểu	Phường Hòa Khánh Bắc	CÓ	Nội thành
117			Phường Hòa Khánh Nam	CÓ	Nội thành
118			Phường Hòa Minh	CÓ	Nội thành
119			Phường Hòa Hiệp Bắc	CÓ	Nội thành
120		Quận Ngũ Hành Sơn	Phường Mỹ An	CÓ	Nội thành
121			Phường Khuê Mỹ	CÓ	Nội thành
122			Phường Hoà Quý	CÓ	Nội thành
123			Phường Hoà Hải	CÓ	Nội thành
124		Quận Sơn Trà	Phường Thọ Quang	CÓ	Nội thành
125			Phường Nại Hiên Đông	CÓ	Nội thành
126			Phường Mân Thái	CÓ	Nội thành
127			Phường An Hải Bắc	CÓ	Nội thành
128			Phường Phước Mỹ	CÓ	Nội thành
129			Phường An Hải Tây	CÓ	Nội thành
130			Phường An Hải Đông	CÓ	Nội thành
131		Quận Thanh Khê	Phường Tam Thuận	CÓ	Nội thành
132			Phường Thanh Khê Tây	CÓ	Nội thành
133			Phường Thanh Khê Đông	CÓ	Nội thành
134			Phường Xuân Hà	CÓ	Nội thành
135			Phường Tân Chính	CÓ	Nội thành
136			Phường Chính Gián	CÓ	Nội thành
137			Phường Vĩnh Trung	CÓ	Nội thành
138			Phường Thạc Gián	CÓ	Nội thành
139			Phường An Khê	CÓ	Nội thành
140			Phường Hòa Khê	CÓ	Nội thành
141	Thành phố Hà Nội	Huyện Ba Vì	Thị trấn Tây Đằng	CÓ	Ngoại thành
142			Xã Phú Cường	CÓ	Ngoại thành
143			Xã Cổ Đô	CÓ	Ngoại thành
144			Xã Tản Hồng	CÓ	Ngoại thành
145			Xã Vạn Thắng	CÓ	Ngoại thành
146			Xã Châu Sơn	CÓ	Ngoại thành
147			Xã Phong Vân	CÓ	Ngoại thành
148			Xã Phú Đông	CÓ	Ngoại thành
149			Xã Phú Phương	CÓ	Ngoại thành
150			Xã Phú Châu	CÓ	Ngoại thành
151			Xã Thái Hòa	CÓ	Ngoại thành
152			Xã Đông Thái	CÓ	Ngoại thành
153			Xã Phú Sơn	CÓ	Ngoại thành
154			Xã Minh Châu	CÓ	Ngoại thành
155			Xã Vật Lại	CÓ	Ngoại thành
156			Xã Chu Minh	CÓ	Ngoại thành

157	Thành phố Hà Nội	Huyện Ba Vì	Xã Tòng Bạt	CÓ	Ngoại thành
158			Xã Cẩm Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
159			Xã Sơn Đà	CÓ	Ngoại thành
160			Xã Đông Quang	CÓ	Ngoại thành
161			Xã Tiên Phong	CÓ	Ngoại thành
162			Xã Thụy An	CÓ	Ngoại thành
163			Xã Cam Thượng	CÓ	Ngoại thành
164			Xã Thuần Mỹ	CÓ	Ngoại thành
165			Xã Tản Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
166			Xã Ba Trại	CÓ	Ngoại thành
167			Xã Minh Quang	CÓ	Ngoại thành
168			Xã Ba Vì	CÓ	Ngoại thành
169			Xã Vân Hòa	CÓ	Ngoại thành
170			Xã Yên Bài	CÓ	Ngoại thành
171			Xã Khánh Thượng	CÓ	Ngoại thành
172		Huyện Chương Mỹ	Xã Thụy Hương	CÓ	Ngoại thành
173			Thị trấn Chúc Sơn	CÓ	Ngoại thành
174			Thị trấn Xuân Mai	CÓ	Ngoại thành
175			Xã Phụng Châu	CÓ	Ngoại thành
176			Xã Tiên Phương	CÓ	Ngoại thành
177			Xã Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành
178			Xã Đông Phương Yên	CÓ	Ngoại thành
179			Xã Phú Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
180			Xã Trường Yên	CÓ	Ngoại thành
181			Xã Ngọc Hòa	CÓ	Ngoại thành
182			Xã Thủy Xuân Tiên	CÓ	Ngoại thành
183			Xã Thanh Bình	CÓ	Ngoại thành
184			Xã Trung Hòa	CÓ	Ngoại thành
185			Xã Đại Yên	CÓ	Ngoại thành
186			Xã Tốt Động	CÓ	Ngoại thành
187			Xã Lam Điền	CÓ	Ngoại thành
188			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
189			Xã Nam Phương Tiến	CÓ	Ngoại thành
190			Xã Hợp Đồng	CÓ	Ngoại thành
191			Xã Hoàng Văn Thụ	CÓ	Ngoại thành
192			Xã Hoàng Diệu	CÓ	Ngoại thành
193			Xã Hữu Văn	CÓ	Ngoại thành
194			Xã Quảng Bị	CÓ	Ngoại thành
195			Xã Mỹ Lương	CÓ	Ngoại thành
196			Xã Thượng Vực	CÓ	Ngoại thành
197			Xã Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành

198	Thành phố Hà Nội	Huyện Chương Mỹ	Xã Đồng Phú	CÓ	Ngoại thành
199			Xã Trần Phú	CÓ	Ngoại thành
200			Xã Văn Võ	CÓ	Ngoại thành
201			Xã Đồng Lạc	CÓ	Ngoại thành
202			Xã Hòa Chính	CÓ	Ngoại thành
203			Xã Phú Nam An	CÓ	Ngoại thành
204		Huyện Đan Phượng	Thị trấn Phùng	CÓ	Ngoại thành
205			Xã Trung Châu	CÓ	Ngoại thành
206			Xã Thọ An	CÓ	Ngoại thành
207			Xã Thọ Xuân	CÓ	Ngoại thành
208			Xã Hồng Hà	CÓ	Ngoại thành
209			Xã Liên Hồng	CÓ	Ngoại thành
210			Xã Liên Hà	CÓ	Ngoại thành
211			Xã Hạ Mỗ	CÓ	Ngoại thành
212			Xã Liên Trung	CÓ	Ngoại thành
213			Xã Phương Đình	CÓ	Ngoại thành
214			Xã Thượng Mỗ	CÓ	Ngoại thành
215			Xã Tân Hội	CÓ	Ngoại thành
216			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
217			Xã Đan Phượng	CÓ	Ngoại thành
218			Xã Đồng Tháp	CÓ	Ngoại thành
219			Xã Song Phượng	CÓ	Ngoại thành
220		Huyện Đông Anh	Xã Thụy Lâm	CÓ	Nội thành
221			Xã Vân Hà	CÓ	Nội thành
222			Xã Liên Hà	CÓ	Nội thành
223			Xã Dục Tú	CÓ	Nội thành
224			Xã Đại Mạch	CÓ	Nội thành
225			Thị trấn Đông Anh	CÓ	Nội thành
226			Xã Xuân Nộn	CÓ	Nội thành
227			Xã Bắc Hồng	CÓ	Nội thành
228			Xã Nguyên Khê	CÓ	Nội thành
229			Xã Nam Hồng	CÓ	Nội thành
230			Xã Tiên Dương	CÓ	Nội thành
231			Xã Uy Nỗ	CÓ	Nội thành
232			Xã Vân Nội	CÓ	Nội thành
233			Xã Việt Hùng	CÓ	Nội thành
234			Xã Kim Nỗ	CÓ	Nội thành
235			Xã Kim Chung	CÓ	Nội thành
236			Xã Vĩnh Ngọc	CÓ	Nội thành
237			Xã Cổ Loa	CÓ	Nội thành
238			Xã Hải Bối	CÓ	Nội thành

239	Thành phố Hà Nội	Huyện Đông Anh	Xã Xuân Canh	CÓ	Nội thành
240			Xã Võng La	CÓ	Nội thành
241			Xã Tầm Xá	CÓ	Nội thành
242			Xã Mai Lâm	CÓ	Nội thành
243			Xã Đông Hội	CÓ	Nội thành
244		Huyện Gia Lâm	Xã Dương Quang	CÓ	Nội thành
245			Xã Đông Dư	CÓ	Nội thành
246			Xã Kiêu Kỵ	CÓ	Nội thành
247			Xã Lệ Chi	CÓ	Nội thành
248			Xã Kim Sơn	CÓ	Nội thành
249			Thị trấn Trâu Quỳ	CÓ	Nội thành
250			Xã Cổ Bi	CÓ	Nội thành
251			Xã Đặng Xá	CÓ	Nội thành
252			Xã Phú Thị	CÓ	Nội thành
253			Xã Dương Xá	CÓ	Nội thành
254			Xã Kim Lan	CÓ	Nội thành
255			Xã Văn Đức	CÓ	Nội thành
256			Xã Đa Tốn	CÓ	Nội thành
257			Xã Bát Tràng	CÓ	Nội thành
258			Thị trấn Yên Viên	CÓ	Nội thành
259			Xã Dương Hà	CÓ	Nội thành
260			Xã Phù Đổng	CÓ	Nội thành
261			Xã Trung Mậu	CÓ	Nội thành
262			Xã Yên Thường	CÓ	Nội thành
263			Xã Yên Viên	CÓ	Nội thành
264			Xã Ninh Hiệp	CÓ	Nội thành
265			Xã Đình Xuyên	CÓ	Nội thành
266		Huyện Hoài Đức	Xã Minh Khai	CÓ	Ngoại thành
267			Xã Dương Liễu	CÓ	Ngoại thành
268			Xã Cát Quế	CÓ	Ngoại thành
269			Xã Yên Sở	CÓ	Ngoại thành
270			Xã Sơn Đồng	CÓ	Ngoại thành
271			Xã Đắc Sở	CÓ	Ngoại thành
272			Xã Lại Yên	CÓ	Ngoại thành
273			Xã Tiền Yên	CÓ	Ngoại thành
274			Xã Song Phương	CÓ	Ngoại thành
275			Xã An Thượng	CÓ	Ngoại thành
276			Xã Vân Côn	CÓ	Ngoại thành
277			Thị trấn Trạm Trôi	CÓ	Ngoại thành
278			Xã Đức Thượng	CÓ	Ngoại thành
279			Xã Di Trạch	CÓ	Ngoại thành

280	Thành phố Hà Nội	Huyện Hoài Đức	Xã Đức Giang	CÓ	Ngoại thành
281			Xã Kim Chung	CÓ	Ngoại thành
282			Xã Vân Canh	CÓ	Ngoại thành
283			Xã An Khánh	CÓ	Ngoại thành
284			Xã La Phù	CÓ	Ngoại thành
285			Xã Đông La	CÓ	Ngoại thành
286		Huyện Mê Linh	Thị trấn Chi Đông	CÓ	Nội thành
287			Thị trấn Quang Minh	CÓ	Nội thành
288			Xã Tiến Thắng	CÓ	Nội thành
289			Xã Tự Lập	CÓ	Nội thành
290			Xã Tam Đồng	CÓ	Nội thành
291			Xã Liên Mạc	CÓ	Nội thành
292			Xã Vạn Yên	CÓ	Nội thành
293			Xã Chu Phan	CÓ	Nội thành
294			Xã Tiến Thịnh	CÓ	Nội thành
295			Xã Đại Thịnh	CÓ	Nội thành
296			Xã Kim Hoa	CÓ	Nội thành
297			Xã Thạch Đà	CÓ	Nội thành
298			Xã Thanh Lâm	CÓ	Nội thành
299			Xã Mê Linh	CÓ	Nội thành
300			Xã Văn Khê	CÓ	Nội thành
301			Xã Hoàng Kim	CÓ	Nội thành
302			Xã Tiên Phong	CÓ	Nội thành
303			Xã Tráng Việt	CÓ	Nội thành
304		Huyện Mỹ Đức	Thị trấn Đại Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
305			Xã Đông Tâm	CÓ	Ngoại thành
306			Xã Thượng Lâm	CÓ	Ngoại thành
307			Xã Tuy Lai	CÓ	Ngoại thành
308			Xã Phúc Lâm	CÓ	Ngoại thành
309			Xã Mỹ Thành	CÓ	Ngoại thành
310			Xã Bội Xuyên	CÓ	Ngoại thành
311			Xã An Mỹ	CÓ	Ngoại thành
312			Xã Hồng Sơn	CÓ	Ngoại thành
313			Xã Lê Thanh	CÓ	Ngoại thành
314			Xã Xuy Xá	CÓ	Ngoại thành
315			Xã Phùng Xá	CÓ	Ngoại thành
316			Xã Phù Lưu Tế	CÓ	Ngoại thành
317			Xã Đại Hưng	CÓ	Ngoại thành
318			Xã Vạn Kim	CÓ	Ngoại thành
319			Xã Đốc Tín	CÓ	Ngoại thành
320			Xã Hương Sơn	CÓ	Ngoại thành

321	Thành phố Hà Nội	Huyện Mỹ Đức	Xã Hùng Tiến	CÓ	Ngoại thành
322			Xã An Tiến	CÓ	Ngoại thành
323			Xã Hợp Tiến	CÓ	Ngoại thành
324			Xã Hợp Thanh	CÓ	Ngoại thành
325			Xã An Phú	CÓ	Ngoại thành
326		Huyện Phú Xuyên	Thị trấn Phú Minh	CÓ	Ngoại thành
327			Thị trấn Phú Xuyên	CÓ	Ngoại thành
328			Xã Hồng Minh	CÓ	Ngoại thành
329			Xã Phượng Dực	CÓ	Ngoại thành
330			Xã Nam Tiến	CÓ	Ngoại thành
331			Xã Tri Trung	CÓ	Ngoại thành
332			Xã Đại Thắng	CÓ	Ngoại thành
333			Xã Phú Túc	CÓ	Ngoại thành
334			Xã Văn Hoàng	CÓ	Ngoại thành
335			Xã Hồng Thái	CÓ	Ngoại thành
336			Xã Hoàng Long	CÓ	Ngoại thành
337			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
338			Xã Nam Phong	CÓ	Ngoại thành
339			Xã Nam Triều	CÓ	Ngoại thành
340			Xã Tân Dân	CÓ	Ngoại thành
341			Xã Sơn Hà	CÓ	Ngoại thành
342			Xã Chuyên Mỹ	CÓ	Ngoại thành
343			Xã Khai Thái	CÓ	Ngoại thành
344			Xã Phúc Tiến	CÓ	Ngoại thành
345			Xã Vân Từ	CÓ	Ngoại thành
346			Xã Tri Thủy	CÓ	Ngoại thành
347			Xã Đại Xuyên	CÓ	Ngoại thành
348			Xã Phú Yên	CÓ	Ngoại thành
349			Xã Bạch Hạ	CÓ	Ngoại thành
350			Xã Quang Lãng	CÓ	Ngoại thành
351			Xã Châu Can	CÓ	Ngoại thành
352			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
353		Huyện Phúc Thọ	Thị trấn Phúc Thọ	CÓ	Ngoại thành
354			Xã Vân Hà	CÓ	Ngoại thành
355			Xã Vân Phúc	CÓ	Ngoại thành
356			Xã Vân Nam	CÓ	Ngoại thành
357			Xã Xuân Đình	CÓ	Ngoại thành
358			Xã Sen Phương	CÓ	Ngoại thành
359			Xã Võng Xuyên	CÓ	Ngoại thành
360			Xã Thọ Lộc	CÓ	Ngoại thành
361			Xã Long Xuyên	CÓ	Ngoại thành

362	Thành phố Hà Nội	Huyện Phúc Thọ	Xã Thượng Cốc	CÓ	Ngoại thành
363			Xã Hát Môn	CÓ	Ngoại thành
364			Xã Tích Giang	CÓ	Ngoại thành
365			Xã Thanh Đa	CÓ	Ngoại thành
366			Xã Trạch Mỹ Lộc	CÓ	Ngoại thành
367			Xã Phúc Hòa	CÓ	Ngoại thành
368			Xã Ngọc Tảo	CÓ	Ngoại thành
369			Xã Phụng Thượng	CÓ	Ngoại thành
370			Xã Tam Thuấn	CÓ	Ngoại thành
371			Xã Tam Hiệp	CÓ	Ngoại thành
372			Xã Hiệp Thuận	CÓ	Ngoại thành
373			Xã Liên Hiệp	CÓ	Ngoại thành
374		Huyện Quốc Oai	Xã Sài Sơn	CÓ	Ngoại thành
375			Xã Phượng Cách	CÓ	Ngoại thành
376			Xã Yên Sơn	CÓ	Ngoại thành
377			Xã Đồng Quang	CÓ	Ngoại thành
378			Xã Cộng Hòa	CÓ	Ngoại thành
379			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
380			Xã Đại Thành	CÓ	Ngoại thành
381			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
382			Xã Đông Yên	CÓ	Ngoại thành
383			Xã Đông Xuân	CÓ	Ngoại thành
384			Thị trấn Quốc Oai	CÓ	Ngoại thành
385			Xã Ngọc Liệp	CÓ	Ngoại thành
386			Xã Ngọc Mỹ	CÓ	Ngoại thành
387			Xã Liệp Tuyết	CÓ	Ngoại thành
388			Xã Thạch Thán	CÓ	Ngoại thành
389			Xã Phú Cát	CÓ	Ngoại thành
390			Xã Tuyết Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
391			Xã Nghĩa Hương	CÓ	Ngoại thành
392			Xã Phú Mãn	CÓ	Ngoại thành
393			Xã Cấn Hữu	CÓ	Ngoại thành
394			Xã Hòa Thạch	CÓ	Ngoại thành
395		Huyện Sóc Sơn	Xã Quang Tiến	CÓ	Nội thành
396			Xã Phú Cường	CÓ	Nội thành
397			Thị trấn Sóc Sơn	CÓ	Nội thành
398			Xã Trung Giã	CÓ	Nội thành
399			Xã Bắc Phú	CÓ	Nội thành
400			Xã Hiền Ninh	CÓ	Nội thành
401			Xã Tân Dân	CÓ	Nội thành
402			Xã Tiên Dược	CÓ	Nội thành

403	Thành phố Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	Xã Mai Đình	CÓ	Nội thành
404			Xã Thanh Xuân	CÓ	Nội thành
405			Xã Đông Xuân	CÓ	Nội thành
406			Xã Phú Minh	CÓ	Nội thành
407			Xã Bắc Sơn	CÓ	Nội thành
408			Xã Việt Long	CÓ	Nội thành
409			Xã Minh Trí	CÓ	Nội thành
410			Xã Hồng Kỳ	CÓ	Nội thành
411			Xã Nam Sơn	CÓ	Nội thành
412			Xã Tân Hưng	CÓ	Nội thành
413			Xã Minh Phú	CÓ	Nội thành
414			Xã Phù Linh	CÓ	Nội thành
415			Xã Tân Minh	CÓ	Nội thành
416			Xã Xuân Giang	CÓ	Nội thành
417			Xã Đức Hoà	CÓ	Nội thành
418			Xã Kim Lũ	CÓ	Nội thành
419			Xã Phù Lỗ	CÓ	Nội thành
420			Xã Xuân Thu	CÓ	Nội thành
421		Huyện Thạch Thất	Xã Yên Trung	CÓ	Ngoại thành
422			Xã Yên Bình	CÓ	Ngoại thành
423			Xã Tiến Xuân	CÓ	Ngoại thành
424			Thị trấn Liên Quan	CÓ	Ngoại thành
425			Xã Đại Đồng	CÓ	Ngoại thành
426			Xã Cẩm Yên	CÓ	Ngoại thành
427			Xã Lại Thượng	CÓ	Ngoại thành
428			Xã Phú Kim	CÓ	Ngoại thành
429			Xã Hương Ngải	CÓ	Ngoại thành
430			Xã Canh Nậu	CÓ	Ngoại thành
431			Xã Kim Quan	CÓ	Ngoại thành
432			Xã Dị Nậu	CÓ	Ngoại thành
433			Xã Bình Yên	CÓ	Ngoại thành
434			Xã Chàng Sơn	CÓ	Ngoại thành
435			Xã Cần Kiệm	CÓ	Ngoại thành
436			Xã Hữu Bằng	CÓ	Ngoại thành
437			Xã Thạch Xá	CÓ	Ngoại thành
438			Xã Đồng Trúc	CÓ	Ngoại thành
439			Xã Thạch Hoà	CÓ	Ngoại thành
440			Xã Phùng Xá	CÓ	Ngoại thành
441			Xã Tân Xã	CÓ	Ngoại thành
442			Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
443			Xã Hạ Bằng	CÓ	Ngoại thành

444	Thành phố Hà Nội	Huyện Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài	CÓ	Ngoại thành
445			Xã Cự Khê	CÓ	Ngoại thành
446			Xã Bích Hòa	CÓ	Ngoại thành
447			Xã Mỹ Hưng	CÓ	Ngoại thành
448			Xã Cao Viên	CÓ	Ngoại thành
449			Xã Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
450			Xã Tam Hưng	CÓ	Ngoại thành
451			Xã Thanh Cao	CÓ	Ngoại thành
452			Xã Thanh Thủy	CÓ	Ngoại thành
453			Xã Thanh Mai	CÓ	Ngoại thành
454			Xã Thanh Văn	CÓ	Ngoại thành
455			Xã Đỗ Động	CÓ	Ngoại thành
456			Xã Kim An	CÓ	Ngoại thành
457			Xã Kim Thư	CÓ	Ngoại thành
458			Xã Phương Trung	CÓ	Ngoại thành
459			Xã Tân Ước	CÓ	Ngoại thành
460			Xã Dân Hòa	CÓ	Ngoại thành
461			Xã Liên Châu	CÓ	Ngoại thành
462			Xã Cao Dương	CÓ	Ngoại thành
463			Xã Xuân Dương	CÓ	Ngoại thành
464			Xã Hồng Dương	CÓ	Ngoại thành
465		Huyện Thanh Trì	Xã Tứ Hiệp	CÓ	Nội thành
466			Xã Ngũ Hiệp	CÓ	Nội thành
467			Xã Ngọc Hồi	CÓ	Nội thành
468			Thị trấn Văn Điển	CÓ	Nội thành
469			Xã Thanh Liệt	CÓ	Nội thành
470			Xã Tam Hiệp	CÓ	Nội thành
471			Xã Yên Mỹ	CÓ	Nội thành
472			Xã Duyên Hà	CÓ	Nội thành
473			Xã Vạn Phúc	CÓ	Nội thành
474			Xã Đại Áng	CÓ	Nội thành
475			Xã Đông Mỹ	CÓ	Nội thành
476			Xã Vĩnh Quỳnh	CÓ	Nội thành
477			Xã Liên Ninh	CÓ	Nội thành
478			Xã Tân Triều	CÓ	Nội thành
479			Xã Tả Thanh Oai	CÓ	Nội thành
480			Xã Hữu Hoà	CÓ	Nội thành
481		Huyện Thường Tín	Thị trấn Thường Tín	CÓ	Nội thành
482			Xã Ninh Sở	CÓ	Nội thành
483			Xã Nhị Khê	CÓ	Nội thành
484			Xã Duyên Thái	CÓ	Nội thành

485	Thành phố Hà Nội	Huyện Thường Tín	Xã Khánh Hà	CÓ	Nội thành
486			Xã Hòa Bình	CÓ	Nội thành
487			Xã Văn Bình	CÓ	Nội thành
488			Xã Hiền Giang	CÓ	Nội thành
489			Xã Hồng Vân	CÓ	Nội thành
490			Xã Vân Tảo	CÓ	Nội thành
491			Xã Liên Phương	CÓ	Nội thành
492			Xã Văn Phú	CÓ	Nội thành
493			Xã Tự Nhiên	CÓ	Nội thành
494			Xã Tiền Phong	CÓ	Nội thành
495			Xã Hà Hồi	CÓ	Nội thành
496			Xã Thư Phú	CÓ	Nội thành
497			Xã Nguyễn Trãi	CÓ	Nội thành
498			Xã Quất Động	CÓ	Nội thành
499			Xã Chương Dương	CÓ	Nội thành
500			Xã Tân Minh	CÓ	Nội thành
501			Xã Lê Lợi	CÓ	Nội thành
502			Xã Thăng Lợi	CÓ	Nội thành
503			Xã Dũng Tiến	CÓ	Nội thành
504			Xã Thống Nhất	CÓ	Nội thành
505			Xã Nghiêm Xuyên	CÓ	Nội thành
506			Xã Tô Hiệu	CÓ	Nội thành
507			Xã Văn Tự	CÓ	Nội thành
508			Xã Vạn Điểm	CÓ	Nội thành
509			Xã Minh Cường	CÓ	Nội thành
510		Huyện Ứng Hòa	Thị trấn Vân Đình	CÓ	Ngoại thành
511			Xã Viên An	CÓ	Ngoại thành
512			Xã Viên Nội	CÓ	Ngoại thành
513			Xã Hoa Sơn	CÓ	Ngoại thành
514			Xã Quảng Phú Cầu	CÓ	Ngoại thành
515			Xã Trường Thịnh	CÓ	Ngoại thành
516			Xã Cao Thành	CÓ	Ngoại thành
517			Xã Liên Bạt	CÓ	Ngoại thành
518			Xã Sơn Công	CÓ	Ngoại thành
519			Xã Đồng Tiến	CÓ	Ngoại thành
520			Xã Phương Tú	CÓ	Ngoại thành
521			Xã Trung Tú	CÓ	Ngoại thành
522			Xã Đồng Tân	CÓ	Ngoại thành
523			Xã Tảo Dương Văn	CÓ	Ngoại thành
524			Xã Vạn Thái	CÓ	Ngoại thành
525			Xã Minh Đức	CÓ	Ngoại thành

526	Thành phố Hà Nội	Huyện Ứng Hòa	Xã Hòa Lâm	CÓ	Ngoại thành
527			Xã Hòa Xá	CÓ	Ngoại thành
528			Xã Trầm Lộng	CÓ	Ngoại thành
529			Xã Kim Đường	CÓ	Ngoại thành
530			Xã Hòa Nam	CÓ	Ngoại thành
531			Xã Hòa Phú	CÓ	Ngoại thành
532			Xã Đội Bình	CÓ	Ngoại thành
533			Xã Đại Hùng	CÓ	Ngoại thành
534			Xã Đông Lỗ	CÓ	Ngoại thành
535			Xã Phú Lưu	CÓ	Ngoại thành
536			Xã Đại Cường	CÓ	Ngoại thành
537			Xã Lưu Hoàng	CÓ	Ngoại thành
538			Xã Hồng Quang	CÓ	Ngoại thành
539		Quận Ba Đình	Phường Vĩnh Phúc	CÓ	Nội thành
540			Phường Cống Vị	CÓ	Nội thành
541			Phường Liễu Giai	CÓ	Nội thành
542			Phường Thành Công	CÓ	Nội thành
543			Phường Ngọc Khánh	CÓ	Nội thành
544			Phường Phúc Xá	CÓ	Nội thành
545			Phường Trúc Bạch	CÓ	Nội thành
546			Phường Nguyễn Trung Trực	CÓ	Nội thành
547			Phường Quán Thánh	CÓ	Nội thành
548			Phường Ngọc Hà	CÓ	Nội thành
549			Phường Điện Biên	CÓ	Nội thành
550			Phường Đội Cấn	CÓ	Nội thành
551			Phường Kim Mã	CÓ	Nội thành
552			Phường Giảng Võ	CÓ	Nội thành
553		Quận Bắc Từ Liêm	Phường Đông Ngạc	CÓ	Nội thành
554			Phường Đức Thắng	CÓ	Nội thành
555			Phường Thụy Phương	CÓ	Nội thành
556			Phường Xuân Tảo	CÓ	Nội thành
557			Phường Cổ Nhuế 2	CÓ	Nội thành
558			Phường Cổ Nhuế 1	CÓ	Nội thành
559			Phường Xuân Đình	CÓ	Nội thành
560			Phường Minh Khai	CÓ	Nội thành
561			Phường Phú Diễn	CÓ	Nội thành
562			Phường Phúc Diễn	CÓ	Nội thành
563			Phường Thượng Cát	CÓ	Nội thành
564			Phường Liên Mạc	CÓ	Nội thành
565			Phường Tây Tựu	CÓ	Nội thành
566		Quận Cầu Giấy	Phường Trung Hoà	CÓ	Nội thành

567	Thành phố Hà Nội	Quận Cầu Giấy	Phường Nghĩa Đô	CÓ	Nội thành
568			Phường Nghĩa Tân	CÓ	Nội thành
569			Phường Mai Dịch	CÓ	Nội thành
570			Phường Dịch Vọng	CÓ	Nội thành
571			Phường Dịch Vọng Hậu	CÓ	Nội thành
572			Phường Quan Hoa	CÓ	Nội thành
573			Phường Yên Hoà	CÓ	Nội thành
574		Quận Đống Đa	Phường Cát Linh	CÓ	Nội thành
575			Phường Văn Miếu	CÓ	Nội thành
576			Phường Quốc Tử Giám	CÓ	Nội thành
577			Phường Láng Thượng	CÓ	Nội thành
578			Phường Ô Chợ Dừa	CÓ	Nội thành
579			Phường Văn Chương	CÓ	Nội thành
580			Phường Hàng Bột	CÓ	Nội thành
581			Phường Láng Hạ	CÓ	Nội thành
582			Phường Khâm Thiên	CÓ	Nội thành
583			Phường Thổ Quan	CÓ	Nội thành
584			Phường Nam Đồng	CÓ	Nội thành
585			Phường Trung Phụng	CÓ	Nội thành
586			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
587			Phường Trung Liệt	CÓ	Nội thành
588			Phường Phương Liên	CÓ	Nội thành
589			Phường Thịnh Quang	CÓ	Nội thành
590			Phường Trung Tự	CÓ	Nội thành
591			Phường Kim Liên	CÓ	Nội thành
592			Phường Phương Mai	CÓ	Nội thành
593			Phường Ngã Tư Sở	CÓ	Nội thành
594			Phường Khương Thượng	CÓ	Nội thành
595		Quận Hà Đông	Phường Nguyễn Trãi	CÓ	Nội thành
596			Phường Mộ Lao	CÓ	Nội thành
597			Phường Văn Quán	CÓ	Nội thành
598			Phường Vạn Phúc	CÓ	Nội thành
599			Phường Yết Kiêu	CÓ	Nội thành
600			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
601			Phường La Khê	CÓ	Nội thành
602			Phường Phú La	CÓ	Nội thành
603			Phường Phúc La	CÓ	Nội thành
604			Phường Hà Cầu	CÓ	Nội thành
605			Phường Yên Nghĩa	CÓ	Nội thành
606			Phường Kiến Hưng	CÓ	Nội thành
607			Phường Dương Nội	CÓ	Nội thành

608	Thành phố Hà Nội	Quận Hà Đông	Phường Biên Giang	CÓ	Nội thành
609			Phường Phú Lãm	CÓ	Nội thành
610			Phường Phú Lương	CÓ	Nội thành
611			Phường Đồng Mai	CÓ	Nội thành
612		Quận Hai Bà Trưng	Phường Bách Khoa	CÓ	Nội thành
613			Phường Đồng Tâm	CÓ	Nội thành
614			Phường Bạch Mai	CÓ	Nội thành
615			Phường Quỳnh Mai	CÓ	Nội thành
616			Phường Quỳnh Lôi	CÓ	Nội thành
617			Phường Minh Khai	CÓ	Nội thành
618			Phường Trương Định	CÓ	Nội thành
619			Phường Nguyễn Du	CÓ	Nội thành
620			Phường Bạch Đằng	CÓ	Nội thành
621			Phường Phạm Đình Hổ	CÓ	Nội thành
622			Phường Lê Đại Hành	CÓ	Nội thành
623			Phường Đồng Nhân	CÓ	Nội thành
624			Phường Phố Huế	CÓ	Nội thành
625			Phường Đồng Mác	CÓ	Nội thành
626			Phường Thanh Lương	CÓ	Nội thành
627			Phường Thanh Nhàn	CÓ	Nội thành
628			Phường Cầu Dền	CÓ	Nội thành
629			Phường Vĩnh Tuy	CÓ	Nội thành
630		Quận Hoàn Kiếm	Phường Chương Dương	CÓ	Nội thành
631			Phường Phúc Tân	CÓ	Nội thành
632			Phường Đồng Xuân	CÓ	Nội thành
633			Phường Hàng Mã	CÓ	Nội thành
634			Phường Hàng Buồm	CÓ	Nội thành
635			Phường Hàng Đào	CÓ	Nội thành
636			Phường Hàng Bồ	CÓ	Nội thành
637			Phường Cửa Đông	CÓ	Nội thành
638			Phường Lý Thái Tổ	CÓ	Nội thành
639			Phường Hàng Bạc	CÓ	Nội thành
640			Phường Hàng Gai	CÓ	Nội thành
641			Phường Hàng Trống	CÓ	Nội thành
642			Phường Cửa Nam	CÓ	Nội thành
643			Phường Hàng Bông	CÓ	Nội thành
644			Phường Tràng Tiền	CÓ	Nội thành
645			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
646			Phường Phan Chu Trinh	CÓ	Nội thành
647			Phường Hàng Bài	CÓ	Nội thành
648		Quận Hoàng Mai	Phường Thanh Trì	CÓ	Nội thành

649	Thành phố Hà Nội	Quận Hoàng Mai	Phường Vĩnh Hưng	CÓ	Nội thành
650			Phường Định Công	CÓ	Nội thành
651			Phường Mai Động	CÓ	Nội thành
652			Phường Tương Mai	CÓ	Nội thành
653			Phường Đại Kim	CÓ	Nội thành
654			Phường Tân Mai	CÓ	Nội thành
655			Phường Hoàng Văn Thụ	CÓ	Nội thành
656			Phường Giáp Bát	CÓ	Nội thành
657			Phường Lĩnh Nam	CÓ	Nội thành
658			Phường Thịnh Liệt	CÓ	Nội thành
659			Phường Hoàng Liệt	CÓ	Nội thành
660			Phường Yên Sở	CÓ	Nội thành
661			Phường Trần Phú	CÓ	Nội thành
662		Quận Long Biên	Phường Phúc Lợi	CÓ	Nội thành
663			Phường Sài Đồng	CÓ	Nội thành
664			Phường Long Biên	CÓ	Nội thành
665			Phường Thạch Bàn	CÓ	Nội thành
666			Phường Phúc Đồng	CÓ	Nội thành
667			Phường Cự Khối	CÓ	Nội thành
668			Phường Thượng Thanh	CÓ	Nội thành
669			Phường Ngọc Thụy	CÓ	Nội thành
670			Phường Giang Biên	CÓ	Nội thành
671			Phường Đức Giang	CÓ	Nội thành
672			Phường Việt Hưng	CÓ	Nội thành
673			Phường Gia Thụy	CÓ	Nội thành
674			Phường Ngọc Lâm	CÓ	Nội thành
675			Phường Bồ Đề	CÓ	Nội thành
676		Quận Nam Từ Liêm	Phường Tây Mỗ	CÓ	Nội thành
677			Phường Phú Đô	CÓ	Nội thành
678			Phường Đại Mỗ	CÓ	Nội thành
679			Phường Cầu Diễn	CÓ	Nội thành
680			Phường Phương Canh	CÓ	Nội thành
681			Phường Mỹ Đình 1	CÓ	Nội thành
682			Phường Mỹ Đình 2	CÓ	Nội thành
683			Phường Xuân Phương	CÓ	Nội thành
684			Phường Mễ Trì	CÓ	Nội thành
685			Phường Trung Văn	CÓ	Nội thành
686		Quận Tây Hồ	Phường Xuân La	CÓ	Nội thành
687			Phường Bưởi	CÓ	Nội thành
688			Phường Thụy Khuê	CÓ	Nội thành
689			Phường Nhật Tân	CÓ	Nội thành

690	Thành phố Hà Nội	Quận Tây Hồ	Phường Tứ Liên	CÓ	Nội thành
691			Phường Quảng An	CÓ	Nội thành
692			Phường Yên Phụ	CÓ	Nội thành
693			Phường Phú Thượng	CÓ	Nội thành
694		Quận Thanh Xuân	Phường Thượng Đình	CÓ	Nội thành
695			Phường Khương Trung	CÓ	Nội thành
696			Phường Khương Mai	CÓ	Nội thành
697			Phường Phương Liệt	CÓ	Nội thành
698			Phường Khương Đình	CÓ	Nội thành
699			Phường Kim Giang	CÓ	Nội thành
700			Phường Nhân Chính	CÓ	Nội thành
701			Phường Thanh Xuân Trung	CÓ	Nội thành
702			Phường Hạ Đình	CÓ	Nội thành
703			Phường Thanh Xuân Bắc	CÓ	Nội thành
704			Phường Thanh Xuân Nam	CÓ	Nội thành
705		Thị xã Sơn Tây	Phường Lê Lợi	CÓ	Nội thành
706			Phường Phú Thịnh	CÓ	Nội thành
707			Phường Ngô Quyền	CÓ	Nội thành
708			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
709			Phường Sơn Lộc	CÓ	Nội thành
710			Phường Trung Sơn Trầm	CÓ	Nội thành
711			Phường Xuân Khanh	CÓ	Nội thành
712			Xã Đường Lâm	CÓ	Nội thành
713			Phường Viên Sơn	CÓ	Nội thành
714			Xã Xuân Sơn	CÓ	Nội thành
715			Phường Trung Hưng	CÓ	Nội thành
716			Xã Thanh Mỹ	CÓ	Nội thành
717			Xã Kim Sơn	CÓ	Nội thành
718			Xã Sơn Đông	CÓ	Nội thành
719			Xã Cổ Đông	CÓ	Nội thành
720	Thành phố Hải Phòng	Huyện An Dương	Xã An Hoà	CÓ	Ngoại thành
721			Xã Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành
722			Xã Nam Sơn	CÓ	Ngoại thành
723			Xã Lê Lợi	CÓ	Ngoại thành
724			Xã Đặng Cương	CÓ	Ngoại thành
725			Xã Đồng Thái	CÓ	Ngoại thành
726			Xã Quốc Tuấn	CÓ	Ngoại thành
727			Xã An Đồng	CÓ	Ngoại thành
728			Xã Hồng Thái	CÓ	Ngoại thành
729			Thị trấn An Dương	CÓ	Ngoại thành
730			Xã Lê Thiện	CÓ	Ngoại thành

731	Thành phố Hải Phòng	Huyện An Dương	Xã Đại Bản	CÓ	Ngoại thành
732			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
733			Xã An Hưng	CÓ	Ngoại thành
734			Xã An Hồng	CÓ	Ngoại thành
735			Xã Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
736		Huyện An Lão	Thị trấn An Lão	CÓ	Ngoại thành
737			Xã Bát Trang	CÓ	Ngoại thành
738			Xã Trường Thợ	CÓ	Ngoại thành
739			Xã Trường Thành	CÓ	Ngoại thành
740			Xã An Tiến	CÓ	Ngoại thành
741			Xã Quang Hưng	CÓ	Ngoại thành
742			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
743			Xã Quốc Tuấn	CÓ	Ngoại thành
744			Xã An Thắng	CÓ	Ngoại thành
745			Thị trấn Trường Sơn	CÓ	Ngoại thành
746			Xã Tân Dân	CÓ	Ngoại thành
747			Xã Thái Sơn	CÓ	Ngoại thành
748			Xã Tân Viên	CÓ	Ngoại thành
749			Xã Mỹ Đức	CÓ	Ngoại thành
750			Xã Chiến Thắng	CÓ	Ngoại thành
751			Xã An Thọ	CÓ	Ngoại thành
752			Xã An Thái	CÓ	Ngoại thành
753		Huyện Bạch Long Vĩ	Xã Đảo Bạch Long Vĩ	KHÔNG	Ngoại thành
754		Huyện Cát Hải	Thị trấn Cát Bà	KHÔNG	Ngoại thành
755			Thị trấn Cát Hải	KHÔNG	Ngoại thành
756			Xã Nghĩa Lộ	KHÔNG	Ngoại thành
757			Xã Đông Bài	KHÔNG	Ngoại thành
758			Xã Hoàng Châu	KHÔNG	Ngoại thành
759			Xã Văn Phong	KHÔNG	Ngoại thành
760			Xã Phú Long	KHÔNG	Ngoại thành
761			Xã Gia Luận	KHÔNG	Ngoại thành
762			Xã Hiền Hào	KHÔNG	Ngoại thành
763			Xã Trân Châu	KHÔNG	Ngoại thành
764			Xã Việt Hải	KHÔNG	Ngoại thành
765			Xã Xuân Đám	KHÔNG	Ngoại thành
766		Huyện Kiến Thụy	Thị trấn Núi Đồi	CÓ	Ngoại thành
767			Xã Đông Phương	CÓ	Ngoại thành
768			Xã Thuận Thiên	CÓ	Ngoại thành
769			Xã Hữu Bằng	CÓ	Ngoại thành
770			Xã Đại Đồng	CÓ	Ngoại thành
771			Xã Ngũ Phúc	CÓ	Ngoại thành

772	Thành phố Hải Phòng	Huyện Kiến Thụy	Xã Kiến Quốc	CÓ	Ngoại thành
773			Xã Du Lễ	CÓ	Ngoại thành
774			Xã Thụy Hương	CÓ	Ngoại thành
775			Xã Thanh Sơn	CÓ	Ngoại thành
776			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
777			Xã Đại Hà	CÓ	Ngoại thành
778			Xã Ngũ Đoan	CÓ	Ngoại thành
779			Xã Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
780			Xã Tân Trào	CÓ	Ngoại thành
781			Xã Đoàn Xá	CÓ	Ngoại thành
782			Xã Tú Sơn	CÓ	Ngoại thành
783			Xã Đại Hợp	CÓ	Ngoại thành
784		Huyện Thủy Nguyên	Thị trấn Minh Đức	CÓ	Ngoại thành
785			Xã Gia Minh	CÓ	Ngoại thành
786			Xã Gia Đức	CÓ	Ngoại thành
787			Xã Trung Hà	CÓ	Ngoại thành
788			Xã An Lư	CÓ	Ngoại thành
789			Xã Thủy Triều	CÓ	Ngoại thành
790			Xã Phục Lễ	CÓ	Ngoại thành
791			Xã Tam Hưng	CÓ	Ngoại thành
792			Xã Phả Lễ	CÓ	Ngoại thành
793			Xã Thủy Sơn	CÓ	Ngoại thành
794			Xã Thủy Đường	CÓ	Ngoại thành
795			Xã Tân Dương	CÓ	Ngoại thành
796			Xã Dương Quan	CÓ	Ngoại thành
797			Thị trấn Núi Đèo	CÓ	Ngoại thành
798			Xã Lại Xuân	CÓ	Ngoại thành
799			Xã An Sơn	CÓ	Ngoại thành
800			Xã Kỳ Sơn	CÓ	Ngoại thành
801			Xã Liên Khê	CÓ	Ngoại thành
802			Xã Lưu Kiếm	CÓ	Ngoại thành
803			Xã Lưu Kỳ	CÓ	Ngoại thành
804			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
805			Xã Phù Ninh	CÓ	Ngoại thành
806			Xã Quảng Thanh	CÓ	Ngoại thành
807			Xã Chính Mỹ	CÓ	Ngoại thành
808			Xã Kênh Giang	CÓ	Ngoại thành
809			Xã Hợp Thành	CÓ	Ngoại thành
810			Xã Cao Nhân	CÓ	Ngoại thành
811			Xã Mỹ Đồng	CÓ	Ngoại thành
812			Xã Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành

813	Thành phố Hải Phòng	Huyện Thuỷ Nguyên	Xã Hoà Bình	CÓ	Ngoại thành
814			Xã Ngũ Lão	CÓ	Ngoại thành
815			Xã Lập Lễ	CÓ	Ngoại thành
816			Xã Kiền Bái	CÓ	Ngoại thành
817			Xã Thiên Hương	CÓ	Ngoại thành
818			Xã Hoàng Động	CÓ	Ngoại thành
819			Xã Lâm Động	CÓ	Ngoại thành
820			Xã Hoa Động	CÓ	Ngoại thành
821		Huyện Tiên Lãng	Thị trấn Tiên Lãng	CÓ	Ngoại thành
822			Xã Đại Thắng	CÓ	Ngoại thành
823			Xã Tiên Cường	CÓ	Ngoại thành
824			Xã Tự Cường	CÓ	Ngoại thành
825			Xã Quyết Tiến	CÓ	Ngoại thành
826			Xã Khởi Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
827			Xã Tiên Thanh	CÓ	Ngoại thành
828			Xã Cấp Tiến	CÓ	Ngoại thành
829			Xã Kiến Thiết	CÓ	Ngoại thành
830			Xã Đoàn Lập	CÓ	Ngoại thành
831			Xã Bạch Đằng	CÓ	Ngoại thành
832			Xã Quang Phục	CÓ	Ngoại thành
833			Xã Toàn Thắng	CÓ	Ngoại thành
834			Xã Tiên Thắng	CÓ	Ngoại thành
835			Xã Tiên Minh	CÓ	Ngoại thành
836			Xã Bắc Hưng	CÓ	Ngoại thành
837			Xã Nam Hưng	CÓ	Ngoại thành
838			Xã Hùng Thắng	CÓ	Ngoại thành
839			Xã Tây Hưng	CÓ	Ngoại thành
840			Xã Đông Hưng	CÓ	Ngoại thành
841			Xã Vinh Quang	CÓ	Ngoại thành
842		Huyện Vĩnh Bảo	Thị trấn Vĩnh Bảo	CÓ	Ngoại thành
843			Xã Dũng Tiến	CÓ	Ngoại thành
844			Xã Giang Biên	CÓ	Ngoại thành
845			Xã Thắng Thuỷ	CÓ	Ngoại thành
846			Xã Trung Lập	CÓ	Ngoại thành
847			Xã Việt Tiến	CÓ	Ngoại thành
848			Xã Vĩnh An	CÓ	Ngoại thành
849			Xã Vĩnh Long	CÓ	Ngoại thành
850			Xã Hiệp Hoà	CÓ	Ngoại thành
851			Xã Hùng Tiến	CÓ	Ngoại thành
852			Xã An Hoà	CÓ	Ngoại thành
853			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành

854	Thành phố Hải Phòng	Huyện Vĩnh Bảo	Xã Tân Liên	CÓ	Ngoại thành
855			Xã Nhân Hoà	CÓ	Ngoại thành
856			Xã Tam Đa	CÓ	Ngoại thành
857			Xã Hưng Nhân	CÓ	Ngoại thành
858			Xã Vinh Quang	CÓ	Ngoại thành
859			Xã Đồng Minh	CÓ	Ngoại thành
860			Xã Thanh Lương	CÓ	Ngoại thành
861			Xã Liên Am	CÓ	Ngoại thành
862			Xã Lý Học	CÓ	Ngoại thành
863			Xã Tam Cường	CÓ	Ngoại thành
864			Xã Hoà Bình	CÓ	Ngoại thành
865			Xã Tiền Phong	CÓ	Ngoại thành
866			Xã Vĩnh Phong	CÓ	Ngoại thành
867			Xã Cộng Hiền	CÓ	Ngoại thành
868			Xã Cao Minh	CÓ	Ngoại thành
869			Xã Cổ Am	CÓ	Ngoại thành
870			Xã Vĩnh Tiến	CÓ	Ngoại thành
871			Xã Trấn Dương	CÓ	Ngoại thành
872		Quận Đồ Sơn	Phường Ngọc Xuyên	CÓ	Ngoại thành
873			Phường Hải Sơn	CÓ	Ngoại thành
874			Phường Vạn Hương	CÓ	Ngoại thành
875			Phường Minh Đức	CÓ	Ngoại thành
876			Phường Bàng La	CÓ	Ngoại thành
877			Phường Hợp Đức	CÓ	Ngoại thành
878		Quận Dương Kinh	Phường Đa Phúc	CÓ	Nội thành
879			Phường Tân Thành	CÓ	Nội thành
880			Phường Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
881			Phường Anh Dũng	CÓ	Nội thành
882			Phường Hải Thành	CÓ	Nội thành
883			Phường Hoà Nghĩa	CÓ	Nội thành
884		Quận Hải An	Phường Đằng Lâm	CÓ	Nội thành
885			Phường Cát Bi	CÓ	Nội thành
886			Phường Đông Hải 2	CÓ	Nội thành
887			Phường Đằng Hải	CÓ	Nội thành
888			Phường Tràng Cát	CÓ	Nội thành
889			Phường Đông Hải 1	CÓ	Nội thành
890			Phường Thành Tô	CÓ	Nội thành
891			Phường Nam Hải	CÓ	Nội thành
892		Quận Hồng Bàng	Phường Sở Dầu	CÓ	Nội thành
893			Phường Thượng Lý	CÓ	Nội thành
894			Phường Hạ Lý	CÓ	Nội thành

895	Thành phố Hải Phòng	Quận Hồng Bàng	Phường Minh Khai	CÓ	Nội thành
896			Phường Phan Bội Châu	CÓ	Nội thành
897			Phường Quán Toan	CÓ	Nội thành
898			Phường Hùng Vương	CÓ	Nội thành
899			Phường Trại Chuối	CÓ	Nội thành
900			Phường Hoàng Văn Thụ	CÓ	Nội thành
901		Quận Kiến An	Phường Quán Trữ	CÓ	Nội thành
902			Phường Lãm Hà	CÓ	Nội thành
903			Phường Đồng Hoà	CÓ	Nội thành
904			Phường Bắc Sơn	CÓ	Nội thành
905			Phường Nam Sơn	CÓ	Nội thành
906			Phường Ngọc Sơn	CÓ	Nội thành
907			Phường Trần Thành Ngọ	CÓ	Nội thành
908			Phường Văn Đẩu	CÓ	Nội thành
909			Phường Phù Liễn	CÓ	Nội thành
910			Phường Tràng Minh	CÓ	Nội thành
911		Quận Lê Chân	Phường Cát Dài	CÓ	Nội thành
912			Phường An Biên	CÓ	Nội thành
913			Phường Lam Sơn	CÓ	Nội thành
914			Phường An Dương	CÓ	Nội thành
915			Phường Trần Nguyên Hãn	CÓ	Nội thành
916			Phường Hồ Nam	CÓ	Nội thành
917			Phường Trại Cau	CÓ	Nội thành
918			Phường Dư Hàng	CÓ	Nội thành
919			Phường Hàng Kênh	CÓ	Nội thành
920			Phường Đông Hải	CÓ	Nội thành
921			Phường Niệm Nghĩa	CÓ	Nội thành
922			Phường Nghĩa Xá	CÓ	Nội thành
923			Phường Dư Hàng Kênh	CÓ	Nội thành
924			Phường Kênh Dương	CÓ	Nội thành
925			Phường Vĩnh Niệm	CÓ	Nội thành
926		Quận Ngô Quyền	Phường Máy Chai	CÓ	Nội thành
927			Phường Máy Tơ	CÓ	Nội thành
928			Phường Vạn Mỹ	CÓ	Nội thành
929			Phường Cầu Tre	CÓ	Nội thành
930			Phường Lạc Viên	CÓ	Nội thành
931			Phường Gia Viên	CÓ	Nội thành
932			Phường Đông Khê	CÓ	Nội thành
933			Phường Cầu Đất	CÓ	Nội thành
934			Phường Lê Lợi	CÓ	Nội thành
935			Phường Đằng Giang	CÓ	Nội thành

936	Thành phố Hải Phòng	Quận Ngô Quyền	Phường Lạch Tray	CÓ	Nội thành
937			Phường Đồng Quốc Bình	CÓ	Nội thành
938	Thành phố Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	Xã Bình Lợi	CÓ	Nội thành
939			Xã Tân Nhựt	CÓ	Nội thành
940			Xã Phong Phú	CÓ	Nội thành
941			Xã Đa Phước	CÓ	Nội thành
942			Xã Quy Đức	CÓ	Nội thành
943			Thị trấn Tân Túc	CÓ	Nội thành
944			Xã Phạm Văn Hai	CÓ	Nội thành
945			Xã Vĩnh Lộc A	CÓ	Nội thành
946			Xã Vĩnh Lộc B	CÓ	Nội thành
947			Xã Lê Minh Xuân	CÓ	Nội thành
948			Xã Tân Kiên	CÓ	Nội thành
949			Xã Bình Hưng	CÓ	Nội thành
950			Xã An Phú Tây	CÓ	Nội thành
951			Xã Hưng Long	CÓ	Nội thành
952			Xã Tân Quý Tây	CÓ	Nội thành
953			Xã Bình Chánh	CÓ	Nội thành
954		Huyện Cần Giuộc	Xã Thạnh An	KHÔNG	Ngoại thành
955			Thị trấn Cần Thạnh	CÓ	Ngoại thành
956			Xã Bình Khánh	CÓ	Ngoại thành
957			Xã Tam Thôn Hiệp	CÓ	Ngoại thành
958			Xã An Thới Đông	CÓ	Ngoại thành
959			Xã Long Hòa	CÓ	Ngoại thành
960			Xã Lý Nhơn	CÓ	Ngoại thành
961		Huyện Củ Chi	Xã Phú Mỹ Hưng	CÓ	Nội thành
962			Xã An Phú	CÓ	Nội thành
963			Xã An Nhơn Tây	CÓ	Nội thành
964			Xã Nhuận Đức	CÓ	Nội thành
965			Xã Phạm Văn Cội	CÓ	Nội thành
966			Xã Hòa Phú	CÓ	Nội thành
967			Xã Bình Mỹ	CÓ	Nội thành
968			Xã Phú Hòa Đông	CÓ	Nội thành
969			Xã Trung An	CÓ	Nội thành
970			Xã Tân Thạnh Tây	CÓ	Nội thành
971			Xã Tân Thạnh Đông	CÓ	Nội thành
972			Xã Trung Lập Thượng	CÓ	Nội thành
973			Xã Trung Lập Hạ	CÓ	Nội thành
974			Xã Phước Thạnh	CÓ	Nội thành
975			Xã Phước Hiệp	CÓ	Nội thành
976			Thị trấn Củ Chi	CÓ	Nội thành

977	Thành phố Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Xã Phước Vĩnh An	CÓ	Nội thành
978			Xã Tân An Hội	CÓ	Nội thành
979			Xã Thái Mỹ	CÓ	Nội thành
980			Xã Tân Phú Trung	CÓ	Nội thành
981			Xã Tân Thông Hội	CÓ	Nội thành
982		Huyện Hóc Môn	Xã Xuân Thới Đông	CÓ	Nội thành
983			Xã Xuân Thới Thượng	CÓ	Nội thành
984			Xã Bà Điểm	CÓ	Nội thành
985			Xã Nhị Bình	CÓ	Nội thành
986			Xã Xuân Thới Sơn	CÓ	Nội thành
987			Xã Tân Thới Nhì	CÓ	Nội thành
988			Xã Đông Thạnh	CÓ	Nội thành
989			Thị trấn Hóc Môn	CÓ	Nội thành
990			Xã Tân Hiệp	CÓ	Nội thành
991			Xã Thới Tam Thôn	CÓ	Nội thành
992			Xã Tân Xuân	CÓ	Nội thành
993			Xã Trung Chánh	CÓ	Nội thành
994		Huyện Nhà Bè	Xã Phước Lộc	CÓ	Nội thành
995			Xã Nhơn Đức	CÓ	Nội thành
996			Thị trấn Nhà Bè	CÓ	Nội thành
997			Xã Phú Xuân	CÓ	Nội thành
998			Xã Phước Kiển	CÓ	Nội thành
999			Xã Long Thới	CÓ	Nội thành
1000			Xã Hiệp Phước	CÓ	Nội thành
1001		Quận 1	Phường Tân Định	CÓ	Nội thành
1002			Phường Đa Kao	CÓ	Nội thành
1003			Phường Bến Nghé	CÓ	Nội thành
1004			Phường Bến Thành	CÓ	Nội thành
1005			Phường Nguyễn Thái Bình	CÓ	Nội thành
1006			Phường Phạm Ngũ Lão	CÓ	Nội thành
1007			Phường Cầu Ông Lãnh	CÓ	Nội thành
1008			Phường Cô Giang	CÓ	Nội thành
1009			Phường Nguyễn Cư Trinh	CÓ	Nội thành
1010			Phường Cầu Kho	CÓ	Nội thành
1011		Quận 10	Phường 15	CÓ	Nội thành
1012			Phường 13	CÓ	Nội thành
1013			Phường 14	CÓ	Nội thành
1014			Phường 12	CÓ	Nội thành
1015			Phường 11	CÓ	Nội thành
1016			Phường 10	CÓ	Nội thành
1017			Phường 09	CÓ	Nội thành

1018	Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 10	Phường 01	CÓ	Nội thành
1019			Phường 08	CÓ	Nội thành
1020			Phường 02	CÓ	Nội thành
1021			Phường 04	CÓ	Nội thành
1022			Phường 07	CÓ	Nội thành
1023			Phường 05	CÓ	Nội thành
1024			Phường 06	CÓ	Nội thành
1025		Quận 11	Phường 15	CÓ	Nội thành
1026			Phường 05	CÓ	Nội thành
1027			Phường 14	CÓ	Nội thành
1028			Phường 11	CÓ	Nội thành
1029			Phường 03	CÓ	Nội thành
1030			Phường 10	CÓ	Nội thành
1031			Phường 13	CÓ	Nội thành
1032			Phường 08	CÓ	Nội thành
1033			Phường 09	CÓ	Nội thành
1034			Phường 12	CÓ	Nội thành
1035			Phường 07	CÓ	Nội thành
1036			Phường 06	CÓ	Nội thành
1037			Phường 04	CÓ	Nội thành
1038			Phường 01	CÓ	Nội thành
1039			Phường 02	CÓ	Nội thành
1040			Phường 16	CÓ	Nội thành
1041		Quận 12	Phường Thạnh Xuân	CÓ	Nội thành
1042			Phường Thạnh Lộc	CÓ	Nội thành
1043			Phường Hiệp Thành	CÓ	Nội thành
1044			Phường Thới An	CÓ	Nội thành
1045			Phường Tân Chánh Hiệp	CÓ	Nội thành
1046			Phường An Phú Đông	CÓ	Nội thành
1047			Phường Tân Thới Hiệp	CÓ	Nội thành
1048			Phường Trung Mỹ Tây	CÓ	Nội thành
1049			Phường Tân Hưng Thuận	CÓ	Nội thành
1050			Phường Đông Hưng Thuận	CÓ	Nội thành
1051			Phường Tân Thới Nhất	CÓ	Nội thành
1052		Quận 3	Phường Võ Thị Sáu	CÓ	Nội thành
1053			Phường 14	CÓ	Nội thành
1054			Phường 12	CÓ	Nội thành
1055			Phường 11	CÓ	Nội thành
1056			Phường 13	CÓ	Nội thành
1057			Phường 09	CÓ	Nội thành
1058			Phường 10	CÓ	Nội thành

1059	Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 3	Phường 04	CÓ	Nội thành
1060			Phường 05	CÓ	Nội thành
1061			Phường 03	CÓ	Nội thành
1062			Phường 02	CÓ	Nội thành
1063			Phường 01	CÓ	Nội thành
1064		Quận 4	Phường 13	CÓ	Nội thành
1065			Phường 09	CÓ	Nội thành
1066			Phường 06	CÓ	Nội thành
1067			Phường 08	CÓ	Nội thành
1068			Phường 10	CÓ	Nội thành
1069			Phường 18	CÓ	Nội thành
1070			Phường 14	CÓ	Nội thành
1071			Phường 03	CÓ	Nội thành
1072			Phường 04	CÓ	Nội thành
1073			Phường 16	CÓ	Nội thành
1074			Phường 02	CÓ	Nội thành
1075			Phường 15	CÓ	Nội thành
1076			Phường 01	CÓ	Nội thành
1077		Quận 5	Phường 04	CÓ	Nội thành
1078			Phường 09	CÓ	Nội thành
1079			Phường 03	CÓ	Nội thành
1080			Phường 12	CÓ	Nội thành
1081			Phường 02	CÓ	Nội thành
1082			Phường 08	CÓ	Nội thành
1083			Phường 07	CÓ	Nội thành
1084			Phường 01	CÓ	Nội thành
1085			Phường 11	CÓ	Nội thành
1086			Phường 14	CÓ	Nội thành
1087			Phường 05	CÓ	Nội thành
1088			Phường 06	CÓ	Nội thành
1089			Phường 10	CÓ	Nội thành
1090			Phường 13	CÓ	Nội thành
1091		Quận 6	Phường 14	CÓ	Nội thành
1092			Phường 13	CÓ	Nội thành
1093			Phường 09	CÓ	Nội thành
1094			Phường 06	CÓ	Nội thành
1095			Phường 12	CÓ	Nội thành
1096			Phường 05	CÓ	Nội thành
1097			Phường 11	CÓ	Nội thành
1098			Phường 02	CÓ	Nội thành
1099			Phường 01	CÓ	Nội thành

1100	Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 6	Phường 04	CÓ	Nội thành
1101			Phường 08	CÓ	Nội thành
1102			Phường 03	CÓ	Nội thành
1103			Phường 07	CÓ	Nội thành
1104			Phường 10	CÓ	Nội thành
1105		Quận 7	Phường Tân Thuận Đông	CÓ	Nội thành
1106			Phường Tân Thuận Tây	CÓ	Nội thành
1107			Phường Tân Kiểng	CÓ	Nội thành
1108			Phường Tân Hưng	CÓ	Nội thành
1109			Phường Bình Thuận	CÓ	Nội thành
1110			Phường Tân Quy	CÓ	Nội thành
1111			Phường Phú Thuận	CÓ	Nội thành
1112			Phường Tân Phú	CÓ	Nội thành
1113			Phường Tân Phong	CÓ	Nội thành
1114			Phường Phú Mỹ	CÓ	Nội thành
1115		Quận 8	Phường 08	CÓ	Nội thành
1116			Phường 02	CÓ	Nội thành
1117			Phường 01	CÓ	Nội thành
1118			Phường 03	CÓ	Nội thành
1119			Phường 11	CÓ	Nội thành
1120			Phường 09	CÓ	Nội thành
1121			Phường 10	CÓ	Nội thành
1122			Phường 04	CÓ	Nội thành
1123			Phường 13	CÓ	Nội thành
1124			Phường 12	CÓ	Nội thành
1125			Phường 05	CÓ	Nội thành
1126			Phường 14	CÓ	Nội thành
1127			Phường 06	CÓ	Nội thành
1128			Phường 15	CÓ	Nội thành
1129			Phường 16	CÓ	Nội thành
1130			Phường 07	CÓ	Nội thành
1131		Quận Bình Tân	Phường Bình Trị Đông B	CÓ	Nội thành
1132			Phường An Lạc	CÓ	Nội thành
1133			Phường An Lạc A	CÓ	Nội thành
1134			Phường Bình Hưng Hoà A	CÓ	Nội thành
1135			Phường Bình Hưng Hoà B	CÓ	Nội thành
1136			Phường Bình Hưng Hòa	CÓ	Nội thành
1137			Phường Bình Trị Đông	CÓ	Nội thành
1138			Phường Bình Trị Đông A	CÓ	Nội thành
1139			Phường Tân Tạo	CÓ	Nội thành
1140			Phường Tân Tạo A	CÓ	Nội thành

1141	Thành phố Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Phường 13	CÓ	Nội thành
1142			Phường 11	CÓ	Nội thành
1143			Phường 27	CÓ	Nội thành
1144			Phường 26	CÓ	Nội thành
1145			Phường 12	CÓ	Nội thành
1146			Phường 25	CÓ	Nội thành
1147			Phường 05	CÓ	Nội thành
1148			Phường 07	CÓ	Nội thành
1149			Phường 24	CÓ	Nội thành
1150			Phường 06	CÓ	Nội thành
1151			Phường 14	CÓ	Nội thành
1152			Phường 15	CÓ	Nội thành
1153			Phường 02	CÓ	Nội thành
1154			Phường 01	CÓ	Nội thành
1155			Phường 03	CÓ	Nội thành
1156			Phường 17	CÓ	Nội thành
1157			Phường 21	CÓ	Nội thành
1158			Phường 22	CÓ	Nội thành
1159			Phường 19	CÓ	Nội thành
1160			Phường 28	CÓ	Nội thành
1161		Quận Gò Vấp	Phường 05	CÓ	Nội thành
1162			Phường 07	CÓ	Nội thành
1163			Phường 04	CÓ	Nội thành
1164			Phường 01	CÓ	Nội thành
1165			Phường 03	CÓ	Nội thành
1166			Phường 15	CÓ	Nội thành
1167			Phường 13	CÓ	Nội thành
1168			Phường 17	CÓ	Nội thành
1169			Phường 06	CÓ	Nội thành
1170			Phường 16	CÓ	Nội thành
1171			Phường 12	CÓ	Nội thành
1172			Phường 14	CÓ	Nội thành
1173			Phường 10	CÓ	Nội thành
1174			Phường 09	CÓ	Nội thành
1175			Phường 08	CÓ	Nội thành
1176			Phường 11	CÓ	Nội thành
1177		Quận Phú Nhuận	Phường 04	CÓ	Nội thành
1178			Phường 05	CÓ	Nội thành
1179			Phường 09	CÓ	Nội thành
1180			Phường 07	CÓ	Nội thành
1181			Phường 03	CÓ	Nội thành

1182	Thành phố Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	Phường 01	CÓ	Nội thành
1183			Phường 02	CÓ	Nội thành
1184			Phường 08	CÓ	Nội thành
1185			Phường 15	CÓ	Nội thành
1186			Phường 10	CÓ	Nội thành
1187			Phường 11	CÓ	Nội thành
1188			Phường 17	CÓ	Nội thành
1189			Phường 13	CÓ	Nội thành
1190		Quận Tân Bình	Phường 02	CÓ	Nội thành
1191			Phường 04	CÓ	Nội thành
1192			Phường 12	CÓ	Nội thành
1193			Phường 13	CÓ	Nội thành
1194			Phường 01	CÓ	Nội thành
1195			Phường 03	CÓ	Nội thành
1196			Phường 11	CÓ	Nội thành
1197			Phường 07	CÓ	Nội thành
1198			Phường 05	CÓ	Nội thành
1199			Phường 10	CÓ	Nội thành
1200			Phường 06	CÓ	Nội thành
1201			Phường 08	CÓ	Nội thành
1202			Phường 09	CÓ	Nội thành
1203			Phường 14	CÓ	Nội thành
1204			Phường 15	CÓ	Nội thành
1205		Quận Tân Phú	Phường Tân Sơn Nhì	CÓ	Nội thành
1206			Phường Tây Thạnh	CÓ	Nội thành
1207			Phường Sơn Kỳ	CÓ	Nội thành
1208			Phường Tân Quý	CÓ	Nội thành
1209			Phường Tân Thành	CÓ	Nội thành
1210			Phường Phú Thọ Hòa	CÓ	Nội thành
1211			Phường Phú Thạnh	CÓ	Nội thành
1212			Phường Phú Trung	CÓ	Nội thành
1213			Phường Hòa Thạnh	CÓ	Nội thành
1214			Phường Hiệp Tân	CÓ	Nội thành
1215			Phường Tân Thới Hòa	CÓ	Nội thành
1216		Thành phố Thủ Đức	Phường Hiệp Phú	CÓ	Nội thành
1217			Phường Trường Thạnh	CÓ	Nội thành
1218			Phường Long Trường	CÓ	Nội thành
1219			Phường Long Thạnh Mỹ	CÓ	Nội thành
1220			Phường Phú Hữu	CÓ	Nội thành
1221			Phường Phước Long B	CÓ	Nội thành
1222			Phường Long Bình	CÓ	Nội thành

1223	Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Thủ Đức	Phường Tăng Nhơn Phú A	CÓ	Nội thành
1224			Phường Long Phước	CÓ	Nội thành
1225			Phường Tân Phú	CÓ	Nội thành
1226			Phường Phước Long A	CÓ	Nội thành
1227			Phường Phước Bình	CÓ	Nội thành
1228			Phường Tăng Nhơn Phú B	CÓ	Nội thành
1229			Phường Bình Trưng Đông	CÓ	Nội thành
1230			Phường Bình Trưng Tây	CÓ	Nội thành
1231			Phường Cát Lái	CÓ	Nội thành
1232			Phường Thạnh Mỹ Lợi	CÓ	Nội thành
1233			Phường An Phú	CÓ	Nội thành
1234			Phường An Lợi Đông	CÓ	Nội thành
1235			Phường Linh Xuân	CÓ	Nội thành
1236			Phường Bình Chiểu	CÓ	Nội thành
1237			Phường Linh Trung	CÓ	Nội thành
1238			Phường Tam Bình	CÓ	Nội thành
1239			Phường Tam Phú	CÓ	Nội thành
1240			Phường Hiệp Bình Phước	CÓ	Nội thành
1241			Phường Hiệp Bình Chánh	CÓ	Nội thành
1242			Phường Linh Chiểu	CÓ	Nội thành
1243			Phường Linh Tây	CÓ	Nội thành
1244			Phường Linh Đông	CÓ	Nội thành
1245			Phường Bình Thọ	CÓ	Nội thành
1246			Phường Trường Thọ	CÓ	Nội thành
1247			Phường Thảo Điền	CÓ	Nội thành
1248			Phường An Khánh	CÓ	Nội thành
1249			Phường Thủ Thiêm	CÓ	Nội thành
1250	Tỉnh An Giang	Huyện An Phú	Thị Trấn Long Bình	CÓ	Ngoại thành
1251			Xã Vĩnh Lộc	CÓ	Ngoại thành
1252			Xã Vĩnh Hậu	CÓ	Ngoại thành
1253			Xã Vĩnh Trường	CÓ	Ngoại thành
1254			Xã Đa Phước	CÓ	Ngoại thành
1255			Thị trấn An Phú	CÓ	Ngoại thành
1256			Xã Khánh An	CÓ	Ngoại thành
1257			Xã Khánh Bình	CÓ	Ngoại thành
1258			Xã Quốc Thái	CÓ	Ngoại thành
1259			Xã Nhơn Hội	CÓ	Ngoại thành
1260			Xã Phú Hữu	CÓ	Ngoại thành
1261			Xã Phú Hội	CÓ	Ngoại thành
1262			Xã Phước Hưng	CÓ	Ngoại thành
1263			Xã Vĩnh Hội Đông	CÓ	Ngoại thành

1264	Tỉnh An Giang	Huyện Châu Phú	Thị trấn Vĩnh Thạnh Trung	CÓ	Ngoại thành
1265			Xã Mỹ Phú	CÓ	Ngoại thành
1266			Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
1267			Xã Bình Chánh	CÓ	Ngoại thành
1268			Xã Khánh Hòa	CÓ	Ngoại thành
1269			Xã Bình Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1270			Xã Ô Long Vỹ	CÓ	Ngoại thành
1271			Xã Đào Hữu Cảnh	CÓ	Ngoại thành
1272			Xã Thạnh Mỹ Tây	CÓ	Ngoại thành
1273			Thị trấn Cái Dầu	CÓ	Ngoại thành
1274			Xã Mỹ Đức	CÓ	Ngoại thành
1275			Xã Bình Long	CÓ	Ngoại thành
1276			Xã Bình Thủy	CÓ	Ngoại thành
1277		Huyện Châu Thành	Thị trấn An Châu	CÓ	Ngoại thành
1278			Xã An Hòa	CÓ	Ngoại thành
1279			Xã Cần Đăng	CÓ	Ngoại thành
1280			Xã Vĩnh Hanh	CÓ	Ngoại thành
1281			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1282			Xã Vĩnh Bình	CÓ	Ngoại thành
1283			Xã Bình Hòa	CÓ	Ngoại thành
1284			Xã Vĩnh An	CÓ	Ngoại thành
1285			Xã Hòa Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1286			Xã Vĩnh Lợi	CÓ	Ngoại thành
1287			Xã Vĩnh Nhuận	CÓ	Ngoại thành
1288			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
1289			Xã Vĩnh Thành	CÓ	Ngoại thành
1290		Huyện Chợ Mới	Xã Tấn Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1291			Xã Mỹ Hiệp	CÓ	Ngoại thành
1292			Xã Bình Phước Xuân	CÓ	Ngoại thành
1293			Xã Hội An	CÓ	Ngoại thành
1294			Xã Mỹ Hội Đông	CÓ	Ngoại thành
1295			Xã Long Điền B	CÓ	Ngoại thành
1296			Xã Long Giang	CÓ	Ngoại thành
1297			Xã An Thạnh Trung	CÓ	Ngoại thành
1298			Thị trấn Chợ Mới	CÓ	Ngoại thành
1299			Thị trấn Mỹ Luông	CÓ	Ngoại thành
1300			Xã Kiến An	CÓ	Ngoại thành
1301			Xã Long Điền A	CÓ	Ngoại thành
1302			Xã Kiến Thành	CÓ	Ngoại thành
1303			Xã Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
1304			Xã Nhơn Mỹ	CÓ	Ngoại thành

1305	Tỉnh An Giang	Huyện Chợ Mới	Xã Long Kiến	CÓ	Ngoại thành
1306			Xã Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
1307			Xã Hòa An	CÓ	Ngoại thành
1308		Huyện Phú Tân	Xã Hoà Lạc	CÓ	Ngoại thành
1309			Xã Phú Thành	CÓ	Ngoại thành
1310			Thị trấn Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1311			Thị trấn Chợ Vàm	CÓ	Ngoại thành
1312			Xã Long Hoà	CÓ	Ngoại thành
1313			Xã Phú Long	CÓ	Ngoại thành
1314			Xã Phú Lâm	CÓ	Ngoại thành
1315			Xã Phú Hiệp	CÓ	Ngoại thành
1316			Xã Phú Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1317			Xã Phú An	CÓ	Ngoại thành
1318			Xã Phú Xuân	CÓ	Ngoại thành
1319			Xã Hiệp Xương	CÓ	Ngoại thành
1320			Xã Phú Bình	CÓ	Ngoại thành
1321			Xã Phú Thọ	CÓ	Ngoại thành
1322			Xã Phú Hưng	CÓ	Ngoại thành
1323			Xã Bình Thạnh Đông	CÓ	Ngoại thành
1324			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
1325			Xã Tân Trung	CÓ	Ngoại thành
1326		Huyện Thoại Sơn	Thị trấn Núi Sập	CÓ	Ngoại thành
1327			Thị trấn Phú Hoà	CÓ	Ngoại thành
1328			Thị trấn Óc Eo	CÓ	Ngoại thành
1329			Xã Tây Phú	CÓ	Ngoại thành
1330			Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
1331			Xã Vĩnh Phú	CÓ	Ngoại thành
1332			Xã Vĩnh Trạch	CÓ	Ngoại thành
1333			Xã Phú Thuận	CÓ	Ngoại thành
1334			Xã Vĩnh Chánh	CÓ	Ngoại thành
1335			Xã Định Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1336			Xã Định Thành	CÓ	Ngoại thành
1337			Xã Mỹ Phú Đông	CÓ	Ngoại thành
1338			Xã Vọng Đông	CÓ	Ngoại thành
1339			Xã Vĩnh Khánh	CÓ	Ngoại thành
1340			Xã Thoại Giang	CÓ	Ngoại thành
1341			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
1342			Xã Vọng Thê	CÓ	Ngoại thành
1343		Huyện Tịnh Biên	Xã An Cư	CÓ	Ngoại thành
1344			Xã An Nông	CÓ	Ngoại thành
1345			Thị trấn Nhà Bàng	CÓ	Ngoại thành

1346	Tỉnh An Giang	Huyện Tịnh Biên	Thị trấn Chi Lăng	CÓ	Ngoại thành
1347			Xã Núi Voi	CÓ	Ngoại thành
1348			Xã Nhơn Hưng	CÓ	Ngoại thành
1349			Xã An Phú	CÓ	Ngoại thành
1350			Xã Thới Sơn	CÓ	Ngoại thành
1351			Thị trấn Tịnh Biên	CÓ	Ngoại thành
1352			Xã Văn Giáo	CÓ	Ngoại thành
1353			Xã Vĩnh Trung	CÓ	Ngoại thành
1354			Xã Tân Lợi	CÓ	Ngoại thành
1355			Xã An Hảo	CÓ	Ngoại thành
1356			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
1357		Huyện Tri Tôn	Xã Lạc Quới	CÓ	Ngoại thành
1358			Xã Vĩnh Gia	CÓ	Ngoại thành
1359			Xã Tà Đảnh	CÓ	Ngoại thành
1360			Xã Núi Tô	CÓ	Ngoại thành
1361			Xã Cô Tô	CÓ	Ngoại thành
1362			Xã Tân Tuyển	CÓ	Ngoại thành
1363			Thị trấn Tri Tôn	CÓ	Ngoại thành
1364			Thị trấn Ba Chúc	CÓ	Ngoại thành
1365			Xã Lê Trì	CÓ	Ngoại thành
1366			Xã Vĩnh Phước	CÓ	Ngoại thành
1367			Xã Châu Lăng	CÓ	Ngoại thành
1368			Xã Lương Phi	CÓ	Ngoại thành
1369			Xã Lương An Trà	CÓ	Ngoại thành
1370			Xã An Tức	CÓ	Ngoại thành
1371			Xã Ô Lâm	CÓ	Ngoại thành
1372		Thành phố Châu Đốc	Xã Vĩnh Tế	CÓ	Nội thành
1373			Xã Vĩnh Châu	CÓ	Nội thành
1374			Phường Núi Sam	CÓ	Nội thành
1375			Phường Châu Phú B	CÓ	Nội thành
1376			Phường Châu Phú A	CÓ	Nội thành
1377			Phường Vĩnh Mỹ	CÓ	Nội thành
1378			Phường Vĩnh Ngươn	CÓ	Nội thành
1379		Thành phố Long Xuyên	Phường Mỹ Bình	CÓ	Nội thành
1380			Phường Mỹ Long	CÓ	Nội thành
1381			Phường Đông Xuyên	CÓ	Nội thành
1382			Phường Mỹ Xuyên	CÓ	Nội thành
1383			Phường Mỹ Phước	CÓ	Nội thành
1384			Phường Mỹ Quý	CÓ	Nội thành
1385			Phường Mỹ Thới	CÓ	Nội thành
1386			Xã Mỹ Khánh	CÓ	Nội thành

1387	Tỉnh An Giang	Thành phố Long Xuyên	Xã Mỹ Hoà Hưng	CÓ	Nội thành
1388			Phường Bình Đức	CÓ	Nội thành
1389			Phường Bình Khánh	CÓ	Nội thành
1390			Phường Mỹ Thạnh	CÓ	Nội thành
1391			Phường Mỹ Hòa	CÓ	Nội thành
1392		Thị xã Tân Châu	Xã Vĩnh Xương	CÓ	Ngoại thành
1393			Phường Long Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1394			Phường Long Hưng	CÓ	Ngoại thành
1395			Phường Long Châu	CÓ	Ngoại thành
1396			Xã Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
1397			Xã Vĩnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
1398			Xã Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1399			Xã Tân An	CÓ	Ngoại thành
1400			Xã Long An	CÓ	Ngoại thành
1401			Phường Long Phú	CÓ	Ngoại thành
1402			Xã Châu Phong	CÓ	Ngoại thành
1403			Xã Phú Vĩnh	CÓ	Ngoại thành
1404			Xã Lê Chánh	CÓ	Ngoại thành
1405			Phường Long Sơn	CÓ	Ngoại thành
1406	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	Xã Bàu Chinh	CÓ	Ngoại thành
1407			Thị trấn Ngãi Giao	CÓ	Ngoại thành
1408			Xã Bình Ba	CÓ	Ngoại thành
1409			Xã Suối Nghệ	CÓ	Ngoại thành
1410			Xã Xuân Sơn	CÓ	Ngoại thành
1411			Xã Sơn Bình	CÓ	Ngoại thành
1412			Xã Bình Giã	CÓ	Ngoại thành
1413			Xã Bình Trung	CÓ	Ngoại thành
1414			Xã Xà Bang	CÓ	Ngoại thành
1415			Xã Cù Bị	CÓ	Ngoại thành
1416			Xã Láng Lớn	CÓ	Ngoại thành
1417			Xã Quảng Thành	CÓ	Ngoại thành
1418			Xã Kim Long	CÓ	Ngoại thành
1419			Xã Suối Rao	CÓ	Ngoại thành
1420			Xã Đá Bạc	CÓ	Ngoại thành
1421			Xã Nghĩa Thành	CÓ	Ngoại thành
1422		Huyện Côn Đảo	Đảo Côn Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1423		Huyện Đất Đỏ	Thị trấn Đất Đỏ	CÓ	Ngoại thành
1424			Xã Phước Long Thọ	CÓ	Ngoại thành
1425			Xã Phước Hội	CÓ	Ngoại thành
1426			Xã Long Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1427			Thị trấn Phước Hải	CÓ	Ngoại thành

1428	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyện Đất Đỏ	Xã Long Tân	CÓ	Ngoại thành
1429			Xã Láng Dài	CÓ	Ngoại thành
1430			Xã Lộc An	CÓ	Ngoại thành
1431		Huyện Long Điền	Thị trấn Long Điền	CÓ	Ngoại thành
1432			Thị trấn Long Hải	CÓ	Ngoại thành
1433			Xã An Ngãi	CÓ	Ngoại thành
1434			Xã Tam Phước	CÓ	Ngoại thành
1435			Xã An Nhứt	CÓ	Ngoại thành
1436			Xã Phước Tỉnh	CÓ	Ngoại thành
1437			Xã Phước Hưng	CÓ	Ngoại thành
1438		Huyện Xuyên Mộc	Thị trấn Phước Bửu	CÓ	Ngoại thành
1439			Xã Phước Thuận	CÓ	Ngoại thành
1440			Xã Phước Tân	CÓ	Ngoại thành
1441			Xã Xuyên Mộc	CÓ	Ngoại thành
1442			Xã Bông Trang	CÓ	Ngoại thành
1443			Xã Tân Lâm	CÓ	Ngoại thành
1444			Xã Bàu Lâm	CÓ	Ngoại thành
1445			Xã Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
1446			Xã Hòa Hưng	CÓ	Ngoại thành
1447			Xã Hòa Hiệp	CÓ	Ngoại thành
1448			Xã Hòa Hội	CÓ	Ngoại thành
1449			Xã Bưng Riềng	CÓ	Ngoại thành
1450			Xã Bình Châu	CÓ	Ngoại thành
1451		Thành phố Bà Rịa	Xã Long Phước	CÓ	Nội thành
1452			Xã Hoà Long	CÓ	Nội thành
1453			Xã Tân Hưng	CÓ	Nội thành
1454			Phường Long Toàn	CÓ	Nội thành
1455			Phường Long Hương	CÓ	Nội thành
1456			Phường Kim Dinh	CÓ	Nội thành
1457			Phường Long Tâm	CÓ	Nội thành
1458			Phường Phước Hưng	CÓ	Nội thành
1459			Phường Phước Hiệp	CÓ	Nội thành
1460			Phường Phước Nguyên	CÓ	Nội thành
1461			Phường Phước Trung	CÓ	Nội thành
1462		Thành phố Vũng Tàu	Phường 11	CÓ	Nội thành
1463			Phường 12	CÓ	Nội thành
1464			Xã Long Sơn	CÓ	Nội thành
1465			Phường Thắng Nhì	CÓ	Nội thành
1466			Phường 1	CÓ	Nội thành
1467			Phường Thắng Tam	CÓ	Nội thành
1468			Phường 2	CÓ	Nội thành

1469	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	Phường 3	CÓ	Nội thành
1470			Phường 4	CÓ	Nội thành
1471			Phường 5	CÓ	Nội thành
1472			Phường 7	CÓ	Nội thành
1473			Phường Nguyễn An Ninh	CÓ	Nội thành
1474			Phường 8	CÓ	Nội thành
1475			Phường 9	CÓ	Nội thành
1476			Phường Thắng Nhất	CÓ	Nội thành
1477			Phường Rạch Dừa	CÓ	Nội thành
1478			Phường 10	CÓ	Nội thành
1479		Thị xã Phú Mỹ	Xã Sông Xoài	CÓ	Nội thành
1480			Xã Châu Pha	CÓ	Nội thành
1481			Xã Tân Hải	CÓ	Nội thành
1482			Phường Hắc Dịch	CÓ	Nội thành
1483			Xã Tóc Tiên	CÓ	Nội thành
1484			Phường Phú Mỹ	CÓ	Nội thành
1485			Xã Tân Hoà	CÓ	Nội thành
1486			Phường Phước Hoà	CÓ	Nội thành
1487			Phường Tân Phước	CÓ	Nội thành
1488			Phường Mỹ Xuân	CÓ	Nội thành
1489	Tỉnh Bắc Giang	Huyện Hiệp Hòa	Xã Đồng Tân	CÓ	Ngoại thành
1490			Xã Thanh Vân	CÓ	Ngoại thành
1491			Xã Hoàng Lương	CÓ	Ngoại thành
1492			Xã Hoàng Vân	CÓ	Ngoại thành
1493			Xã Hoàng Thanh	CÓ	Ngoại thành
1494			Xã Hoàng An	CÓ	Ngoại thành
1495			Xã Ngọc Sơn	CÓ	Ngoại thành
1496			Xã Thái Sơn	CÓ	Ngoại thành
1497			Xã Hòa Sơn	CÓ	Ngoại thành
1498			Thị trấn Thắng	CÓ	Ngoại thành
1499			Xã Quang Minh	CÓ	Ngoại thành
1500			Xã Lương Phong	CÓ	Ngoại thành
1501			Xã Hùng Sơn	CÓ	Ngoại thành
1502			Xã Đại Thành	CÓ	Ngoại thành
1503			Xã Thường Thắng	CÓ	Ngoại thành
1504			Xã Hợp Thịnh	CÓ	Ngoại thành
1505			Xã Danh Thắng	CÓ	Ngoại thành
1506			Xã Mai Trung	CÓ	Ngoại thành
1507			Xã Đoàn Bái	CÓ	Ngoại thành
1508			Xã Bắc Lý	CÓ	Ngoại thành
1509			Xã Xuân Cẩm	CÓ	Ngoại thành

1510	Tỉnh Bắc Giang	Huyện Hiệp Hòa	Xã Hương Lâm	CÓ	Ngoại thành
1511			Xã Đông Lỗ	CÓ	Ngoại thành
1512			Xã Châu Minh	CÓ	Ngoại thành
1513			Xã Mai Đình	CÓ	Ngoại thành
1514		Huyện Lạng Giang	Thị trấn Vôi	CÓ	Ngoại thành
1515			Xã Nghĩa Hòa	CÓ	Ngoại thành
1516			Xã Nghĩa Hưng	CÓ	Ngoại thành
1517			Xã Quang Thịnh	CÓ	Ngoại thành
1518			Xã Hương Sơn	CÓ	Ngoại thành
1519			Xã Đào Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1520			Xã Tiên Lục	CÓ	Ngoại thành
1521			Xã An Hà	CÓ	Ngoại thành
1522			Thị trấn Kép	CÓ	Ngoại thành
1523			Xã Mỹ Hà	CÓ	Ngoại thành
1524			Xã Hương Lạc	CÓ	Ngoại thành
1525			Xã Dương Đức	CÓ	Ngoại thành
1526			Xã Tân Thanh	CÓ	Ngoại thành
1527			Xã Yên Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1528			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
1529			Xã Mỹ Thái	CÓ	Ngoại thành
1530			Xã Xương Lâm	CÓ	Ngoại thành
1531			Xã Xuân Hương	CÓ	Ngoại thành
1532			Xã Tân Dĩnh	CÓ	Ngoại thành
1533			Xã Đại Lâm	CÓ	Ngoại thành
1534			Xã Thái Đào	CÓ	Ngoại thành
1535		Huyện Lục Nam	Thị trấn Đồi Ngô	KHÔNG	Ngoại thành
1536			Xã Đông Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
1537			Xã Đông Phú	KHÔNG	Ngoại thành
1538			Xã Tam Dị	KHÔNG	Ngoại thành
1539			Xã Bảo Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1540			Xã Bảo Đài	KHÔNG	Ngoại thành
1541			Xã Thanh Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
1542			Xã Tiên Nha	KHÔNG	Ngoại thành
1543			Xã Trường Giang	KHÔNG	Ngoại thành
1544			Xã Phương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1545			Xã Chu Điện	KHÔNG	Ngoại thành
1546			Xã Cương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1547			Xã Nghĩa Phương	KHÔNG	Ngoại thành
1548			Xã Vô Tranh	KHÔNG	Ngoại thành
1549			Xã Bình Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1550			Xã Lan Mẫu	KHÔNG	Ngoại thành

1551	Tỉnh Bắc Giang	Huyện Lục Nam	Xã Yên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1552			Xã Khám Lạng	KHÔNG	Ngoại thành
1553			Xã Huyền Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1554			Xã Trường Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1555			Xã Lục Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1556			Xã Bắc Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
1557			Xã Vũ Xá	KHÔNG	Ngoại thành
1558			Xã Cẩm Lý	KHÔNG	Ngoại thành
1559			Xã Đan Hội	KHÔNG	Ngoại thành
1560		Huyện Lục Ngạn	Thị trấn Chũ	CÓ	Ngoại thành
1561			Xã Quý Sơn	CÓ	Ngoại thành
1562			Xã Trù Hựu	CÓ	Ngoại thành
1563			Xã Tân Mộc	CÓ	Ngoại thành
1564			Xã Kiên Thành	CÓ	Ngoại thành
1565			Xã Hồng Giang	CÓ	Ngoại thành
1566			Xã Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
1567			Xã Nam Dương	CÓ	Ngoại thành
1568			Xã Phượng Sơn	CÓ	Ngoại thành
1569			Xã Cẩm Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1570			Xã Kiên Lao	KHÔNG	Ngoại thành
1571			Xã Biên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1572			Xã Tân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1573			Xã Phong Minh	KHÔNG	Ngoại thành
1574			Xã Phong Vân	KHÔNG	Ngoại thành
1575			Xã Xa Lý	KHÔNG	Ngoại thành
1576			Xã Hộ Đáp	KHÔNG	Ngoại thành
1577			Xã Sơn Hải	KHÔNG	Ngoại thành
1578			Xã Thanh Hải	KHÔNG	Ngoại thành
1579			Xã Kim Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1580			Xã Tân Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
1581			Xã Giáp Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1582			Xã Biển Động	KHÔNG	Ngoại thành
1583			Xã Pì Điền	KHÔNG	Ngoại thành
1584			Xã Tân Quang	KHÔNG	Ngoại thành
1585			Xã Đồng Cốc	KHÔNG	Ngoại thành
1586			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
1587			Xã Phú Nhuận	KHÔNG	Ngoại thành
1588			Xã Đèo Gia	KHÔNG	Ngoại thành
1589		Huyện Sơn Động	Thị trấn An Châu	KHÔNG	Ngoại thành
1590			Thị trấn Tây Yên Tử	KHÔNG	Ngoại thành
1591			Xã Vân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành

1592	Tỉnh Bắc Giang	Huyện Sơn Động	Xã Hữu Sản	KHÔNG	Ngoại thành
1593			Xã Đại Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1594			Xã Phúc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1595			Xã Giáo Liêm	KHÔNG	Ngoại thành
1596			Xã Cẩm Đàn	KHÔNG	Ngoại thành
1597			Xã An Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
1598			Xã Vĩnh An	KHÔNG	Ngoại thành
1599			Xã Yên Định	KHÔNG	Ngoại thành
1600			Xã Lệ Viễn	KHÔNG	Ngoại thành
1601			Xã An Bá	KHÔNG	Ngoại thành
1602			Xã Tuấn Đạo	KHÔNG	Ngoại thành
1603			Xã Dương Hưu	KHÔNG	Ngoại thành
1604			Xã Long Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1605			Xã Thanh Luận	KHÔNG	Ngoại thành
1606		Huyện Tân Yên	Xã Lan Giới	CÓ	Ngoại thành
1607			Thị trấn Nhã Nam	CÓ	Ngoại thành
1608			Xã Tân Trung	CÓ	Ngoại thành
1609			Xã Đại Hóa	CÓ	Ngoại thành
1610			Xã Quang Tiến	CÓ	Ngoại thành
1611			Xã Phúc Sơn	CÓ	Ngoại thành
1612			Xã An Dương	CÓ	Ngoại thành
1613			Xã Phúc Hòa	CÓ	Ngoại thành
1614			Xã Liên Sơn	CÓ	Ngoại thành
1615			Xã Hợp Đức	CÓ	Ngoại thành
1616			Xã Lam Cốt	CÓ	Ngoại thành
1617			Xã Cao Xá	CÓ	Ngoại thành
1618			Thị trấn Cao Thượng	CÓ	Ngoại thành
1619			Xã Việt Ngọc	CÓ	Ngoại thành
1620			Xã Song Vân	CÓ	Ngoại thành
1621			Xã Ngọc Châu	CÓ	Ngoại thành
1622			Xã Ngọc Vân	CÓ	Ngoại thành
1623			Xã Việt Lập	CÓ	Ngoại thành
1624			Xã Liên Chung	CÓ	Ngoại thành
1625			Xã Ngọc Thiện	CÓ	Ngoại thành
1626			Xã Ngọc Lý	CÓ	Ngoại thành
1627			Xã Quế Nham	CÓ	Ngoại thành
1628		Huyện Việt Yên	Xã Thượng Lan	CÓ	Nội thành
1629			Xã Việt Tiến	CÓ	Nội thành
1630			Xã Nghĩa Trung	CÓ	Nội thành
1631			Xã Minh Đức	CÓ	Nội thành
1632			Xã Hương Mai	CÓ	Nội thành

1633	Tỉnh Bắc Giang	Huyện Việt Yên	Xã Tự Lạn	CÓ	Nội thành
1634			Thị trấn Bích Động	CÓ	Nội thành
1635			Xã Trung Sơn	CÓ	Nội thành
1636			Xã Hồng Thái	CÓ	Nội thành
1637			Xã Tiên Sơn	CÓ	Nội thành
1638			Xã Tăng Tiến	CÓ	Nội thành
1639			Xã Quảng Minh	CÓ	Nội thành
1640			Thị trấn Nếnh	CÓ	Nội thành
1641			Xã Ninh Sơn	CÓ	Nội thành
1642			Xã Vân Trung	CÓ	Nội thành
1643			Xã Vân Hà	CÓ	Nội thành
1644			Xã Quang Châu	CÓ	Nội thành
1645		Huyện Yên Dũng	Thị trấn Nham Biền	CÓ	Ngoại thành
1646			Thị trấn Tân An	CÓ	Ngoại thành
1647			Xã Lão Hộ	CÓ	Ngoại thành
1648			Xã Hương Gián	CÓ	Ngoại thành
1649			Xã Quỳnh Sơn	CÓ	Ngoại thành
1650			Xã Nội Hoàng	CÓ	Ngoại thành
1651			Xã Tiên Phong	CÓ	Ngoại thành
1652			Xã Xuân Phú	CÓ	Ngoại thành
1653			Xã Tân Liễu	CÓ	Ngoại thành
1654			Xã Trí Yên	CÓ	Ngoại thành
1655			Xã Lăng Sơn	CÓ	Ngoại thành
1656			Xã Yên Lư	CÓ	Ngoại thành
1657			Xã Tiến Dũng	CÓ	Ngoại thành
1658			Xã Đức Giang	CÓ	Ngoại thành
1659			Xã Cảnh Thụy	CÓ	Ngoại thành
1660			Xã Tư Mại	CÓ	Ngoại thành
1661			Xã Đồng Việt	CÓ	Ngoại thành
1662			Xã Đồng Phúc	CÓ	Ngoại thành
1663		Huyện Yên Thế	Xã Đồng Tiến	CÓ	Ngoại thành
1664			Xã Canh Nậu	CÓ	Ngoại thành
1665			Xã Xuân Lương	CÓ	Ngoại thành
1666			Xã Tam Tiến	CÓ	Ngoại thành
1667			Xã Đồng Vương	CÓ	Ngoại thành
1668			Xã Đồng Hưu	CÓ	Ngoại thành
1669			Xã Đồng Tâm	CÓ	Ngoại thành
1670			Xã Tam Hiệp	CÓ	Ngoại thành
1671			Xã Tiến Thắng	CÓ	Ngoại thành
1672			Xã Hồng Kỳ	CÓ	Ngoại thành
1673			Xã Đồng Lạc	CÓ	Ngoại thành

1674	Tỉnh Bắc Giang	Huyện Yên Thế	Xã Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành
1675		Huyện Yên Thế	Xã Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
1676		Huyện Yên Thế	Xã Hương Vĩ	CÓ	Ngoại thành
1677		Huyện Yên Thế	Xã Đồng Kỳ	CÓ	Ngoại thành
1678		Huyện Yên Thế	Xã An Thượng	CÓ	Ngoại thành
1679		Huyện Yên Thế	Thị trấn Phồn Xương	CÓ	Ngoại thành
1680		Huyện Yên Thế	Xã Tân Sỏi	CÓ	Ngoại thành
1681		Huyện Yên Thế	Thị trấn Bồ Hạ	CÓ	Ngoại thành
1682		Thành phố Bắc Giang	Phường Trần Nguyên Hãn	CÓ	Nội thành
1683		Thành phố Bắc Giang	Phường Ngô Quyền	CÓ	Nội thành
1684		Thành phố Bắc Giang	Phường Hoàng Văn Thụ	CÓ	Nội thành
1685		Thành phố Bắc Giang	Phường Trần Phú	CÓ	Nội thành
1686		Thành phố Bắc Giang	Phường Lê Lợi	CÓ	Nội thành
1687		Thành phố Bắc Giang	Xã Song Mai	CÓ	Nội thành
1688		Thành phố Bắc Giang	Phường Đình Kế	CÓ	Nội thành
1689		Thành phố Bắc Giang	Xã Dĩnh Trì	CÓ	Nội thành
1690		Thành phố Bắc Giang	Xã Tân Mỹ	CÓ	Nội thành
1691		Thành phố Bắc Giang	Xã Đông Sơn	CÓ	Nội thành
1692		Thành phố Bắc Giang	Xã Tân Tiến	CÓ	Nội thành
1693		Thành phố Bắc Giang	Phường Thọ Xương	CÓ	Nội thành
1694		Thành phố Bắc Giang	Phường Mỹ Độ	CÓ	Nội thành
1695		Thành phố Bắc Giang	Phường Xương Giang	CÓ	Nội thành
1696		Thành phố Bắc Giang	Phường Đa Mai	CÓ	Nội thành
1697		Thành phố Bắc Giang	Xã Song Khê	CÓ	Nội thành
1698	Tỉnh Bắc Kạn	Huyện Ba Bể	Thị trấn Chợ Rã	KHÔNG	Ngoại thành
1699			Xã Bành Trạch	KHÔNG	Ngoại thành
1700			Xã Phúc Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
1701			Xã Hà Hiệu	KHÔNG	Ngoại thành
1702			Xã Cao Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
1703			Xã Khang Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
1704			Xã Nam Mẫu	KHÔNG	Ngoại thành
1705			Xã Thượng Giáo	KHÔNG	Ngoại thành
1706			Xã Địa Linh	KHÔNG	Ngoại thành
1707			Xã Yển Dương	KHÔNG	Ngoại thành
1708			Xã Chu Hương	KHÔNG	Ngoại thành
1709			Xã Quảng Khê	KHÔNG	Ngoại thành
1710			Xã Mỹ Phương	KHÔNG	Ngoại thành
1711			Xã Hoàng Trĩ	KHÔNG	Ngoại thành
1712			Xã Đồng Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
1713		Huyện Bạch Thông	Thị trấn Phủ Thông	KHÔNG	Ngoại thành
1714			Xã Vi Hương	KHÔNG	Ngoại thành

1715	Tỉnh Bắc Kạn	Huyện Bạch Thông	Xã Sĩ Bình	KHÔNG	Ngoại thành
1716			Xã Vũ Muộn	KHÔNG	Ngoại thành
1717			Xã Đôn Phong	KHÔNG	Ngoại thành
1718			Xã Lục Bình	KHÔNG	Ngoại thành
1719			Xã Tân Tú	KHÔNG	Ngoại thành
1720			Xã Nguyên Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
1721			Xã Cao Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1722			Xã Quân Hà	KHÔNG	Ngoại thành
1723			Xã Cẩm Giàng	KHÔNG	Ngoại thành
1724			Xã Mỹ Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
1725			Xã Dương Phong	KHÔNG	Ngoại thành
1726			Xã Quang Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
1727		Huyện Chợ Đồn	Thị trấn Bằng Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
1728			Xã Xuân Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
1729			Xã Nam Cường	KHÔNG	Ngoại thành
1730			Xã Đồng Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
1731			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
1732			Xã Bản Thi	KHÔNG	Ngoại thành
1733			Xã Quảng Bạch	KHÔNG	Ngoại thành
1734			Xã Bằng Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
1735			Xã Yên Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
1736			Xã Yên Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
1737			Xã Phương Viên	KHÔNG	Ngoại thành
1738			Xã Ngọc Phái	KHÔNG	Ngoại thành
1739			Xã Đồng Thẳng	KHÔNG	Ngoại thành
1740			Xã Lương Bằng	KHÔNG	Ngoại thành
1741			Xã Bằng Lãng	KHÔNG	Ngoại thành
1742			Xã Đại Sảo	KHÔNG	Ngoại thành
1743			Xã Nghĩa Tá	KHÔNG	Ngoại thành
1744			Xã Yên Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
1745			Xã Bình Trung	KHÔNG	Ngoại thành
1746			Xã Yên Phong	KHÔNG	Ngoại thành
1747		Huyện Chợ Mới	Thị trấn Đồng Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
1748			Xã Tân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1749			Xã Thanh Vận	KHÔNG	Ngoại thành
1750			Xã Mai Lạp	KHÔNG	Ngoại thành
1751			Xã Hoà Mục	KHÔNG	Ngoại thành
1752			Xã Thanh Mai	KHÔNG	Ngoại thành
1753			Xã Cao Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
1754			Xã Nông Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
1755			Xã Yên Cư	KHÔNG	Ngoại thành

1756	Tỉnh Bắc Kạn	Huyện Chợ Mới	Xã Thanh Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
1757			Xã Yên Hân	KHÔNG	Ngoại thành
1758			Xã Như Cối	KHÔNG	Ngoại thành
1759			Xã Bình Văn	KHÔNG	Ngoại thành
1760			Xã Quảng Chu	KHÔNG	Ngoại thành
1761		Huyện Na Rì	Xã Văn Vũ	KHÔNG	Ngoại thành
1762			Xã Văn Lang	KHÔNG	Ngoại thành
1763			Xã Lương Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
1764			Xã Kim Hỷ	KHÔNG	Ngoại thành
1765			Xã Cường Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
1766			Thị trấn Yên Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
1767			Xã Kim Lư	KHÔNG	Ngoại thành
1768			Xã Sơn Thành	KHÔNG	Ngoại thành
1769			Xã Văn Minh	KHÔNG	Ngoại thành
1770			Xã Côn Minh	KHÔNG	Ngoại thành
1771			Xã Cư Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
1772			Xã Trần Phú	KHÔNG	Ngoại thành
1773			Xã Quang Phong	KHÔNG	Ngoại thành
1774			Xã Dương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
1775			Xã Xuân Dương	KHÔNG	Ngoại thành
1776			Xã Đồng Xá	KHÔNG	Ngoại thành
1777			Xã Liêm Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
1778		Huyện Ngân Sơn	Thị trấn Nà Phặc	KHÔNG	Ngoại thành
1779			Xã Thượng Ân	KHÔNG	Ngoại thành
1780			Xã Bằng Vân	KHÔNG	Ngoại thành
1781			Xã Cốc Đán	KHÔNG	Ngoại thành
1782			Xã Trung Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
1783			Xã Đức Vân	KHÔNG	Ngoại thành
1784			Xã Vân Tùng	KHÔNG	Ngoại thành
1785			Xã Thượng Quan	KHÔNG	Ngoại thành
1786			Xã Hiệp Lực	KHÔNG	Ngoại thành
1787			Xã Thuần Mang	KHÔNG	Ngoại thành
1788		Huyện Pác Nặm	Xã Bằng Thành	KHÔNG	Ngoại thành
1789			Xã Nhạn Môn	KHÔNG	Ngoại thành
1790			Xã Bộc Bố	KHÔNG	Ngoại thành
1791			Xã Công Bằng	KHÔNG	Ngoại thành
1792			Xã Giáo Hiệu	KHÔNG	Ngoại thành
1793			Xã Xuân La	KHÔNG	Ngoại thành
1794			Xã An Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
1795			Xã Cổ Linh	KHÔNG	Ngoại thành
1796			Xã Nghiên Loan	KHÔNG	Ngoại thành

1797	Tỉnh Bắc Kạn	Huyện Pác Nặm	Xã Cao Tân	KHÔNG	Ngoại thành	
1798		Thành Phố Bắc Kạn	Phường Đức Xuân	CÓ	Nội thành	
1799			Phường Phùng Chí Kiên	CÓ	Nội thành	
1800			Xã Dương Quang	CÓ	Nội thành	
1801			Xã Nông Thượng	CÓ	Nội thành	
1802			Phường Nguyễn Thị Minh Khai	CÓ	Nội thành	
1803			Phường Sông Cầu	CÓ	Nội thành	
1804			Phường Huyền Tung	CÓ	Nội thành	
1805			Phường Xuất Hóa	CÓ	Nội thành	
1806			Tỉnh Bạc Liêu	Huyện Đông Hải	Xã An Trạch	CÓ
1807	Xã An Trạch A	CÓ			Ngoại thành	
1808	Xã An Phúc	CÓ			Ngoại thành	
1809	Xã Định Thành	CÓ			Ngoại thành	
1810	Thị trấn Gành Hào	CÓ			Ngoại thành	
1811	Xã Long Điền Đông	CÓ			Ngoại thành	
1812	Xã Long Điền Đông A	CÓ			Ngoại thành	
1813	Xã Long Điền	CÓ			Ngoại thành	
1814	Xã Long Điền Tây	CÓ			Ngoại thành	
1815	Xã Điền Hải	CÓ			Ngoại thành	
1816	Xã Định Thành A	CÓ			Ngoại thành	
1817	Huyện Hoà Bình	Thị trấn Hòa Bình			CÓ	Ngoại thành
1818		Xã Minh Diệu			CÓ	Ngoại thành
1819		Xã Vĩnh Bình			CÓ	Ngoại thành
1820		Xã Vĩnh Mỹ B		CÓ	Ngoại thành	
1821		Xã Vĩnh Hậu		CÓ	Ngoại thành	
1822		Xã Vĩnh Hậu A		CÓ	Ngoại thành	
1823		Xã Vĩnh Mỹ A		CÓ	Ngoại thành	
1824		Xã Vĩnh Thịnh		CÓ	Ngoại thành	
1825	Huyện Hồng Dân	Xã Ninh Thạnh Lợi A		CÓ	Ngoại thành	
1826		Xã Ninh Thạnh Lợi		CÓ	Ngoại thành	
1827		Xã Ninh Quới A		CÓ	Ngoại thành	
1828		Thị trấn Ngan Dừa		CÓ	Ngoại thành	
1829		Xã Ninh Quới		CÓ	Ngoại thành	
1830		Xã Ninh Hòa		CÓ	Ngoại thành	
1831		Xã Lộc Ninh		CÓ	Ngoại thành	
1832		Xã Vĩnh Lộc		CÓ	Ngoại thành	
1833		Xã Vĩnh Lộc A		CÓ	Ngoại thành	
1834		Huyện Phước Long		Thị trấn Phước Long	CÓ	Ngoại thành
1835	Xã Vĩnh Thanh			CÓ	Ngoại thành	
1836	Xã Vĩnh Phú Đông			CÓ	Ngoại thành	

1837	Tỉnh Bạc Liêu	Huyện Phước Long	Xã Vĩnh Phú Tây	CÓ	Ngoại thành
1838			Xã Phước Long	CÓ	Ngoại thành
1839			Xã Hưng Phú	CÓ	Ngoại thành
1840			Xã Phong Thạnh Tây A	CÓ	Ngoại thành
1841			Xã Phong Thạnh Tây B	CÓ	Ngoại thành
1842		Huyện Vĩnh Lợi	Xã Vĩnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
1843			Xã Vĩnh Hưng A	CÓ	Ngoại thành
1844			Thị trấn Châu Hưng	CÓ	Ngoại thành
1845			Xã Châu Hưng A	CÓ	Ngoại thành
1846			Xã Hưng Thành	CÓ	Ngoại thành
1847			Xã Hưng Hội	CÓ	Ngoại thành
1848			Xã Châu Thới	CÓ	Ngoại thành
1849			Xã Long Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1850		Thành phố Bạc Liêu	Phường 2	CÓ	Nội thành
1851			Phường 3	CÓ	Nội thành
1852			Phường 5	CÓ	Nội thành
1853			Phường 7	CÓ	Nội thành
1854			Phường 1	CÓ	Nội thành
1855			Phường 8	CÓ	Nội thành
1856			Xã Vĩnh Trạch	CÓ	Nội thành
1857			Xã Vĩnh Trạch Đông	CÓ	Nội thành
1858			Xã Hiệp Thành	CÓ	Nội thành
1859			Phường Nhà Mát	CÓ	Nội thành
1860		Thị xã Giá Rai	Phường 1	CÓ	Ngoại thành
1861			Xã Phong Thạnh Đông	CÓ	Ngoại thành
1862			Phường Láng Tròn	CÓ	Ngoại thành
1863			Xã Phong Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1864			Xã Phong Thạnh A	CÓ	Ngoại thành
1865			Xã Phong Thạnh Tây	CÓ	Ngoại thành
1866			Xã Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
1867			Phường Hộ Phòng	CÓ	Ngoại thành
1868			Xã Phong Tân	CÓ	Ngoại thành
1869			Xã Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
1870	Tỉnh Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	Thị trấn Gia Bình	CÓ	Ngoại thành
1871			Xã Vạn Ninh	CÓ	Ngoại thành
1872			Xã Thái Bảo	CÓ	Ngoại thành
1873			Xã Giang Sơn	CÓ	Ngoại thành
1874			Xã Cao Đức	CÓ	Ngoại thành
1875			Xã Đại Lai	CÓ	Ngoại thành
1876			Xã Song Giang	CÓ	Ngoại thành
1877			Xã Bình Dương	CÓ	Ngoại thành

1878	Tỉnh Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	Xã Lãng Ngâm	CÓ	Ngoại thành
1879			Xã Nhân Thắng	CÓ	Ngoại thành
1880			Xã Xuân Lai	CÓ	Ngoại thành
1881			Xã Đông Cứu	CÓ	Ngoại thành
1882			Xã Đại Bái	CÓ	Ngoại thành
1883			Xã Quỳnh Phú	CÓ	Ngoại thành
1884		Huyện Lương Tài	Thị trấn Thứa	CÓ	Ngoại thành
1885			Xã An Thịnh	CÓ	Ngoại thành
1886			Xã Trung Kênh	CÓ	Ngoại thành
1887			Xã Phú Hòa	CÓ	Ngoại thành
1888			Xã Mỹ Hương	CÓ	Ngoại thành
1889			Xã Tân Lãng	CÓ	Ngoại thành
1890			Xã Quảng Phú	CÓ	Ngoại thành
1891			Xã Trùng Xá	CÓ	Ngoại thành
1892			Xã Lai Hạ	CÓ	Ngoại thành
1893			Xã Trung Chính	CÓ	Ngoại thành
1894			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
1895			Xã Bình Định	CÓ	Ngoại thành
1896			Xã Phú Lương	CÓ	Ngoại thành
1897			Xã Lâm Thao	CÓ	Ngoại thành
1898		Huyện Quế Võ	Xã Phù Lãng	CÓ	Ngoại thành
1899			Xã Việt Hùng	CÓ	Ngoại thành
1900			Xã Ngọc Xá	CÓ	Ngoại thành
1901			Xã Châu Phong	CÓ	Ngoại thành
1902			Xã Cách Bi	CÓ	Ngoại thành
1903			Xã Đào Viên	CÓ	Ngoại thành
1904			Xã Đức Long	CÓ	Ngoại thành
1905			Xã Bồng Lai	CÓ	Ngoại thành
1906			Xã Việt Thống	CÓ	Ngoại thành
1907			Xã Đại Xuân	CÓ	Ngoại thành
1908			Xã Nhân Hòa	CÓ	Ngoại thành
1909			Xã Bằng An	CÓ	Ngoại thành
1910			Xã Quế Tân	CÓ	Ngoại thành
1911			Xã Yên Giả	CÓ	Ngoại thành
1912			Xã Mộ Đạo	CÓ	Ngoại thành
1913			Thị trấn Phố Mới	CÓ	Ngoại thành
1914			Xã Phù Lương	CÓ	Ngoại thành
1915			Xã Chi Lãng	CÓ	Ngoại thành
1916			Xã Hán Quảng	CÓ	Ngoại thành
1917			Xã Phương Liễu	CÓ	Ngoại thành
1918			Xã Phương Mao	CÓ	Ngoại thành

1919	Tỉnh Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	Thị trấn Hồ	CÓ	Ngoại thành
1920			Xã Hoài Thượng	CÓ	Ngoại thành
1921			Xã Đại Đồng Thành	CÓ	Ngoại thành
1922			Xã Mão Điền	CÓ	Ngoại thành
1923			Xã Song Hồ	CÓ	Ngoại thành
1924			Xã Đình Tổ	CÓ	Ngoại thành
1925			Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
1926			Xã Trí Quả	CÓ	Ngoại thành
1927			Xã Gia Đông	CÓ	Ngoại thành
1928			Xã Thanh Khương	CÓ	Ngoại thành
1929			Xã Trạm Lộ	CÓ	Ngoại thành
1930			Xã Xuân Lâm	CÓ	Ngoại thành
1931			Xã Hà Mẫn	CÓ	Ngoại thành
1932			Xã Ngũ Thái	CÓ	Ngoại thành
1933			Xã Nguyệt Đức	CÓ	Ngoại thành
1934			Xã Ninh Xá	CÓ	Ngoại thành
1935			Xã Nghĩa Đạo	CÓ	Ngoại thành
1936			Xã Song Liễu	CÓ	Ngoại thành
1937		Huyện Tiên Du	Thị trấn Lim	CÓ	Nội thành
1938			Xã Hiên Vân	CÓ	Nội thành
1939			Xã Lạc Vệ	CÓ	Nội thành
1940			Xã Việt Đoàn	CÓ	Nội thành
1941			Xã Tân Chi	CÓ	Nội thành
1942			Xã Cảnh Hưng	CÓ	Nội thành
1943			Xã Phú Lâm	CÓ	Nội thành
1944			Xã Nội Duệ	CÓ	Nội thành
1945			Xã Liên Bảo	CÓ	Nội thành
1946			Xã Hoàn Sơn	CÓ	Nội thành
1947			Xã Phật Tích	CÓ	Nội thành
1948			Xã Đại Đồng	CÓ	Nội thành
1949			Xã Tri Phương	CÓ	Nội thành
1950			Xã Minh Đạo	CÓ	Nội thành
1951		Huyện Yên Phong	Thị trấn Chờ	CÓ	Ngoại thành
1952			Xã Dũng Liệt	CÓ	Ngoại thành
1953			Xã Tam Giang	CÓ	Ngoại thành
1954			Xã Thụy Hòa	CÓ	Ngoại thành
1955			Xã Hòa Tiến	CÓ	Ngoại thành
1956			Xã Tam Đa	CÓ	Ngoại thành
1957			Xã Yên Trung	CÓ	Ngoại thành
1958			Xã Đông Tiến	CÓ	Ngoại thành
1959			Xã Yên Phụ	CÓ	Ngoại thành

1960	Tỉnh Bắc Ninh	Huyện Yên Phong	Xã Trung Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
1961			Xã Đông Phong	CÓ	Ngoại thành
1962			Xã Long Châu	CÓ	Ngoại thành
1963			Xã Văn Môn	CÓ	Ngoại thành
1964			Xã Đông Thọ	CÓ	Ngoại thành
1965		Thành phố Bắc Ninh	Phường Đáp Cầu	CÓ	Nội thành
1966			Phường Tiên An	CÓ	Nội thành
1967			Phường Ninh Xá	CÓ	Nội thành
1968			Phường Suối Hoa	CÓ	Nội thành
1969			Phường Vũ Ninh	CÓ	Nội thành
1970			Phường Thị Cầu	CÓ	Nội thành
1971			Phường Kinh Bắc	CÓ	Nội thành
1972			Phường Vệ An	CÓ	Nội thành
1973			Phường Đại Phúc	CÓ	Nội thành
1974			Phường Võ Cường	CÓ	Nội thành
1975			Phường Hòa Long	CÓ	Nội thành
1976			Phường Vạn An	CÓ	Nội thành
1977			Phường Khúc Xuyên	CÓ	Nội thành
1978			Phường Phong Khê	CÓ	Nội thành
1979			Phường Kim Chân	CÓ	Nội thành
1980			Phường Khắc Niệm	CÓ	Nội thành
1981			Phường Hạp Lĩnh	CÓ	Nội thành
1982			Phường Vân Dương	CÓ	Nội thành
1983			Phường Nam Sơn	CÓ	Nội thành
1984		Thành phố Từ Sơn	Phường Tam Sơn	CÓ	Nội thành
1985			Phường Hương Mạc	CÓ	Nội thành
1986			Phường Tương Giang	CÓ	Nội thành
1987			Phường Phù Khê	CÓ	Nội thành
1988			Phường Đồng Kỵ	CÓ	Nội thành
1989			Phường Trang Hạ	CÓ	Nội thành
1990			Phường Châu Khê	CÓ	Nội thành
1991			Phường Đông Ngàn	CÓ	Nội thành
1992			Phường Đồng Nguyên	CÓ	Nội thành
1993			Phường Tân Hồng	CÓ	Nội thành
1994			Phường Đình Bảng	CÓ	Nội thành
1995			Phường Phù Chẩn	CÓ	Nội thành
1996	Tỉnh Bến Tre	Huyện Ba Tri	Thị trấn Ba Tri	CÓ	Ngoại thành
1997			Xã Tân Mỹ	CÓ	Ngoại thành
1998			Xã Mỹ Hòa	CÓ	Ngoại thành
1999			Xã Tân Xuân	CÓ	Ngoại thành
2000			Xã Mỹ Chánh	CÓ	Ngoại thành

2001	Tỉnh Bến Tre	Huyện Ba Tri	Xã Bảo Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2002			Xã An Phú Trung	CÓ	Ngoại thành
2003			Xã Mỹ Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2004			Xã Mỹ Nhơn	CÓ	Ngoại thành
2005			Xã Phước Ngãi	CÓ	Ngoại thành
2006			Xã An Ngãi Trung	CÓ	Ngoại thành
2007			Xã Phú Lễ	CÓ	Ngoại thành
2008			Xã An Bình Tây	CÓ	Ngoại thành
2009			Xã Bảo Thuận	CÓ	Ngoại thành
2010			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
2011			Xã An Ngãi Tây	CÓ	Ngoại thành
2012			Xã An Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2013			Xã Vĩnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
2014			Xã Tân Thủy	CÓ	Ngoại thành
2015			Xã Vĩnh An	CÓ	Ngoại thành
2016			Xã An Đức	CÓ	Ngoại thành
2017			Xã An Hòa Tây	CÓ	Ngoại thành
2018			Xã An Thủy	CÓ	Ngoại thành
2019		Huyện Bình Đại	Xã Thừa Đức	CÓ	Ngoại thành
2020			Xã Thạnh Phước	CÓ	Ngoại thành
2021			Xã Thới Thuận	CÓ	Ngoại thành
2022			Thị trấn Bình Đại	CÓ	Ngoại thành
2023			Xã Tam Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2024			Xã Long Định	CÓ	Ngoại thành
2025			Xã Long Hòa	CÓ	Ngoại thành
2026			Xã Phú Thuận	CÓ	Ngoại thành
2027			Xã Vang Quới Tây	CÓ	Ngoại thành
2028			Xã Vang Quới Đông	CÓ	Ngoại thành
2029			Xã Châu Hưng	CÓ	Ngoại thành
2030			Xã Phú Vang	CÓ	Ngoại thành
2031			Xã Lộc Thuận	CÓ	Ngoại thành
2032			Xã Định Trung	CÓ	Ngoại thành
2033			Xã Thới Lai	CÓ	Ngoại thành
2034			Xã Bình Thới	CÓ	Ngoại thành
2035			Xã Phú Long	CÓ	Ngoại thành
2036			Xã Bình Thắng	CÓ	Ngoại thành
2037			Xã Thạnh Trị	CÓ	Ngoại thành
2038			Xã Đại Hòa Lộc	CÓ	Ngoại thành
2039		Huyện Châu Thành	Xã Phú Túc	CÓ	Ngoại thành
2040			Xã Phú Đức	CÓ	Ngoại thành
2041			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành

2042	Tỉnh Bến Tre	Huyện Châu Thành	Thị trấn Châu Thành	CÓ	Ngoại thành
2043			Xã Tân Thạch	CÓ	Ngoại thành
2044			Xã Qưới Sơn	CÓ	Ngoại thành
2045			Xã An Khánh	CÓ	Ngoại thành
2046			Xã Giao Long	CÓ	Ngoại thành
2047			Xã Phú An Hòa	CÓ	Ngoại thành
2048			Xã An Phước	CÓ	Ngoại thành
2049			Xã Tam Phước	CÓ	Ngoại thành
2050			Xã Thành Triệu	CÓ	Ngoại thành
2051			Xã Tường Đa	CÓ	Ngoại thành
2052			Xã Qưới Thành	CÓ	Ngoại thành
2053			Xã Phước Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2054			Xã An Hóa	CÓ	Ngoại thành
2055			Xã Tiên Long	CÓ	Ngoại thành
2056			Xã An Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2057			Xã Hữu Định	CÓ	Ngoại thành
2058			Xã Tiên Thủy	CÓ	Ngoại thành
2059			Xã Sơn Hòa	CÓ	Ngoại thành
2060		Huyện Chợ Lách	Thị trấn Chợ Lách	CÓ	Ngoại thành
2061			Xã Phú Phụng	CÓ	Ngoại thành
2062			Xã Sơn Định	CÓ	Ngoại thành
2063			Xã Vĩnh Bình	CÓ	Ngoại thành
2064			Xã Hòa Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
2065			Xã Long Thới	CÓ	Ngoại thành
2066			Xã Phú Sơn	CÓ	Ngoại thành
2067			Xã Tân Thiềng	CÓ	Ngoại thành
2068			Xã Vĩnh Thành	CÓ	Ngoại thành
2069			Xã Vĩnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
2070			Xã Hưng Khánh Trung B	CÓ	Ngoại thành
2071		Huyện Giồng Trôm	Thị trấn Giồng Trôm	CÓ	Ngoại thành
2072			Xã Phong Năm	CÓ	Ngoại thành
2073			Xã Mỹ Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2074			Xã Châu Hòa	CÓ	Ngoại thành
2075			Xã Lương Hòa	CÓ	Ngoại thành
2076			Xã Lương Qưới	CÓ	Ngoại thành
2077			Xã Lương Phú	CÓ	Ngoại thành
2078			Xã Châu Bình	CÓ	Ngoại thành
2079			Xã Thuận Điền	CÓ	Ngoại thành
2080			Xã Sơn Phú	CÓ	Ngoại thành
2081			Xã Bình Hoà	CÓ	Ngoại thành
2082			Xã Phước Long	CÓ	Ngoại thành

2083	Tỉnh Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	Xã Hưng Phong	CÓ	Ngoại thành
2084			Xã Long Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2085			Xã Tân Hào	CÓ	Ngoại thành
2086			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
2087			Xã Tân Thanh	CÓ	Ngoại thành
2088			Xã Tân Lợi Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2089			Xã Thạnh Phú Đông	CÓ	Ngoại thành
2090			Xã Hưng Nhượng	CÓ	Ngoại thành
2091			Xã Hưng Lễ	CÓ	Ngoại thành
2092		Huyện Mỏ Cày Bắc	Xã Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2093			Xã Hưng Khánh Trung A	CÓ	Ngoại thành
2094			Xã Thanh Tân	CÓ	Ngoại thành
2095			Xã Thạnh Ngãi	CÓ	Ngoại thành
2096			Xã Tân Phú Tây	CÓ	Ngoại thành
2097			Xã Phước Mỹ Trung	CÓ	Ngoại thành
2098			Xã Tân Thành Bình	CÓ	Ngoại thành
2099			Xã Thành An	CÓ	Ngoại thành
2100			Xã Hòa Lộc	CÓ	Ngoại thành
2101			Xã Tân Thanh Tây	CÓ	Ngoại thành
2102			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
2103			Xã Nhuận Phú Tân	CÓ	Ngoại thành
2104			Xã Khánh Thạnh Tân	CÓ	Ngoại thành
2105		Huyện Mỏ Cày Nam	Thị trấn Mỏ Cày	CÓ	Ngoại thành
2106			Xã Định Thủy	CÓ	Ngoại thành
2107			Xã Đa Phước Hội	CÓ	Ngoại thành
2108			Xã Tân Hội	CÓ	Ngoại thành
2109			Xã Phước Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2110			Xã Bình Khánh	CÓ	Ngoại thành
2111			Xã An Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2112			Xã An Định	CÓ	Ngoại thành
2113			Xã Thành Thới B	CÓ	Ngoại thành
2114			Xã Tân Trung	CÓ	Ngoại thành
2115			Xã An Thới	CÓ	Ngoại thành
2116			Xã Thành Thới A	CÓ	Ngoại thành
2117			Xã Minh Đức	CÓ	Ngoại thành
2118			Xã Ngãi Đăng	CÓ	Ngoại thành
2119			Xã Cẩm Sơn	CÓ	Ngoại thành
2120			Xã Hương Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2121		Huyện Thạnh Phú	Thị trấn Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
2122			Xã Phú Khánh	CÓ	Ngoại thành
2123			Xã Đại Điền	CÓ	Ngoại thành

2124	Tỉnh Bến Tre	Huyện Thạnh Phú	Xã Quới Điền	CÓ	Ngoại thành
2125			Xã Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
2126			Xã Mỹ Hưng	CÓ	Ngoại thành
2127			Xã An Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2128			Xã Thới Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2129			Xã Hòa Lợi	CÓ	Ngoại thành
2130			Xã An Điền	CÓ	Ngoại thành
2131			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2132			Xã An Thuận	CÓ	Ngoại thành
2133			Xã An Quy	CÓ	Ngoại thành
2134			Xã Thạnh Hải	CÓ	Ngoại thành
2135			Xã An Nhơn	CÓ	Ngoại thành
2136			Xã Giao Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2137			Xã Thạnh Phong	CÓ	Ngoại thành
2138			Xã Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
2139		Thành phố Bến Tre	Phường Phú Khương	CÓ	Nội thành
2140			Phường Phú Tân	CÓ	Nội thành
2141			Phường 6	CÓ	Nội thành
2142			Phường 4	CÓ	Nội thành
2143			Phường 5	CÓ	Nội thành
2144			Phường An Hội	CÓ	Nội thành
2145			Xã Phú Hưng	CÓ	Nội thành
2146			Xã Nhơn Thạnh	CÓ	Nội thành
2147			Xã Phú Nhuận	CÓ	Nội thành
2148			Phường 8	CÓ	Nội thành
2149			Phường 7	CÓ	Nội thành
2150			Xã Sơn Đông	CÓ	Nội thành
2151			Xã Bình Phú	CÓ	Nội thành
2152			Xã Mỹ Thạnh An	CÓ	Nội thành
2153	Tỉnh Bình Định	Huyện An Lão	Thị trấn An Lão	KHÔNG	Ngoại thành
2154			Xã An Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
2155			Xã An Trung	KHÔNG	Ngoại thành
2156			Xã An Dũng	KHÔNG	Ngoại thành
2157			Xã An Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
2158			Xã An Toàn	KHÔNG	Ngoại thành
2159			Xã An Tân	KHÔNG	Ngoại thành
2160			Xã An Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
2161			Xã An Quang	KHÔNG	Ngoại thành
2162			Xã An Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
2163		Huyện Hoài Ân	Xã Ân Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
2164			Xã Ân Hảo Tây	KHÔNG	Ngoại thành

2165	Tỉnh Bình Định	Huyện Hoài Ân	Xã Ân Hảo Đông	KHÔNG	Ngoại thành
2166			Xã Ân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
2167			Xã Ân Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
2168			Xã Dak Mang	KHÔNG	Ngoại thành
2169			Xã Ân Tín	KHÔNG	Ngoại thành
2170			Xã Ân Thạnh	KHÔNG	Ngoại thành
2171			Xã Ân Phong	KHÔNG	Ngoại thành
2172			Xã Ân Đức	KHÔNG	Ngoại thành
2173			Xã Ân Hữu	KHÔNG	Ngoại thành
2174			Xã Bok Tới	KHÔNG	Ngoại thành
2175			Xã Ân Tường Tây	KHÔNG	Ngoại thành
2176			Xã Ân Tường Đông	KHÔNG	Ngoại thành
2177			Thị trấn Tăng Bạt Hổ	KHÔNG	Ngoại thành
2178		Huyện Phù Cát	Xã Cát Sơn	CÓ	Ngoại thành
2179			Xã Cát Minh	CÓ	Ngoại thành
2180			Xã Cát Khánh	CÓ	Ngoại thành
2181			Xã Cát Tài	CÓ	Ngoại thành
2182			Xã Cát Lâm	CÓ	Ngoại thành
2183			Xã Cát Hanh	CÓ	Ngoại thành
2184			Xã Cát Thành	CÓ	Ngoại thành
2185			Xã Cát Hải	CÓ	Ngoại thành
2186			Xã Cát Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2187			Xã Cát Nhơn	CÓ	Ngoại thành
2188			Xã Cát Hưng	CÓ	Ngoại thành
2189			Xã Cát Tường	CÓ	Ngoại thành
2190			Xã Cát Tân	CÓ	Ngoại thành
2191			Xã Cát Tiến	CÓ	Ngoại thành
2192			Xã Cát Thắng	CÓ	Ngoại thành
2193			Xã Cát Chánh	CÓ	Ngoại thành
2194			Thị trấn Ngô Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2195			Xã Cát Trinh	CÓ	Ngoại thành
2196		Huyện Phù Mỹ	Thị trấn Phù Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2197			Thị trấn Bình Dương	CÓ	Ngoại thành
2198			Xã Mỹ Đức	CÓ	Ngoại thành
2199			Xã Mỹ Châu	CÓ	Ngoại thành
2200			Xã Mỹ Thắng	CÓ	Ngoại thành
2201			Xã Mỹ Lộc	CÓ	Ngoại thành
2202			Xã Mỹ Lợi	CÓ	Ngoại thành
2203			Xã Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
2204			Xã Mỹ Phong	CÓ	Ngoại thành
2205			Xã Mỹ Trinh	CÓ	Ngoại thành

2206	Tỉnh Bình Định	Huyện Phù Mỹ	Xã Mỹ Thọ	CÓ	Ngoại thành
2207			Xã Mỹ Hòa	CÓ	Ngoại thành
2208			Xã Mỹ Thành	CÓ	Ngoại thành
2209			Xã Mỹ Chánh	CÓ	Ngoại thành
2210			Xã Mỹ Quang	CÓ	Ngoại thành
2211			Xã Mỹ Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2212			Xã Mỹ Tài	CÓ	Ngoại thành
2213			Xã Mỹ Cát	CÓ	Ngoại thành
2214			Xã Mỹ Chánh Tây	CÓ	Ngoại thành
2215		Huyện Tây Sơn	Thị trấn Phú Phong	CÓ	Ngoại thành
2216			Xã Bình Tân	CÓ	Ngoại thành
2217			Xã Tây Thuận	CÓ	Ngoại thành
2218			Xã Bình Thuận	CÓ	Ngoại thành
2219			Xã Tây Giang	CÓ	Ngoại thành
2220			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
2221			Xã Tây An	CÓ	Ngoại thành
2222			Xã Bình Hòa	CÓ	Ngoại thành
2223			Xã Tây Bình	CÓ	Ngoại thành
2224			Xã Bình Tường	CÓ	Ngoại thành
2225			Xã Tây Vinh	CÓ	Ngoại thành
2226			Xã Vĩnh An	CÓ	Ngoại thành
2227			Xã Tây Xuân	CÓ	Ngoại thành
2228			Xã Bình Nghi	CÓ	Ngoại thành
2229			Xã Tây Phú	CÓ	Ngoại thành
2230		Huyện Tuy Phước	Thị trấn Tuy Phước	CÓ	Ngoại thành
2231			Thị trấn Diêu Trì	CÓ	Ngoại thành
2232			Xã Phước Thắng	CÓ	Ngoại thành
2233			Xã Phước Hưng	CÓ	Ngoại thành
2234			Xã Phước Quang	CÓ	Ngoại thành
2235			Xã Phước Hòa	CÓ	Ngoại thành
2236			Xã Phước Sơn	CÓ	Ngoại thành
2237			Xã Phước Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2238			Xã Phước Lộc	CÓ	Ngoại thành
2239			Xã Phước Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
2240			Xã Phước Thuận	CÓ	Ngoại thành
2241			Xã Phước An	CÓ	Ngoại thành
2242			Xã Phước Thành	CÓ	Ngoại thành
2243		Huyện Vân Canh	Thị trấn Vân Canh	KHÔNG	Ngoại thành
2244			Xã Canh Liên	KHÔNG	Ngoại thành
2245			Xã Canh Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
2246			Xã Canh Vinh	KHÔNG	Ngoại thành

2247	Tỉnh Bình Định	Huyện Vân Canh	Xã Canh Hiển	KHÔNG	Ngoại thành
2248			Xã Canh Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
2249			Xã Canh Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
2250		Huyện Vĩnh Thạnh	Thị trấn Vĩnh Thạnh	KHÔNG	Ngoại thành
2251			Xã Vĩnh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
2252			Xã Vĩnh Kim	KHÔNG	Ngoại thành
2253			Xã Vĩnh Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
2254			Xã Vĩnh Hảo	KHÔNG	Ngoại thành
2255			Xã Vĩnh Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
2256			Xã Vĩnh Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
2257			Xã Vĩnh Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
2258			Xã Vĩnh Quang	KHÔNG	Ngoại thành
2259		Thành phố Quy Nhơn	Xã Nhơn Lý	KHÔNG	Nội thành
2260			Xã Nhơn Hội	KHÔNG	Nội thành
2261			Xã Nhơn Hải	KHÔNG	Nội thành
2262			Xã Nhơn Châu	KHÔNG	Nội thành
2263			Xã Phước Mỹ	KHÔNG	Nội thành
2264			Phường Đống Đa	CÓ	Nội thành
2265			Phường Hải Cảng	CÓ	Nội thành
2266			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
2267			Phường Thị Nại	CÓ	Nội thành
2268			Phường Lê Hồng Phong	CÓ	Nội thành
2269			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
2270			Phường Ngô Mây	CÓ	Nội thành
2271			Phường Lý Thường Kiệt	CÓ	Nội thành
2272			Phường Lê Lợi	CÓ	Nội thành
2273			Phường Trần Phú	CÓ	Nội thành
2274			Phường Nguyễn Văn Cừ	CÓ	Nội thành
2275			Phường Ghềnh Ráng	CÓ	Nội thành
2276			Phường Bùi Thị Xuân	CÓ	Nội thành
2277			Phường Nhơn Bình	CÓ	Nội thành
2278			Phường Nhơn Phú	CÓ	Nội thành
2279			Phường Trần Quang Diệu	CÓ	Nội thành
2280		Thị xã An Nhơn	Phường Bình Định	CÓ	Ngoại thành
2281			Phường Đập Đá	CÓ	Ngoại thành
2282			Xã Nhơn Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2283			Phường Nhơn Thành	CÓ	Ngoại thành
2284			Xã Nhơn Hạnh	CÓ	Ngoại thành
2285			Xã Nhơn Hậu	CÓ	Ngoại thành
2286			Xã Nhơn Phong	CÓ	Ngoại thành
2287			Xã Nhơn An	CÓ	Ngoại thành

2288	Tỉnh Bình Định	Thị xã An Nhơn	Xã Nhơn Phúc	CÓ	Ngoại thành
2289			Phường Nhơn Hưng	CÓ	Ngoại thành
2290			Xã Nhơn Khánh	CÓ	Ngoại thành
2291			Xã Nhơn Lộc	CÓ	Ngoại thành
2292			Phường Nhơn Hoà	CÓ	Ngoại thành
2293			Xã Nhơn Tân	CÓ	Ngoại thành
2294			Xã Nhơn Thọ	CÓ	Ngoại thành
2295		Thị xã Hoài Nhơn	Phường Tam Quan	CÓ	Ngoại thành
2296			Phường Bồng Sơn	CÓ	Ngoại thành
2297			Xã Hoài Sơn	CÓ	Ngoại thành
2298			Xã Hoài Châu Bắc	CÓ	Ngoại thành
2299			Xã Hoài Châu	CÓ	Ngoại thành
2300			Xã Hoài Phú	CÓ	Ngoại thành
2301			Phường Tam Quan Bắc	CÓ	Ngoại thành
2302			Phường Tam Quan Nam	CÓ	Ngoại thành
2303			Phường Hoài Hào	CÓ	Ngoại thành
2304			Phường Hoài Thanh Tây	CÓ	Ngoại thành
2305			Phường Hoài Thanh	CÓ	Ngoại thành
2306			Phường Hoài Hương	CÓ	Ngoại thành
2307			Phường Hoài Tân	CÓ	Ngoại thành
2308			Xã Hoài Hải	CÓ	Ngoại thành
2309			Phường Hoài Xuân	CÓ	Ngoại thành
2310			Xã Hoài Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2311			Phường Hoài Đức	CÓ	Ngoại thành
2312	Tỉnh Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	Thị trấn Tân Bình	CÓ	Nội thành
2313			Xã Tân Định	CÓ	Nội thành
2314			Xã Tân Lập	CÓ	Nội thành
2315			Xã Đất Cuốc	CÓ	Nội thành
2316			Xã Hiếu Liêm	CÓ	Nội thành
2317			Xã Lạc An	CÓ	Nội thành
2318			Xã Tân Mỹ	CÓ	Nội thành
2319			Xã Thường Tân	CÓ	Nội thành
2320			Xã Bình Mỹ	CÓ	Nội thành
2321			Thị trấn Tân Thành	CÓ	Nội thành
2322		Huyện Bàu Bàng	Xã Hưng Hòa	CÓ	Nội thành
2323			Xã Trừ Văn Thố	CÓ	Nội thành
2324			Xã Cây Trường II	CÓ	Nội thành
2325			Thị trấn Lai Uyên	CÓ	Nội thành
2326			Xã Tân Hưng	CÓ	Nội thành
2327			Xã Long Nguyên	CÓ	Nội thành
2328			Xã Lai Hưng	CÓ	Nội thành

2329	Tỉnh Bình Dương	Huyện Dầu Tiếng	Thị trấn Dầu Tiếng	CÓ	Ngoại thành
2330			Xã Minh Hoà	CÓ	Ngoại thành
2331			Xã Minh Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2332			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
2333			Xã Định An	CÓ	Ngoại thành
2334			Xã Long Hoà	CÓ	Ngoại thành
2335			Xã Định Thành	CÓ	Ngoại thành
2336			Xã Định Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2337			Xã An Lập	CÓ	Ngoại thành
2338			Xã Long Tân	CÓ	Ngoại thành
2339			Xã Thanh An	CÓ	Ngoại thành
2340			Xã Thanh Tuyền	CÓ	Ngoại thành
2341		Huyện Phú Giáo	Thị trấn Phước Vĩnh	CÓ	Ngoại thành
2342			Xã An Linh	CÓ	Ngoại thành
2343			Xã Phước Sang	CÓ	Ngoại thành
2344			Xã An Thái	CÓ	Ngoại thành
2345			Xã An Long	CÓ	Ngoại thành
2346			Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
2347			Xã Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2348			Xã Tam Lập	CÓ	Ngoại thành
2349			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
2350			Xã Vĩnh Hoà	CÓ	Ngoại thành
2351			Xã Phước Hoà	CÓ	Ngoại thành
2352		Thành phố Dĩ An	Phường Đông Hòa	CÓ	Nội thành
2353			Phường Bình An	CÓ	Nội thành
2354			Phường Bình Thắng	CÓ	Nội thành
2355			Phường Tân Bình	CÓ	Nội thành
2356			Phường Tân Đông Hiệp	CÓ	Nội thành
2357			Phường Dĩ An	CÓ	Nội thành
2358			Phường An Bình	CÓ	Nội thành
2359		Thành phố Thủ Dầu Một	Phường Phú Tân	CÓ	Nội thành
2360			Phường Phú Mỹ	CÓ	Nội thành
2361			Phường Phú Lợi	CÓ	Nội thành
2362			Phường Phú Hòa	CÓ	Nội thành
2363			Phường Phú Cường	CÓ	Nội thành
2364			Phường Phú Thọ	CÓ	Nội thành
2365			Phường Tân An	CÓ	Nội thành
2366			Phường Định Hoà	CÓ	Nội thành
2367			Phường Hiệp An	CÓ	Nội thành
2368			Phường Tương Bình Hiệp	CÓ	Nội thành
2369			Phường Hiệp Thành	CÓ	Nội thành

2370	Tỉnh Bình Dương	Thành phố Thủ Dầu Một	Phường Chánh Nghĩa	CÓ	Nội thành
2371			Phường Hoà Phú	CÓ	Nội thành
2372			Phường Chánh Mỹ	CÓ	Nội thành
2373		Thành phố Thuận An	Phường An Thạnh	CÓ	Nội thành
2374			Phường Bình Chuẩn	CÓ	Nội thành
2375			Phường An Phú	CÓ	Nội thành
2376			Phường Hưng Định	CÓ	Nội thành
2377			Xã An Sơn	CÓ	Nội thành
2378			Phường Bình Nhâm	CÓ	Nội thành
2379			Phường Thuận Giao	CÓ	Nội thành
2380			Phường Lái Thiêu	CÓ	Nội thành
2381			Phường Bình Hòa	CÓ	Nội thành
2382			Phường Vĩnh Phú	CÓ	Nội thành
2383		Thị xã Bến Cát	Xã An Điền	CÓ	Nội thành
2384			Xã An Tây	CÓ	Nội thành
2385			Xã Phú An	CÓ	Nội thành
2386			Phường Thới Hòa	CÓ	Nội thành
2387			Phường Hòa Lợi	CÓ	Nội thành
2388			Phường Tân Định	CÓ	Nội thành
2389			Phường Chánh Phú Hòa	CÓ	Nội thành
2390			Phường Mỹ Phước	CÓ	Nội thành
2391		Thị xã Tân Uyên	Phường Phú Chánh	CÓ	Nội thành
2392			Phường Uyên Hưng	CÓ	Nội thành
2393			Phường Tân Phước Khánh	CÓ	Nội thành
2394			Phường Hội Nghĩa	CÓ	Nội thành
2395			Phường Tân Hiệp	CÓ	Nội thành
2396			Phường Khánh Bình	CÓ	Nội thành
2397			Xã Bạch Đằng	CÓ	Nội thành
2398			Phường Tân Vĩnh Hiệp	CÓ	Nội thành
2399			Phường Thạnh Phước	CÓ	Nội thành
2400			Xã Thạnh Hội	CÓ	Nội thành
2401			Phường Thái Hòa	CÓ	Nội thành
2402			Phường Vĩnh Tân	CÓ	Nội thành
2403	Tỉnh Bình Phước	Huyện Bù Đăng	Thị trấn Đức Phong	CÓ	Ngoại thành
2404			Xã Đăng Hà	CÓ	Ngoại thành
2405			Xã Đường 10	CÓ	Ngoại thành
2406			Xã Đak Nhau	CÓ	Ngoại thành
2407			Xã Phú Sơn	CÓ	Ngoại thành
2408			Xã Thọ Sơn	CÓ	Ngoại thành
2409			Xã Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
2410			Xã Bom Bo	CÓ	Ngoại thành

2411	Tỉnh Bình Phước	Huyện Bù Đăng	Xã Minh Hưng	CÓ	Ngoại thành
2412			Xã Đoàn Kết	CÓ	Ngoại thành
2413			Xã Đồng Nai	CÓ	Ngoại thành
2414			Xã Đức Liễu	CÓ	Ngoại thành
2415			Xã Thống Nhất	CÓ	Ngoại thành
2416			Xã Nghĩa Trung	CÓ	Ngoại thành
2417			Xã Nghĩa Bình	CÓ	Ngoại thành
2418			Xã Phước Sơn	CÓ	Ngoại thành
2419		Huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình	CÓ	Ngoại thành
2420			Xã Hưng Phước	CÓ	Ngoại thành
2421			Xã Phước Thiện	CÓ	Ngoại thành
2422			Xã Thiện Hưng	CÓ	Ngoại thành
2423			Xã Thanh Hòa	CÓ	Ngoại thành
2424			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
2425			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
2426		Huyện Bù Gia Mập	Xã Bù Gia Mập	CÓ	Ngoại thành
2427			Xã Đak Ô	CÓ	Ngoại thành
2428			Xã Đức Hạnh	CÓ	Ngoại thành
2429			Xã Phú Văn	CÓ	Ngoại thành
2430			Xã Đa Kia	CÓ	Ngoại thành
2431			Xã Phước Minh	CÓ	Ngoại thành
2432			Xã Bình Thắng	CÓ	Ngoại thành
2433			Xã Phú Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
2434		Huyện Chơn Thành	Thị trấn Chơn Thành	CÓ	Nội thành
2435			Xã Minh Hưng	CÓ	Nội thành
2436			Xã Thành Tâm	CÓ	Nội thành
2437			Xã Quang Minh	KHÔNG	Nội thành
2438			Xã Minh Long	CÓ	Nội thành
2439			Xã Minh Thành	CÓ	Nội thành
2440			Xã Minh Thắng	KHÔNG	Nội thành
2441			Xã Minh Lập	KHÔNG	Nội thành
2442			Xã Nha Bích	CÓ	Nội thành
2443		Huyện Đồng Phú	Xã Thuận Lợi	CÓ	Ngoại thành
2444			Xã Tân Phước	CÓ	Ngoại thành
2445			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
2446			Xã Thuận Phú	CÓ	Ngoại thành
2447			Xã Đồng Tiến	CÓ	Ngoại thành
2448			Xã Đồng Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
2449			Xã Tân Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
2450			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
2451			Xã Tân Hòa	KHÔNG	Ngoại thành

2452	Tỉnh Bình Phước	Huyện Đồng Phú	Thị trấn Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
2453			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
2454		Huyện Hớn Quản	Xã Thanh An	CÓ	Ngoại thành
2455			Xã An Khương	CÓ	Ngoại thành
2456			Xã An Phú	CÓ	Ngoại thành
2457			Xã Tân Lợi	CÓ	Ngoại thành
2458			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
2459			Xã Minh Đức	CÓ	Ngoại thành
2460			Xã Minh Tâm	CÓ	Ngoại thành
2461			Xã Phước An	CÓ	Ngoại thành
2462			Xã Thanh Bình	CÓ	Ngoại thành
2463			Thị trấn Tân Khai	CÓ	Ngoại thành
2464			Xã Đồng Nơ	CÓ	Ngoại thành
2465			Xã Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2466			Xã Tân Quan	CÓ	Ngoại thành
2467		Huyện Lộc Ninh	Thị trấn Lộc Ninh	CÓ	Ngoại thành
2468			Xã Lộc Hòa	CÓ	Ngoại thành
2469			Xã Lộc An	CÓ	Ngoại thành
2470			Xã Lộc Tấn	CÓ	Ngoại thành
2471			Xã Lộc Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2472			Xã Lộc Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2473			Xã Lộc Thiện	CÓ	Ngoại thành
2474			Xã Lộc Thuận	CÓ	Ngoại thành
2475			Xã Lộc Quang	CÓ	Ngoại thành
2476			Xã Lộc Phú	CÓ	Ngoại thành
2477			Xã Lộc Thành	CÓ	Ngoại thành
2478			Xã Lộc Thái	CÓ	Ngoại thành
2479			Xã Lộc Điền	CÓ	Ngoại thành
2480			Xã Lộc Hưng	CÓ	Ngoại thành
2481			Xã Lộc Thịnh	CÓ	Ngoại thành
2482			Xã Lộc Khánh	CÓ	Ngoại thành
2483		Huyện Phú Riềng	Xã Long Bình	KHÔNG	Ngoại thành
2484			Xã Bình Tân	KHÔNG	Ngoại thành
2485			Xã Bình Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
2486			Xã Long Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
2487			Xã Bù Nho	KHÔNG	Ngoại thành
2488			Xã Long Hà	KHÔNG	Ngoại thành
2489			Xã Long Tân	KHÔNG	Ngoại thành
2490			Xã Phú Trung	KHÔNG	Ngoại thành
2491			Xã Phú Riềng	KHÔNG	Ngoại thành
2492			Xã Phước Tân	KHÔNG	Ngoại thành

2493	Tỉnh Bình Phước	Thành phố Đồng Xoài	Xã Tiến Hưng	CÓ	Nội thành
2494			Phường Tân Phú	CÓ	Nội thành
2495			Phường Tân Đồng	CÓ	Nội thành
2496			Phường Tân Bình	CÓ	Nội thành
2497			Phường Tân Xuân	CÓ	Nội thành
2498			Phường Tân Thiện	CÓ	Nội thành
2499			Xã Tân Thành	CÓ	Nội thành
2500			Phường Tiến Thành	CÓ	Nội thành
2501		Thị xã Bình Long	Phường Hưng Chiến	CÓ	Ngoại thành
2502			Phường An Lộc	CÓ	Ngoại thành
2503			Phường Phú Thịnh	CÓ	Ngoại thành
2504			Phường Phú Đức	CÓ	Ngoại thành
2505			Xã Thanh Lương	CÓ	Ngoại thành
2506			Xã Thanh Phú	CÓ	Ngoại thành
2507		Thị xã Phước Long	Phường Thác Mơ	CÓ	Ngoại thành
2508			Phường Long Thủy	CÓ	Ngoại thành
2509			Phường Phước Bình	CÓ	Ngoại thành
2510			Phường Long Phước	CÓ	Ngoại thành
2511			Phường Sơn Giang	CÓ	Ngoại thành
2512			Xã Long Giang	CÓ	Ngoại thành
2513			Xã Phước Tín	CÓ	Ngoại thành
2514	Tỉnh Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	Thị trấn Chợ Lầu	CÓ	Ngoại thành
2515			Xã Phan Sơn	CÓ	Ngoại thành
2516			Xã Phan Lâm	CÓ	Ngoại thành
2517			Xã Bình An	CÓ	Ngoại thành
2518			Xã Phan Điền	CÓ	Ngoại thành
2519			Xã Hải Ninh	CÓ	Ngoại thành
2520			Xã Sông Lũy	CÓ	Ngoại thành
2521			Xã Phan Tiến	CÓ	Ngoại thành
2522			Xã Sông Bình	CÓ	Ngoại thành
2523			Thị trấn Lương Sơn	CÓ	Ngoại thành
2524			Xã Phan Hòa	CÓ	Ngoại thành
2525			Xã Phan Thanh	CÓ	Ngoại thành
2526			Xã Hồng Thái	CÓ	Ngoại thành
2527			Xã Phan Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2528			Xã Bình Tân	CÓ	Ngoại thành
2529			Xã Phan Rí Thành	CÓ	Ngoại thành
2530			Xã Hòa Thắng	CÓ	Ngoại thành
2531			Xã Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành
2532		Huyện Đức Linh	Thị trấn Võ Xu	CÓ	Ngoại thành
2533			Thị trấn Đức Tài	CÓ	Ngoại thành

2534	Tỉnh Bình Thuận	Huyện Đức Linh	Xã Đa Kai	CÓ	Ngoại thành
2535			Xã Sùng Nhơn	CÓ	Ngoại thành
2536			Xã Mê Pu	CÓ	Ngoại thành
2537			Xã Nam Chính	CÓ	Ngoại thành
2538			Xã Đức Hạnh	CÓ	Ngoại thành
2539			Xã Đức Tín	CÓ	Ngoại thành
2540			Xã Vũ Hoà	CÓ	Ngoại thành
2541			Xã Tân Hà	CÓ	Ngoại thành
2542			Xã Đông Hà	CÓ	Ngoại thành
2543			Xã Trà Tân	CÓ	Ngoại thành
2544		Huyện Hàm Tân	Thị trấn Tân Minh	CÓ	Ngoại thành
2545			Thị trấn Tân Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
2546			Xã Sông Phan	CÓ	Ngoại thành
2547			Xã Tân Phúc	CÓ	Ngoại thành
2548			Xã Tân Đức	CÓ	Ngoại thành
2549			Xã Tân Hà	CÓ	Ngoại thành
2550			Xã Tân Xuân	CÓ	Ngoại thành
2551			Xã Tân Thắng	CÓ	Ngoại thành
2552			Xã Thắng Hải	CÓ	Ngoại thành
2553			Xã Sơn Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2554		Huyện Hàm Thuận Bắc	Thị trấn Ma Lâm	CÓ	Ngoại thành
2555			Thị trấn Phú Long	CÓ	Ngoại thành
2556			Xã La Dạ	CÓ	Ngoại thành
2557			Xã Đông Tiến	CÓ	Ngoại thành
2558			Xã Thuận Hòa	CÓ	Ngoại thành
2559			Xã Đông Giang	CÓ	Ngoại thành
2560			Xã Hàm Phú	CÓ	Ngoại thành
2561			Xã Hồng Liêm	CÓ	Ngoại thành
2562			Xã Thuận Minh	CÓ	Ngoại thành
2563			Xã Hồng Sơn	CÓ	Ngoại thành
2564			Xã Hàm Trí	CÓ	Ngoại thành
2565			Xã Hàm Đức	CÓ	Ngoại thành
2566			Xã Hàm Liêm	CÓ	Ngoại thành
2567			Xã Hàm Chính	CÓ	Ngoại thành
2568			Xã Hàm Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2569			Xã Hàm Thắng	CÓ	Ngoại thành
2570			Xã Đa Mi	CÓ	Ngoại thành
2571		Huyện Hàm Thuận Nam	Thị trấn Thuận Nam	CÓ	Ngoại thành
2572			Xã Mỹ Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2573			Xã Hàm Cẩn	CÓ	Ngoại thành
2574			Xã Mương Mán	CÓ	Ngoại thành

2575	Tỉnh Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	Xã Hàm Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2576			Xã Hàm Kiệm	CÓ	Ngoại thành
2577			Xã Hàm Cường	CÓ	Ngoại thành
2578			Xã Hàm Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2579			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
2580			Xã Hàm Minh	CÓ	Ngoại thành
2581			Xã Thuận Quý	CÓ	Ngoại thành
2582			Xã Tân Thuận	CÓ	Ngoại thành
2583			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
2584		Huyện Phú Quý	Xã Ngũ Phụng	KHÔNG	Ngoại thành
2585			Xã Long Hải	KHÔNG	Ngoại thành
2586			Xã Tam Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
2587		Huyện Tánh Linh	Thị trấn Lạc Tánh	CÓ	Ngoại thành
2588			Xã Bắc Ruộng	CÓ	Ngoại thành
2589			Xã Nghi Đức	CÓ	Ngoại thành
2590			Xã La Ngâu	CÓ	Ngoại thành
2591			Xã Huy Khiêm	CÓ	Ngoại thành
2592			Xã Măng Tố	CÓ	Ngoại thành
2593			Xã Đức Phú	CÓ	Ngoại thành
2594			Xã Đồng Kho	CÓ	Ngoại thành
2595			Xã Gia An	CÓ	Ngoại thành
2596			Xã Đức Bình	CÓ	Ngoại thành
2597			Xã Đức Thuận	CÓ	Ngoại thành
2598			Xã Gia Huynh	KHÔNG	Ngoại thành
2599			Xã Suối Kiết	KHÔNG	Ngoại thành
2600		Huyện Tuy Phong	Thị trấn Liên Hương	CÓ	Ngoại thành
2601			Xã Phan Dũng	CÓ	Ngoại thành
2602			Xã Phong Phú	CÓ	Ngoại thành
2603			Xã Vĩnh Hào	CÓ	Ngoại thành
2604			Xã Vĩnh Tân	CÓ	Ngoại thành
2605			Xã Phú Lạc	CÓ	Ngoại thành
2606			Xã Phước Thề	CÓ	Ngoại thành
2607			Xã Chí Công	CÓ	Ngoại thành
2608			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
2609			Thị trấn Phan Rí Cửa	CÓ	Ngoại thành
2610			Xã Hòa Minh	CÓ	Ngoại thành
2611		Thành phố Phan Thiết	Phường Phú Tài	CÓ	Nội thành
2612			Phường Bình Hưng	CÓ	Nội thành
2613			Phường Hưng Long	CÓ	Nội thành
2614			Phường Đức Nghĩa	CÓ	Nội thành
2615			Phường Lạc Đạo	CÓ	Nội thành

2616	Tỉnh Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	Phường Đức Thắng	CÓ	Nội thành
2617			Phường Đức Long	CÓ	Nội thành
2618			Phường Phú Trinh	CÓ	Nội thành
2619			Phường Hàm Tiến	CÓ	Nội thành
2620			Phường Phú Hải	CÓ	Nội thành
2621			Phường Phú Thủy	CÓ	Nội thành
2622			Phường Xuân An	CÓ	Nội thành
2623			Phường Thanh Hải	CÓ	Nội thành
2624			Phường Mũi Né	CÓ	Nội thành
2625			Xã Thiện Nghiệp	CÓ	Nội thành
2626			Xã Phong Nẫm	CÓ	Nội thành
2627			Xã Tiến Lợi	CÓ	Nội thành
2628			Xã Tiến Thành	CÓ	Nội thành
2629		Thị xã La Gi	Phường Phước Hội	CÓ	Ngoại thành
2630			Phường Phước Lộc	CÓ	Ngoại thành
2631			Phường Tân Thiện	CÓ	Ngoại thành
2632			Phường Tân An	CÓ	Ngoại thành
2633			Phường Bình Tân	CÓ	Ngoại thành
2634			Xã Tân Hải	CÓ	Ngoại thành
2635			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
2636			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
2637			Xã Tân Phước	CÓ	Ngoại thành
2638	Tỉnh Cà Mau	Huyện Cái Nước	Thị trấn Cái Nước	CÓ	Ngoại thành
2639			Xã Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
2640			Xã Lương Thế Trân	CÓ	Ngoại thành
2641			Xã Phú Hưng	CÓ	Ngoại thành
2642			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
2643			Xã Hưng Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2644			Xã Hoà Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2645			Xã Đông Hưng	CÓ	Ngoại thành
2646			Xã Đông Thới	CÓ	Ngoại thành
2647			Xã Tân Hưng Đông	CÓ	Ngoại thành
2648			Xã Trần Thới	CÓ	Ngoại thành
2649		Huyện Đầm Dơi	Xã Tạ An Khương Đông	CÓ	Ngoại thành
2650			Xã Tân Đức	CÓ	Ngoại thành
2651			Xã Tân Thuận	CÓ	Ngoại thành
2652			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
2653			Xã Quách Phẩm	CÓ	Ngoại thành
2654			Xã Nguyễn Huân	CÓ	Ngoại thành
2655			Thị trấn Đầm Dơi	CÓ	Ngoại thành
2656			Xã Tạ An Khương	CÓ	Ngoại thành

2657	Tỉnh Cà Mau	Huyện Đầm Dơi	Xã Trần Phán	CÓ	Ngoại thành
2658			Xã Tân Trung	CÓ	Ngoại thành
2659			Xã Tạ An Khương Nam	CÓ	Ngoại thành
2660			Xã Tân Duyệt	CÓ	Ngoại thành
2661			Xã Tân Dân	CÓ	Ngoại thành
2662			Xã Quách Phẩm Bắc	CÓ	Ngoại thành
2663			Xã Thanh Tùng	CÓ	Ngoại thành
2664			Xã Ngọc Chánh	CÓ	Ngoại thành
2665		Huyện Năm Căn	Xã Tam Giang Đông	KHÔNG	Ngoại thành
2666			Xã Tam Giang	KHÔNG	Ngoại thành
2667			Xã Hiệp Tùng	CÓ	Ngoại thành
2668			Thị trấn Năm Căn	CÓ	Ngoại thành
2669			Xã Hàm Rồng	CÓ	Ngoại thành
2670			Xã Đất Mới	CÓ	Ngoại thành
2671			Xã Lâm Hải	CÓ	Ngoại thành
2672			Xã Hàng Vịnh	CÓ	Ngoại thành
2673		Huyện Ngọc Hiển	Xã Tam Giang Tây	KHÔNG	Ngoại thành
2674			Xã Đất Mũi	KHÔNG	Ngoại thành
2675			Xã Tân Ân Tây	CÓ	Ngoại thành
2676			Xã Viên An Đông	CÓ	Ngoại thành
2677			Xã Viên An	CÓ	Ngoại thành
2678			Thị trấn Rạch Gốc	CÓ	Ngoại thành
2679			Xã Tân Ân	CÓ	Ngoại thành
2680		Huyện Phú Tân	Thị trấn Cái Đôi Vàm	CÓ	Ngoại thành
2681			Xã Phú Thuận	CÓ	Ngoại thành
2682			Xã Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành
2683			Xã Phú Tân	CÓ	Ngoại thành
2684			Xã Tân Hải	CÓ	Ngoại thành
2685			Xã Việt Thắng	CÓ	Ngoại thành
2686			Xã Tân Hưng Tây	CÓ	Ngoại thành
2687			Xã Rạch Chèo	CÓ	Ngoại thành
2688			Xã Nguyễn Việt Khái	CÓ	Ngoại thành
2689		Huyện Thới Bình	Xã Biển Bạch	CÓ	Ngoại thành
2690			Xã Tân Bằng	CÓ	Ngoại thành
2691			Xã Biển Bạch Đông	CÓ	Ngoại thành
2692			Thị trấn Thới Bình	CÓ	Ngoại thành
2693			Xã Trí Phải	CÓ	Ngoại thành
2694			Xã Trí Lực	CÓ	Ngoại thành
2695			Xã Thới Bình	CÓ	Ngoại thành
2696			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
2697			Xã Tân Lộc Bắc	CÓ	Ngoại thành

2698	Tỉnh Cà Mau	Huyện Thới Bình	Xã Tân Lộc	CÓ	Ngoại thành
2699			Xã Tân Lộc Đông	CÓ	Ngoại thành
2700			Xã Hồ Thị Kỷ	CÓ	Ngoại thành
2701		Huyện Trần Văn Thời	Thị trấn Sông Đốc	CÓ	Ngoại thành
2702			Xã Khánh Bình Tây Bắc	CÓ	Ngoại thành
2703			Xã Khánh Bình Tây	CÓ	Ngoại thành
2704			Xã Trần Hợi	CÓ	Ngoại thành
2705			Xã Khánh Hưng	CÓ	Ngoại thành
2706			Xã Khánh Hải	CÓ	Ngoại thành
2707			Thị trấn Trần Văn Thời	CÓ	Ngoại thành
2708			Xã Khánh Lộc	CÓ	Ngoại thành
2709			Xã Khánh Bình	CÓ	Ngoại thành
2710			Xã Khánh Bình Đông	CÓ	Ngoại thành
2711			Xã Lợi An	CÓ	Ngoại thành
2712			Xã Phong Điền	CÓ	Ngoại thành
2713			Xã Phong Lạc	CÓ	Ngoại thành
2714		Huyện U Minh	Xã Khánh Thuận	CÓ	Ngoại thành
2715			Xã Khánh Tiến	CÓ	Ngoại thành
2716			Xã Khánh Hội	CÓ	Ngoại thành
2717			Thị trấn U Minh	CÓ	Ngoại thành
2718			Xã Khánh Hòa	CÓ	Ngoại thành
2719			Xã Nguyễn Phích	CÓ	Ngoại thành
2720			Xã Khánh Lâm	CÓ	Ngoại thành
2721			Xã Khánh An	CÓ	Ngoại thành
2722		Thành phố Cà Mau	Phường 9	CÓ	Nội thành
2723			Phường 4	CÓ	Nội thành
2724			Phường 1	CÓ	Nội thành
2725			Phường 5	CÓ	Nội thành
2726			Phường 2	CÓ	Nội thành
2727			Phường 8	CÓ	Nội thành
2728			Phường 6	CÓ	Nội thành
2729			Phường 7	CÓ	Nội thành
2730			Xã An Xuyên	CÓ	Nội thành
2731			Xã Tân Thành	CÓ	Nội thành
2732			Xã Tắc Vân	CÓ	Nội thành
2733			Xã Định Bình	CÓ	Nội thành
2734			Xã Hòa Thành	CÓ	Nội thành
2735			Xã Hòa Tân	CÓ	Nội thành
2736			Phường Tân Xuyên	CÓ	Nội thành
2737			Phường Tân Thành	CÓ	Nội thành
2738			Xã Lý Văn Lâm	CÓ	Nội thành

2739	Tỉnh Cao Bằng	Huyện Bảo Lạc	Thị trấn Bảo Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
2740			Xã Cốc Pàng	KHÔNG	Ngoại thành
2741			Xã Thượng Hà	KHÔNG	Ngoại thành
2742			Xã Cô Ba	KHÔNG	Ngoại thành
2743			Xã Bảo Toàn	KHÔNG	Ngoại thành
2744			Xã Khánh Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
2745			Xã Xuân Trường	KHÔNG	Ngoại thành
2746			Xã Hồng Trị	KHÔNG	Ngoại thành
2747			Xã Kim Cúc	KHÔNG	Ngoại thành
2748			Xã Phan Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
2749			Xã Hồng An	KHÔNG	Ngoại thành
2750			Xã Hưng Đạo	KHÔNG	Ngoại thành
2751			Xã Hưng Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
2752			Xã Huy Giáp	KHÔNG	Ngoại thành
2753			Xã Đình Phùng	KHÔNG	Ngoại thành
2754			Xã Sơn Lập	KHÔNG	Ngoại thành
2755			Xã Sơn Lộ	KHÔNG	Ngoại thành
2756		Huyện Bảo Lâm	Thị trấn Pác Miầu	KHÔNG	Ngoại thành
2757			Xã Đức Hạnh	KHÔNG	Ngoại thành
2758			Xã Lý Bôn	KHÔNG	Ngoại thành
2759			Xã Nam Cao	KHÔNG	Ngoại thành
2760			Xã Nam Quang	KHÔNG	Ngoại thành
2761			Xã Vĩnh Quang	KHÔNG	Ngoại thành
2762			Xã Quảng Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
2763			Xã Thạch Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
2764			Xã Vĩnh Phong	KHÔNG	Ngoại thành
2765			Xã Mông Ân	KHÔNG	Ngoại thành
2766			Xã Thái Học	KHÔNG	Ngoại thành
2767			Xã Thái Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
2768			Xã Yên Thổ	KHÔNG	Ngoại thành
2769		Huyện Hạ Lang	Xã Minh Long	KHÔNG	Ngoại thành
2770			Xã Lý Quốc	KHÔNG	Ngoại thành
2771			Xã Thằng Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
2772			Xã Đông Loan	KHÔNG	Ngoại thành
2773			Xã Đức Quang	KHÔNG	Ngoại thành
2774			Xã Kim Loan	KHÔNG	Ngoại thành
2775			Xã Quang Long	KHÔNG	Ngoại thành
2776			Xã An Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
2777			Thị trấn Thanh Nhật	KHÔNG	Ngoại thành
2778			Xã Vinh Quý	KHÔNG	Ngoại thành
2779			Xã Thống Nhất	KHÔNG	Ngoại thành

2780	Tỉnh Cao Bằng	Huyện Hạ Lang	Xã Cô Ngân	KHÔNG	Ngoại thành
2781			Xã Thị Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
2782		Huyện Hà Quảng	Thị trấn Thông Nông	KHÔNG	Ngoại thành
2783			Xã Cần Yên	KHÔNG	Ngoại thành
2784			Xã Cần Nông	KHÔNG	Ngoại thành
2785			Xã Lương Thông	KHÔNG	Ngoại thành
2786			Xã Đa Thông	KHÔNG	Ngoại thành
2787			Xã Ngọc Động	KHÔNG	Ngoại thành
2788			Xã Yên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
2789			Xã Lương Can	KHÔNG	Ngoại thành
2790			Xã Thanh Long	KHÔNG	Ngoại thành
2791			Thị trấn Xuân Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
2792			Xã Lũng Nặm	KHÔNG	Ngoại thành
2793			Xã Trường Hà	KHÔNG	Ngoại thành
2794			Xã Cải Viên	KHÔNG	Ngoại thành
2795			Xã Nội Thôn	KHÔNG	Ngoại thành
2796			Xã Tổng Cọt	KHÔNG	Ngoại thành
2797			Xã Sóc Hà	KHÔNG	Ngoại thành
2798			Xã Thượng Thôn	KHÔNG	Ngoại thành
2799			Xã Hồng Sĩ	KHÔNG	Ngoại thành
2800			Xã Quý Quân	KHÔNG	Ngoại thành
2801			Xã Mã Ba	KHÔNG	Ngoại thành
2802			Xã Ngọc Đào	KHÔNG	Ngoại thành
2803		Huyện Hoà An	Thị trấn Nước Hai	KHÔNG	Ngoại thành
2804			Xã Dân Chủ	KHÔNG	Ngoại thành
2805			Xã Nam Tuấn	KHÔNG	Ngoại thành
2806			Xã Đại Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
2807			Xã Đức Long	KHÔNG	Ngoại thành
2808			Xã Ngũ Lão	KHÔNG	Ngoại thành
2809			Xã Trương Lương	KHÔNG	Ngoại thành
2810			Xã Hồng Việt	KHÔNG	Ngoại thành
2811			Xã Hoàng Tung	KHÔNG	Ngoại thành
2812			Xã Nguyễn Huệ	KHÔNG	Ngoại thành
2813			Xã Quang Trung	KHÔNG	Ngoại thành
2814			Xã Bạch Đằng	KHÔNG	Ngoại thành
2815			Xã Bình Dương	KHÔNG	Ngoại thành
2816			Xã Lê Chung	KHÔNG	Ngoại thành
2817			Xã Hồng Nam	KHÔNG	Ngoại thành
2818		Huyện Nguyên Bình	Thị trấn Nguyên Bình	KHÔNG	Ngoại thành
2819			Thị trấn Tĩnh Túc	KHÔNG	Ngoại thành
2820			Xã Yên Lạc	KHÔNG	Ngoại thành

2821	Tỉnh Cao Bằng	Huyện Nguyên Bình	Xã Triệu Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
2822			Xã Ca Thành	KHÔNG	Ngoại thành
2823			Xã Vũ Nông	KHÔNG	Ngoại thành
2824			Xã Minh Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
2825			Xã Thử Dục	KHÔNG	Ngoại thành
2826			Xã Mai Long	KHÔNG	Ngoại thành
2827			Xã Vũ Minh	KHÔNG	Ngoại thành
2828			Xã Hoa Thám	KHÔNG	Ngoại thành
2829			Xã Phan Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
2830			Xã Quang Thành	KHÔNG	Ngoại thành
2831			Xã Tam Kim	KHÔNG	Ngoại thành
2832			Xã Thành Công	KHÔNG	Ngoại thành
2833			Xã Thịnh Vượng	KHÔNG	Ngoại thành
2834			Xã Hưng Đạo	KHÔNG	Ngoại thành
2835		Huyện Quảng Hòa	Xã Quốc Toàn	KHÔNG	Ngoại thành
2836			Thị trấn Quảng Uyên	KHÔNG	Ngoại thành
2837			Xã Phi Hải	KHÔNG	Ngoại thành
2838			Xã Quảng Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
2839			Xã Độc Lập	KHÔNG	Ngoại thành
2840			Xã Cai Bộ	KHÔNG	Ngoại thành
2841			Xã Phúc Sen	KHÔNG	Ngoại thành
2842			Xã Chí Thảo	KHÔNG	Ngoại thành
2843			Xã Tự Do	KHÔNG	Ngoại thành
2844			Xã Hồng Quang	KHÔNG	Ngoại thành
2845			Xã Ngọc Động	KHÔNG	Ngoại thành
2846			Xã Hạnh Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
2847			Thị trấn Tà Lùng	KHÔNG	Ngoại thành
2848			Xã Bế Văn Đàn	KHÔNG	Ngoại thành
2849			Xã Cách Linh	KHÔNG	Ngoại thành
2850			Xã Đại Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
2851			Xã Tiên Thành	KHÔNG	Ngoại thành
2852			Thị trấn Hoà Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
2853			Xã Mỹ Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
2854		Huyện Thạch An	Thị trấn Đông Khê	KHÔNG	Ngoại thành
2855			Xã Canh Tân	KHÔNG	Ngoại thành
2856			Xã Kim Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
2857			Xã Minh Khai	KHÔNG	Ngoại thành
2858			Xã Đức Thông	KHÔNG	Ngoại thành
2859			Xã Thái Cường	KHÔNG	Ngoại thành
2860			Xã Vân Trình	KHÔNG	Ngoại thành
2861			Xã Thụy Hùng	KHÔNG	Ngoại thành

2862	Tỉnh Cao Bằng	Huyện Thạch An	Xã Quang Trọng	KHÔNG	Ngoại thành
2863			Xã Trọng Con	KHÔNG	Ngoại thành
2864			Xã Lê Lai	KHÔNG	Ngoại thành
2865			Xã Đức Long	KHÔNG	Ngoại thành
2866			Xã Lê Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
2867			Xã Đức Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
2868		Huyện Trùng Khánh	Thị trấn Trà Lĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
2869			Xã Tri Phương	KHÔNG	Ngoại thành
2870			Xã Quang Hán	KHÔNG	Ngoại thành
2871			Xã Xuân Nội	KHÔNG	Ngoại thành
2872			Xã Quang Trung	KHÔNG	Ngoại thành
2873			Xã Quang Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
2874			Xã Cao Chương	KHÔNG	Ngoại thành
2875			Thị trấn Trùng Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
2876			Xã Ngọc Khê	KHÔNG	Ngoại thành
2877			Xã Ngọc Côn	KHÔNG	Ngoại thành
2878			Xã Phong Nậm	KHÔNG	Ngoại thành
2879			Xã Đình Phong	KHÔNG	Ngoại thành
2880			Xã Đàm Thuỷ	KHÔNG	Ngoại thành
2881			Xã Khâm Thành	KHÔNG	Ngoại thành
2882			Xã Chí Viễn	KHÔNG	Ngoại thành
2883			Xã Lăng Hiếu	KHÔNG	Ngoại thành
2884			Xã Phong Châu	KHÔNG	Ngoại thành
2885			Xã Trung Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
2886			Xã Cao Thăng	KHÔNG	Ngoại thành
2887			Xã Đức Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
2888			Xã Đoài Dương	KHÔNG	Ngoại thành
2889		Thành phố Cao Bằng	Phường Sông Hiến	CÓ	Nội thành
2890			Phường Hợp Giang	CÓ	Nội thành
2891			Phường Đề Thám	CÓ	Nội thành
2892			Xã Vĩnh Quang	CÓ	Nội thành
2893			Xã Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
2894			Xã Chu Trinh	CÓ	Nội thành
2895			Phường Sông Bằng	CÓ	Nội thành
2896			Phường Tân Giang	CÓ	Nội thành
2897			Phường Ngọc Xuân	CÓ	Nội thành
2898			Phường Hoà Chung	CÓ	Nội thành
2899			Phường Duyệt Trung	CÓ	Nội thành
2900	Tỉnh Đắk Lắk	Huyện Buôn Đôn	Xã Krông Na	KHÔNG	Ngoại thành
2901			Xã Ea Huar	KHÔNG	Ngoại thành
2902			Xã Ea Wer	KHÔNG	Ngoại thành

2903	Tỉnh Đắk Lắk	Huyện Buôn Đôn	Xã Tân Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
2904			Xã Cuôr KNia	KHÔNG	Ngoại thành
2905			Xã Ea Bar	KHÔNG	Ngoại thành
2906			Xã Ea Nuôl	KHÔNG	Ngoại thành
2907		Huyện Cư Kuin	Xã Ea Ning	CÓ	Ngoại thành
2908			Xã Cư Ê Wi	CÓ	Ngoại thành
2909			Xã Ea Ktur	CÓ	Ngoại thành
2910			Xã Ea Tiêu	CÓ	Ngoại thành
2911			Xã Ea BHốk	CÓ	Ngoại thành
2912			Xã Ea Hu	CÓ	Ngoại thành
2913			Xã Dray Bhang	CÓ	Ngoại thành
2914			Xã Hòa Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2915		Huyện Cư M'gar	Thị trấn Ea Pốk	CÓ	Ngoại thành
2916			Thị trấn Quảng Phú	CÓ	Ngoại thành
2917			Xã Quảng Tiến	CÓ	Ngoại thành
2918			Xã Ea Kuêh	CÓ	Ngoại thành
2919			Xã Ea Kiệt	CÓ	Ngoại thành
2920			Xã Ea Tar	CÓ	Ngoại thành
2921			Xã Cư Dliê M'ông	CÓ	Ngoại thành
2922			Xã Ea H'đinh	CÓ	Ngoại thành
2923			Xã Ea Tul	CÓ	Ngoại thành
2924			Xã Ea KPam	CÓ	Ngoại thành
2925			Xã Ea M'DRóh	CÓ	Ngoại thành
2926			Xã Quảng Hiệp	CÓ	Ngoại thành
2927			Xã Cư M'gar	CÓ	Ngoại thành
2928			Xã Ea DRơng	CÓ	Ngoại thành
2929			Xã Ea M'ngang	CÓ	Ngoại thành
2930			Xã Cư Suê	CÓ	Ngoại thành
2931			Xã Cuor Đăng	CÓ	Ngoại thành
2932		Huyện Ea H'leo	Thị trấn Ea Drăng	KHÔNG	Ngoại thành
2933			Xã Ea H'leo	KHÔNG	Ngoại thành
2934			Xã Ea Sol	KHÔNG	Ngoại thành
2935			Xã Ea Ral	KHÔNG	Ngoại thành
2936			Xã Ea Wy	KHÔNG	Ngoại thành
2937			Xã Cư A Mung	KHÔNG	Ngoại thành
2938			Xã Cư Mốt	KHÔNG	Ngoại thành
2939			Xã Ea Hiao	KHÔNG	Ngoại thành
2940			Xã Ea Khal	KHÔNG	Ngoại thành
2941			Xã Dliê Yang	KHÔNG	Ngoại thành
2942			Xã Ea Tir	KHÔNG	Ngoại thành
2943			Xã Ea Nam	KHÔNG	Ngoại thành

2944	Tỉnh Đắk Lắk	Huyện Ea Kar	Xã Cư Prông	KHÔNG	Ngoại thành
2945			Xã Cư ELang	KHÔNG	Ngoại thành
2946			Xã Cư Bông	KHÔNG	Ngoại thành
2947			Thị trấn Ea Kar	CÓ	Ngoại thành
2948			Thị trấn Ea Knốp	CÓ	Ngoại thành
2949			Xã Ea Sô	CÓ	Ngoại thành
2950			Xã Ea Sar	CÓ	Ngoại thành
2951			Xã Xuân Phú	CÓ	Ngoại thành
2952			Xã Cư Huê	CÓ	Ngoại thành
2953			Xã Ea Tih	CÓ	Ngoại thành
2954			Xã Ea Đar	CÓ	Ngoại thành
2955			Xã Ea Kmút	CÓ	Ngoại thành
2956			Xã Cư Ni	CÓ	Ngoại thành
2957			Xã Ea Păi	CÓ	Ngoại thành
2958			Xã Ea Ô	CÓ	Ngoại thành
2959			Xã Cư Jang	CÓ	Ngoại thành
2960		Huyện Ea Súp	Thị trấn Ea Súp	KHÔNG	Ngoại thành
2961			Xã Ia Lốp	KHÔNG	Ngoại thành
2962			Xã Ia JLơi	KHÔNG	Ngoại thành
2963			Xã Ea Rốk	KHÔNG	Ngoại thành
2964			Xã Ya Tờ Mốt	KHÔNG	Ngoại thành
2965			Xã Ia RVê	KHÔNG	Ngoại thành
2966			Xã Ea Lê	KHÔNG	Ngoại thành
2967			Xã Cư KBang	KHÔNG	Ngoại thành
2968			Xã Ea Bung	KHÔNG	Ngoại thành
2969			Xã Cư M'Lan	KHÔNG	Ngoại thành
2970		Huyện Krông A Na	Thị trấn Buôn Trấp	CÓ	Ngoại thành
2971			Xã Dray Sáp	CÓ	Ngoại thành
2972			Xã Ea Na	CÓ	Ngoại thành
2973			Xã Ea Bông	CÓ	Ngoại thành
2974			Xã Băng A Drênh	CÓ	Ngoại thành
2975			Xã Dur KMăi	CÓ	Ngoại thành
2976			Xã Bình Hòa	CÓ	Ngoại thành
2977			Xã Quảng Điền	CÓ	Ngoại thành
2978		Huyện Krông Bông	Thị trấn Krông Kmar	KHÔNG	Ngoại thành
2979			Xã Dang Kang	KHÔNG	Ngoại thành
2980			Xã Cư KTy	KHÔNG	Ngoại thành
2981			Xã Hòa Thành	KHÔNG	Ngoại thành
2982			Xã Hòa Tân	KHÔNG	Ngoại thành
2983			Xã Hòa Phong	KHÔNG	Ngoại thành
2984			Xã Hòa Lễ	KHÔNG	Ngoại thành

2985	Tỉnh Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	Xã Yang Reh	KHÔNG	Ngoại thành
2986			Xã Ea Trul	KHÔNG	Ngoại thành
2987			Xã Khuê Ngọc Điền	KHÔNG	Ngoại thành
2988			Xã Cư Pui	KHÔNG	Ngoại thành
2989			Xã Hòa Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
2990			Xã Cư Drăm	KHÔNG	Ngoại thành
2991			Xã Yang Mao	KHÔNG	Ngoại thành
2992		Huyện Krông Búk	Xã Cư Né	KHÔNG	Ngoại thành
2993			Xã Chư KBô	KHÔNG	Ngoại thành
2994			Xã Cư Pơng	KHÔNG	Ngoại thành
2995			Xã Ea Sin	KHÔNG	Ngoại thành
2996			Xã Pơng Drang	KHÔNG	Ngoại thành
2997			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
2998			Xã Ea Ngai	KHÔNG	Ngoại thành
2999		Huyện Krông Năng	Thị trấn Krông Năng	CÓ	Ngoại thành
3000			Xã ĐLiê Ya	CÓ	Ngoại thành
3001			Xã Ea Tóh	CÓ	Ngoại thành
3002			Xã Ea Tam	CÓ	Ngoại thành
3003			Xã Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
3004			Xã Tam Giang	CÓ	Ngoại thành
3005			Xã Ea Puk	CÓ	Ngoại thành
3006			Xã Ea Dăh	CÓ	Ngoại thành
3007			Xã Ea Hồ	CÓ	Ngoại thành
3008			Xã Phú Xuân	CÓ	Ngoại thành
3009			Xã Cư Klông	CÓ	Ngoại thành
3010			Xã Ea Tân	CÓ	Ngoại thành
3011		Huyện Krông Pắc	Thị trấn Phước An	KHÔNG	Ngoại thành
3012			Xã KRông Búk	KHÔNG	Ngoại thành
3013			Xã Ea Kly	KHÔNG	Ngoại thành
3014			Xã Ea Kênh	KHÔNG	Ngoại thành
3015			Xã Ea Phê	KHÔNG	Ngoại thành
3016			Xã Ea KNuec	KHÔNG	Ngoại thành
3017			Xã Ea Yông	KHÔNG	Ngoại thành
3018			Xã Hòa An	KHÔNG	Ngoại thành
3019			Xã Ea Kuảng	KHÔNG	Ngoại thành
3020			Xã Hòa Đông	KHÔNG	Ngoại thành
3021			Xã Ea Hiu	KHÔNG	Ngoại thành
3022			Xã Hòa Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
3023			Xã Tân Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
3024			Xã Vụ Bốn	KHÔNG	Ngoại thành
3025			Xã Ea Uy	KHÔNG	Ngoại thành

3026	Tỉnh Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	Xã Ea Yêng	KHÔNG	Ngoại thành
3027		Huyện Lắk	Thị trấn Liên Sơn	CÓ	Ngoại thành
3028			Xã Yang Tao	CÓ	Ngoại thành
3029			Xã Bông Krang	CÓ	Ngoại thành
3030			Xã Đắk Liêng	CÓ	Ngoại thành
3031			Xã Buôn Triết	CÓ	Ngoại thành
3032			Xã Buôn Tría	CÓ	Ngoại thành
3033			Xã Đắk Phơi	CÓ	Ngoại thành
3034			Xã Đắk Nuê	CÓ	Ngoại thành
3035			Xã Krông Nô	CÓ	Ngoại thành
3036			Xã Nam Ka	CÓ	Ngoại thành
3037			Xã Ea R'Bin	CÓ	Ngoại thành
3038		Huyện M'Đrăk	Thị trấn M'Đrăk	KHÔNG	Ngoại thành
3039			Xã Cư Prao	KHÔNG	Ngoại thành
3040			Xã Ea Pil	KHÔNG	Ngoại thành
3041			Xã Ea Lai	KHÔNG	Ngoại thành
3042			Xã Ea H'MLay	KHÔNG	Ngoại thành
3043			Xã Krông Jing	KHÔNG	Ngoại thành
3044			Xã Ea M' Doal	KHÔNG	Ngoại thành
3045			Xã Ea Riêng	KHÔNG	Ngoại thành
3046			Xã Cư M'ta	KHÔNG	Ngoại thành
3047			Xã Cư K Róa	KHÔNG	Ngoại thành
3048			Xã Krông Á	KHÔNG	Ngoại thành
3049			Xã Cư San	KHÔNG	Ngoại thành
3050			Xã Ea Trang	KHÔNG	Ngoại thành
3051		Thành phố Buôn Ma Thuột	Xã Cư Êbur	CÓ	Nội thành
3052			Xã Ea Kao	CÓ	Nội thành
3053			Xã Hòa Phú	CÓ	Nội thành
3054			Xã Hòa Khánh	CÓ	Nội thành
3055			Xã Hòa Xuân	CÓ	Nội thành
3056			Xã Hòa Thuận	CÓ	Nội thành
3057			Xã Ea Tu	CÓ	Nội thành
3058			Xã Hòa Thắng	CÓ	Nội thành
3059			Phường Tân Lập	CÓ	Nội thành
3060			Phường Tân An	CÓ	Nội thành
3061			Phường Thống Nhất	CÓ	Nội thành
3062			Phường Thành Nhất	CÓ	Nội thành
3063			Phường Thắng Lợi	CÓ	Nội thành
3064			Phường Tân Lợi	CÓ	Nội thành
3065			Phường Thành Công	CÓ	Nội thành
3066			Phường Tân Thành	CÓ	Nội thành

3067	Tỉnh Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	Phường Tân Tiến	CÓ	Nội thành
3068			Phường Tự An	CÓ	Nội thành
3069			Phường Ea Tam	CÓ	Nội thành
3070			Phường Tân Hòa	CÓ	Nội thành
3071			Phường Khánh Xuân	CÓ	Nội thành
3072		Thị Xã Buôn Hồ	Phường An Lạc	CÓ	Ngoại thành
3073			Phường An Bình	CÓ	Ngoại thành
3074			Phường Thiện An	CÓ	Ngoại thành
3075			Phường Đạt Hiếu	CÓ	Ngoại thành
3076			Phường Đoàn Kết	CÓ	Ngoại thành
3077			Xã Ea Blang	CÓ	Ngoại thành
3078			Xã Ea Drông	CÓ	Ngoại thành
3079			Phường Thống Nhất	CÓ	Ngoại thành
3080			Phường Bình Tân	CÓ	Ngoại thành
3081			Xã Ea Siên	CÓ	Ngoại thành
3082			Xã Bình Thuận	CÓ	Ngoại thành
3083			Xã Cư Bao	CÓ	Ngoại thành
3084	Tỉnh Đắk Nông	Huyện Cư Jút	Thị trấn Ea T'Ling	KHÔNG	Ngoại thành
3085			Xã Đắk Wil	KHÔNG	Ngoại thành
3086			Xã Ea Pô	KHÔNG	Ngoại thành
3087			Xã Nam Dong	KHÔNG	Ngoại thành
3088			Xã Đắk DRông	KHÔNG	Ngoại thành
3089			Xã Tâm Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
3090			Xã Cư Knia	KHÔNG	Ngoại thành
3091			Xã Trúc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3092		Huyện Đắk Glong	Xã Quảng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3093			Xã Quảng Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
3094			Xã Đắk Ha	KHÔNG	Ngoại thành
3095			Xã Đắk R'Măng	KHÔNG	Ngoại thành
3096			Xã Quảng Khê	KHÔNG	Ngoại thành
3097			Xã Đắk Plao	KHÔNG	Ngoại thành
3098			Xã Đắk Som	KHÔNG	Ngoại thành
3099		Huyện Đắk Mil	Thị trấn Đắk Mil	CÓ	Ngoại thành
3100			Xã Đắk Lao	CÓ	Ngoại thành
3101			Xã Đắk R'La	CÓ	Ngoại thành
3102			Xã Đắk Găn	CÓ	Ngoại thành
3103			Xã Đức Mạnh	CÓ	Ngoại thành
3104			Xã Đắk N'Drót	CÓ	Ngoại thành
3105			Xã Long Sơn	CÓ	Ngoại thành
3106			Xã Đắk Sắk	CÓ	Ngoại thành
3107			Xã Thuận An	CÓ	Ngoại thành

3108	Tỉnh Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	Xã Đức Minh	CÓ	Ngoại thành
3109		Huyện Đắk R'Lấp	Thị trấn Kiến Đức	CÓ	Ngoại thành
3110			Xã Quảng Tín	CÓ	Ngoại thành
3111			Xã Đắk Wer	CÓ	Ngoại thành
3112			Xã Nhân Cơ	CÓ	Ngoại thành
3113			Xã Kiến Thành	CÓ	Ngoại thành
3114			Xã Nghĩa Thắng	CÓ	Ngoại thành
3115			Xã Đạo Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
3116			Xã Đắk Sin	KHÔNG	Ngoại thành
3117			Xã Hưng Bình	KHÔNG	Ngoại thành
3118			Xã Đắk Ru	CÓ	Ngoại thành
3119			Xã Nhân Đạo	CÓ	Ngoại thành
3120		Huyện Đắk Song	Thị trấn Đức An	CÓ	Ngoại thành
3121			Xã Đắk Môi	KHÔNG	Ngoại thành
3122			Xã Đắk Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
3123			Xã Nam Bình	CÓ	Ngoại thành
3124			Xã Thuận Hà	KHÔNG	Ngoại thành
3125			Xã Thuận Hạnh	CÓ	Ngoại thành
3126			Xã Đắk N'Dung	CÓ	Ngoại thành
3127			Xã Nâm N'Jang	CÓ	Ngoại thành
3128			Xã Trường Xuân	CÓ	Ngoại thành
3129		Huyện Krông Nô	Thị trấn Đắk Mâm	KHÔNG	Ngoại thành
3130			Xã Đắk Sôr	KHÔNG	Ngoại thành
3131			Xã Nam Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
3132			Xã Buôn Choah	KHÔNG	Ngoại thành
3133			Xã Nam Đà	KHÔNG	Ngoại thành
3134			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
3135			Xã Đắk Drô	KHÔNG	Ngoại thành
3136			Xã Nâm Nung	KHÔNG	Ngoại thành
3137			Xã Đức Xuyên	KHÔNG	Ngoại thành
3138			Xã Đắk Nang	KHÔNG	Ngoại thành
3139			Xã Quảng Phú	KHÔNG	Ngoại thành
3140			Xã Nâm N'Đir	KHÔNG	Ngoại thành
3141		Huyện Tuy Đức	Xã Quảng Trực	KHÔNG	Ngoại thành
3142			Xã Đắk Búk So	KHÔNG	Ngoại thành
3143			Xã Quảng Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
3144			Xã Đắk R'Tít	KHÔNG	Ngoại thành
3145			Xã Đắk Ngo	KHÔNG	Ngoại thành
3146			Xã Quảng Tân	KHÔNG	Ngoại thành
3147		Thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Đức	CÓ	Nội thành
3148			Phường Nghĩa Thành	CÓ	Nội thành

3149	Tỉnh Đắk Nông	Thành phố Gia Nghĩa	Phường Nghĩa Trung	CÓ	Nội thành
3150			Xã Đắk R'Moan	KHÔNG	Nội thành
3151			Xã Đắk Nia	KHÔNG	Nội thành
3152			Phường Nghĩa Phú	CÓ	Nội thành
3153			Phường Nghĩa Tân	CÓ	Nội thành
3154			Phường Quảng Thành	CÓ	Nội thành
3155	Tỉnh Điện Biên	Huyện Điện Biên	Xã Mường Pồn	KHÔNG	Ngoại thành
3156			Xã Thanh Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
3157			Xã Hua Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
3158			Xã Thanh Luông	KHÔNG	Ngoại thành
3159			Xã Thanh Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
3160			Xã Thanh Xương	KHÔNG	Ngoại thành
3161			Xã Thanh Chăn	KHÔNG	Ngoại thành
3162			Xã Pa Thơm	KHÔNG	Ngoại thành
3163			Xã Thanh An	KHÔNG	Ngoại thành
3164			Xã Thanh Yên	KHÔNG	Ngoại thành
3165			Xã Noong Luống	KHÔNG	Ngoại thành
3166			Xã Noọng Hẹt	KHÔNG	Ngoại thành
3167			Xã Sam Mứn	KHÔNG	Ngoại thành
3168			Xã Pom Lót	KHÔNG	Ngoại thành
3169			Xã Núa Ngam	KHÔNG	Ngoại thành
3170			Xã Hẹ Muông	KHÔNG	Ngoại thành
3171			Xã Na Ứ	KHÔNG	Ngoại thành
3172			Xã Mường Nhà	KHÔNG	Ngoại thành
3173			Xã Na Tông	KHÔNG	Ngoại thành
3174			Xã Mường Lói	KHÔNG	Ngoại thành
3175			Xã Phu Luông	KHÔNG	Ngoại thành
3176		Huyện Điện Biên Đông	Thị trấn Điện Biên Đông	KHÔNG	Ngoại thành
3177			Xã Na Son	KHÔNG	Ngoại thành
3178			Xã Pì Nhừ	KHÔNG	Ngoại thành
3179			Xã Chiềng Sơ	KHÔNG	Ngoại thành
3180			Xã Mường Luân	KHÔNG	Ngoại thành
3181			Xã Pú Nhi	KHÔNG	Ngoại thành
3182			Xã Nong U	KHÔNG	Ngoại thành
3183			Xã Xa Dung	KHÔNG	Ngoại thành
3184			Xã Keo Lôm	KHÔNG	Ngoại thành
3185			Xã Luân Giới	KHÔNG	Ngoại thành
3186			Xã Phình Giàng	KHÔNG	Ngoại thành
3187			Xã Pú Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
3188			Xã Tìà Đình	KHÔNG	Ngoại thành
3189			Xã Háng Lìa	KHÔNG	Ngoại thành

3190	Tỉnh Điện Biên	Huyện Mường Ảng	Thị trấn Mường Ảng	KHÔNG	Ngoại thành
3191			Xã Mường Đăng	KHÔNG	Ngoại thành
3192			Xã Ngồi Cáy	KHÔNG	Ngoại thành
3193			Xã Ảng Tở	KHÔNG	Ngoại thành
3194			Xã Búng Lao	KHÔNG	Ngoại thành
3195			Xã Xuân Lao	KHÔNG	Ngoại thành
3196			Xã Ảng Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
3197			Xã Ảng Cang	KHÔNG	Ngoại thành
3198			Xã Nậm Lịch	KHÔNG	Ngoại thành
3199			Xã Mường Lạn	KHÔNG	Ngoại thành
3200		Huyện Mường Chà	Thị Trấn Mường Chà	KHÔNG	Ngoại thành
3201			Xã Xá Tổng	KHÔNG	Ngoại thành
3202			Xã Mường Tùng	KHÔNG	Ngoại thành
3203			Xã Hừa Ngải	KHÔNG	Ngoại thành
3204			Xã Huổi Mí	KHÔNG	Ngoại thành
3205			Xã Pa Ham	KHÔNG	Ngoại thành
3206			Xã Nậm Nèn	KHÔNG	Ngoại thành
3207			Xã Huổi Lèng	KHÔNG	Ngoại thành
3208			Xã Sa Lông	KHÔNG	Ngoại thành
3209			Xã Ma Thì Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
3210			Xã Na Sang	KHÔNG	Ngoại thành
3211			Xã Mường Mươn	KHÔNG	Ngoại thành
3212		Huyện Mường Nhé	Xã Sín Thầu	KHÔNG	Ngoại thành
3213			Xã Sen Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
3214			Xã Chung Chải	KHÔNG	Ngoại thành
3215			Xã Leng Su Sìn	KHÔNG	Ngoại thành
3216			Xã Pá Mỳ	KHÔNG	Ngoại thành
3217			Xã Mường Nhé	KHÔNG	Ngoại thành
3218			Xã Nậm Vì	KHÔNG	Ngoại thành
3219			Xã Nậm Kè	KHÔNG	Ngoại thành
3220			Xã Mường Toong	KHÔNG	Ngoại thành
3221			Xã Quảng Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
3222			Xã Huổi Lênh	KHÔNG	Ngoại thành
3223		Huyện Nậm Pồ	Xã Nậm Tin	KHÔNG	Ngoại thành
3224			Xã Pa Tần	KHÔNG	Ngoại thành
3225			Xã Chà Cang	KHÔNG	Ngoại thành
3226			Xã Na Cô Sa	KHÔNG	Ngoại thành
3227			Xã Nà Khoa	KHÔNG	Ngoại thành
3228			Xã Nà Hỳ	KHÔNG	Ngoại thành
3229			Xã Nà Búng	KHÔNG	Ngoại thành
3230			Xã Nậm Nhừ	KHÔNG	Ngoại thành

3231	Tỉnh Điện Biên	Huyện Nậm Pồ	Xã Nậm Chua	KHÔNG	Ngoại thành
3232			Xã Nậm Khăn	KHÔNG	Ngoại thành
3233			Xã Chà Tở	KHÔNG	Ngoại thành
3234			Xã Vàng Đán	KHÔNG	Ngoại thành
3235			Xã Chà Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
3236			Xã Phìn Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
3237			Xã Si Pa Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3238		Huyện Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	KHÔNG	Ngoại thành
3239			Xã Huổi Sớ	KHÔNG	Ngoại thành
3240			Xã Xín Chải	KHÔNG	Ngoại thành
3241			Xã Tả Sìn Thàng	KHÔNG	Ngoại thành
3242			Xã Lao Xả Phình	KHÔNG	Ngoại thành
3243			Xã Tả Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3244			Xã Tủa Thàng	KHÔNG	Ngoại thành
3245			Xã Trung Thu	KHÔNG	Ngoại thành
3246			Xã Sính Phình	KHÔNG	Ngoại thành
3247			Xã Sáng Nhè	KHÔNG	Ngoại thành
3248			Xã Mường Đun	KHÔNG	Ngoại thành
3249			Xã Mường Báng	KHÔNG	Ngoại thành
3250		Huyện Tuần Giáo	Thị trấn Tuần Giáo	KHÔNG	Ngoại thành
3251			Xã Phình Sáng	KHÔNG	Ngoại thành
3252			Xã Rạng Đông	KHÔNG	Ngoại thành
3253			Xã Mùn Chung	KHÔNG	Ngoại thành
3254			Xã Nà Tông	KHÔNG	Ngoại thành
3255			Xã Ta Ma	KHÔNG	Ngoại thành
3256			Xã Mường Mùn	KHÔNG	Ngoại thành
3257			Xã Pú Xi	KHÔNG	Ngoại thành
3258			Xã Pú Nhung	KHÔNG	Ngoại thành
3259			Xã Quài Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
3260			Xã Mường Thín	KHÔNG	Ngoại thành
3261			Xã Tỏa Tình	KHÔNG	Ngoại thành
3262			Xã Nà Sáy	KHÔNG	Ngoại thành
3263			Xã Mường Khong	KHÔNG	Ngoại thành
3264			Xã Quài Cang	KHÔNG	Ngoại thành
3265			Xã Quài Tở	KHÔNG	Ngoại thành
3266			Xã Chiềng Sinh	KHÔNG	Ngoại thành
3267			Xã Chiềng Đông	KHÔNG	Ngoại thành
3268			Xã Tênh Phong	KHÔNG	Ngoại thành
3269		Thành phố Điện Biên Phủ	Xã Nà Tấu	KHÔNG	Nội thành
3270			Xã Nà Nhạn	KHÔNG	Nội thành
3271			Xã Mường Phăng	KHÔNG	Nội thành

3272	Tỉnh Điện Biên	Thành phố Điện Biên Phủ	Xã Pá Khoang	KHÔNG	Nội thành
3273			Phường Him Lam	CÓ	Nội thành
3274			Phường Thanh Bình	CÓ	Nội thành
3275			Phường Tân Thanh	CÓ	Nội thành
3276			Phường Mường Thanh	CÓ	Nội thành
3277			Xã Thanh Minh	CÓ	Nội thành
3278			Phường Noong Bua	CÓ	Nội thành
3279			Phường Nam Thanh	CÓ	Nội thành
3280			Phường Thanh Trường	CÓ	Nội thành
3281		Thị Xã Mường Lay	Phường Sông Đà	KHÔNG	Ngoại thành
3282			Phường Na Lay	KHÔNG	Ngoại thành
3283			Xã Lay Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
3284	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	Thị trấn Long Giao	CÓ	Ngoại thành
3285			Xã Sông Nhạn	CÓ	Ngoại thành
3286			Xã Xuân Quế	CÓ	Ngoại thành
3287			Xã Nhân Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
3288			Xã Xuân Đường	CÓ	Ngoại thành
3289			Xã Xuân Mỹ	CÓ	Ngoại thành
3290			Xã Thừa Đức	CÓ	Ngoại thành
3291			Xã Bảo Bình	CÓ	Ngoại thành
3292			Xã Xuân Bảo	CÓ	Ngoại thành
3293			Xã Xuân Tây	CÓ	Ngoại thành
3294			Xã Xuân Đông	CÓ	Ngoại thành
3295			Xã Sông Ray	CÓ	Ngoại thành
3296			Xã Lâm San	CÓ	Ngoại thành
3297		Huyện Định Quán	Thị trấn Định Quán	CÓ	Ngoại thành
3298			Xã Thanh Sơn	CÓ	Ngoại thành
3299			Xã Phú Tân	CÓ	Ngoại thành
3300			Xã Phú Vinh	CÓ	Ngoại thành
3301			Xã Phú Lợi	CÓ	Ngoại thành
3302			Xã Phú Hòa	CÓ	Ngoại thành
3303			Xã Ngọc Định	CÓ	Ngoại thành
3304			Xã La Ngà	CÓ	Ngoại thành
3305			Xã Gia Canh	CÓ	Ngoại thành
3306			Xã Phú Ngọc	CÓ	Ngoại thành
3307			Xã Phú Cường	CÓ	Ngoại thành
3308			Xã Túc Trưng	CÓ	Ngoại thành
3309			Xã Phú Túc	CÓ	Ngoại thành
3310			Xã Suối Nho	CÓ	Ngoại thành
3311		Huyện Long Thành	Xã Long An	CÓ	Nội thành
3312			Xã Phước Thái	CÓ	Nội thành

3313	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Long Thành	Xã Bình An	CÓ	Nội thành
3314			Xã Cẩm Đường	CÓ	Nội thành
3315			Xã Bàu Cạn	CÓ	Nội thành
3316			Xã Long Phước	CÓ	Nội thành
3317			Xã Phước Bình	CÓ	Nội thành
3318			Xã Tân Hiệp	CÓ	Nội thành
3319			Thị trấn Long Thành	CÓ	Nội thành
3320			Xã An Phước	CÓ	Nội thành
3321			Xã Long Đức	CÓ	Nội thành
3322			Xã Lộc An	CÓ	Nội thành
3323			Xã Bình Sơn	CÓ	Nội thành
3324			Xã Tam An	CÓ	Nội thành
3325		Huyện Nhơn Trạch	Xã Đại Phước	CÓ	Nội thành
3326			Xã Phú Hữu	CÓ	Nội thành
3327			Xã Phú Thạnh	CÓ	Nội thành
3328			Xã Phú Đông	CÓ	Nội thành
3329			Xã Long Tân	CÓ	Nội thành
3330			Xã Phước Thiện	CÓ	Nội thành
3331			Thị trấn Hiệp Phước	CÓ	Nội thành
3332			Xã Phú Hội	CÓ	Nội thành
3333			Xã Long Thọ	CÓ	Nội thành
3334			Xã Vĩnh Thanh	CÓ	Nội thành
3335			Xã Phước Khánh	CÓ	Nội thành
3336			Xã Phước An	CÓ	Nội thành
3337		Huyện Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
3338			Xã Dak Lua	CÓ	Ngoại thành
3339			Xã Nam Cát Tiên	CÓ	Ngoại thành
3340			Xã Phú An	CÓ	Ngoại thành
3341			Xã Núi Tượng	CÓ	Ngoại thành
3342			Xã Tà Lài	CÓ	Ngoại thành
3343			Xã Phú Lập	CÓ	Ngoại thành
3344			Xã Phú Sơn	CÓ	Ngoại thành
3345			Xã Phú Thịnh	CÓ	Ngoại thành
3346			Xã Thanh Sơn	CÓ	Ngoại thành
3347			Xã Phú Trung	CÓ	Ngoại thành
3348			Xã Phú Xuân	CÓ	Ngoại thành
3349			Xã Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
3350			Xã Phú Lâm	CÓ	Ngoại thành
3351			Xã Phú Bình	CÓ	Ngoại thành
3352			Xã Phú Thanh	CÓ	Ngoại thành
3353			Xã Trà Cổ	CÓ	Ngoại thành

3354	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Tân Phú	Xã Phú Điền	CÓ	Ngoại thành
3355		Huyện Thống Nhất	Xã Gia Tân 1	CÓ	Ngoại thành
3356			Xã Gia Tân 2	CÓ	Ngoại thành
3357			Xã Gia Tân 3	CÓ	Ngoại thành
3358			Xã Gia Kiệm	CÓ	Ngoại thành
3359			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
3360			Xã Bàu Hàm 2	CÓ	Ngoại thành
3361			Xã Hưng Lộc	CÓ	Ngoại thành
3362			Xã Lộ 25	CÓ	Ngoại thành
3363			Xã Xuân Thiện	CÓ	Ngoại thành
3364			Thị trấn Dầu Giây	CÓ	Ngoại thành
3365		Huyện Trảng Bom	Xã Bắc Sơn	CÓ	Nội thành
3366			Xã Hố Nai 3	CÓ	Nội thành
3367			Thị trấn Trảng Bom	CÓ	Nội thành
3368			Xã Thanh Bình	CÓ	Nội thành
3369			Xã Cây Gáo	CÓ	Nội thành
3370			Xã Bàu Hàm	CÓ	Nội thành
3371			Xã Sông Thao	CÓ	Nội thành
3372			Xã Sông Trầu	CÓ	Nội thành
3373			Xã Đông Hoà	CÓ	Nội thành
3374			Xã Tây Hoà	CÓ	Nội thành
3375			Xã Bình Minh	CÓ	Nội thành
3376			Xã Trung Hoà	CÓ	Nội thành
3377			Xã Đồi 61	CÓ	Nội thành
3378			Xã Hưng Thịnh	CÓ	Nội thành
3379			Xã Quảng Tiến	CÓ	Nội thành
3380			Xã Giang Điền	CÓ	Nội thành
3381			Xã An Viễn	CÓ	Nội thành
3382		Huyện Vĩnh Cửu	Xã Bình Lợi	CÓ	Ngoại thành
3383			Xã Bình Hòa	CÓ	Ngoại thành
3384			Thị trấn Vĩnh An	CÓ	Ngoại thành
3385			Xã Vĩnh Tân	CÓ	Ngoại thành
3386			Xã Phú Lý	KHÔNG	Ngoại thành
3387			Xã Tân An	KHÔNG	Ngoại thành
3388			Xã Mã Đà	KHÔNG	Ngoại thành
3389			Xã Hiếu Liêm	KHÔNG	Ngoại thành
3390			Xã Thiện Tân	CÓ	Ngoại thành
3391			Xã Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
3392			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
3393			Xã Trị An	KHÔNG	Ngoại thành
3394		Huyện Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	CÓ	Ngoại thành

3395	Tỉnh Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	Xã Xuân Thành	CÓ	Ngoại thành
3396			Xã Xuân Trường	CÓ	Ngoại thành
3397			Xã Xuân Tâm	CÓ	Ngoại thành
3398			Xã Suối Cát	CÓ	Ngoại thành
3399			Xã Xuân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
3400			Xã Xuân Phú	CÓ	Ngoại thành
3401			Xã Xuân Định	CÓ	Ngoại thành
3402			Xã Bảo Hoà	CÓ	Ngoại thành
3403			Xã Xuân Thọ	CÓ	Ngoại thành
3404			Xã Lang Minh	CÓ	Ngoại thành
3405			Xã Xuân Bắc	CÓ	Ngoại thành
3406			Xã Suối Cao	CÓ	Ngoại thành
3407			Xã Xuân Hòa	CÓ	Ngoại thành
3408			Xã Xuân Hưng	CÓ	Ngoại thành
3409		Thành phố Biên Hòa	Phường Long Bình	CÓ	Nội thành
3410			Phường Tân Hiệp	CÓ	Nội thành
3411			Phường Tân Tiến	CÓ	Nội thành
3412			Phường Tam Hiệp	CÓ	Nội thành
3413			Phường Quang Vinh	CÓ	Nội thành
3414			Phường Tân Mai	CÓ	Nội thành
3415			Phường Thống Nhất	CÓ	Nội thành
3416			Phường Trung Dũng	CÓ	Nội thành
3417			Phường Tam Hòa	CÓ	Nội thành
3418			Phường Quyết Thắng	CÓ	Nội thành
3419			Phường Thanh Bình	CÓ	Nội thành
3420			Phường Bình Đa	CÓ	Nội thành
3421			Phường An Bình	CÓ	Nội thành
3422			Phường Long Bình Tân	CÓ	Nội thành
3423			Phường Hiệp Hòa	CÓ	Nội thành
3424			Phường Tam Phước	CÓ	Nội thành
3425			Phường Tân Phong	CÓ	Nội thành
3426			Phường Bửu Long	CÓ	Nội thành
3427			Phường Bửu Hòa	CÓ	Nội thành
3428			Phường Tân Vạn	CÓ	Nội thành
3429			Phường Tân Hạnh	CÓ	Nội thành
3430			Phường Hóa An	CÓ	Nội thành
3431			Phường An Hòa	CÓ	Nội thành
3432			Phường Phước Tân	CÓ	Nội thành
3433			Xã Long Hưng	CÓ	Nội thành
3434			Phường Trảng Dài	CÓ	Nội thành
3435			Phường Tân Biên	CÓ	Nội thành

3436	Tỉnh Đồng Nai	Thành phố Biên Hòa	Phường Hồ Nai	CÓ	Nội thành
3437			Phường Tân Hòa	CÓ	Nội thành
3438			Phường Hòa Bình	CÓ	Nội thành
3439		Thành phố Long Khánh	Phường Xuân Trung	CÓ	Nội thành
3440			Phường Xuân Thanh	CÓ	Nội thành
3441			Phường Xuân Bình	CÓ	Nội thành
3442			Phường Xuân An	CÓ	Nội thành
3443			Phường Xuân Hoà	CÓ	Nội thành
3444			Phường Phú Bình	CÓ	Nội thành
3445			Xã Bình Lộc	CÓ	Nội thành
3446			Xã Bảo Quang	CÓ	Nội thành
3447			Phường Suối Tre	CÓ	Nội thành
3448			Phường Bảo Vinh	CÓ	Nội thành
3449			Phường Xuân Lập	CÓ	Nội thành
3450			Phường Bàu Sen	CÓ	Nội thành
3451			Xã Bàu Trâm	CÓ	Nội thành
3452			Phường Xuân Tân	CÓ	Nội thành
3453			Xã Hàng Gòn	CÓ	Nội thành
3454	Tỉnh Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh	Thị trấn Mỹ Thợ	CÓ	Ngoại thành
3455			Xã Gáo Giồng	CÓ	Ngoại thành
3456			Xã Phương Thịnh	CÓ	Ngoại thành
3457			Xã Ba Sao	CÓ	Ngoại thành
3458			Xã Phong Mỹ	CÓ	Ngoại thành
3459			Xã Tân Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
3460			Xã Phương Trà	CÓ	Ngoại thành
3461			Xã Nhị Mỹ	CÓ	Ngoại thành
3462			Xã Mỹ Thợ	CÓ	Ngoại thành
3463			Xã Tân Hội Trung	CÓ	Ngoại thành
3464			Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
3465			Xã Mỹ Hội	CÓ	Ngoại thành
3466			Xã Mỹ Hiệp	CÓ	Ngoại thành
3467			Xã Mỹ Long	CÓ	Ngoại thành
3468			Xã Bình Hàng Trung	CÓ	Ngoại thành
3469			Xã Mỹ Xương	CÓ	Ngoại thành
3470			Xã Bình Hàng Tây	CÓ	Ngoại thành
3471			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
3472		Huyện Châu Thành	Thị trấn Cái Tàu Hạ	CÓ	Ngoại thành
3473			Xã An Hiệp	CÓ	Ngoại thành
3474			Xã An Nhơn	CÓ	Ngoại thành
3475			Xã Tân Nhuận Đông	CÓ	Ngoại thành
3476			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành

3477	Tỉnh Đồng Tháp	Huyện Châu Thành	Xã Tân Phú Trung	CÓ	Ngoại thành
3478			Xã Phú Long	CÓ	Ngoại thành
3479			Xã An Phú Thuận	CÓ	Ngoại thành
3480			Xã Phú Hữu	CÓ	Ngoại thành
3481			Xã An Khánh	CÓ	Ngoại thành
3482			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
3483			Xã Hòa Tân	CÓ	Ngoại thành
3484		Huyện Hồng Ngự	Xã Thường Phước 1	CÓ	Ngoại thành
3485			Xã Thường Thới Hậu A	CÓ	Ngoại thành
3486			Thị trấn Thường Thới Tiền	CÓ	Ngoại thành
3487			Xã Thường Phước 2	CÓ	Ngoại thành
3488			Xã Thường Lạc	CÓ	Ngoại thành
3489			Xã Long Khánh A	CÓ	Ngoại thành
3490			Xã Long Khánh B	CÓ	Ngoại thành
3491			Xã Long Thuận	CÓ	Ngoại thành
3492			Xã Phú Thuận B	CÓ	Ngoại thành
3493			Xã Phú Thuận A	CÓ	Ngoại thành
3494		Huyện Lai Vung	Thị trấn Lai Vung	CÓ	Ngoại thành
3495			Xã Tân Dương	CÓ	Ngoại thành
3496			Xã Hòa Thành	CÓ	Ngoại thành
3497			Xã Long Hậu	CÓ	Ngoại thành
3498			Xã Tân Phước	CÓ	Ngoại thành
3499			Xã Hòa Long	CÓ	Ngoại thành
3500			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
3501			Xã Long Thắng	CÓ	Ngoại thành
3502			Xã Vĩnh Thới	CÓ	Ngoại thành
3503			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
3504			Xã Định Hòa	CÓ	Ngoại thành
3505			Xã Phong Hòa	CÓ	Ngoại thành
3506		Huyện Lấp Vò	Thị trấn Lấp Vò	CÓ	Ngoại thành
3507			Xã Mỹ An Hưng A	CÓ	Ngoại thành
3508			Xã Tân Mỹ	CÓ	Ngoại thành
3509			Xã Mỹ An Hưng B	CÓ	Ngoại thành
3510			Xã Tân Khánh Trung	CÓ	Ngoại thành
3511			Xã Long Hưng A	CÓ	Ngoại thành
3512			Xã Vĩnh Thạnh	CÓ	Ngoại thành
3513			Xã Long Hưng B	CÓ	Ngoại thành
3514			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
3515			Xã Định An	CÓ	Ngoại thành
3516			Xã Định Yên	CÓ	Ngoại thành
3517			Xã Hội An Đông	CÓ	Ngoại thành

3518	Tỉnh Đồng Tháp	Huyện Lấp Vò	Xã Bình Thạnh Trung	CÓ	Ngoại thành
3519		Huyện Tam Nông	Thị trấn Tràm Chim	CÓ	Ngoại thành
3520			Xã Hoà Bình	CÓ	Ngoại thành
3521			Xã Tân Công Sính	CÓ	Ngoại thành
3522			Xã Phú Hiệp	CÓ	Ngoại thành
3523			Xã Phú Đức	CÓ	Ngoại thành
3524			Xã Phú Thành B	CÓ	Ngoại thành
3525			Xã An Hòa	CÓ	Ngoại thành
3526			Xã An Long	CÓ	Ngoại thành
3527			Xã Phú Cường	CÓ	Ngoại thành
3528			Xã Phú Ninh	CÓ	Ngoại thành
3529			Xã Phú Thọ	CÓ	Ngoại thành
3530			Xã Phú Thành A	CÓ	Ngoại thành
3531		Huyện Tân Hồng	Thị trấn Sa Rài	CÓ	Ngoại thành
3532			Xã Tân Hộ Cơ	CÓ	Ngoại thành
3533			Xã Thông Bình	CÓ	Ngoại thành
3534			Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
3535			Xã Tân Thành A	CÓ	Ngoại thành
3536			Xã Tân Thành B	CÓ	Ngoại thành
3537			Xã Tân Phước	CÓ	Ngoại thành
3538			Xã Tân Công Chí	CÓ	Ngoại thành
3539			Xã An Phước	CÓ	Ngoại thành
3540		Huyện Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	CÓ	Ngoại thành
3541			Xã Tân Quới	CÓ	Ngoại thành
3542			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
3543			Xã An Phong	CÓ	Ngoại thành
3544			Xã Phú Lợi	CÓ	Ngoại thành
3545			Xã Tân Mỹ	CÓ	Ngoại thành
3546			Xã Bình Tấn	CÓ	Ngoại thành
3547			Xã Tân Huê	CÓ	Ngoại thành
3548			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
3549			Xã Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
3550			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
3551			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
3552			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
3553		Huyện Tháp Mười	Thị trấn Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
3554			Xã Thạnh Lợi	CÓ	Ngoại thành
3555			Xã Hưng Thạnh	CÓ	Ngoại thành
3556			Xã Trường Xuân	CÓ	Ngoại thành
3557			Xã Tân Kiều	CÓ	Ngoại thành
3558			Xã Mỹ Hòa	CÓ	Ngoại thành

3559	Tỉnh Đồng Tháp	Huyện Tháp Mười	Xã Mỹ Quý	CÓ	Ngoại thành
3560			Xã Mỹ Đông	CÓ	Ngoại thành
3561			Xã Đốc Binh Kiều	CÓ	Ngoại thành
3562			Xã Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
3563			Xã Phú Điền	CÓ	Ngoại thành
3564			Xã Láng Biển	CÓ	Ngoại thành
3565			Xã Thanh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
3566		Thành phố Cao Lãnh	Phường 11	CÓ	Nội thành
3567			Phường 1	CÓ	Nội thành
3568			Phường 2	CÓ	Nội thành
3569			Phường 4	CÓ	Nội thành
3570			Phường 3	CÓ	Nội thành
3571			Phường 6	CÓ	Nội thành
3572			Xã Mỹ Ngãi	CÓ	Nội thành
3573			Xã Mỹ Tân	CÓ	Nội thành
3574			Xã Mỹ Trà	CÓ	Nội thành
3575			Phường Mỹ Phú	CÓ	Nội thành
3576			Xã Tân Thuận Tây	CÓ	Nội thành
3577			Phường Hoà Thuận	CÓ	Nội thành
3578			Xã Hòa An	CÓ	Nội thành
3579			Xã Tân Thuận Đông	CÓ	Nội thành
3580			Xã Tịnh Thới	CÓ	Nội thành
3581		Thành phố Hồng Ngự	Phường An Lộc	CÓ	Ngoại thành
3582			Phường An Thạnh	CÓ	Ngoại thành
3583			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
3584			Xã Tân Hội	CÓ	Ngoại thành
3585			Phường An Lạc	CÓ	Ngoại thành
3586			Phường An Bình B	CÓ	Ngoại thành
3587			Phường An Bình A	CÓ	Ngoại thành
3588		Thành phố Sa Đéc	Phường 3	CÓ	Nội thành
3589			Phường 1	CÓ	Nội thành
3590			Phường 4	CÓ	Nội thành
3591			Phường 2	CÓ	Nội thành
3592			Xã Tân Khánh Đông	CÓ	Nội thành
3593			Phường Tân Quy Đông	CÓ	Nội thành
3594			Phường An Hoà	CÓ	Nội thành
3595			Xã Tân Quy Tây	CÓ	Nội thành
3596			Xã Tân Phú Đông	CÓ	Nội thành
3597	Tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Păh	Thị trấn Phú Hòa	CÓ	Ngoại thành
3598			Xã Hà Tây	CÓ	Ngoại thành
3599			Xã Ia Khươl	CÓ	Ngoại thành

3600	Tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Păh	Xã Ia Phí	CÓ	Ngoại thành
3601			Thị trấn Ia Ly	CÓ	Ngoại thành
3602			Xã Ia Mơ Nông	CÓ	Ngoại thành
3603			Xã Ia Kreng	CÓ	Ngoại thành
3604			Xã Đăk Tơ Ver	CÓ	Ngoại thành
3605			Xã Hòa Phú	CÓ	Ngoại thành
3606			Xã Chư Đăng Ya	CÓ	Ngoại thành
3607			Xã Ia Ka	CÓ	Ngoại thành
3608			Xã Ia Nhin	CÓ	Ngoại thành
3609			Xã Nghĩa Hòa	CÓ	Ngoại thành
3610			Xã Nghĩa Hưng	CÓ	Ngoại thành
3611		Huyện Chư Prông	Thị trấn Chư Prông	CÓ	Ngoại thành
3612			Xã Ia Kly	CÓ	Ngoại thành
3613			Xã Bình Giáo	CÓ	Ngoại thành
3614			Xã Ia Drăng	CÓ	Ngoại thành
3615			Xã Thăng Hưng	CÓ	Ngoại thành
3616			Xã Bàu Cạn	CÓ	Ngoại thành
3617			Xã Ia Phìn	CÓ	Ngoại thành
3618			Xã Ia Bằng	CÓ	Ngoại thành
3619			Xã Ia Tôr	CÓ	Ngoại thành
3620			Xã Ia Boong	CÓ	Ngoại thành
3621			Xã Ia O	CÓ	Ngoại thành
3622			Xã Ia Púch	CÓ	Ngoại thành
3623			Xã Ia Me	CÓ	Ngoại thành
3624			Xã Ia Vê	CÓ	Ngoại thành
3625			Xã Ia Bang	CÓ	Ngoại thành
3626			Xã Ia Pia	CÓ	Ngoại thành
3627			Xã Ia Ga	CÓ	Ngoại thành
3628			Xã Ia Lâu	CÓ	Ngoại thành
3629			Xã Ia Piơ	CÓ	Ngoại thành
3630			Xã Ia Mơ	CÓ	Ngoại thành
3631		Huyện Chư Pưh	Thị trấn Nhơn Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
3632			Xã Ia Hrú	KHÔNG	Ngoại thành
3633			Xã Ia Rong	KHÔNG	Ngoại thành
3634			Xã Ia Dreng	KHÔNG	Ngoại thành
3635			Xã Ia Hla	KHÔNG	Ngoại thành
3636			Xã Chư Don	KHÔNG	Ngoại thành
3637			Xã Ia Phang	KHÔNG	Ngoại thành
3638			Xã Ia Le	KHÔNG	Ngoại thành
3639			Xã Ia BLứ	KHÔNG	Ngoại thành
3640		Huyện Chư Sê	Xã Ia Blang	CÓ	Ngoại thành

3641	Tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Sê	Thị trấn Chư Sê	CÓ	Ngoại thành
3642			Xã Ia Tiêm	CÓ	Ngoại thành
3643			Xã Chư Pơng	CÓ	Ngoại thành
3644			Xã Bar Măih	CÓ	Ngoại thành
3645			Xã Bờ Ngoong	CÓ	Ngoại thành
3646			Xã Ia Glai	CÓ	Ngoại thành
3647			Xã AL Bá	CÓ	Ngoại thành
3648			Xã Kông HTok	CÓ	Ngoại thành
3649			Xã AYun	CÓ	Ngoại thành
3650			Xã Ia HLốp	CÓ	Ngoại thành
3651			Xã Dun	CÓ	Ngoại thành
3652			Xã Ia Pal	CÓ	Ngoại thành
3653			Xã H Bông	CÓ	Ngoại thành
3654			Xã Ia Ko	CÓ	Ngoại thành
3655		Huyện Đăk Đoa	Thị trấn Đăk Đoa	CÓ	Ngoại thành
3656			Xã Hà Đông	CÓ	Ngoại thành
3657			Xã Đak Sơ mei	CÓ	Ngoại thành
3658			Xã Đăk Krong	CÓ	Ngoại thành
3659			Xã Hải Yang	CÓ	Ngoại thành
3660			Xã Kon Gang	CÓ	Ngoại thành
3661			Xã Hà Bău	CÓ	Ngoại thành
3662			Xã Nam Yang	CÓ	Ngoại thành
3663			Xã K' Dang	CÓ	Ngoại thành
3664			Xã H' Neng	CÓ	Ngoại thành
3665			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
3666			Xã Glar	CÓ	Ngoại thành
3667			Xã A Dơk	CÓ	Ngoại thành
3668			Xã Trang	CÓ	Ngoại thành
3669			Xã HNol	CÓ	Ngoại thành
3670			Xã Ia Pết	CÓ	Ngoại thành
3671			Xã Ia Băng	CÓ	Ngoại thành
3672		Huyện Đăk Pơ	Xã Hà Tam	KHÔNG	Ngoại thành
3673			Xã An Thành	KHÔNG	Ngoại thành
3674			Thị trấn Đak Pơ	KHÔNG	Ngoại thành
3675			Xã Yang Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
3676			Xã Cư An	KHÔNG	Ngoại thành
3677			Xã Tân An	KHÔNG	Ngoại thành
3678			Xã Phú An	KHÔNG	Ngoại thành
3679			Xã Ya Hội	KHÔNG	Ngoại thành
3680		Huyện Đức Cơ	Thị trấn Chư Ty	KHÔNG	Ngoại thành
3681			Xã Ia Dơk	KHÔNG	Ngoại thành

3682	Tỉnh Gia Lai	Huyện Đức Cơ	Xã Ia Krêl	KHÔNG	Ngoại thành
3683			Xã Ia Din	KHÔNG	Ngoại thành
3684			Xã Ia Kla	KHÔNG	Ngoại thành
3685			Xã Ia Dom	KHÔNG	Ngoại thành
3686			Xã Ia Lang	KHÔNG	Ngoại thành
3687			Xã Ia Kriêng	KHÔNG	Ngoại thành
3688			Xã Ia Pnôn	KHÔNG	Ngoại thành
3689			Xã Ia Nan	KHÔNG	Ngoại thành
3690		Huyện Ia Grai	Thị trấn Ia Kha	CÓ	Ngoại thành
3691			Xã Ia Sao	CÓ	Ngoại thành
3692			Xã Ia Yok	CÓ	Ngoại thành
3693			Xã Ia Hrug	CÓ	Ngoại thành
3694			Xã Ia Bă	CÓ	Ngoại thành
3695			Xã Ia Khai	CÓ	Ngoại thành
3696			Xã Ia KRai	CÓ	Ngoại thành
3697			Xã Ia Grăng	CÓ	Ngoại thành
3698			Xã Ia Tô	CÓ	Ngoại thành
3699			Xã Ia O	CÓ	Ngoại thành
3700			Xã Ia Dêr	CÓ	Ngoại thành
3701			Xã Ia Chia	CÓ	Ngoại thành
3702			Xã Ia Pếch	CÓ	Ngoại thành
3703		Huyện Ia Pa	Xã Pờ Tó	KHÔNG	Ngoại thành
3704			Xã Chư Răng	KHÔNG	Ngoại thành
3705			Xã Ia KDăm	KHÔNG	Ngoại thành
3706			Xã Kim Tân	KHÔNG	Ngoại thành
3707			Xã Chư Mố	KHÔNG	Ngoại thành
3708			Xã Ia Tul	KHÔNG	Ngoại thành
3709			Xã Ia Ma Rơn	KHÔNG	Ngoại thành
3710			Xã Ia Broăi	KHÔNG	Ngoại thành
3711			Xã Ia Trok	KHÔNG	Ngoại thành
3712		Huyện KBang	Thị trấn KBang	CÓ	Ngoại thành
3713			Xã Kon Pne	CÓ	Ngoại thành
3714			Xã Đăk Roong	CÓ	Ngoại thành
3715			Xã Sơn Lang	CÓ	Ngoại thành
3716			Xã KRon	CÓ	Ngoại thành
3717			Xã Sơ Pai	CÓ	Ngoại thành
3718			Xã Lơ Ku	CÓ	Ngoại thành
3719			Xã Đông	CÓ	Ngoại thành
3720			Xã Đak SMar	CÓ	Ngoại thành
3721			Xã Nghĩa An	CÓ	Ngoại thành
3722			Xã Tơ Tung	CÓ	Ngoại thành

3723	Tỉnh Gia Lai	Huyện KBang	Xã Kông Lơng Khơng	CÓ	Ngoại thành
3724			Xã Kông Pla	CÓ	Ngoại thành
3725			Xã Đăk HLơ	CÓ	Ngoại thành
3726		Huyện Kông Chro	Thị trấn Kông Chro	KHÔNG	Ngoại thành
3727			Xã Chư Krêy	KHÔNG	Ngoại thành
3728			Xã An Trung	KHÔNG	Ngoại thành
3729			Xã Kông Yang	KHÔNG	Ngoại thành
3730			Xã Đăk Tơ Pang	KHÔNG	Ngoại thành
3731			Xã SRó	KHÔNG	Ngoại thành
3732			Xã Đăk Kơ Ning	KHÔNG	Ngoại thành
3733			Xã Đăk Song	KHÔNG	Ngoại thành
3734			Xã Đăk Pling	KHÔNG	Ngoại thành
3735			Xã Yang Trung	KHÔNG	Ngoại thành
3736			Xã Đăk Pơ Pho	KHÔNG	Ngoại thành
3737			Xã Ya Ma	KHÔNG	Ngoại thành
3738			Xã Chơ Long	KHÔNG	Ngoại thành
3739			Xã Yang Nam	KHÔNG	Ngoại thành
3740		Huyện Krông Pa	Thị trấn Phú Túc	KHÔNG	Ngoại thành
3741			Xã Ia RSai	KHÔNG	Ngoại thành
3742			Xã Ia RSươm	KHÔNG	Ngoại thành
3743			Xã Chư Gu	KHÔNG	Ngoại thành
3744			Xã Đất Bằng	KHÔNG	Ngoại thành
3745			Xã Ia Mláh	KHÔNG	Ngoại thành
3746			Xã Chư Drăng	KHÔNG	Ngoại thành
3747			Xã Phú Cần	KHÔNG	Ngoại thành
3748			Xã Ia HDreh	KHÔNG	Ngoại thành
3749			Xã Ia RMok	KHÔNG	Ngoại thành
3750			Xã Chư Ngọc	KHÔNG	Ngoại thành
3751			Xã Uar	KHÔNG	Ngoại thành
3752			Xã Chư Rcăm	KHÔNG	Ngoại thành
3753			Xã Krông Năng	KHÔNG	Ngoại thành
3754		Huyện Mang Yang	Thị trấn Kon Dơng	CÓ	Ngoại thành
3755			Xã Ayun	CÓ	Ngoại thành
3756			Xã Đak Jơ Ta	CÓ	Ngoại thành
3757			Xã Đak Ta Ley	CÓ	Ngoại thành
3758			Xã Hra	CÓ	Ngoại thành
3759			Xã Đăk Yă	CÓ	Ngoại thành
3760			Xã Đăk Djrăng	CÓ	Ngoại thành
3761			Xã Lơ Pang	CÓ	Ngoại thành
3762			Xã Kon Thụp	CÓ	Ngoại thành
3763			Xã Êđê Ar	CÓ	Ngoại thành

3764	Tỉnh Gia Lai	Huyện Mang Yang	Xã Kon Chiêng	CÓ	Ngoại thành
3765			Xã Đăk Trôi	CÓ	Ngoại thành
3766		Huyện Phú Thiện	Thị trấn Phú Thiện	CÓ	Ngoại thành
3767			Xã Chư A Thai	CÓ	Ngoại thành
3768			Xã Ayun Hạ	CÓ	Ngoại thành
3769			Xã Ia Ake	CÓ	Ngoại thành
3770			Xã Ia Sol	CÓ	Ngoại thành
3771			Xã Ia Piar	CÓ	Ngoại thành
3772			Xã Ia Peng	CÓ	Ngoại thành
3773			Xã Chrôh Pơnan	CÓ	Ngoại thành
3774			Xã Ia Hiao	CÓ	Ngoại thành
3775			Xã Ia Yeng	CÓ	Ngoại thành
3776		Thành phố Pleiku	Phường Yên Đỗ	CÓ	Nội thành
3777			Phường Diên Hồng	CÓ	Nội thành
3778			Phường Ia Kring	CÓ	Nội thành
3779			Phường Hội Thương	CÓ	Nội thành
3780			Phường Hội Phú	CÓ	Nội thành
3781			Phường Phù Đồng	CÓ	Nội thành
3782			Phường Hoa Lư	CÓ	Nội thành
3783			Phường Tây Sơn	CÓ	Nội thành
3784			Phường Thống Nhất	CÓ	Nội thành
3785			Phường Đồng Đa	CÓ	Nội thành
3786			Phường Trà Bá	CÓ	Nội thành
3787			Phường Thắng Lợi	CÓ	Nội thành
3788			Phường Yên Thế	CÓ	Nội thành
3789			Phường Chi Lăng	CÓ	Nội thành
3790			Xã Biển Hồ	CÓ	Nội thành
3791			Xã Tân Sơn	CÓ	Nội thành
3792			Xã Trà Đa	CÓ	Nội thành
3793			Xã Chư Á	CÓ	Nội thành
3794			Xã An Phú	CÓ	Nội thành
3795			Xã Diên Phú	CÓ	Nội thành
3796			Xã Ia Kênh	CÓ	Nội thành
3797			Xã Gà	CÓ	Nội thành
3798		Thị xã An Khê	Phường An Bình	CÓ	Ngoại thành
3799			Phường Tây Sơn	CÓ	Ngoại thành
3800			Phường An Phú	CÓ	Ngoại thành
3801			Phường An Tân	CÓ	Ngoại thành
3802			Xã Tú An	CÓ	Ngoại thành
3803			Xã Xuân An	CÓ	Ngoại thành
3804			Xã Cửu An	CÓ	Ngoại thành

3805	Tỉnh Gia Lai	Thị xã An Khê	Phường An Phước	CÓ	Ngoại thành
3806			Xã Song An	CÓ	Ngoại thành
3807			Phường Ngô Mây	CÓ	Ngoại thành
3808			Xã Thành An	CÓ	Ngoại thành
3809		Thị xã Ayun Pa	Phường Cheo Reo	CÓ	Ngoại thành
3810			Phường Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
3811			Phường Đoàn Kết	CÓ	Ngoại thành
3812			Phường Sông Bờ	CÓ	Ngoại thành
3813			Xã Ia RBoI	CÓ	Ngoại thành
3814			Xã Chư Băh	CÓ	Ngoại thành
3815			Xã Ia RTô	CÓ	Ngoại thành
3816			Xã Ia Sao	CÓ	Ngoại thành
3817	Tỉnh Hà Giang	Huyện Bắc Mê	Xã Minh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3818			Xã Giáp Trung	KHÔNG	Ngoại thành
3819			Xã Yên Định	KHÔNG	Ngoại thành
3820			Thị trấn Yên Phú	KHÔNG	Ngoại thành
3821			Xã Minh Ngọc	KHÔNG	Ngoại thành
3822			Xã Yên Phong	KHÔNG	Ngoại thành
3823			Xã Lạc Nông	KHÔNG	Ngoại thành
3824			Xã Phú Nam	KHÔNG	Ngoại thành
3825			Xã Yên Cường	KHÔNG	Ngoại thành
3826			Xã Thượng Tân	KHÔNG	Ngoại thành
3827			Xã Đường Âm	KHÔNG	Ngoại thành
3828			Xã Đường Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
3829			Xã Phiêng Luông	KHÔNG	Ngoại thành
3830		Huyện Bắc Quang	Thị trấn Việt Quang	KHÔNG	Ngoại thành
3831			Thị trấn Vĩnh Tuy	KHÔNG	Ngoại thành
3832			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
3833			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
3834			Xã Đông Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
3835			Xã Đông Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
3836			Xã Tân Quang	KHÔNG	Ngoại thành
3837			Xã Thượng Bình	KHÔNG	Ngoại thành
3838			Xã Hữu Sản	KHÔNG	Ngoại thành
3839			Xã Kim Ngọc	KHÔNG	Ngoại thành
3840			Xã Việt Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
3841			Xã Bằng Hành	KHÔNG	Ngoại thành
3842			Xã Quang Minh	KHÔNG	Ngoại thành
3843			Xã Liên Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
3844			Xã Vô Điểm	KHÔNG	Ngoại thành
3845			Xã Việt Hồng	KHÔNG	Ngoại thành

3846	Tỉnh Hà Giang	Huyện Bắc Quang	Xã Hùng An	KHÔNG	Ngoại thành
3847			Xã Đức Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
3848			Xã Tiên Kiều	KHÔNG	Ngoại thành
3849			Xã Vĩnh Hảo	KHÔNG	Ngoại thành
3850			Xã Vĩnh Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
3851			Xã Đồng Yên	KHÔNG	Ngoại thành
3852			Xã Đông Thành	KHÔNG	Ngoại thành
3853		Huyện Đồng Văn	Thị trấn Phó Bảng	KHÔNG	Ngoại thành
3854			Xã Lũng Cú	KHÔNG	Ngoại thành
3855			Xã Má Lé	KHÔNG	Ngoại thành
3856			Thị trấn Đồng Văn	KHÔNG	Ngoại thành
3857			Xã Lũng Táo	KHÔNG	Ngoại thành
3858			Xã Phố Là	KHÔNG	Ngoại thành
3859			Xã Thài Phìn Tủng	KHÔNG	Ngoại thành
3860			Xã Sủng Là	KHÔNG	Ngoại thành
3861			Xã Xà Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3862			Xã Tả Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3863			Xã Tả Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
3864			Xã Phố Cáo	KHÔNG	Ngoại thành
3865			Xã Sính Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
3866			Xã Sảng Tủng	KHÔNG	Ngoại thành
3867			Xã Lũng Thầu	KHÔNG	Ngoại thành
3868			Xã Hồ Quảng Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3869			Xã Vân Chải	KHÔNG	Ngoại thành
3870			Xã Lũng Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3871			Xã Sủng Trái	KHÔNG	Ngoại thành
3872		Huyện Hoàng Su Phì	Thị trấn Vinh Quang	KHÔNG	Ngoại thành
3873			Xã Bản Máy	KHÔNG	Ngoại thành
3874			Xã Thàng Tín	KHÔNG	Ngoại thành
3875			Xã Thèn Chu Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3876			Xã Phố Lô	KHÔNG	Ngoại thành
3877			Xã Bản Phùng	KHÔNG	Ngoại thành
3878			Xã Túng Sán	KHÔNG	Ngoại thành
3879			Xã Chiến Phố	KHÔNG	Ngoại thành
3880			Xã Đản Ván	KHÔNG	Ngoại thành
3881			Xã Tụ Nhân	KHÔNG	Ngoại thành
3882			Xã Tân Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
3883			Xã Nàng Đôn	KHÔNG	Ngoại thành
3884			Xã Pờ Ly Ngải	KHÔNG	Ngoại thành
3885			Xã Sán Xả Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
3886			Xã Bản Luốc	KHÔNG	Ngoại thành

3887	Tỉnh Hà Giang	Huyện Hoàng Su Phì	Xã Ngàm Đăng Vài	KHÔNG	Ngoại thành
3888			Xã Bản Nhùng	KHÔNG	Ngoại thành
3889			Xã Tả Sử Choóng	KHÔNG	Ngoại thành
3890			Xã Nậm Dịch	KHÔNG	Ngoại thành
3891			Xã Hồ Thầu	KHÔNG	Ngoại thành
3892			Xã Nam Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3893			Xã Nậm Ty	KHÔNG	Ngoại thành
3894			Xã Thông Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
3895			Xã Nậm Khòa	KHÔNG	Ngoại thành
3896		Huyện Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	KHÔNG	Ngoại thành
3897			Xã Thượng Phùng	KHÔNG	Ngoại thành
3898			Xã Pải Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
3899			Xã Xín Cái	KHÔNG	Ngoại thành
3900			Xã Pả Vi	KHÔNG	Ngoại thành
3901			Xã Giàng Chu Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3902			Xã Sủng Trà	KHÔNG	Ngoại thành
3903			Xã Sủng Máng	KHÔNG	Ngoại thành
3904			Xã Sơn Vĩ	KHÔNG	Ngoại thành
3905			Xã Tả Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
3906			Xã Cán Chu Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
3907			Xã Lũng Pù	KHÔNG	Ngoại thành
3908			Xã Lũng Chinh	KHÔNG	Ngoại thành
3909			Xã Tát Ngà	KHÔNG	Ngoại thành
3910			Xã Nậm Ban	KHÔNG	Ngoại thành
3911			Xã Khâu Vai	KHÔNG	Ngoại thành
3912			Xã Niêm Tòng	KHÔNG	Ngoại thành
3913			Xã Niêm Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3914		Huyện Quản Bạ	Thị trấn Tam Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3915			Xã Bát Đại Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3916			Xã Nghĩa Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
3917			Xã Cán Tỷ	KHÔNG	Ngoại thành
3918			Xã Cao Mã Pờ	KHÔNG	Ngoại thành
3919			Xã Thanh Vân	KHÔNG	Ngoại thành
3920			Xã Tùng Vài	KHÔNG	Ngoại thành
3921			Xã Đông Hà	KHÔNG	Ngoại thành
3922			Xã Quản Bạ	KHÔNG	Ngoại thành
3923			Xã Lũng Tám	KHÔNG	Ngoại thành
3924			Xã Quyết Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
3925			Xã Tả Ván	KHÔNG	Ngoại thành
3926			Xã Thái An	KHÔNG	Ngoại thành
3927		Huyện Quang Bình	Xã Xuân Minh	KHÔNG	Ngoại thành

3928	Tỉnh Hà Giang	Huyện Quang Bình	Xã Tiên Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
3929			Xã Tân Nam	KHÔNG	Ngoại thành
3930			Xã Bản Rịa	KHÔNG	Ngoại thành
3931			Xã Yên Thành	KHÔNG	Ngoại thành
3932			Thị trấn Yên Bình	KHÔNG	Ngoại thành
3933			Xã Tân Trịnh	KHÔNG	Ngoại thành
3934			Xã Tân Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
3935			Xã Bằng Lang	KHÔNG	Ngoại thành
3936			Xã Yên Hà	KHÔNG	Ngoại thành
3937			Xã Hương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3938			Xã Xuân Giang	KHÔNG	Ngoại thành
3939			Xã Nà Khương	KHÔNG	Ngoại thành
3940			Xã Tiên Yên	KHÔNG	Ngoại thành
3941			Xã Vĩ Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
3942		Huyện Vị Xuyên	Xã Kim Thạch	KHÔNG	Ngoại thành
3943			Xã Phú Linh	KHÔNG	Ngoại thành
3944			Xã Kim Linh	KHÔNG	Ngoại thành
3945			Thị trấn Vị Xuyên	KHÔNG	Ngoại thành
3946			Thị trấn Nông Trường Việt Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
3947			Xã Minh Tân	KHÔNG	Ngoại thành
3948			Xã Thuận Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
3949			Xã Tùng Bá	KHÔNG	Ngoại thành
3950			Xã Thanh Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
3951			Xã Thanh Đức	KHÔNG	Ngoại thành
3952			Xã Phong Quang	KHÔNG	Ngoại thành
3953			Xã Xín Chải	KHÔNG	Ngoại thành
3954			Xã Phương Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
3955			Xã Lao Chải	KHÔNG	Ngoại thành
3956			Xã Cao Bồ	KHÔNG	Ngoại thành
3957			Xã Đạo Đức	KHÔNG	Ngoại thành
3958			Xã Thượng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
3959			Xã Linh Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
3960			Xã Quảng Ngần	KHÔNG	Ngoại thành
3961			Xã Việt Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
3962			Xã Ngọc Linh	KHÔNG	Ngoại thành
3963			Xã Ngọc Minh	KHÔNG	Ngoại thành
3964			Xã Bạch Ngọc	KHÔNG	Ngoại thành
3965			Xã Trung Thành	KHÔNG	Ngoại thành
3966		Huyện Xín Mần	Thị trấn Cốc Pài	KHÔNG	Ngoại thành
3967			Xã Nàn Xín	KHÔNG	Ngoại thành
3968			Xã Bản Dú	KHÔNG	Ngoại thành

3969	Tỉnh Hà Giang	Huyện Xín Mần	Xã Chí Cà	KHÔNG	Ngoại thành
3970			Xã Xín Mần	KHÔNG	Ngoại thành
3971			Xã Thèn Phàng	KHÔNG	Ngoại thành
3972			Xã Trung Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
3973			Xã Pà Vây Sủ	KHÔNG	Ngoại thành
3974			Xã Cốc Rế	KHÔNG	Ngoại thành
3975			Xã Thu Tà	KHÔNG	Ngoại thành
3976			Xã Nàn Ma	KHÔNG	Ngoại thành
3977			Xã Tả Nhìu	KHÔNG	Ngoại thành
3978			Xã Bản Ngò	KHÔNG	Ngoại thành
3979			Xã Chế Là	KHÔNG	Ngoại thành
3980			Xã Năm Dăn	KHÔNG	Ngoại thành
3981			Xã Quảng Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
3982			Xã Nà Chì	KHÔNG	Ngoại thành
3983			Xã Khuôn Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
3984		Huyện Yên Minh	Thị trấn Yên Minh	KHÔNG	Ngoại thành
3985			Xã Thảng Mố	KHÔNG	Ngoại thành
3986			Xã Phú Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
3987			Xã Sủng Tráng	KHÔNG	Ngoại thành
3988			Xã Bạch Đích	KHÔNG	Ngoại thành
3989			Xã Na Khê	KHÔNG	Ngoại thành
3990			Xã Sủng Thái	KHÔNG	Ngoại thành
3991			Xã Hữu Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
3992			Xã Lao Và Chải	KHÔNG	Ngoại thành
3993			Xã Mậu Duệ	KHÔNG	Ngoại thành
3994			Xã Đông Minh	KHÔNG	Ngoại thành
3995			Xã Mậu Long	KHÔNG	Ngoại thành
3996			Xã Ngam La	KHÔNG	Ngoại thành
3997			Xã Ngọc Long	KHÔNG	Ngoại thành
3998			Xã Đường Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
3999			Xã Lũng Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
4000			Xã Du Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
4001			Xã Du Già	KHÔNG	Ngoại thành
4002		Thành phố Hà Giang	Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
4003			Phường Trần Phú	CÓ	Nội thành
4004			Phường Ngọc Hà	CÓ	Nội thành
4005			Phường Nguyễn Trãi	CÓ	Nội thành
4006			Phường Minh Khai	CÓ	Nội thành
4007			Xã Ngọc Đường	CÓ	Nội thành
4008			Xã Phương Độ	CÓ	Nội thành
4009			Xã Phương Thiện	CÓ	Nội thành

4010	Tỉnh Hà Nam	Huyện Bình Lục	Thị trấn Bình Mỹ	CÓ	Ngoại thành
4011			Xã Bình Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
4012			Xã Tràng An	CÓ	Ngoại thành
4013			Xã Đông Du	CÓ	Ngoại thành
4014			Xã Ngọc Lũ	CÓ	Ngoại thành
4015			Xã Hưng Công	CÓ	Ngoại thành
4016			Xã Đôn Xá	CÓ	Ngoại thành
4017			Xã An Ninh	CÓ	Ngoại thành
4018			Xã Bồ Đề	CÓ	Ngoại thành
4019			Xã Bồi Cầu	CÓ	Ngoại thành
4020			Xã An Nội	CÓ	Ngoại thành
4021			Xã Vũ Bản	CÓ	Ngoại thành
4022			Xã Trung Lương	CÓ	Ngoại thành
4023			Xã An Đỗ	CÓ	Ngoại thành
4024			Xã La Sơn	CÓ	Ngoại thành
4025			Xã Tiêu Động	CÓ	Ngoại thành
4026			Xã An Lão	CÓ	Ngoại thành
4027		Huyện Kim Bảng	Thị trấn Quế	CÓ	Ngoại thành
4028			Xã Nguyễn Úy	CÓ	Ngoại thành
4029			Xã Đại Cựơng	CÓ	Ngoại thành
4030			Xã Lê Hồ	CÓ	Ngoại thành
4031			Xã Tượng Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
4032			Xã Nhật Tựu	CÓ	Ngoại thành
4033			Xã Nhật Tân	CÓ	Ngoại thành
4034			Xã Đồng Hóa	CÓ	Ngoại thành
4035			Xã Hoàng Tây	CÓ	Ngoại thành
4036			Xã Tân Sơn	CÓ	Ngoại thành
4037			Xã Thụy Lôi	CÓ	Ngoại thành
4038			Xã Văn Xá	CÓ	Ngoại thành
4039			Xã Khả Phong	CÓ	Ngoại thành
4040			Xã Ngọc Sơn	CÓ	Ngoại thành
4041			Thị trấn Ba Sao	CÓ	Ngoại thành
4042			Xã Liên Sơn	CÓ	Ngoại thành
4043			Xã Thi Sơn	CÓ	Ngoại thành
4044			Xã Thanh Sơn	CÓ	Ngoại thành
4045		Huyện Lý Nhân	Xã Hợp Lý	CÓ	Ngoại thành
4046			Xã Nguyên Lý	CÓ	Ngoại thành
4047			Xã Chính Lý	CÓ	Ngoại thành
4048			Xã Chân Lý	CÓ	Ngoại thành
4049			Xã Đạo Lý	CÓ	Ngoại thành
4050			Xã Công Lý	CÓ	Ngoại thành

4051	Tỉnh Hà Nam	Huyện Lý Nhân	Xã Văn Lý	CÓ	Ngoại thành
4052			Xã Bắc Lý	CÓ	Ngoại thành
4053			Xã Đức Lý	CÓ	Ngoại thành
4054			Xã Trần Hưng Đạo	CÓ	Ngoại thành
4055			Thị trấn Vĩnh Trụ	CÓ	Ngoại thành
4056			Xã Nhân Thịnh	CÓ	Ngoại thành
4057			Xã Nhân Khang	CÓ	Ngoại thành
4058			Xã Nhân Mỹ	CÓ	Ngoại thành
4059			Xã Nhân Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
4060			Xã Nhân Chính	CÓ	Ngoại thành
4061			Xã Nhân Bình	CÓ	Ngoại thành
4062			Xã Phú Phúc	CÓ	Ngoại thành
4063			Xã Xuân Khê	CÓ	Ngoại thành
4064			Xã Tiến Thắng	CÓ	Ngoại thành
4065			Xã Hòa Hậu	CÓ	Ngoại thành
4066		Huyện Thanh Liêm	Thị trấn Kiện Khê	KHÔNG	Ngoại thành
4067			Xã Liêm Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4068			Xã Thanh Hà	KHÔNG	Ngoại thành
4069			Xã Liêm Cẩn	KHÔNG	Ngoại thành
4070			Xã Liêm Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
4071			Xã Thanh Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
4072			Xã Thanh Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4073			Thị trấn Tân Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
4074			Xã Thanh Tân	KHÔNG	Ngoại thành
4075			Xã Liêm Túc	KHÔNG	Ngoại thành
4076			Xã Liêm Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4077			Xã Thanh Hương	KHÔNG	Ngoại thành
4078			Xã Thanh Nghị	KHÔNG	Ngoại thành
4079			Xã Thanh Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
4080			Xã Thanh Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
4081			Xã Thanh Hải	KHÔNG	Ngoại thành
4082		Thành phố Phủ Lý	Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
4083			Phường Lương Khánh Thiện	CÓ	Nội thành
4084			Phường Lê Hồng Phong	CÓ	Nội thành
4085			Phường Minh Khai	CÓ	Nội thành
4086			Phường Hai Bà Trưng	CÓ	Nội thành
4087			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
4088			Phường Lam Hạ	CÓ	Nội thành
4089			Xã Phủ Vân	CÓ	Nội thành
4090			Phường Liêm Chính	CÓ	Nội thành
4091			Xã Liêm Chung	CÓ	Nội thành

4092	Tỉnh Hà Nam	Thành phố Phủ Lý	Phường Thanh Châu	CÓ	Nội thành
4093			Phường Châu Sơn	CÓ	Nội thành
4094			Xã Tiên Tân	CÓ	Nội thành
4095			Xã Tiên Hiệp	CÓ	Nội thành
4096			Xã Tiên Hải	CÓ	Nội thành
4097			Xã Kim Bình	CÓ	Nội thành
4098			Xã Liêm Tuyền	CÓ	Nội thành
4099			Xã Liêm Tiết	CÓ	Nội thành
4100			Phường Thanh Tuyền	CÓ	Nội thành
4101			Xã Đinh Xá	CÓ	Nội thành
4102			Xã Trịnh Xá	CÓ	Nội thành
4103		Thị xã Duy Tiên	Phường Đồng Văn	CÓ	Nội thành
4104			Phường Hòa Mạc	CÓ	Nội thành
4105			Xã Mộc Bắc	CÓ	Nội thành
4106			Phường Châu Giang	CÓ	Nội thành
4107			Phường Bạch Thượng	CÓ	Nội thành
4108			Phường Duy Minh	CÓ	Nội thành
4109			Xã Mộc Nam	CÓ	Nội thành
4110			Phường Duy Hải	CÓ	Nội thành
4111			Xã Chuyên Ngoại	CÓ	Nội thành
4112			Phường Yên Bắc	CÓ	Nội thành
4113			Xã Trác Văn	CÓ	Nội thành
4114			Phường Tiên Nội	CÓ	Nội thành
4115			Phường Hoàng Đông	CÓ	Nội thành
4116			Xã Yên Nam	CÓ	Nội thành
4117			Xã Tiên Ngoại	CÓ	Nội thành
4118			Xã Tiên Sơn	CÓ	Nội thành
4119	Tỉnh Hà Tĩnh	Huyện Cẩm Xuyên	Thị trấn Cẩm Xuyên	KHÔNG	Ngoại thành
4120			Thị trấn Thiên Cẩm	KHÔNG	Ngoại thành
4121			Xã Yên Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
4122			Xã Cẩm Dương	KHÔNG	Ngoại thành
4123			Xã Cẩm Bình	KHÔNG	Ngoại thành
4124			Xã Cẩm Vĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
4125			Xã Cẩm Thành	KHÔNG	Ngoại thành
4126			Xã Cẩm Quang	KHÔNG	Ngoại thành
4127			Xã Cẩm Thạch	KHÔNG	Ngoại thành
4128			Xã Cẩm Nhượng	KHÔNG	Ngoại thành
4129			Xã Nam Phúc Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
4130			Xã Cẩm Duệ	KHÔNG	Ngoại thành
4131			Xã Cẩm Lĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
4132			Xã Cẩm Quan	KHÔNG	Ngoại thành

4133	Tỉnh Hà Tĩnh	Huyện Cẩm Xuyên	Xã Cẩm Hà	KHÔNG	Ngoại thành
4134			Xã Cẩm Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4135			Xã Cẩm Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
4136			Xã Cẩm Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
4137			Xã Cẩm Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4138			Xã Cẩm Trung	KHÔNG	Ngoại thành
4139			Xã Cẩm Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4140			Xã Cẩm Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
4141			Xã Cẩm Minh	KHÔNG	Ngoại thành
4142		Huyện Can Lộc	Thị trấn Nghèn	KHÔNG	Ngoại thành
4143			Xã Thiên Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4144			Xã Thuần Thiện	KHÔNG	Ngoại thành
4145			Xã Vượng Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4146			Xã Thanh Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4147			Xã Kim Song Trường	KHÔNG	Ngoại thành
4148			Xã Thường Nga	KHÔNG	Ngoại thành
4149			Xã Tùng Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4150			Xã Phú Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4151			Xã Gia Hanh	KHÔNG	Ngoại thành
4152			Xã Khánh Vĩnh Yên	KHÔNG	Ngoại thành
4153			Xã Trung Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4154			Xã Xuân Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4155			Xã Thượng Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4156			Xã Quang Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4157			Thị trấn Đồng Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4158			Xã Mỹ Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4159			Xã Sơn Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4160		Huyện Đức Thọ	Thị trấn Đức Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
4161			Xã Quang Vĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
4162			Xã Tùng Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4163			Xã Trường Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4164			Xã Liên Minh	KHÔNG	Ngoại thành
4165			Xã Yên Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
4166			Xã Tùng Ảnh	KHÔNG	Ngoại thành
4167			Xã Bùi La Nhân	KHÔNG	Ngoại thành
4168			Xã Thanh Bình Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
4169			Xã Lâm Trung Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
4170			Xã Hòa Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
4171			Xã Tân Dân	KHÔNG	Ngoại thành
4172			Xã An Dũng	KHÔNG	Ngoại thành
4173			Xã Đức Đồng	KHÔNG	Ngoại thành

4174	Tỉnh Hà Tĩnh	Huyện Đức Thọ	Xã Đức Lạng	KHÔNG	Ngoại thành
4175			Xã Tân Hương	KHÔNG	Ngoại thành
4176		Huyện Hương Khê	Thị trấn Hương Khê	KHÔNG	Ngoại thành
4177			Xã Điền Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4178			Xã Hà Linh	KHÔNG	Ngoại thành
4179			Xã Hương Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
4180			Xã Hòa Hải	KHÔNG	Ngoại thành
4181			Xã Phúc Đông	KHÔNG	Ngoại thành
4182			Xã Hương Giang	KHÔNG	Ngoại thành
4183			Xã Lộc Yên	KHÔNG	Ngoại thành
4184			Xã Hương Bình	KHÔNG	Ngoại thành
4185			Xã Hương Long	KHÔNG	Ngoại thành
4186			Xã Phú Gia	KHÔNG	Ngoại thành
4187			Xã Gia Phố	KHÔNG	Ngoại thành
4188			Xã Phú Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4189			Xã Hương Đô	KHÔNG	Ngoại thành
4190			Xã Hương Vĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
4191			Xã Hương Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
4192			Xã Phúc Trạch	KHÔNG	Ngoại thành
4193			Xã Hương Trà	KHÔNG	Ngoại thành
4194			Xã Hương Trạch	KHÔNG	Ngoại thành
4195			Xã Hương Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
4196			Xã Hương Liên	KHÔNG	Ngoại thành
4197		Huyện Hương Sơn	Thị trấn Phố Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4198			Thị trấn Tây Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4199			Xã Sơn Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
4200			Xã Sơn Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
4201			Xã Sơn Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
4202			Xã Sơn Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
4203			Xã Sơn Giang	KHÔNG	Ngoại thành
4204			Xã Sơn Lĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
4205			Xã An Hòa Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
4206			Xã Sơn Tây	KHÔNG	Ngoại thành
4207			Xã Sơn Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
4208			Xã Sơn Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4209			Xã Tân Mỹ Hà	KHÔNG	Ngoại thành
4210			Xã Quang Diệm	KHÔNG	Ngoại thành
4211			Xã Sơn Trung	KHÔNG	Ngoại thành
4212			Xã Sơn Bằng	KHÔNG	Ngoại thành
4213			Xã Sơn Bình	KHÔNG	Ngoại thành
4214			Xã Sơn Kim 1	KHÔNG	Ngoại thành

4215	Tỉnh Hà Tĩnh	Huyện Hương Sơn	Xã Sơn Kim 2	KHÔNG	Ngoại thành
4216			Xã Sơn Trà	KHÔNG	Ngoại thành
4217			Xã Sơn Long	KHÔNG	Ngoại thành
4218			Xã Kim Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
4219			Xã Sơn Hàm	KHÔNG	Ngoại thành
4220			Xã Sơn Phú	KHÔNG	Ngoại thành
4221			Xã Sơn Trường	KHÔNG	Ngoại thành
4222		Huyện Kỳ Anh	Xã Kỳ Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
4223			Xã Kỳ Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
4224			Xã Kỳ Phú	KHÔNG	Ngoại thành
4225			Xã Kỳ Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4226			Xã Kỳ Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
4227			Xã Kỳ Giang	KHÔNG	Ngoại thành
4228			Xã Kỳ Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
4229			Xã Kỳ Khang	KHÔNG	Ngoại thành
4230			Xã Kỳ Trung	KHÔNG	Ngoại thành
4231			Xã Kỳ Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
4232			Xã Kỳ Tây	KHÔNG	Ngoại thành
4233			Xã Kỳ Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
4234			Xã Lâm Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
4235			Xã Kỳ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4236			Xã Kỳ Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
4237			Xã Kỳ Văn	CÓ	Ngoại thành
4238			Xã Kỳ Hải	CÓ	Ngoại thành
4239			Xã Kỳ Thư	CÓ	Ngoại thành
4240			Xã Kỳ Châu	CÓ	Ngoại thành
4241			Xã Kỳ Tân	CÓ	Ngoại thành
4242		Huyện Lộc Hà	Xã Tân Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4243			Xã Hồng Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4244			Xã Thịnh Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4245			Xã Bình An	KHÔNG	Ngoại thành
4246			Xã Ích Hậu	KHÔNG	Ngoại thành
4247			Xã Phù Lưu	KHÔNG	Ngoại thành
4248			Thị trấn Lộc Hà	KHÔNG	Ngoại thành
4249			Xã Thạch Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4250			Xã Thạch Kim	KHÔNG	Ngoại thành
4251			Xã Thạch Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4252			Xã Hộ Độ	KHÔNG	Ngoại thành
4253			Xã Mai Phụ	KHÔNG	Ngoại thành
4254		Huyện Nghi Xuân	Thị trấn Xuân An	KHÔNG	Ngoại thành
4255			Xã Xuân Hội	KHÔNG	Ngoại thành

4256	Tỉnh Hà Tĩnh	Huyện Nghi Xuân	Xã Đan Trường	KHÔNG	Ngoại thành
4257			Xã Xuân Phổ	KHÔNG	Ngoại thành
4258			Xã Xuân Hải	KHÔNG	Ngoại thành
4259			Xã Xuân Giang	KHÔNG	Ngoại thành
4260			Thị trấn Tiên Điền	KHÔNG	Ngoại thành
4261			Xã Xuân Yên	KHÔNG	Ngoại thành
4262			Xã Xuân Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4263			Xã Xuân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
4264			Xã Xuân Viên	KHÔNG	Ngoại thành
4265			Xã Xuân Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
4266			Xã Cổ Đạm	KHÔNG	Ngoại thành
4267			Xã Xuân Liên	KHÔNG	Ngoại thành
4268			Xã Xuân Lĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
4269			Xã Xuân Lam	KHÔNG	Ngoại thành
4270			Xã Cương Gián	KHÔNG	Ngoại thành
4271		Huyện Thạch Hà	Thị trấn Thạch Hà	KHÔNG	Ngoại thành
4272			Xã Ngọc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4273			Xã Thạch Hải	KHÔNG	Ngoại thành
4274			Xã Thạch Kênh	KHÔNG	Ngoại thành
4275			Xã Thạch Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4276			Xã Thạch Liên	KHÔNG	Ngoại thành
4277			Xã Đình Bàn	KHÔNG	Ngoại thành
4278			Xã Việt Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
4279			Xã Thạch Khê	KHÔNG	Ngoại thành
4280			Xã Thạch Long	KHÔNG	Ngoại thành
4281			Xã Thạch Trị	KHÔNG	Ngoại thành
4282			Xã Thạch Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
4283			Xã Thạch Ngọc	KHÔNG	Ngoại thành
4284			Xã Tượng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4285			Xã Thạch Ván	KHÔNG	Ngoại thành
4286			Xã Lưu Vĩnh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4287			Xã Thạch Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
4288			Xã Thạch Đài	KHÔNG	Ngoại thành
4289			Xã Thạch Hội	KHÔNG	Ngoại thành
4290			Xã Tân Lâm Hương	KHÔNG	Ngoại thành
4291			Xã Thạch Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
4292			Xã Nam Điền	KHÔNG	Ngoại thành
4293		Huyện Vũ Quang	Thị trấn Vũ Quang	KHÔNG	Ngoại thành
4294			Xã Ân Phú	KHÔNG	Ngoại thành
4295			Xã Đức Giang	KHÔNG	Ngoại thành
4296			Xã Đức Lĩnh	KHÔNG	Ngoại thành

4297	Tỉnh Hà Tĩnh	Huyện Vũ Quang	Xã Thọ Điền	KHÔNG	Ngoại thành
4298			Xã Đức Hương	KHÔNG	Ngoại thành
4299			Xã Đức Bồng	KHÔNG	Ngoại thành
4300			Xã Đức Liên	KHÔNG	Ngoại thành
4301			Xã Hương Minh	KHÔNG	Ngoại thành
4302			Xã Quang Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
4303		Thành phố Hà Tĩnh	Phường Trần Phú	CÓ	Nội thành
4304			Phường Nam Hà	CÓ	Nội thành
4305			Phường Bắc Hà	CÓ	Nội thành
4306			Phường Nguyễn Du	CÓ	Nội thành
4307			Phường Tân Giang	CÓ	Nội thành
4308			Phường Đại Nài	CÓ	Nội thành
4309			Phường Hà Huy Tập	CÓ	Nội thành
4310			Phường Thạch Quý	CÓ	Nội thành
4311			Phường Thạch Linh	CÓ	Nội thành
4312			Phường Văn Yên	CÓ	Nội thành
4313			Xã Thạch Trung	KHÔNG	Nội thành
4314			Xã Thạch Hạ	KHÔNG	Nội thành
4315			Xã Đông Môn	KHÔNG	Nội thành
4316			Xã Thạch Hưng	KHÔNG	Nội thành
4317			Xã Thạch Bình	KHÔNG	Nội thành
4318		Thị xã Hồng Lĩnh	Phường Bắc Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
4319			Phường Nam Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
4320			Phường Trung Lương	KHÔNG	Ngoại thành
4321			Phường Đức Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
4322			Phường Đậu Liêu	KHÔNG	Ngoại thành
4323			Xã Thuận Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
4324		Thị xã Kỳ Anh	Phường Kỳ Phương	CÓ	Ngoại thành
4325			Phường Kỳ Long	CÓ	Ngoại thành
4326			Phường Kỳ Liên	CÓ	Ngoại thành
4327			Phường Hưng Trí	CÓ	Ngoại thành
4328			Xã Kỳ Ninh	CÓ	Ngoại thành
4329			Xã Kỳ Lợi	CÓ	Ngoại thành
4330			Xã Kỳ Hà	CÓ	Ngoại thành
4331			Phường Kỳ Trinh	CÓ	Ngoại thành
4332			Phường Kỳ Thịnh	CÓ	Ngoại thành
4333			Xã Kỳ Hoa	CÓ	Ngoại thành
4334			Xã Kỳ Nam	CÓ	Ngoại thành
4335	Tỉnh Hải Dương	Huyện Bình Giang	Thị trấn Kê Sắt	CÓ	Ngoại thành
4336			Xã Vĩnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
4337			Xã Hùng Thắng	CÓ	Ngoại thành

4338	Tỉnh Hải Dương	Huyện Bình Giang	Xã Vĩnh Hồng	CÓ	Ngoại thành
4339			Xã Long Xuyên	CÓ	Ngoại thành
4340			Xã Tân Việt	CÓ	Ngoại thành
4341			Xã Thúc Kháng	CÓ	Ngoại thành
4342			Xã Tân Hồng	CÓ	Ngoại thành
4343			Xã Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
4344			Xã Hồng Khê	CÓ	Ngoại thành
4345			Xã Thái Học	CÓ	Ngoại thành
4346			Xã Cổ Bì	CÓ	Ngoại thành
4347			Xã Nhân Quyền	CÓ	Ngoại thành
4348			Xã Thái Dương	CÓ	Ngoại thành
4349			Xã Thái Hòa	CÓ	Ngoại thành
4350			Xã Bình Xuyên	CÓ	Ngoại thành
4351		Huyện Cẩm Giàng	Thị trấn Cẩm Giàng	CÓ	Ngoại thành
4352			Thị trấn Lai Cách	CÓ	Ngoại thành
4353			Xã Cẩm Hưng	CÓ	Ngoại thành
4354			Xã Cẩm Hoàng	CÓ	Ngoại thành
4355			Xã Cẩm Văn	CÓ	Ngoại thành
4356			Xã Ngọc Liên	CÓ	Ngoại thành
4357			Xã Thạch Lỗi	CÓ	Ngoại thành
4358			Xã Cẩm Vũ	CÓ	Ngoại thành
4359			Xã Đức Chính	CÓ	Ngoại thành
4360			Xã Định Sơn	CÓ	Ngoại thành
4361			Xã Lương Điền	CÓ	Ngoại thành
4362			Xã Cao An	CÓ	Ngoại thành
4363			Xã Tân Trường	CÓ	Ngoại thành
4364			Xã Cẩm Phúc	CÓ	Ngoại thành
4365			Xã Cẩm Điền	CÓ	Ngoại thành
4366			Xã Cẩm Đông	CÓ	Ngoại thành
4367			Xã Cẩm Đoài	CÓ	Ngoại thành
4368		Huyện Gia Lộc	Thị trấn Gia Lộc	CÓ	Ngoại thành
4369			Xã Thống Nhất	CÓ	Ngoại thành
4370			Xã Yết Kiêu	CÓ	Ngoại thành
4371			Xã Gia Tân	CÓ	Ngoại thành
4372			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
4373			Xã Gia Khánh	CÓ	Ngoại thành
4374			Xã Gia Lương	CÓ	Ngoại thành
4375			Xã Lê Lợi	CÓ	Ngoại thành
4376			Xã Toàn Thắng	CÓ	Ngoại thành
4377			Xã Hoàng Diệu	CÓ	Ngoại thành
4378			Xã Hồng Hưng	CÓ	Ngoại thành

4379	Tỉnh Hải Dương	Huyện Gia Lộc	Xã Phạm Trấn	CÓ	Ngoại thành
4380			Xã Đoàn Thượng	CÓ	Ngoại thành
4381			Xã Thống Kênh	CÓ	Ngoại thành
4382			Xã Quang Minh	CÓ	Ngoại thành
4383			Xã Đồng Quang	CÓ	Ngoại thành
4384			Xã Nhật Tân	CÓ	Ngoại thành
4385			Xã Đức Xương	CÓ	Ngoại thành
4386		Huyện Kim Thành	Thị trấn Phú Thái	CÓ	Ngoại thành
4387			Xã Lai Vu	CÓ	Ngoại thành
4388			Xã Cộng Hòa	CÓ	Ngoại thành
4389			Xã Thượng Vũ	CÓ	Ngoại thành
4390			Xã Cổ Dũng	CÓ	Ngoại thành
4391			Xã Tuấn Việt	CÓ	Ngoại thành
4392			Xã Kim Xuyên	CÓ	Ngoại thành
4393			Xã Phúc Thành A	CÓ	Ngoại thành
4394			Xã Ngũ Phúc	CÓ	Ngoại thành
4395			Xã Kim Anh	CÓ	Ngoại thành
4396			Xã Kim Liên	CÓ	Ngoại thành
4397			Xã Kim Tân	CÓ	Ngoại thành
4398			Xã Kim Đính	CÓ	Ngoại thành
4399			Xã Bình Dân	CÓ	Ngoại thành
4400			Xã Tam Kỳ	CÓ	Ngoại thành
4401			Xã Đông Cẩm	CÓ	Ngoại thành
4402			Xã Liên Hòa	CÓ	Ngoại thành
4403			Xã Đại Đức	CÓ	Ngoại thành
4404		Huyện Nam Sách	Thị trấn Nam Sách	CÓ	Ngoại thành
4405			Xã Nam Hưng	CÓ	Ngoại thành
4406			Xã Nam Tân	CÓ	Ngoại thành
4407			Xã Hợp Tiến	CÓ	Ngoại thành
4408			Xã Hiệp Cát	CÓ	Ngoại thành
4409			Xã Thanh Quang	CÓ	Ngoại thành
4410			Xã Quốc Tuấn	CÓ	Ngoại thành
4411			Xã Nam Chính	CÓ	Ngoại thành
4412			Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
4413			Xã Nam Trung	CÓ	Ngoại thành
4414			Xã An Sơn	CÓ	Ngoại thành
4415			Xã Cộng Hòa	CÓ	Ngoại thành
4416			Xã Thái Tân	CÓ	Ngoại thành
4417			Xã An Lâm	CÓ	Ngoại thành
4418			Xã Phú Điền	CÓ	Ngoại thành
4419			Xã Nam Hồng	CÓ	Ngoại thành

4420	Tỉnh Hải Dương	Huyện Nam Sách	Xã Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành
4421			Xã Đồng Lạc	CÓ	Ngoại thành
4422			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
4423		Huyện Ninh Giang	Thị trấn Ninh Giang	CÓ	Ngoại thành
4424			Xã Ứng Hoè	CÓ	Ngoại thành
4425			Xã Nghĩa An	CÓ	Ngoại thành
4426			Xã Hồng Đức	CÓ	Ngoại thành
4427			Xã An Đức	CÓ	Ngoại thành
4428			Xã Vạn Phúc	CÓ	Ngoại thành
4429			Xã Tân Hương	CÓ	Ngoại thành
4430			Xã Vĩnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
4431			Xã Đông Xuyên	CÓ	Ngoại thành
4432			Xã Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
4433			Xã Ninh Hải	CÓ	Ngoại thành
4434			Xã Đông Tâm	CÓ	Ngoại thành
4435			Xã Tân Quang	CÓ	Ngoại thành
4436			Xã Kiến Quốc	CÓ	Ngoại thành
4437			Xã Hồng Dụ	CÓ	Ngoại thành
4438			Xã Văn Hội	CÓ	Ngoại thành
4439			Xã Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành
4440			Xã Hiệp Lực	CÓ	Ngoại thành
4441			Xã Hồng Phúc	CÓ	Ngoại thành
4442			Xã Hưng Long	CÓ	Ngoại thành
4443		Huyện Thanh Hà	Thị trấn Thanh Hà	CÓ	Ngoại thành
4444			Xã Hồng Lạc	CÓ	Ngoại thành
4445			Xã Việt Hồng	CÓ	Ngoại thành
4446			Xã Tân Việt	CÓ	Ngoại thành
4447			Xã Cẩm Chế	CÓ	Ngoại thành
4448			Xã Thanh An	CÓ	Ngoại thành
4449			Xã Thanh Lang	CÓ	Ngoại thành
4450			Xã Tân An	CÓ	Ngoại thành
4451			Xã Liên Mạc	CÓ	Ngoại thành
4452			Xã Thanh Hải	CÓ	Ngoại thành
4453			Xã Thanh Khê	CÓ	Ngoại thành
4454			Xã Thanh Xá	CÓ	Ngoại thành
4455			Xã Thanh Xuân	CÓ	Ngoại thành
4456			Xã Thanh Thủy	CÓ	Ngoại thành
4457			Xã An Phượng	CÓ	Ngoại thành
4458			Xã Thanh Sơn	CÓ	Ngoại thành
4459			Xã Thanh Quang	CÓ	Ngoại thành
4460			Xã Thanh Hồng	CÓ	Ngoại thành

4461	Tỉnh Hải Dương	Huyện Thanh Hà	Xã Thanh Cường	CÓ	Ngoại thành
4462			Xã Vĩnh Lập	CÓ	Ngoại thành
4463		Huyện Thanh Miện	Thị trấn Thanh Miện	CÓ	Ngoại thành
4464			Xã Thanh Tùng	CÓ	Ngoại thành
4465			Xã Phạm Kha	CÓ	Ngoại thành
4466			Xã Ngô Quyền	CÓ	Ngoại thành
4467			Xã Đoàn Tùng	CÓ	Ngoại thành
4468			Xã Hồng Quang	CÓ	Ngoại thành
4469			Xã Tân Trào	CÓ	Ngoại thành
4470			Xã Lam Sơn	CÓ	Ngoại thành
4471			Xã Đoàn Kết	CÓ	Ngoại thành
4472			Xã Lê Hồng	CÓ	Ngoại thành
4473			Xã Tứ Cường	CÓ	Ngoại thành
4474			Xã Ngũ Hùng	CÓ	Ngoại thành
4475			Xã Cao Thắng	CÓ	Ngoại thành
4476			Xã Chi Lăng Bắc	CÓ	Ngoại thành
4477			Xã Chi Lăng Nam	CÓ	Ngoại thành
4478			Xã Thanh Giang	CÓ	Ngoại thành
4479			Xã Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành
4480		Huyện Tứ Kỳ	Thị trấn Tứ Kỳ	CÓ	Ngoại thành
4481			Xã Đại Sơn	CÓ	Ngoại thành
4482			Xã Hưng Đạo	CÓ	Ngoại thành
4483			Xã Ngọc Kỳ	CÓ	Ngoại thành
4484			Xã Bình Lăng	CÓ	Ngoại thành
4485			Xã Chí Minh	CÓ	Ngoại thành
4486			Xã Tái Sơn	CÓ	Ngoại thành
4487			Xã Quang Phục	CÓ	Ngoại thành
4488			Xã Dân Chủ	CÓ	Ngoại thành
4489			Xã Tân Kỳ	CÓ	Ngoại thành
4490			Xã Quang Khải	CÓ	Ngoại thành
4491			Xã Đại Hợp	CÓ	Ngoại thành
4492			Xã Quảng Nghiệp	CÓ	Ngoại thành
4493			Xã An Thanh	CÓ	Ngoại thành
4494			Xã Minh Đức	CÓ	Ngoại thành
4495			Xã Văn Tổ	CÓ	Ngoại thành
4496			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
4497			Xã Phượng Kỳ	CÓ	Ngoại thành
4498			Xã Cộng Lạc	CÓ	Ngoại thành
4499			Xã Tiên Động	CÓ	Ngoại thành
4500			Xã Nguyên Giáp	CÓ	Ngoại thành
4501			Xã Hà Kỳ	CÓ	Ngoại thành

4502	Tỉnh Hải Dương	Huyện Tứ Kỳ	Xã Hà Thanh	CÓ	Ngoại thành
4503		Thành phố Chí Linh	Phường Phả Lại	CÓ	Ngoại thành
4504			Phường Sao Đỏ	CÓ	Ngoại thành
4505			Phường Bến Tắm	CÓ	Ngoại thành
4506			Xã Hoàng Hoa Thám	CÓ	Ngoại thành
4507			Xã Bắc An	CÓ	Ngoại thành
4508			Xã Hưng Đạo	CÓ	Ngoại thành
4509			Xã Lê Lợi	CÓ	Ngoại thành
4510			Phường Hoàng Tiến	CÓ	Ngoại thành
4511			Phường Cộng Hoà	CÓ	Ngoại thành
4512			Phường Hoàng Tân	CÓ	Ngoại thành
4513			Phường Cổ Thành	CÓ	Ngoại thành
4514			Phường Văn An	CÓ	Ngoại thành
4515			Phường Chí Minh	CÓ	Ngoại thành
4516			Phường Văn Đức	CÓ	Ngoại thành
4517			Phường Thái Học	CÓ	Ngoại thành
4518			Xã Nhân Huệ	CÓ	Ngoại thành
4519			Phường An Lạc	CÓ	Ngoại thành
4520			Phường Đồng Lạc	CÓ	Ngoại thành
4521			Phường Tân Dân	CÓ	Ngoại thành
4522		Thành phố Hải Dương	Phường Thạch Khôi	CÓ	Nội thành
4523			Xã Liên Hồng	CÓ	Nội thành
4524			Phường Tân Hưng	CÓ	Nội thành
4525			Xã Gia Xuyên	CÓ	Nội thành
4526			Xã Ngọc Sơn	CÓ	Nội thành
4527			Phường Cẩm Thượng	CÓ	Nội thành
4528			Phường Bình Hàn	CÓ	Nội thành
4529			Phường Ngọc Châu	CÓ	Nội thành
4530			Phường Nhị Châu	CÓ	Nội thành
4531			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
4532			Phường Nguyễn Trãi	CÓ	Nội thành
4533			Phường Phạm Ngũ Lão	CÓ	Nội thành
4534			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
4535			Phường Trần Phú	CÓ	Nội thành
4536			Phường Thanh Bình	CÓ	Nội thành
4537			Phường Tân Bình	CÓ	Nội thành
4538			Phường Lê Thanh Nghị	CÓ	Nội thành
4539			Phường Hải Tân	CÓ	Nội thành
4540			Phường Tứ Minh	CÓ	Nội thành
4541			Phường Việt Hoà	CÓ	Nội thành
4542			Phường Ái Quốc	CÓ	Nội thành

4543	Tỉnh Hải Dương	Thành phố Hải Dương	Xã An Thượng	CÓ	Nội thành
4544			Phường Nam Đồng	CÓ	Nội thành
4545			Xã Quyết Thắng	CÓ	Nội thành
4546			Xã Tiền Tiến	CÓ	Nội thành
4547		Thị xã Kinh Môn	Phường An Lưu	CÓ	Ngoại thành
4548			Phường Thất Hùng	CÓ	Ngoại thành
4549			Phường Phạm Thái	CÓ	Ngoại thành
4550			Phường Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
4551			Xã Quang Thành	CÓ	Ngoại thành
4552			Phường Phú Thứ	CÓ	Ngoại thành
4553			Phường Hiệp Sơn	CÓ	Ngoại thành
4554			Phường Hiệp An	CÓ	Ngoại thành
4555			Phường Long Xuyên	CÓ	Ngoại thành
4556			Phường Thái Thịnh	CÓ	Ngoại thành
4557			Phường Hiến Thành	CÓ	Ngoại thành
4558			Xã Bạch Đằng	KHÔNG	Ngoại thành
4559			Xã Lê Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
4560			Xã Hoành Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4561			Phường Duy Tân	KHÔNG	Ngoại thành
4562			Phường Tân Dân	KHÔNG	Ngoại thành
4563			Xã Hiệp Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
4564			Xã Thăng Long	KHÔNG	Ngoại thành
4565			Xã Lạc Long	KHÔNG	Ngoại thành
4566			Phường An Sinh	KHÔNG	Ngoại thành
4567			Xã Thượng Quận	KHÔNG	Ngoại thành
4568			Phường An Phụ	KHÔNG	Ngoại thành
4569			Xã Minh Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
4570	Tỉnh Hậu Giang	Huyện Châu Thành	Thị Trấn Ngã Sáu	CÓ	Ngoại thành
4571			Xã Đông Phú	CÓ	Ngoại thành
4572			Thị trấn Mái Dầm	CÓ	Ngoại thành
4573			Xã Đông Thạnh	CÓ	Ngoại thành
4574			Xã Phú Hữu	CÓ	Ngoại thành
4575			Xã Phú Tân	CÓ	Ngoại thành
4576			Xã Đông Phước	CÓ	Ngoại thành
4577			Xã Đông Phước A	CÓ	Ngoại thành
4578		Huyện Châu Thành A	Xã Trường Long Tây	CÓ	Ngoại thành
4579			Xã Trường Long A	CÓ	Ngoại thành
4580			Xã Nhơn Nghĩa A	CÓ	Ngoại thành
4581			Thị trấn Một Ngàn	CÓ	Ngoại thành
4582			Xã Tân Hoà	CÓ	Ngoại thành
4583			Thị trấn Bảy Ngàn	CÓ	Ngoại thành

4584	Tỉnh Hậu Giang	Huyện Châu Thành A	Thị trấn Rạch Gòi	CÓ	Ngoại thành
4585			Xã Thạnh Xuân	CÓ	Ngoại thành
4586			Thị trấn Cái Tắc	CÓ	Ngoại thành
4587			Xã Tân Phú Thạnh	CÓ	Ngoại thành
4588		Huyện Long Mỹ	Xã Thuận Hưng	CÓ	Ngoại thành
4589			Xã Thuận Hòa	CÓ	Ngoại thành
4590			Xã Vĩnh Thuận Đông	CÓ	Ngoại thành
4591			Thị trấn Vĩnh Viễn	CÓ	Ngoại thành
4592			Xã Vĩnh Viễn A	CÓ	Ngoại thành
4593			Xã Lương Tâm	CÓ	Ngoại thành
4594			Xã Lương Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
4595			Xã Xà Phiên	CÓ	Ngoại thành
4596		Huyện Phụng Hiệp	Xã Phương Bình	CÓ	Ngoại thành
4597			Xã Tân Phước Hưng	CÓ	Ngoại thành
4598			Thị trấn Búng Tàu	CÓ	Ngoại thành
4599			Xã Phương Phú	CÓ	Ngoại thành
4600			Thị trấn Kinh Cù	CÓ	Ngoại thành
4601			Thị trấn Cây Dương	CÓ	Ngoại thành
4602			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
4603			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
4604			Xã Thạnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
4605			Xã Long Thạnh	CÓ	Ngoại thành
4606			Xã Phụng Hiệp	CÓ	Ngoại thành
4607			Xã Hòa Mỹ	CÓ	Ngoại thành
4608			Xã Hòa An	CÓ	Ngoại thành
4609			Xã Hiệp Hưng	CÓ	Ngoại thành
4610			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
4611		Huyện Vị Thủy	Thị trấn Nàng Mau	CÓ	Ngoại thành
4612			Xã Vị Trung	CÓ	Ngoại thành
4613			Xã Vị Thủy	CÓ	Ngoại thành
4614			Xã Vị Thắng	CÓ	Ngoại thành
4615			Xã Vĩnh Thuận Tây	CÓ	Ngoại thành
4616			Xã Vĩnh Trung	CÓ	Ngoại thành
4617			Xã Vĩnh Tường	CÓ	Ngoại thành
4618			Xã Vị Đông	CÓ	Ngoại thành
4619			Xã Vị Thanh	CÓ	Ngoại thành
4620			Xã Vị Bình	CÓ	Ngoại thành
4621		Thành phố Ngã Bảy	Phường Ngã Bảy	CÓ	Nội thành
4622			Phường Lái Hiếu	CÓ	Nội thành
4623			Phường Hiệp Thành	CÓ	Nội thành
4624			Phường Hiệp Lợi	CÓ	Nội thành

4625	Tỉnh Hậu Giang	Thành phố Ngã Bảy	Xã Đại Thành	CÓ	Nội thành
4626			Xã Tân Thành	CÓ	Nội thành
4627		Thành phố Vị Thanh	Phường I	CÓ	Nội thành
4628			Phường III	CÓ	Nội thành
4629			Phường IV	CÓ	Nội thành
4630			Phường V	CÓ	Nội thành
4631			Phường VII	CÓ	Nội thành
4632			Xã Vị Tân	CÓ	Nội thành
4633			Xã Hoà Lưu	CÓ	Nội thành
4634			Xã Tân Tiến	CÓ	Nội thành
4635			Xã Hoà Tiến	CÓ	Nội thành
4636		Thị xã Long Mỹ	Phường Thuận An	CÓ	Ngoại thành
4637			Phường Trà Lồng	CÓ	Ngoại thành
4638			Phường Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
4639			Xã Long Bình	CÓ	Ngoại thành
4640			Phường Vĩnh Tường	CÓ	Ngoại thành
4641			Xã Long Trị	CÓ	Ngoại thành
4642			Xã Long Trị A	CÓ	Ngoại thành
4643			Xã Long Phú	CÓ	Ngoại thành
4644			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
4645	Tỉnh Hoà Bình	Huyện Cao Phong	Thị trấn Cao Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4646			Xã Bình Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
4647			Xã Thung Nai	KHÔNG	Ngoại thành
4648			Xã Bắc Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4649			Xã Thu Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4650			Xã Hợp Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4651			Xã Tây Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4652			Xã Dũng Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4653			Xã Nam Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4654			Xã Thạch Yên	KHÔNG	Ngoại thành
4655		Huyện Đà Bắc	Thị trấn Đà Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
4656			Xã Nánh Nghê	KHÔNG	Ngoại thành
4657			Xã Giáp Đất	KHÔNG	Ngoại thành
4658			Xã Mường Chiềng	KHÔNG	Ngoại thành
4659			Xã Tân Pheo	KHÔNG	Ngoại thành
4660			Xã Đồng Chum	KHÔNG	Ngoại thành
4661			Xã Tân Minh	KHÔNG	Ngoại thành
4662			Xã Đoàn Kết	KHÔNG	Ngoại thành
4663			Xã Đồng Ruộng	KHÔNG	Ngoại thành
4664			Xã Tú Lý	KHÔNG	Ngoại thành
4665			Xã Trung Thành	KHÔNG	Ngoại thành

4666	Tỉnh Hoà Bình	Huyện Đà Bắc	Xã Yên Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
4667			Xã Cao Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4668			Xã Toàn Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4669			Xã Hiền Lương	KHÔNG	Ngoại thành
4670			Xã Tiễn Phong	KHÔNG	Ngoại thành
4671			Xã Vây Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
4672		Huyện Kim Bôi	Thị trấn Bo	CÓ	Ngoại thành
4673			Xã Đú Sáng	CÓ	Ngoại thành
4674			Xã Hùng Sơn	CÓ	Ngoại thành
4675			Xã Bình Sơn	CÓ	Ngoại thành
4676			Xã Tú Sơn	CÓ	Ngoại thành
4677			Xã Vĩnh Tiến	CÓ	Ngoại thành
4678			Xã Đông Bắc	CÓ	Ngoại thành
4679			Xã Xuân Thủy	CÓ	Ngoại thành
4680			Xã Vĩnh Đồng	CÓ	Ngoại thành
4681			Xã Kim Lập	CÓ	Ngoại thành
4682			Xã Hợp Tiến	CÓ	Ngoại thành
4683			Xã Kim Bôi	CÓ	Ngoại thành
4684			Xã Nam Thượng	CÓ	Ngoại thành
4685			Xã Cuối Hạ	CÓ	Ngoại thành
4686			Xã Sào Báy	CÓ	Ngoại thành
4687			Xã Mi Hòa	CÓ	Ngoại thành
4688			Xã Nuông Dăm	CÓ	Ngoại thành
4689		Huyện Lạc Sơn	Thị trấn Vụ Bản	KHÔNG	Ngoại thành
4690			Xã Quý Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
4691			Xã Miền Đồi	KHÔNG	Ngoại thành
4692			Xã Mỹ Thành	KHÔNG	Ngoại thành
4693			Xã Tuân Đạo	KHÔNG	Ngoại thành
4694			Xã Văn Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
4695			Xã Văn Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4696			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
4697			Xã Nhân Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
4698			Xã Thượng Cốc	KHÔNG	Ngoại thành
4699			Xã Quyết Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
4700			Xã Xuất Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
4701			Xã Yên Phú	KHÔNG	Ngoại thành
4702			Xã Bình Hẻm	KHÔNG	Ngoại thành
4703			Xã Định Cư	KHÔNG	Ngoại thành
4704			Xã Chí Đạo	KHÔNG	Ngoại thành
4705			Xã Ngọc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4706			Xã Hương Nhượng	KHÔNG	Ngoại thành

4707	Tỉnh Hoà Bình	Huyện Lạc Sơn	Xã Vũ Bình	KHÔNG	Ngoại thành
4708			Xã Tự Do	KHÔNG	Ngoại thành
4709			Xã Yên Nghiệp	KHÔNG	Ngoại thành
4710			Xã Tân Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4711			Xã Ân Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
4712			Xã Ngọc Lâu	KHÔNG	Ngoại thành
4713		Huyện Lạc Thủy	Thị trấn Ba Hàng Đồi	KHÔNG	Ngoại thành
4714			Thị trấn Chi Nê	KHÔNG	Ngoại thành
4715			Xã Phú Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
4716			Xã Phú Thành	KHÔNG	Ngoại thành
4717			Xã Hưng Thi	KHÔNG	Ngoại thành
4718			Xã Khoan Dụ	KHÔNG	Ngoại thành
4719			Xã Đồng Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
4720			Xã Yên Bồng	KHÔNG	Ngoại thành
4721			Xã Thống Nhất	KHÔNG	Ngoại thành
4722			Xã An Bình	KHÔNG	Ngoại thành
4723		Huyện Lương Sơn	Xã Liên Sơn	CÓ	Ngoại thành
4724			Xã Cao Sơn	CÓ	Ngoại thành
4725			Xã Cao Dương	CÓ	Ngoại thành
4726			Xã Thanh Sơn	CÓ	Ngoại thành
4727			Xã Thanh Cao	CÓ	Ngoại thành
4728			Thị trấn Lương Sơn	CÓ	Ngoại thành
4729			Xã Lâm Sơn	CÓ	Ngoại thành
4730			Xã Hòa Sơn	CÓ	Ngoại thành
4731			Xã Tân Vinh	CÓ	Ngoại thành
4732			Xã Nhuận Trạch	CÓ	Ngoại thành
4733			Xã Cư Yên	CÓ	Ngoại thành
4734		Huyện Mai Châu	Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
4735			Thị trấn Mai Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4736			Xã Sơn Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
4737			Xã Pà Cò	KHÔNG	Ngoại thành
4738			Xã Hang Kia	KHÔNG	Ngoại thành
4739			Xã Đồng Tân	KHÔNG	Ngoại thành
4740			Xã Cun Pheo	KHÔNG	Ngoại thành
4741			Xã Bao La	KHÔNG	Ngoại thành
4742			Xã Tòng Đậu	KHÔNG	Ngoại thành
4743			Xã Nà Phòn	KHÔNG	Ngoại thành
4744			Xã Sầm Khỏe	KHÔNG	Ngoại thành
4745			Xã Chiềng Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4746			Xã Mai Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
4747			Xã Thành Sơn	KHÔNG	Ngoại thành

4748	Tỉnh Hoà Bình	Huyện Mai Châu	Xã Mai Hịch	KHÔNG	Ngoại thành
4749			Xã Vạn Mai	KHÔNG	Ngoại thành
4750		Huyện Tân Lạc	Thị trấn Mãn Đức	KHÔNG	Ngoại thành
4751			Xã Suối Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
4752			Xã Phú Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
4753			Xã Phú Cường	KHÔNG	Ngoại thành
4754			Xã Mỹ Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
4755			Xã Quyết Chiến	KHÔNG	Ngoại thành
4756			Xã Phong Phú	KHÔNG	Ngoại thành
4757			Xã Tử Nê	KHÔNG	Ngoại thành
4758			Xã Thanh Hối	KHÔNG	Ngoại thành
4759			Xã Ngọc Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4760			Xã Đông Lai	KHÔNG	Ngoại thành
4761			Xã Vân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4762			Xã Nhân Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4763			Xã Lỗ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4764			Xã Ngổ Luông	KHÔNG	Ngoại thành
4765			Xã Gia Mô	KHÔNG	Ngoại thành
4766		Huyện Yên Thủy	Thị trấn Hàng Trạm	KHÔNG	Ngoại thành
4767			Xã Lạc Sỹ	KHÔNG	Ngoại thành
4768			Xã Lạc Lương	KHÔNG	Ngoại thành
4769			Xã Bảo Hiệu	KHÔNG	Ngoại thành
4770			Xã Đa Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
4771			Xã Hữu Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
4772			Xã Lạc Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
4773			Xã Đoàn Kết	KHÔNG	Ngoại thành
4774			Xã Phú Lai	KHÔNG	Ngoại thành
4775			Xã Yên Trị	KHÔNG	Ngoại thành
4776			Xã Ngọc Lương	KHÔNG	Ngoại thành
4777		Thành phố Hòa Bình	Phường Kỳ Sơn	KHÔNG	Nội thành
4778			Xã Thịnh Minh	KHÔNG	Nội thành
4779			Xã Hợp Thành	KHÔNG	Nội thành
4780			Xã Quang Tiến	KHÔNG	Nội thành
4781			Xã Mông Hóa	KHÔNG	Nội thành
4782			Xã Độc Lập	KHÔNG	Nội thành
4783			Phường Thái Bình	CÓ	Nội thành
4784			Phường Tân Hòa	CÓ	Nội thành
4785			Phường Thịnh Lang	CÓ	Nội thành
4786			Phường Hữu Nghị	CÓ	Nội thành
4787			Phường Tân Thịnh	CÓ	Nội thành
4788			Phường Đồng Tiến	CÓ	Nội thành

4789	Tỉnh Hoà Bình	Thành phố Hòa Bình	Phường Phương Lâm	CÓ	Nội thành
4790			Xã Yên Mông	CÓ	Nội thành
4791			Phường Quỳnh Lâm	CÓ	Nội thành
4792			Phường Dân Chủ	CÓ	Nội thành
4793			Xã Hòa Bình	CÓ	Nội thành
4794			Phường Thống Nhất	CÓ	Nội thành
4795			Phường Trung Minh	CÓ	Nội thành
4796	Tỉnh Hưng Yên	Huyện Ân Thi	Thị trấn Ân Thi	CÓ	Ngoại thành
4797			Xã Phù Ủng	CÓ	Ngoại thành
4798			Xã Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
4799			Xã Bãi Sậy	CÓ	Ngoại thành
4800			Xã Đào Dương	CÓ	Ngoại thành
4801			Xã Tân Phúc	CÓ	Ngoại thành
4802			Xã Vân Du	CÓ	Ngoại thành
4803			Xã Quang Vinh	CÓ	Ngoại thành
4804			Xã Xuân Trúc	CÓ	Ngoại thành
4805			Xã Hoàng Hoa Thám	CÓ	Ngoại thành
4806			Xã Quảng Lăng	CÓ	Ngoại thành
4807			Xã Văn Nhuệ	CÓ	Ngoại thành
4808			Xã Đặng Lễ	CÓ	Ngoại thành
4809			Xã Cẩm Ninh	CÓ	Ngoại thành
4810			Xã Nguyễn Trãi	CÓ	Ngoại thành
4811			Xã Đa Lộc	CÓ	Ngoại thành
4812			Xã Hồ Tùng Mậu	CÓ	Ngoại thành
4813			Xã Tiền Phong	CÓ	Ngoại thành
4814			Xã Hồng Vân	CÓ	Ngoại thành
4815			Xã Hồng Quang	CÓ	Ngoại thành
4816			Xã Hạ Lễ	CÓ	Ngoại thành
4817		Huyện Khoái Châu	Thị trấn Khoái Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4818			Xã Đông Tảo	KHÔNG	Ngoại thành
4819			Xã Bình Minh	KHÔNG	Ngoại thành
4820			Xã Dạ Trạch	KHÔNG	Ngoại thành
4821			Xã Hàm Tử	KHÔNG	Ngoại thành
4822			Xã Ông Đình	KHÔNG	Ngoại thành
4823			Xã Tân Dân	KHÔNG	Ngoại thành
4824			Xã Tứ Dân	KHÔNG	Ngoại thành
4825			Xã An Vĩ	KHÔNG	Ngoại thành
4826			Xã Đông Kết	KHÔNG	Ngoại thành
4827			Xã Bình Kiều	KHÔNG	Ngoại thành
4828			Xã Dân Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
4829			Xã Đồng Tiến	KHÔNG	Ngoại thành

4830	Tỉnh Hưng Yên	Huyện Khoái Châu	Xã Hồng Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
4831			Xã Tân Châu	KHÔNG	Ngoại thành
4832			Xã Liên Khê	KHÔNG	Ngoại thành
4833			Xã Phùng Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
4834			Xã Việt Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
4835			Xã Đông Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
4836			Xã Đại Tập	KHÔNG	Ngoại thành
4837			Xã Chí Tân	KHÔNG	Ngoại thành
4838			Xã Đại Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
4839			Xã Thuần Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
4840			Xã Thành Công	KHÔNG	Ngoại thành
4841			Xã Nhuế Dương	KHÔNG	Ngoại thành
4842		Huyện Kim Động	Thị trấn Lương Bằng	CÓ	Ngoại thành
4843			Xã Nghĩa Dân	CÓ	Ngoại thành
4844			Xã Toàn Thắng	CÓ	Ngoại thành
4845			Xã Vĩnh Xá	CÓ	Ngoại thành
4846			Xã Phạm Ngũ Lão	CÓ	Ngoại thành
4847			Xã Thọ Vinh	CÓ	Ngoại thành
4848			Xã Đông Thanh	CÓ	Ngoại thành
4849			Xã Song Mai	CÓ	Ngoại thành
4850			Xã Chính Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
4851			Xã Nhân La	CÓ	Ngoại thành
4852			Xã Phú Thịnh	CÓ	Ngoại thành
4853			Xã Mai Động	CÓ	Ngoại thành
4854			Xã Đức Hợp	CÓ	Ngoại thành
4855			Xã Hùng An	CÓ	Ngoại thành
4856			Xã Ngọc Thanh	CÓ	Ngoại thành
4857			Xã Vũ Xá	CÓ	Ngoại thành
4858			Xã Hiệp Cường	CÓ	Ngoại thành
4859		Huyện Phù Cừ	Thị trấn Trần Cao	CÓ	Ngoại thành
4860			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
4861			Xã Phan Sào Nam	CÓ	Ngoại thành
4862			Xã Quang Hưng	CÓ	Ngoại thành
4863			Xã Minh Hoàng	CÓ	Ngoại thành
4864			Xã Đoàn Đào	CÓ	Ngoại thành
4865			Xã Tống Phan	CÓ	Ngoại thành
4866			Xã Đình Cao	CÓ	Ngoại thành
4867			Xã Nhật Quang	CÓ	Ngoại thành
4868			Xã Tiền Tiến	CÓ	Ngoại thành
4869			Xã Tam Đa	CÓ	Ngoại thành
4870			Xã Minh Tiến	CÓ	Ngoại thành

4871	Tỉnh Hưng Yên	Huyện Phù Cừ	Xã Nguyên Hòa	CÓ	Ngoại thành
4872			Xã Tống Trân	CÓ	Ngoại thành
4873		Huyện Tiên Lữ	Thị trấn Vương	CÓ	Ngoại thành
4874			Xã Hưng Đạo	CÓ	Ngoại thành
4875			Xã Ngô Quyền	CÓ	Ngoại thành
4876			Xã Nhật Tân	CÓ	Ngoại thành
4877			Xã Dị Chế	CÓ	Ngoại thành
4878			Xã Lệ Xá	CÓ	Ngoại thành
4879			Xã An Viên	CÓ	Ngoại thành
4880			Xã Đức Thắng	CÓ	Ngoại thành
4881			Xã Trung Dũng	CÓ	Ngoại thành
4882			Xã Hải Triều	CÓ	Ngoại thành
4883			Xã Thủ Sỹ	CÓ	Ngoại thành
4884			Xã Thiện Phiến	CÓ	Ngoại thành
4885			Xã Thụy Lôi	CÓ	Ngoại thành
4886			Xã Cương Chính	CÓ	Ngoại thành
4887			Xã Minh Phượng	CÓ	Ngoại thành
4888		Huyện Văn Giang	Thị trấn Văn Giang	KHÔNG	Ngoại thành
4889			Xã Xuân Quan	KHÔNG	Ngoại thành
4890			Xã Cửu Cao	KHÔNG	Ngoại thành
4891			Xã Phụng Công	KHÔNG	Ngoại thành
4892			Xã Nghĩa Trụ	KHÔNG	Ngoại thành
4893			Xã Long Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
4894			Xã Vĩnh Khúc	CÓ	Ngoại thành
4895			Xã Liên Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
4896			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
4897			Xã Thắng Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
4898			Xã Mễ Sở	KHÔNG	Ngoại thành
4899		Huyện Văn Lâm	Thị trấn Như Quỳnh	CÓ	Nội thành
4900			Xã Lạc Đạo	CÓ	Nội thành
4901			Xã Chi Đạo	CÓ	Nội thành
4902			Xã Đại Đồng	KHÔNG	Nội thành
4903			Xã Việt Hưng	KHÔNG	Nội thành
4904			Xã Tân Quang	CÓ	Nội thành
4905			Xã Đình Dù	CÓ	Nội thành
4906			Xã Minh Hải	CÓ	Nội thành
4907			Xã Lương Tài	KHÔNG	Nội thành
4908			Xã Trưng Trắc	CÓ	Nội thành
4909			Xã Lạc Hồng	CÓ	Nội thành
4910		Huyện Yên Mỹ	Thị trấn Yên Mỹ	CÓ	Nội thành
4911			Xã Giai Phạm	CÓ	Nội thành

4912	Tỉnh Hưng Yên	Huyện Yên Mỹ	Xã Nghĩa Hiệp	CÓ	Nội thành
4913			Xã Đồng Than	CÓ	Nội thành
4914			Xã Ngọc Long	KHÔNG	Nội thành
4915			Xã Liêu Xá	CÓ	Nội thành
4916			Xã Hoàn Long	CÓ	Nội thành
4917			Xã Tân Lập	CÓ	Nội thành
4918			Xã Thanh Long	KHÔNG	Nội thành
4919			Xã Yên Phú	CÓ	Nội thành
4920			Xã Việt Cường	KHÔNG	Nội thành
4921			Xã Trung Hòa	KHÔNG	Nội thành
4922			Xã Yên Hòa	KHÔNG	Nội thành
4923			Xã Minh Châu	KHÔNG	Nội thành
4924			Xã Trung Hưng	KHÔNG	Nội thành
4925			Xã Lý Thường Kiệt	KHÔNG	Nội thành
4926			Xã Tân Việt	KHÔNG	Nội thành
4927		Thành phố Hưng Yên	Phường Lam Sơn	CÓ	Nội thành
4928			Phường Hiến Nam	CÓ	Nội thành
4929			Phường An Tảo	CÓ	Nội thành
4930			Phường Lê Lợi	CÓ	Nội thành
4931			Phường Minh Khai	CÓ	Nội thành
4932			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
4933			Phường Hồng Châu	CÓ	Nội thành
4934			Xã Trung Nghĩa	CÓ	Nội thành
4935			Xã Liên Phương	CÓ	Nội thành
4936			Xã Hồng Nam	CÓ	Nội thành
4937			Xã Quảng Châu	CÓ	Nội thành
4938			Xã Bảo Khê	CÓ	Nội thành
4939			Xã Phú Cường	CÓ	Nội thành
4940			Xã Hùng Cường	CÓ	Nội thành
4941			Xã Phương Chiểu	CÓ	Nội thành
4942			Xã Tân Hưng	CÓ	Nội thành
4943			Xã Hoàng Hanh	CÓ	Nội thành
4944		Thị xã Mỹ Hào	Xã Hòa Phong	KHÔNG	Nội thành
4945			Xã Hưng Long	KHÔNG	Nội thành
4946			Phường Bần Yên Nhân	CÓ	Nội thành
4947			Phường Phan Đình Phùng	CÓ	Nội thành
4948			Xã Cẩm Xá	KHÔNG	Nội thành
4949			Xã Dương Quang	KHÔNG	Nội thành
4950			Phường Nhân Hòa	CÓ	Nội thành
4951			Phường Dị Sử	CÓ	Nội thành
4952			Phường Bạch Sam	CÓ	Nội thành

4953	Tỉnh Hưng Yên	Thị xã Mỹ Hào	Phường Minh Đức	CÓ	Nội thành
4954			Phường Phùng Chí Kiên	CÓ	Nội thành
4955			Xã Xuân Dục	CÓ	Nội thành
4956			Xã Ngọc Lâm	CÓ	Nội thành
4957	Tỉnh Khánh Hòa	Huyện Cam Lâm	Xã Cam Tân	CÓ	Ngoại thành
4958			Xã Cam Hòa	CÓ	Ngoại thành
4959			Xã Suối Cát	CÓ	Ngoại thành
4960			Xã Suối Tân	CÓ	Ngoại thành
4961			Xã Sơn Tân	CÓ	Ngoại thành
4962			Xã Cam Hải Đông	CÓ	Ngoại thành
4963			Xã Cam Hải Tây	CÓ	Ngoại thành
4964			Xã Cam Hiệp Bắc	CÓ	Ngoại thành
4965			Thị trấn Cam Đức	CÓ	Ngoại thành
4966			Xã Cam Hiệp Nam	CÓ	Ngoại thành
4967			Xã Cam Phước Tây	CÓ	Ngoại thành
4968			Xã Cam Thành Bắc	CÓ	Ngoại thành
4969			Xã Cam An Bắc	CÓ	Ngoại thành
4970			Xã Cam An Nam	CÓ	Ngoại thành
4971		Huyện Diên Khánh	Thị trấn Diên Khánh	CÓ	Ngoại thành
4972			Xã Diên Lâm	CÓ	Ngoại thành
4973			Xã Diên Điền	CÓ	Ngoại thành
4974			Xã Diên Xuân	CÓ	Ngoại thành
4975			Xã Diên Sơn	CÓ	Ngoại thành
4976			Xã Diên Đồng	CÓ	Ngoại thành
4977			Xã Diên Phú	CÓ	Ngoại thành
4978			Xã Diên Thọ	CÓ	Ngoại thành
4979			Xã Diên Phước	CÓ	Ngoại thành
4980			Xã Diên Lạc	CÓ	Ngoại thành
4981			Xã Diên Tân	CÓ	Ngoại thành
4982			Xã Diên Hòa	CÓ	Ngoại thành
4983			Xã Diên Thạnh	CÓ	Ngoại thành
4984			Xã Diên Toàn	CÓ	Ngoại thành
4985			Xã Diên An	CÓ	Ngoại thành
4986			Xã Bình Lộc	CÓ	Ngoại thành
4987			Xã Suối Hiệp	CÓ	Ngoại thành
4988			Xã Suối Tiên	CÓ	Ngoại thành
4989		Huyện Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp	KHÔNG	Ngoại thành
4990			Xã Thành Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
4991			Xã Sơn Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
4992			Xã Sơn Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
4993			Xã Sơn Bình	KHÔNG	Ngoại thành

4994	Tỉnh Khánh Hòa	Huyện Khánh Sơn	Xã Sơn Trung	KHÔNG	Ngoại thành
4995			Xã Ba Cùm Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
4996			Xã Ba Cùm Nam	KHÔNG	Ngoại thành
4997		Huyện Khánh Vĩnh	Thị trấn Khánh Vĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
4998			Xã Khánh Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
4999			Xã Khánh Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5000			Xã Khánh Trung	KHÔNG	Ngoại thành
5001			Xã Khánh Đông	KHÔNG	Ngoại thành
5002			Xã Khánh Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
5003			Xã Khánh Nam	KHÔNG	Ngoại thành
5004			Xã Sông Cầu	KHÔNG	Ngoại thành
5005			Xã Giang Ly	KHÔNG	Ngoại thành
5006			Xã Cầu Bà	KHÔNG	Ngoại thành
5007			Xã Liên Sang	KHÔNG	Ngoại thành
5008			Xã Khánh Thành	KHÔNG	Ngoại thành
5009			Xã Khánh Phú	KHÔNG	Ngoại thành
5010			Xã Sơn Thái	KHÔNG	Ngoại thành
5011		Huyện Trường Sa	Thị trấn Trường Sa	KHÔNG	Ngoại thành
5012			Xã Song Tử Tây	KHÔNG	Ngoại thành
5013			Xã Sinh Tồn	KHÔNG	Ngoại thành
5014		Huyện Vạn Ninh	Thị trấn Vạn Giã	CÓ	Ngoại thành
5015			Xã Đại Lãnh	CÓ	Ngoại thành
5016			Xã Vạn Phước	CÓ	Ngoại thành
5017			Xã Vạn Long	CÓ	Ngoại thành
5018			Xã Vạn Bình	CÓ	Ngoại thành
5019			Xã Vạn Thọ	CÓ	Ngoại thành
5020			Xã Vạn Khánh	CÓ	Ngoại thành
5021			Xã Vạn Phú	CÓ	Ngoại thành
5022			Xã Vạn Lương	CÓ	Ngoại thành
5023			Xã Vạn Thắng	CÓ	Ngoại thành
5024			Xã Vạn Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5025			Xã Xuân Sơn	CÓ	Ngoại thành
5026			Xã Vạn Hưng	CÓ	Ngoại thành
5027		Thành phố Cam Ranh	Xã Cam Lập	KHÔNG	Nội thành
5028			Xã Cam Bình	KHÔNG	Nội thành
5029			Phường Cam Nghĩa	CÓ	Nội thành
5030			Phường Cam Phúc Bắc	CÓ	Nội thành
5031			Xã Cam Thành Nam	CÓ	Nội thành
5032			Xã Cam Phước Đông	CÓ	Nội thành
5033			Xã Cam Thịnh Tây	CÓ	Nội thành
5034			Xã Cam Thịnh Đông	CÓ	Nội thành

5035	Tỉnh Khánh Hòa	Thành phố Cam Ranh	Phường Cam Phúc Nam	CÓ	Nội thành
5036			Phường Cam Lộc	CÓ	Nội thành
5037			Phường Cam Phú	CÓ	Nội thành
5038			Phường Ba Ngòi	CÓ	Nội thành
5039			Phường Cam Thuận	CÓ	Nội thành
5040			Phường Cam Lợi	CÓ	Nội thành
5041			Phường Cam Linh	CÓ	Nội thành
5042		Thành phố Nha Trang	Phường Phương Sơn	CÓ	Nội thành
5043			Phường Vĩnh Hòa	CÓ	Nội thành
5044			Phường Vĩnh Hải	CÓ	Nội thành
5045			Phường Vĩnh Phước	CÓ	Nội thành
5046			Phường Ngọc Hiệp	CÓ	Nội thành
5047			Phường Vĩnh Thọ	CÓ	Nội thành
5048			Phường Xương Huân	CÓ	Nội thành
5049			Phường Vạn Thắng	CÓ	Nội thành
5050			Phường Vạn Thạnh	CÓ	Nội thành
5051			Phường Phương Sài	CÓ	Nội thành
5052			Phường Phước Hải	CÓ	Nội thành
5053			Phường Phước Tân	CÓ	Nội thành
5054			Phường Lộc Thọ	CÓ	Nội thành
5055			Phường Phước Tiến	CÓ	Nội thành
5056			Phường Tân Lập	CÓ	Nội thành
5057			Phường Phước Hòa	CÓ	Nội thành
5058			Phường Vĩnh Nguyên	CÓ	Nội thành
5059			Phường Phước Long	CÓ	Nội thành
5060			Phường Vĩnh Trường	CÓ	Nội thành
5061			Xã Vĩnh Lương	CÓ	Nội thành
5062			Xã Vĩnh Phương	CÓ	Nội thành
5063			Xã Vĩnh Ngọc	CÓ	Nội thành
5064			Xã Vĩnh Thạnh	CÓ	Nội thành
5065			Xã Vĩnh Trung	CÓ	Nội thành
5066			Xã Vĩnh Hiệp	CÓ	Nội thành
5067			Xã Vĩnh Thái	CÓ	Nội thành
5068			Xã Phước Đồng	CÓ	Nội thành
5069		Thị xã Ninh Hòa	Phường Ninh Hiệp	CÓ	Ngoại thành
5070			Xã Ninh Sơn	CÓ	Ngoại thành
5071			Xã Ninh Tây	CÓ	Ngoại thành
5072			Xã Ninh Thượng	CÓ	Ngoại thành
5073			Xã Ninh An	CÓ	Ngoại thành
5074			Phường Ninh Hải	CÓ	Ngoại thành
5075			Xã Ninh Thọ	CÓ	Ngoại thành

5076	Tỉnh Khánh Hòa	Thị xã Ninh Hòa	Xã Ninh Trung	CÓ	Ngoại thành
5077			Xã Ninh Sim	CÓ	Ngoại thành
5078			Xã Ninh Xuân	CÓ	Ngoại thành
5079			Xã Ninh Thân	CÓ	Ngoại thành
5080			Phường Ninh Diêm	CÓ	Ngoại thành
5081			Xã Ninh Đông	CÓ	Ngoại thành
5082			Phường Ninh Thủy	CÓ	Ngoại thành
5083			Phường Ninh Đa	CÓ	Ngoại thành
5084			Xã Ninh Phụng	CÓ	Ngoại thành
5085			Xã Ninh Bình	CÓ	Ngoại thành
5086			Xã Ninh Phước	CÓ	Ngoại thành
5087			Xã Ninh Phú	CÓ	Ngoại thành
5088			Xã Ninh Tân	CÓ	Ngoại thành
5089			Xã Ninh Quang	CÓ	Ngoại thành
5090			Phường Ninh Giang	CÓ	Ngoại thành
5091			Phường Ninh Hà	CÓ	Ngoại thành
5092			Xã Ninh Hưng	CÓ	Ngoại thành
5093			Xã Ninh Lộc	CÓ	Ngoại thành
5094			Xã Ninh Ích	CÓ	Ngoại thành
5095			Xã Ninh Vân	CÓ	Ngoại thành
5096	Tỉnh Kiên Giang	Huyện An Biên	Xã Tây Yên	CÓ	Ngoại thành
5097			Xã Tây Yên A	CÓ	Ngoại thành
5098			Thị trấn Thứ Ba	CÓ	Ngoại thành
5099			Xã Nam Yên	CÓ	Ngoại thành
5100			Xã Hưng Yên	CÓ	Ngoại thành
5101			Xã Nam Thái	CÓ	Ngoại thành
5102			Xã Nam Thái A	CÓ	Ngoại thành
5103			Xã Đông Thái	CÓ	Ngoại thành
5104			Xã Đông Yên	CÓ	Ngoại thành
5105		Huyện An Minh	Xã Đông Hưng B	CÓ	Ngoại thành
5106			Xã Vân Khánh	CÓ	Ngoại thành
5107			Xã Vân Khánh Tây	CÓ	Ngoại thành
5108			Thị trấn Thứ Mười Một	CÓ	Ngoại thành
5109			Xã Thuận Hoà	CÓ	Ngoại thành
5110			Xã Đông Hòa	CÓ	Ngoại thành
5111			Xã Đông Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5112			Xã Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5113			Xã Đông Hưng	CÓ	Ngoại thành
5114			Xã Đông Hưng A	CÓ	Ngoại thành
5115			Xã Vân Khánh Đông	CÓ	Ngoại thành
5116		Huyện Châu Thành	Thị trấn Minh Lương	CÓ	Ngoại thành

5117	Tỉnh Kiên Giang	Huyện Châu Thành	Xã Mong Thọ A	CÓ	Ngoại thành
5118			Xã Mong Thọ B	CÓ	Ngoại thành
5119			Xã Mong Thọ	CÓ	Ngoại thành
5120			Xã Giục Tượng	CÓ	Ngoại thành
5121			Xã Vĩnh Hòa Hiệp	CÓ	Ngoại thành
5122			Xã Vĩnh Hoà Phú	CÓ	Ngoại thành
5123			Xã Minh Hòa	CÓ	Ngoại thành
5124			Xã Bình An	CÓ	Ngoại thành
5125			Xã Thạnh Lộc	CÓ	Ngoại thành
5126		Huyện Giang Thành	Xã Vĩnh Phú	CÓ	Ngoại thành
5127			Xã Vĩnh Điều	CÓ	Ngoại thành
5128			Xã Tân Khánh Hòa	CÓ	Ngoại thành
5129			Xã Phú Lợi	CÓ	Ngoại thành
5130			Xã Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành
5131		Huyện Giồng Riềng	Thị Trấn Giồng Riềng	CÓ	Ngoại thành
5132			Xã Thạnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
5133			Xã Thạnh Lộc	CÓ	Ngoại thành
5134			Xã Thạnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
5135			Xã Thạnh Bình	CÓ	Ngoại thành
5136			Xã Bàn Thạch	CÓ	Ngoại thành
5137			Xã Bàn Tân Định	CÓ	Ngoại thành
5138			Xã Ngọc Thành	CÓ	Ngoại thành
5139			Xã Ngọc Chúc	CÓ	Ngoại thành
5140			Xã Ngọc Thuận	CÓ	Ngoại thành
5141			Xã Hòa Hưng	CÓ	Ngoại thành
5142			Xã Hoà Lợi	CÓ	Ngoại thành
5143			Xã Hoà An	CÓ	Ngoại thành
5144			Xã Long Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5145			Xã Vĩnh Thạnh	KHÔNG	Ngoại thành
5146			Xã Vĩnh Phú	KHÔNG	Ngoại thành
5147			Xã Hòa Thuận	CÓ	Ngoại thành
5148			Xã Ngọc Hoà	CÓ	Ngoại thành
5149			Xã Thạnh Phước	KHÔNG	Ngoại thành
5150		Huyện Gò Quao	Thị trấn Gò Quao	CÓ	Ngoại thành
5151			Xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	CÓ	Ngoại thành
5152			Xã Định Hòa	CÓ	Ngoại thành
5153			Xã Định An	CÓ	Ngoại thành
5154			Xã Vĩnh Phước B	CÓ	Ngoại thành
5155			Xã Thủy Liễu	CÓ	Ngoại thành
5156			Xã Thới Quản	KHÔNG	Ngoại thành
5157			Xã Vĩnh Hòa Hưng Nam	KHÔNG	Ngoại thành

5158	Tỉnh Kiên Giang	Huyện Gò Quao	Xã Vĩnh Phước A	KHÔNG	Ngoại thành
5159			Xã Vĩnh Tuy	KHÔNG	Ngoại thành
5160			Xã Vĩnh Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
5161		Huyện Hòn Đất	Xã Bình Giang	KHÔNG	Ngoại thành
5162			Xã Mỹ Phước	KHÔNG	Ngoại thành
5163			Xã Bình Sơn	CÓ	Ngoại thành
5164			Xã Linh Huỳnh	CÓ	Ngoại thành
5165			Thị trấn Hòn Đất	CÓ	Ngoại thành
5166			Thị trấn Sóc Sơn	CÓ	Ngoại thành
5167			Xã Mỹ Thái	CÓ	Ngoại thành
5168			Xã Nam Thái Sơn	CÓ	Ngoại thành
5169			Xã Mỹ Hiệp Sơn	CÓ	Ngoại thành
5170			Xã Sơn Kiên	CÓ	Ngoại thành
5171			Xã Sơn Bình	CÓ	Ngoại thành
5172			Xã Mỹ Thuận	CÓ	Ngoại thành
5173			Xã Thổ Sơn	CÓ	Ngoại thành
5174			Xã Mỹ Lâm	CÓ	Ngoại thành
5175		Huyện Kiên Hải	Xã Hòn Tre	KHÔNG	Ngoại thành
5176			Xã Lại Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5177			Xã An Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5178			Xã Nam Du	KHÔNG	Ngoại thành
5179		Huyện Kiên Lương	Thị trấn Kiên Lương	KHÔNG	Ngoại thành
5180			Xã Kiên Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5181			Xã Hòa Điền	KHÔNG	Ngoại thành
5182			Xã Dương Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5183			Xã Bình An	KHÔNG	Ngoại thành
5184			Xã Bình Trị	KHÔNG	Ngoại thành
5185			Xã Sơn Hải	KHÔNG	Ngoại thành
5186			Xã Hòn Nghệ	KHÔNG	Ngoại thành
5187		Huyện Tân Hiệp	Xã Tân Hội	CÓ	Ngoại thành
5188			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
5189			Thị trấn Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
5190			Xã Tân Hiệp B	CÓ	Ngoại thành
5191			Xã Tân Hoà	CÓ	Ngoại thành
5192			Xã Thạnh Đông B	CÓ	Ngoại thành
5193			Xã Thạnh Đông	CÓ	Ngoại thành
5194			Xã Tân Hiệp A	CÓ	Ngoại thành
5195			Xã Tân An	CÓ	Ngoại thành
5196			Xã Thạnh Đông A	CÓ	Ngoại thành
5197			Xã Thạnh Trị	CÓ	Ngoại thành
5198		Huyện U Minh Thượng	Xã Thạnh Yên	CÓ	Ngoại thành

5199	Tỉnh Kiên Giang	Huyện U Minh Thượng	Xã Thạnh Yên A	CÓ	Ngoại thành
5200			Xã An Minh Bắc	CÓ	Ngoại thành
5201			Xã Vĩnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
5202			Xã Hoà Chánh	CÓ	Ngoại thành
5203			Xã Minh Thuận	CÓ	Ngoại thành
5204		Huyện Vĩnh Thuận	Thị trấn Vĩnh Thuận	CÓ	Ngoại thành
5205			Xã Vĩnh Bình Bắc	CÓ	Ngoại thành
5206			Xã Vĩnh Bình Nam	CÓ	Ngoại thành
5207			Xã Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
5208			Xã Vĩnh Thuận	CÓ	Ngoại thành
5209			Xã Tân Thuận	CÓ	Ngoại thành
5210			Xã Phong Đông	CÓ	Ngoại thành
5211			Xã Vĩnh Phong	CÓ	Ngoại thành
5212		Thành phố Hà Tiên	Xã Tiên Hải	KHÔNG	Ngoại thành
5213			Phường Tô Châu	CÓ	Ngoại thành
5214			Phường Đông Hồ	CÓ	Ngoại thành
5215			Phường Bình San	CÓ	Ngoại thành
5216			Phường Pháo Đài	CÓ	Ngoại thành
5217			Phường Mỹ Đức	CÓ	Ngoại thành
5218			Xã Thuận Yên	CÓ	Ngoại thành
5219		Thành phố Phú Quốc	Xã Cửa Dương	CÓ	Nội thành
5220			Xã Cửa Cạn	CÓ	Nội thành
5221			Xã Hàm Ninh	KHÔNG	Nội thành
5222			Xã Bãi Thơm	KHÔNG	Nội thành
5223			Xã Thổ Châu	KHÔNG	Nội thành
5224			Phường An Thới	CÓ	Nội thành
5225			Xã Gành Dầu	CÓ	Nội thành
5226			Phường Dương Đông	CÓ	Nội thành
5227			Xã Dương Tơ	CÓ	Nội thành
5228		Thành phố Rạch Giá	Phường Vĩnh Thanh Vân	CÓ	Nội thành
5229			Phường Vĩnh Thanh	CÓ	Nội thành
5230			Phường Vĩnh Quang	CÓ	Nội thành
5231			Phường Vĩnh Hiệp	CÓ	Nội thành
5232			Phường Vĩnh Bảo	CÓ	Nội thành
5233			Phường Vĩnh Lạc	CÓ	Nội thành
5234			Phường An Hòa	CÓ	Nội thành
5235			Phường An Bình	CÓ	Nội thành
5236			Phường Rạch Sỏi	CÓ	Nội thành
5237			Phường Vĩnh Lợi	CÓ	Nội thành
5238			Phường Vĩnh Thông	CÓ	Nội thành
5239			Xã Phi Thông	CÓ	Nội thành

5240	Tỉnh Kon Tum	Huyện Đắk Glei	Thị trấn Đắk Glei	KHÔNG	Ngoại thành
5241			Xã Đắk Blô	KHÔNG	Ngoại thành
5242			Xã Đắk Man	KHÔNG	Ngoại thành
5243			Xã Đắk Nhoong	KHÔNG	Ngoại thành
5244			Xã Đắk Pék	KHÔNG	Ngoại thành
5245			Xã Đắk Choong	KHÔNG	Ngoại thành
5246			Xã Xốp	KHÔNG	Ngoại thành
5247			Xã Mường Hoong	KHÔNG	Ngoại thành
5248			Xã Ngọc Linh	KHÔNG	Ngoại thành
5249			Xã Đắk Long	KHÔNG	Ngoại thành
5250			Xã Đắk KRoong	KHÔNG	Ngoại thành
5251			Xã Đắk Môn	KHÔNG	Ngoại thành
5252		Huyện Đắk Hà	Thị trấn Đắk Hà	CÓ	Ngoại thành
5253			Xã Đắk PXi	CÓ	Ngoại thành
5254			Xã Đắk Long	CÓ	Ngoại thành
5255			Xã Đắk HRing	CÓ	Ngoại thành
5256			Xã Đắk Ui	CÓ	Ngoại thành
5257			Xã Đắk Ngok	CÓ	Ngoại thành
5258			Xã Đắk Mar	CÓ	Ngoại thành
5259			Xã Ngok Wang	CÓ	Ngoại thành
5260			Xã Ngok Réo	CÓ	Ngoại thành
5261			Xã Hà Môn	CÓ	Ngoại thành
5262			Xã Đắk La	CÓ	Ngoại thành
5263		Huyện Đắk Tô	Thị trấn Đắk Tô	CÓ	Ngoại thành
5264			Xã Đắk Rơ Nga	CÓ	Ngoại thành
5265			Xã Ngok Tụ	CÓ	Ngoại thành
5266			Xã Đắk Trăm	CÓ	Ngoại thành
5267			Xã Văn Lem	CÓ	Ngoại thành
5268			Xã Kon Đào	CÓ	Ngoại thành
5269			Xã Tân Cảnh	CÓ	Ngoại thành
5270			Xã Diên Bình	CÓ	Ngoại thành
5271			Xã Pô Kô	CÓ	Ngoại thành
5272		Huyện Ia H' Drai	Xã Ia Đal	KHÔNG	Ngoại thành
5273			Xã Ia Dom	KHÔNG	Ngoại thành
5274			Xã Ia Tơi	KHÔNG	Ngoại thành
5275		Huyện Kon Plông	Xã Đắk Nên	KHÔNG	Ngoại thành
5276			Xã Đắk Ring	KHÔNG	Ngoại thành
5277			Xã Măng Buk	KHÔNG	Ngoại thành
5278			Xã Đắk Tăng	KHÔNG	Ngoại thành
5279			Xã Ngok Tem	KHÔNG	Ngoại thành
5280			Xã Pờ Ê	KHÔNG	Ngoại thành

5281	Tỉnh Kon Tum	Huyện Kon Plông	Xã Măng Cành	KHÔNG	Ngoại thành
5282			Thị trấn Măng Đen	KHÔNG	Ngoại thành
5283			Xã Hiếu	KHÔNG	Ngoại thành
5284		Huyện Kon Rẫy	Thị trấn Đắk Rve	KHÔNG	Ngoại thành
5285			Xã Đắk Kôi	KHÔNG	Ngoại thành
5286			Xã Đắk Tơ Lung	KHÔNG	Ngoại thành
5287			Xã Đắk Ruồng	KHÔNG	Ngoại thành
5288			Xã Đắk Pne	KHÔNG	Ngoại thành
5289			Xã Đắk Tờ Re	KHÔNG	Ngoại thành
5290			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
5291		Huyện Ngọc Hồi	Thị trấn Plei Kăn	CÓ	Ngoại thành
5292			Xã Đắk Ang	CÓ	Ngoại thành
5293			Xã Đắk Dục	CÓ	Ngoại thành
5294			Xã Đắk Nông	CÓ	Ngoại thành
5295			Xã Đắk Xú	CÓ	Ngoại thành
5296			Xã Đắk Kan	CÓ	Ngoại thành
5297			Xã Bờ Y	CÓ	Ngoại thành
5298			Xã Sa Loong	CÓ	Ngoại thành
5299		Huyện Sa Thầy	Thị trấn Sa Thầy	KHÔNG	Ngoại thành
5300			Xã Rơ Kơi	KHÔNG	Ngoại thành
5301			Xã Sa Nhơn	KHÔNG	Ngoại thành
5302			Xã Hơ Moong	KHÔNG	Ngoại thành
5303			Xã Mô Rai	KHÔNG	Ngoại thành
5304			Xã Sa Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5305			Xã Sa Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
5306			Xã Sa Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5307			Xã Ya Xiêr	KHÔNG	Ngoại thành
5308			Xã Ya Tăng	KHÔNG	Ngoại thành
5309			Xã Ya ly	KHÔNG	Ngoại thành
5310		Huyện Tu Mơ Rông	Xã Ngọc Lậy	KHÔNG	Ngoại thành
5311			Xã Đắk Na	KHÔNG	Ngoại thành
5312			Xã Măng Ri	KHÔNG	Ngoại thành
5313			Xã Ngọc Yêu	KHÔNG	Ngoại thành
5314			Xã Đắk Sao	KHÔNG	Ngoại thành
5315			Xã Đắk Rơ Ông	KHÔNG	Ngoại thành
5316			Xã Đắk Tờ Kan	KHÔNG	Ngoại thành
5317			Xã Tu Mơ Rông	KHÔNG	Ngoại thành
5318			Xã Đắk Hà	KHÔNG	Ngoại thành
5319			Xã Tê Xăng	KHÔNG	Ngoại thành
5320			Xã Văn Xuôi	KHÔNG	Ngoại thành
5321		Thành phố Kon Tum	Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành

5322	Tỉnh Kon Tum	Thành phố Kon Tum	Phường Duy Tân	CÓ	Nội thành
5323			Phường Quyết Thắng	CÓ	Nội thành
5324			Phường Trường Chinh	CÓ	Nội thành
5325			Phường Thắng Lợi	CÓ	Nội thành
5326			Phường Ngô Mây	CÓ	Nội thành
5327			Phường Thống Nhất	CÓ	Nội thành
5328			Phường Lê Lợi	CÓ	Nội thành
5329			Phường Nguyễn Trãi	CÓ	Nội thành
5330			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
5331			Xã Đắk Cấm	CÓ	Nội thành
5332			Xã Kroong	CÓ	Nội thành
5333			Xã Ngọc Bay	CÓ	Nội thành
5334			Xã Vinh Quang	CÓ	Nội thành
5335			Xã Đắk Blà	CÓ	Nội thành
5336			Xã Ia Chim	CÓ	Nội thành
5337			Xã Đắk Năng	CÓ	Nội thành
5338			Xã Đoàn Kết	CÓ	Nội thành
5339			Xã Chư Hreng	CÓ	Nội thành
5340			Xã Đắk Rơ Wa	CÓ	Nội thành
5341			Xã Hòa Bình	CÓ	Nội thành
5342	Tỉnh Lai Châu	Huyện Mường Tè	Thị trấn Mường Tè	KHÔNG	Ngoại thành
5343			Xã Thu Lũm	KHÔNG	Ngoại thành
5344			Xã Ka Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
5345			Xã Tá Bạ	KHÔNG	Ngoại thành
5346			Xã Pa ủ	KHÔNG	Ngoại thành
5347			Xã Mường Tè	KHÔNG	Ngoại thành
5348			Xã Pa Vệ Sứ	KHÔNG	Ngoại thành
5349			Xã Mù Cả	KHÔNG	Ngoại thành
5350			Xã Bum Tở	KHÔNG	Ngoại thành
5351			Xã Nậm Khao	KHÔNG	Ngoại thành
5352			Xã Tà Tổng	KHÔNG	Ngoại thành
5353			Xã Bum Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
5354			Xã Vàng San	KHÔNG	Ngoại thành
5355			Xã Kan Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
5356		Huyện Nậm Nhùn	Thị trấn Nậm Nhùn	KHÔNG	Ngoại thành
5357			Xã Hua Bun	KHÔNG	Ngoại thành
5358			Xã Mường Mô	KHÔNG	Ngoại thành
5359			Xã Nậm Chà	KHÔNG	Ngoại thành
5360			Xã Nậm Manh	KHÔNG	Ngoại thành
5361			Xã Nậm Hàng	KHÔNG	Ngoại thành
5362			Xã Lê Lợi	KHÔNG	Ngoại thành

5363	Tỉnh Lai Châu	Huyện Nậm Nhùn	Xã Pú Dao	KHÔNG	Ngoại thành
5364			Xã Nậm Pì	KHÔNG	Ngoại thành
5365			Xã Nậm Ban	KHÔNG	Ngoại thành
5366			Xã Trung Chải	KHÔNG	Ngoại thành
5367		Huyện Phong Thổ	Xã Lả Nhì Thàng	KHÔNG	Ngoại thành
5368			Xã Huổi Luông	KHÔNG	Ngoại thành
5369			Thị trấn Phong Thổ	KHÔNG	Ngoại thành
5370			Xã Sì Lờ Lầu	KHÔNG	Ngoại thành
5371			Xã Mồ Sì San	KHÔNG	Ngoại thành
5372			Xã Pa Vây Sừ	KHÔNG	Ngoại thành
5373			Xã Vàng Ma Chải	KHÔNG	Ngoại thành
5374			Xã Tông Qua Lìn	KHÔNG	Ngoại thành
5375			Xã Mù Sang	KHÔNG	Ngoại thành
5376			Xã Đào San	KHÔNG	Ngoại thành
5377			Xã Ma Ly Pho	KHÔNG	Ngoại thành
5378			Xã Bản Lang	KHÔNG	Ngoại thành
5379			Xã Hoang Thèn	KHÔNG	Ngoại thành
5380			Xã Khổng Lào	KHÔNG	Ngoại thành
5381			Xã Nậm Xe	KHÔNG	Ngoại thành
5382			Xã Mường So	KHÔNG	Ngoại thành
5383			Xã Sin Suối Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
5384		Huyện Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
5385			Xã Chăn Nưa	KHÔNG	Ngoại thành
5386			Xã Pa Tần	KHÔNG	Ngoại thành
5387			Xã Phìn Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
5388			Xã Hồng Thu	KHÔNG	Ngoại thành
5389			Xã Phăng Sô Lin	KHÔNG	Ngoại thành
5390			Xã Ma Quai	KHÔNG	Ngoại thành
5391			Xã Lùng Thàng	KHÔNG	Ngoại thành
5392			Xã Tả Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
5393			Xã Sả Dề Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
5394			Xã Nậm Tăm	KHÔNG	Ngoại thành
5395			Xã Tả Ngảo	KHÔNG	Ngoại thành
5396			Xã Pu Sam Cáp	KHÔNG	Ngoại thành
5397			Xã Nậm Cha	KHÔNG	Ngoại thành
5398			Xã Pa Khoá	KHÔNG	Ngoại thành
5399			Xã Làng Mô	KHÔNG	Ngoại thành
5400			Xã Noong Hẻo	KHÔNG	Ngoại thành
5401			Xã Nậm Mạ	KHÔNG	Ngoại thành
5402			Xã Căn Co	KHÔNG	Ngoại thành
5403			Xã Tủa Sín Chải	KHÔNG	Ngoại thành

5404	Tỉnh Lai Châu	Huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cuối	KHÔNG	Ngoại thành
5405			Xã Nậm Hăn	KHÔNG	Ngoại thành
5406		Huyện Tam Đường	Thị trấn Tam Đường	KHÔNG	Ngoại thành
5407			Xã Thèn Sin	KHÔNG	Ngoại thành
5408			Xã Tả Lèng	KHÔNG	Ngoại thành
5409			Xã Giang Ma	KHÔNG	Ngoại thành
5410			Xã Hồ Thầu	KHÔNG	Ngoại thành
5411			Xã Bình Lư	KHÔNG	Ngoại thành
5412			Xã Sơn Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5413			Xã Nùng Nàng	KHÔNG	Ngoại thành
5414			Xã Bản Giang	KHÔNG	Ngoại thành
5415			Xã Bản Hòn	KHÔNG	Ngoại thành
5416			Xã Bản Bo	KHÔNG	Ngoại thành
5417			Xã Nà Tăm	KHÔNG	Ngoại thành
5418			Xã Khun Há	KHÔNG	Ngoại thành
5419		Huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	KHÔNG	Ngoại thành
5420			Xã Mường Khoa	KHÔNG	Ngoại thành
5421			Xã Phúc Khoa	KHÔNG	Ngoại thành
5422			Xã Thân Thuộc	KHÔNG	Ngoại thành
5423			Xã Trung Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
5424			Xã Hồ Mít	KHÔNG	Ngoại thành
5425			Xã Nậm Cắn	KHÔNG	Ngoại thành
5426			Xã Nậm Sỏ	KHÔNG	Ngoại thành
5427			Xã Pắc Ta	KHÔNG	Ngoại thành
5428			Xã Tà Mít	KHÔNG	Ngoại thành
5429		Huyện Than Uyên	Thị trấn Than Uyên	KHÔNG	Ngoại thành
5430			Xã Phúc Than	KHÔNG	Ngoại thành
5431			Xã Mường Than	KHÔNG	Ngoại thành
5432			Xã Mường Mít	KHÔNG	Ngoại thành
5433			Xã Pha Mu	KHÔNG	Ngoại thành
5434			Xã Mường Cang	KHÔNG	Ngoại thành
5435			Xã Hua Nà	KHÔNG	Ngoại thành
5436			Xã Tà Hừa	KHÔNG	Ngoại thành
5437			Xã Mường Kim	KHÔNG	Ngoại thành
5438			Xã Tà Mung	KHÔNG	Ngoại thành
5439			Xã Tà Gia	KHÔNG	Ngoại thành
5440			Xã Khoen On	KHÔNG	Ngoại thành
5441		Thành phố Lai Châu	Xã Sùng Phài	KHÔNG	Nội thành
5442			Phường Quyết Thắng	CÓ	Nội thành
5443			Phường Tân Phong	CÓ	Nội thành
5444			Phường Quyết Tiến	CÓ	Nội thành

5445	Tỉnh Lai Châu	Thành phố Lai Châu	Phường Đoàn Kết	CÓ	Nội thành
5446			Phường Đông Phong	CÓ	Nội thành
5447			Xã San Thàng	CÓ	Nội thành
5448	Tỉnh Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
5449			Xã Lộc Ngãi	KHÔNG	Ngoại thành
5450			Xã Lộc Đức	KHÔNG	Ngoại thành
5451			Xã Lộc An	KHÔNG	Ngoại thành
5452			Xã Lộc Thành	KHÔNG	Ngoại thành
5453			Xã Lộc Bảo	KHÔNG	Ngoại thành
5454			Xã Lộc Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
5455			Xã Lộc Phú	KHÔNG	Ngoại thành
5456			Xã Lộc Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
5457			Xã B' Lá	KHÔNG	Ngoại thành
5458			Xã Lộc Quảng	KHÔNG	Ngoại thành
5459			Xã Lộc Tân	KHÔNG	Ngoại thành
5460			Xã Tân Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
5461			Xã Lộc Nam	KHÔNG	Ngoại thành
5462		Huyện Cát Tiên	Thị trấn Cát Tiên	KHÔNG	Ngoại thành
5463			Xã Tiên Hoàng	KHÔNG	Ngoại thành
5464			Xã Phước Cát 2	KHÔNG	Ngoại thành
5465			Xã Gia Viễn	KHÔNG	Ngoại thành
5466			Xã Nam Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
5467			Thị trấn Phước Cát	KHÔNG	Ngoại thành
5468			Xã Đức Phổ	KHÔNG	Ngoại thành
5469			Xã Quảng Ngãi	KHÔNG	Ngoại thành
5470			Xã Đồng Nai Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
5471		Huyện Đạ Huoai	Thị trấn Đạ M'ri	KHÔNG	Ngoại thành
5472			Thị trấn Ma Đa Guôi	KHÔNG	Ngoại thành
5473			Xã Hà Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
5474			Xã Đạ Tồn	KHÔNG	Ngoại thành
5475			Xã Đạ Oai	KHÔNG	Ngoại thành
5476			Xã Đạ Ploa	KHÔNG	Ngoại thành
5477			Xã Ma Đa Guôi	KHÔNG	Ngoại thành
5478			Xã Đoàn Kết	KHÔNG	Ngoại thành
5479			Xã Phước Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
5480		Huyện Đạ Tẻh	Thị trấn Đạ Tẻh	KHÔNG	Ngoại thành
5481			Xã An Nhơn	KHÔNG	Ngoại thành
5482			Xã Quốc Oai	KHÔNG	Ngoại thành
5483			Xã Mỹ Đức	KHÔNG	Ngoại thành
5484			Xã Quảng Trị	KHÔNG	Ngoại thành
5485			Xã Đạ Lây	KHÔNG	Ngoại thành

5486	Tỉnh Lâm Đồng	Huyện Đạ Tẻh	Xã Triệu Hải	KHÔNG	Ngoại thành
5487			Xã Đạ Kho	KHÔNG	Ngoại thành
5488			Xã Đạ Pal	KHÔNG	Ngoại thành
5489		Huyện Đam Rông	Xã Đạ Tông	KHÔNG	Ngoại thành
5490			Xã Đạ Long	KHÔNG	Ngoại thành
5491			Xã Đạ M' Rong	KHÔNG	Ngoại thành
5492			Xã Liêng Srôngh	KHÔNG	Ngoại thành
5493			Xã Đạ Rsal	KHÔNG	Ngoại thành
5494			Xã Rô Men	KHÔNG	Ngoại thành
5495			Xã Phi Liêng	KHÔNG	Ngoại thành
5496			Xã Đạ K' Nàng	KHÔNG	Ngoại thành
5497		Huyện Di Linh	Xã Hòa Trung	KHÔNG	Ngoại thành
5498			Xã Hòa Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
5499			Xã Đinh Trang Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5500			Xã Hòa Nam	CÓ	Ngoại thành
5501			Xã Sơn Điền	KHÔNG	Ngoại thành
5502			Xã Gia Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
5503			Thị trấn Di Linh	CÓ	Ngoại thành
5504			Xã Đinh Trang Thượng	CÓ	Ngoại thành
5505			Xã Tân Thượng	CÓ	Ngoại thành
5506			Xã Tân Lâm	CÓ	Ngoại thành
5507			Xã Tân Châu	CÓ	Ngoại thành
5508			Xã Tân Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
5509			Xã Gia Hiệp	CÓ	Ngoại thành
5510			Xã Đinh Lạc	CÓ	Ngoại thành
5511			Xã Tam Bố	CÓ	Ngoại thành
5512			Xã Liên Đàm	CÓ	Ngoại thành
5513			Xã Gung Ré	CÓ	Ngoại thành
5514			Xã Bảo Thuận	CÓ	Ngoại thành
5515			Xã Hòa Ninh	CÓ	Ngoại thành
5516		Huyện Đơn Dương	Thị trấn D'Ran	KHÔNG	Ngoại thành
5517			Thị trấn Thạnh Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
5518			Xã Lạc Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
5519			Xã Đạ Ròn	KHÔNG	Ngoại thành
5520			Xã Lạc Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
5521			Xã Ka Đô	KHÔNG	Ngoại thành
5522			Xã Quảng Lập	KHÔNG	Ngoại thành
5523			Xã Ka Đơn	KHÔNG	Ngoại thành
5524			Xã Tu Tra	KHÔNG	Ngoại thành
5525			Xã Pró	KHÔNG	Ngoại thành
5526			Xã Tân Hội	CÓ	Ngoại thành

5527	Tỉnh Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
5528			Xã Phú Hội	CÓ	Ngoại thành
5529			Xã Ninh Gia	CÓ	Ngoại thành
5530			Xã Tà Năng	KHÔNG	Ngoại thành
5531			Xã Đa Quyn	KHÔNG	Ngoại thành
5532			Xã Tà Hine	KHÔNG	Ngoại thành
5533			Xã Đà Loan	KHÔNG	Ngoại thành
5534			Xã Ninh Loan	KHÔNG	Ngoại thành
5535			Thị trấn Liên Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
5536			Xã Hiệp An	CÓ	Ngoại thành
5537			Xã Liên Hiệp	CÓ	Ngoại thành
5538			Xã Hiệp Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5539			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5540			Xã N'Thol Hạ	CÓ	Ngoại thành
5541		Huyện Lạc Dương	Thị trấn Lạc Dương	KHÔNG	Ngoại thành
5542			Xã Đạ Chais	KHÔNG	Ngoại thành
5543			Xã Đạ Nhim	KHÔNG	Ngoại thành
5544			Xã Đưng KNở	KHÔNG	Ngoại thành
5545			Xã Lát	KHÔNG	Ngoại thành
5546			Xã Đạ Sar	KHÔNG	Ngoại thành
5547		Huyện Lâm Hà	Thị trấn Nam Ban	CÓ	Ngoại thành
5548			Thị trấn Đình Văn	CÓ	Ngoại thành
5549			Xã Phú Sơn	CÓ	Ngoại thành
5550			Xã Phi Tô	CÓ	Ngoại thành
5551			Xã Mê Linh	CÓ	Ngoại thành
5552			Xã Đạ Đờn	CÓ	Ngoại thành
5553			Xã Phúc Thọ	CÓ	Ngoại thành
5554			Xã Đông Thanh	CÓ	Ngoại thành
5555			Xã Gia Lâm	CÓ	Ngoại thành
5556			Xã Tân Văn	CÓ	Ngoại thành
5557			Xã Hoài Đức	CÓ	Ngoại thành
5558			Xã Tân Hà	CÓ	Ngoại thành
5559			Xã Nam Hà	CÓ	Ngoại thành
5560			Xã Tân Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
5561			Xã Liên Hà	KHÔNG	Ngoại thành
5562			Xã Đan Phượng	KHÔNG	Ngoại thành
5563		Thành phố Bảo Lộc	Phường Lộc Phát	CÓ	Nội thành
5564			Xã Đạm Bri	CÓ	Nội thành
5565			Xã Lộc Thanh	CÓ	Nội thành
5566			Xã Lộc Nga	CÓ	Nội thành
5567			Xã Đại Lào	CÓ	Nội thành

5568	Tỉnh Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	Phường Lộc Tiến	CÓ	Nội thành
5569			Phường 2	CÓ	Nội thành
5570			Phường 1	CÓ	Nội thành
5571			Phường B'lao	CÓ	Nội thành
5572			Phường Lộc Sơn	CÓ	Nội thành
5573			Xã Lộc Châu	CÓ	Nội thành
5574		Thành phố Đà Lạt	Phường 10	CÓ	Nội thành
5575			Phường 11	CÓ	Nội thành
5576			Xã Trạm Hành	KHÔNG	Nội thành
5577			Xã Xuân Trường	KHÔNG	Nội thành
5578			Phường 7	CÓ	Nội thành
5579			Phường 8	CÓ	Nội thành
5580			Phường 12	CÓ	Nội thành
5581			Phường 9	CÓ	Nội thành
5582			Phường 2	CÓ	Nội thành
5583			Phường 1	CÓ	Nội thành
5584			Phường 6	CÓ	Nội thành
5585			Phường 5	CÓ	Nội thành
5586			Phường 4	CÓ	Nội thành
5587			Phường 3	CÓ	Nội thành
5588			Xã Xuân Thọ	KHÔNG	Nội thành
5589			Xã Tà Nung	CÓ	Nội thành
5590	Tỉnh Lạng Sơn	Huyện Bắc Sơn	Thị trấn Bắc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5591			Xã Long Đống	KHÔNG	Ngoại thành
5592			Xã Vạn Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
5593			Xã Đồng ý	KHÔNG	Ngoại thành
5594			Xã Tân Tri	KHÔNG	Ngoại thành
5595			Xã Bắc Quỳnh	KHÔNG	Ngoại thành
5596			Xã Hưng Vũ	KHÔNG	Ngoại thành
5597			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
5598			Xã Vũ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5599			Xã Chiêu Vũ	KHÔNG	Ngoại thành
5600			Xã Tân Hương	KHÔNG	Ngoại thành
5601			Xã Chiến Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
5602			Xã Vũ Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
5603			Xã Trấn Yên	KHÔNG	Ngoại thành
5604			Xã Vũ Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
5605			Xã Nhất Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5606			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
5607			Xã Nhất Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
5608		Huyện Bình Gia	Xã Hưng Đạo	KHÔNG	Ngoại thành

5609	Tỉnh Lạng Sơn	Huyện Bình Gia	Xã Vĩnh Yên	KHÔNG	Ngoại thành
5610			Xã Hoa Thám	KHÔNG	Ngoại thành
5611			Xã Quý Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5612			Xã Hồng Phong	KHÔNG	Ngoại thành
5613			Xã Yên Lỗ	KHÔNG	Ngoại thành
5614			Xã Thiện Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5615			Xã Quang Trung	KHÔNG	Ngoại thành
5616			Xã Thiện Thuật	KHÔNG	Ngoại thành
5617			Xã Minh Khai	KHÔNG	Ngoại thành
5618			Xã Thiện Long	KHÔNG	Ngoại thành
5619			Xã Hoàng Văn Thụ	KHÔNG	Ngoại thành
5620			Xã Hòa Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5621			Xã Mông Ân	KHÔNG	Ngoại thành
5622			Xã Tân Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5623			Thị trấn Bình Gia	KHÔNG	Ngoại thành
5624			Xã Hồng Thái	KHÔNG	Ngoại thành
5625			Xã Bình La	KHÔNG	Ngoại thành
5626			Xã Tân Văn	KHÔNG	Ngoại thành
5627		Huyện Cao Lộc	Thị trấn Đồng Đăng	KHÔNG	Ngoại thành
5628			Thị trấn Cao Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
5629			Xã Bảo Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
5630			Xã Thanh Lòa	KHÔNG	Ngoại thành
5631			Xã Cao Lâu	KHÔNG	Ngoại thành
5632			Xã Thạch Đạn	KHÔNG	Ngoại thành
5633			Xã Xuất Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
5634			Xã Hồng Phong	KHÔNG	Ngoại thành
5635			Xã Thụy Hùng	KHÔNG	Ngoại thành
5636			Xã Lộc Yên	KHÔNG	Ngoại thành
5637			Xã Phú Xá	KHÔNG	Ngoại thành
5638			Xã Bình Trung	KHÔNG	Ngoại thành
5639			Xã Hải Yến	KHÔNG	Ngoại thành
5640			Xã Hòa Cư	KHÔNG	Ngoại thành
5641			Xã Hợp Thành	KHÔNG	Ngoại thành
5642			Xã Công Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5643			Xã Gia Cát	KHÔNG	Ngoại thành
5644			Xã Mẫu Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5645			Xã Xuân Long	KHÔNG	Ngoại thành
5646			Xã Tân Liên	KHÔNG	Ngoại thành
5647			Xã Yên Trạch	KHÔNG	Ngoại thành
5648			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
5649		Huyện Chi Lăng	Thị trấn Đồng Mỏ	KHÔNG	Ngoại thành

5650	Tỉnh Lạng Sơn	Huyện Chi Lăng	Thị trấn Chi Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
5651			Xã Vân An	KHÔNG	Ngoại thành
5652			Xã Vân Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
5653			Xã Gia Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
5654			Xã Bắc Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
5655			Xã Chiến Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
5656			Xã Mai Sao	KHÔNG	Ngoại thành
5657			Xã Bằng Hữu	KHÔNG	Ngoại thành
5658			Xã Thượng Cường	KHÔNG	Ngoại thành
5659			Xã Bằng Mạc	KHÔNG	Ngoại thành
5660			Xã Nhân Lý	KHÔNG	Ngoại thành
5661			Xã Lâm Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5662			Xã Liên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5663			Xã Vạn Linh	KHÔNG	Ngoại thành
5664			Xã Hòa Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5665			Xã Hữu Kiên	KHÔNG	Ngoại thành
5666			Xã Quan Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5667			Xã Y Tịch	KHÔNG	Ngoại thành
5668			Xã Chi Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
5669		Huyện Đình Lập	Thị trấn Đình Lập	KHÔNG	Ngoại thành
5670			Thị trấn NT Thái Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5671			Xã Bắc Xa	KHÔNG	Ngoại thành
5672			Xã Bính Xá	KHÔNG	Ngoại thành
5673			Xã Kiên Mộc	KHÔNG	Ngoại thành
5674			Xã Đình Lập	KHÔNG	Ngoại thành
5675			Xã Thái Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5676			Xã Cường Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
5677			Xã Châu Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5678			Xã Lâm Ca	KHÔNG	Ngoại thành
5679			Xã Đông Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
5680			Xã Bắc Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
5681		Huyện Hữu Lũng	Thị trấn Hữu Lũng	KHÔNG	Ngoại thành
5682			Xã Hữu Liên	KHÔNG	Ngoại thành
5683			Xã Yên Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5684			Xã Quyết Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
5685			Xã Hòa Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5686			Xã Yên Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
5687			Xã Yên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5688			Xã Thiện Tân	KHÔNG	Ngoại thành
5689			Xã Yên Vượng	KHÔNG	Ngoại thành
5690			Xã Minh Tiến	KHÔNG	Ngoại thành

5691	Tỉnh Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng	Xã Nhật Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
5692			Xã Thanh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5693			Xã Đông Tân	KHÔNG	Ngoại thành
5694			Xã Cai Kinh	KHÔNG	Ngoại thành
5695			Xã Hòa Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
5696			Xã Vân Nham	KHÔNG	Ngoại thành
5697			Xã Đông Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
5698			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
5699			Xã Hòa Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5700			Xã Minh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5701			Xã Hồ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5702			Xã Sơn Hà	KHÔNG	Ngoại thành
5703			Xã Minh Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5704			Xã Hòa Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
5705		Huyện Lộc Bình	Thị trấn Na Dương	KHÔNG	Ngoại thành
5706			Thị trấn Lộc Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5707			Xã Mẫu Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5708			Xã Yên Khoái	KHÔNG	Ngoại thành
5709			Xã Khánh Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
5710			Xã Tú Mịch	KHÔNG	Ngoại thành
5711			Xã Hữu Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
5712			Xã Đồng Bục	KHÔNG	Ngoại thành
5713			Xã Tam Gia	KHÔNG	Ngoại thành
5714			Xã Tú Đoạn	KHÔNG	Ngoại thành
5715			Xã Khuất Xá	KHÔNG	Ngoại thành
5716			Xã Tĩnh Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
5717			Xã Thống Nhất	KHÔNG	Ngoại thành
5718			Xã Sần Viên	KHÔNG	Ngoại thành
5719			Xã Đông Quan	KHÔNG	Ngoại thành
5720			Xã Minh Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
5721			Xã Hữu Lân	KHÔNG	Ngoại thành
5722			Xã Lợi Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
5723			Xã Nam Quan	KHÔNG	Ngoại thành
5724			Xã Xuân Dương	KHÔNG	Ngoại thành
5725			Xã Ái Quốc	KHÔNG	Ngoại thành
5726		Huyện Tràng Định	Thị trấn Thất Khê	KHÔNG	Ngoại thành
5727			Xã Khánh Long	KHÔNG	Ngoại thành
5728			Xã Đoàn Kết	KHÔNG	Ngoại thành
5729			Xã Quốc Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
5730			Xã Vĩnh Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
5731			Xã Cao Minh	KHÔNG	Ngoại thành

5732	Tỉnh Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	Xã Chí Minh	KHÔNG	Ngoại thành
5733			Xã Tri Phương	KHÔNG	Ngoại thành
5734			Xã Tân Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
5735			Xã Tân Yên	KHÔNG	Ngoại thành
5736			Xã Đội Cấn	KHÔNG	Ngoại thành
5737			Xã Tân Minh	KHÔNG	Ngoại thành
5738			Xã Kim Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
5739			Xã Chi Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
5740			Xã Trung Thành	KHÔNG	Ngoại thành
5741			Xã Đại Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
5742			Xã Đào Viên	KHÔNG	Ngoại thành
5743			Xã Đề Thám	KHÔNG	Ngoại thành
5744			Xã Kháng Chiến	KHÔNG	Ngoại thành
5745			Xã Hùng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5746			Xã Quốc Việt	KHÔNG	Ngoại thành
5747			Xã Hùng Việt	KHÔNG	Ngoại thành
5748		Huyện Văn Lãng	Thị trấn Na Sầm	KHÔNG	Ngoại thành
5749			Xã Trùng Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
5750			Xã Bắc La	KHÔNG	Ngoại thành
5751			Xã Thụy Hùng	KHÔNG	Ngoại thành
5752			Xã Bắc Hùng	KHÔNG	Ngoại thành
5753			Xã Tân Tác	KHÔNG	Ngoại thành
5754			Xã Thanh Long	KHÔNG	Ngoại thành
5755			Xã Hội Hoan	KHÔNG	Ngoại thành
5756			Xã Bắc Việt	KHÔNG	Ngoại thành
5757			Xã Hoàng Việt	KHÔNG	Ngoại thành
5758			Xã Gia Miễn	KHÔNG	Ngoại thành
5759			Xã Thành Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
5760			Xã Tân Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
5761			Xã Tân Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
5762			Xã Hồng Thái	KHÔNG	Ngoại thành
5763			Xã Hoàng Văn Thụ	KHÔNG	Ngoại thành
5764			Xã Nhạc Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
5765		Huyện Văn Quan	Thị trấn Văn Quan	KHÔNG	Ngoại thành
5766			Xã Trấn Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
5767			Xã Liên Hội	KHÔNG	Ngoại thành
5768			Xã Hòa Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5769			Xã Tú Xuyên	KHÔNG	Ngoại thành
5770			Xã Đầm He	KHÔNG	Ngoại thành
5771			Xã An Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5772			Xã Khánh Khê	KHÔNG	Ngoại thành

5773	Tỉnh Lạng Sơn	Huyện Văn Quan	Xã Lương Năng	KHÔNG	Ngoại thành
5774			Xã Đồng Giáp	KHÔNG	Ngoại thành
5775			Xã Bình Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
5776			Xã Tràng Các	KHÔNG	Ngoại thành
5777			Xã Tân Đoàn	KHÔNG	Ngoại thành
5778			Xã Tri Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
5779			Xã Tràng Phái	KHÔNG	Ngoại thành
5780			Xã Yên Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
5781			Xã Hữu Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
5782		Thành phố Lạng Sơn	Phường Hoàng Văn Thụ	CÓ	Nội thành
5783			Phường Tam Thanh	CÓ	Nội thành
5784			Phường Vĩnh Trại	CÓ	Nội thành
5785			Phường Đông Kinh	CÓ	Nội thành
5786			Phường Chi Lăng	CÓ	Nội thành
5787			Xã Hoàng Đồng	CÓ	Nội thành
5788			Xã Quảng Lạc	CÓ	Nội thành
5789			Xã Mai Pha	CÓ	Nội thành
5790	Tỉnh Lào Cai	Huyện Bắc Hà	Thị trấn Bắc Hà	KHÔNG	Ngoại thành
5791			Xã Lũng Cải	KHÔNG	Ngoại thành
5792			Xã Lũng Phình	KHÔNG	Ngoại thành
5793			Xã Tả Van Chư	KHÔNG	Ngoại thành
5794			Xã Tả Củ Tỷ	KHÔNG	Ngoại thành
5795			Xã Thái Giàng Phố	KHÔNG	Ngoại thành
5796			Xã Hoàng Thu Phố	KHÔNG	Ngoại thành
5797			Xã Bản Phố	KHÔNG	Ngoại thành
5798			Xã Bản Liễn	KHÔNG	Ngoại thành
5799			Xã Tả Chải	KHÔNG	Ngoại thành
5800			Xã Na Hối	KHÔNG	Ngoại thành
5801			Xã Cốc Ly	KHÔNG	Ngoại thành
5802			Xã Nậm Mòn	KHÔNG	Ngoại thành
5803			Xã Nậm Đét	KHÔNG	Ngoại thành
5804			Xã Nậm Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
5805			Xã Bảo Nhai	KHÔNG	Ngoại thành
5806			Xã Nậm Lúc	KHÔNG	Ngoại thành
5807			Xã Cốc Lầu	KHÔNG	Ngoại thành
5808			Xã Bản Cái	KHÔNG	Ngoại thành
5809		Huyện Bảo Thắng	Thị trấn N.T Phong Hải	KHÔNG	Ngoại thành
5810			Thị trấn Phố Lu	KHÔNG	Ngoại thành
5811			Thị trấn Tăng Loỏng	KHÔNG	Ngoại thành
5812			Xã Bản Phiệt	KHÔNG	Ngoại thành
5813			Xã Bản Cầm	KHÔNG	Ngoại thành

5814	Tỉnh Lào Cai	Huyện Bảo Thắng	Xã Thái Niên	KHÔNG	Ngoại thành
5815			Xã Phong Niên	KHÔNG	Ngoại thành
5816			Xã Gia Phú	KHÔNG	Ngoại thành
5817			Xã Xuân Quang	KHÔNG	Ngoại thành
5818			Xã Sơn Hải	KHÔNG	Ngoại thành
5819			Xã Xuân Giao	KHÔNG	Ngoại thành
5820			Xã Trì Quang	KHÔNG	Ngoại thành
5821			Xã Sơn Hà	KHÔNG	Ngoại thành
5822			Xã Phú Nhuận	KHÔNG	Ngoại thành
5823		Huyện Bảo Yên	Thị trấn Phố Ràng	KHÔNG	Ngoại thành
5824			Xã Tân Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
5825			Xã Nghĩa Đô	KHÔNG	Ngoại thành
5826			Xã Vĩnh Yên	KHÔNG	Ngoại thành
5827			Xã Điện Quan	KHÔNG	Ngoại thành
5828			Xã Xuân Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
5829			Xã Tân Dương	KHÔNG	Ngoại thành
5830			Xã Thượng Hà	KHÔNG	Ngoại thành
5831			Xã Kim Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5832			Xã Cam Cọn	KHÔNG	Ngoại thành
5833			Xã Minh Tân	KHÔNG	Ngoại thành
5834			Xã Xuân Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
5835			Xã Việt Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
5836			Xã Yên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5837			Xã Bảo Hà	KHÔNG	Ngoại thành
5838			Xã Lương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5839			Xã Phúc Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
5840		Huyện Bát Xát	Thị trấn Bát Xát	KHÔNG	Ngoại thành
5841			Xã A Mú Sung	KHÔNG	Ngoại thành
5842			Xã Nậm Chạc	KHÔNG	Ngoại thành
5843			Xã A Lù	KHÔNG	Ngoại thành
5844			Xã Trịnh Tường	KHÔNG	Ngoại thành
5845			Xã Y Tý	KHÔNG	Ngoại thành
5846			Xã Cốc Mỳ	KHÔNG	Ngoại thành
5847			Xã Dền Sáng	KHÔNG	Ngoại thành
5848			Xã Bản Vược	KHÔNG	Ngoại thành
5849			Xã Sàng Ma Sáo	KHÔNG	Ngoại thành
5850			Xã Bản Qua	KHÔNG	Ngoại thành
5851			Xã Mường Vi	KHÔNG	Ngoại thành
5852			Xã Dền Thàng	KHÔNG	Ngoại thành
5853			Xã Bản Xèo	KHÔNG	Ngoại thành
5854			Xã Mường Hum	KHÔNG	Ngoại thành

5855	Tỉnh Lào Cai	Huyện Bát Xát	Xã Trung Lèng Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
5856			Xã Quang Kim	KHÔNG	Ngoại thành
5857			Xã Pa Cheo	KHÔNG	Ngoại thành
5858			Xã Nậm Pung	KHÔNG	Ngoại thành
5859			Xã Phìn Ngan	KHÔNG	Ngoại thành
5860			Xã Tòng Sành	KHÔNG	Ngoại thành
5861		Huyện Mường Khương	Xã Pha Long	KHÔNG	Ngoại thành
5862			Xã Tả Ngải Chồ	KHÔNG	Ngoại thành
5863			Xã Tung Chung Phố	KHÔNG	Ngoại thành
5864			Thị trấn Mường Khương	KHÔNG	Ngoại thành
5865			Xã Dìn Chín	KHÔNG	Ngoại thành
5866			Xã Tả Gia Khâu	KHÔNG	Ngoại thành
5867			Xã Nậm Chảy	KHÔNG	Ngoại thành
5868			Xã Năm Lư	KHÔNG	Ngoại thành
5869			Xã Lũng Khẩu Nhìn	KHÔNG	Ngoại thành
5870			Xã Thanh Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5871			Xã Cao Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5872			Xã Lũng Vai	KHÔNG	Ngoại thành
5873			Xã Bản Lầu	KHÔNG	Ngoại thành
5874			Xã La Pan Tẩn	KHÔNG	Ngoại thành
5875			Xã Tả Thàng	KHÔNG	Ngoại thành
5876			Xã Bản Sen	KHÔNG	Ngoại thành
5877		Huyện Si Ma Cai	Xã Nàn Sán	KHÔNG	Ngoại thành
5878			Xã Thào Chư Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
5879			Xã Bản Mế	KHÔNG	Ngoại thành
5880			Thị trấn Si Ma Cai	KHÔNG	Ngoại thành
5881			Xã Sán Chải	KHÔNG	Ngoại thành
5882			Xã Lũng Thẩn	KHÔNG	Ngoại thành
5883			Xã Cán Cẩu	KHÔNG	Ngoại thành
5884			Xã Sín Chéng	KHÔNG	Ngoại thành
5885			Xã Quan Hồ Thẩn	KHÔNG	Ngoại thành
5886			Xã Nàn Xín	KHÔNG	Ngoại thành
5887		Huyện Văn Bàn	Thị trấn Khánh Yên	KHÔNG	Ngoại thành
5888			Xã Võ Lao	KHÔNG	Ngoại thành
5889			Xã Sơn Thuỷ	KHÔNG	Ngoại thành
5890			Xã Nậm Mả	KHÔNG	Ngoại thành
5891			Xã Tân Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
5892			Xã Nậm Rạng	KHÔNG	Ngoại thành
5893			Xã Nậm Chảy	KHÔNG	Ngoại thành
5894			Xã Tân An	KHÔNG	Ngoại thành
5895			Xã Khánh Yên Thượng	KHÔNG	Ngoại thành

5896	Tỉnh Lào Cai	Huyện Văn Bàn	Xã Nậm Xé	KHÔNG	Ngoại thành
5897			Xã Dần Thàng	KHÔNG	Ngoại thành
5898			Xã Chiềng Ken	KHÔNG	Ngoại thành
5899			Xã Làng Giàng	KHÔNG	Ngoại thành
5900			Xã Hoà Mạc	KHÔNG	Ngoại thành
5901			Xã Khánh Yên Trung	KHÔNG	Ngoại thành
5902			Xã Khánh Yên Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
5903			Xã Dương Quỳ	KHÔNG	Ngoại thành
5904			Xã Nậm Tha	KHÔNG	Ngoại thành
5905			Xã Minh Lương	KHÔNG	Ngoại thành
5906			Xã Thẩm Dương	KHÔNG	Ngoại thành
5907			Xã Liêm Phú	KHÔNG	Ngoại thành
5908			Xã Nậm Xây	KHÔNG	Ngoại thành
5909		Thành phố Lào Cai	Phường Duyên Hải	CÓ	Nội thành
5910			Phường Lào Cai	CÓ	Nội thành
5911			Phường Cốc Lếu	CÓ	Nội thành
5912			Phường Kim Tân	CÓ	Nội thành
5913			Phường Bắc Lệnh	CÓ	Nội thành
5914			Phường Pom Hán	CÓ	Nội thành
5915			Phường Xuân Tăng	CÓ	Nội thành
5916			Phường Bình Minh	CÓ	Nội thành
5917			Xã Thống Nhất	CÓ	Nội thành
5918			Xã Đông Tuyển	CÓ	Nội thành
5919			Xã Vạn Hoà	CÓ	Nội thành
5920			Phường Bắc Cường	CÓ	Nội thành
5921			Phường Nam Cường	CÓ	Nội thành
5922			Xã Cam Đường	CÓ	Nội thành
5923			Xã Tả Phời	CÓ	Nội thành
5924			Xã Hợp Thành	CÓ	Nội thành
5925			Xã Cốc San	CÓ	Nội thành
5926		Thị xã Sa Pa	Phường Sa Pa	KHÔNG	Ngoại thành
5927			Phường Sa Pả	KHÔNG	Ngoại thành
5928			Phường Ô Quý Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
5929			Xã Ngũ Chỉ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
5930			Phường Phan Si Păng	KHÔNG	Ngoại thành
5931			Xã Trung Chải	KHÔNG	Ngoại thành
5932			Xã Tả Phìn	KHÔNG	Ngoại thành
5933			Phường Hàm Rồng	KHÔNG	Ngoại thành
5934			Xã Hoàng Liên	KHÔNG	Ngoại thành
5935			Xã Thanh Bình	KHÔNG	Ngoại thành
5936			Phường Cầu Mây	KHÔNG	Ngoại thành

5937	Tỉnh Lào Cai	Thị xã Sa Pa	Xã Mường Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
5938			Xã Tả Van	KHÔNG	Ngoại thành
5939			Xã Mường Bo	KHÔNG	Ngoại thành
5940			Xã Bản Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
5941			Xã Liên Minh	KHÔNG	Ngoại thành
5942	Tỉnh Long An	Huyện Bến Lức	Xã Thạnh Lợi	CÓ	Nội thành
5943			Xã Lương Bình	CÓ	Nội thành
5944			Xã Thạnh Hòa	CÓ	Nội thành
5945			Xã Lương Hòa	CÓ	Nội thành
5946			Xã Tân Bửu	CÓ	Nội thành
5947			Xã An Thạnh	CÓ	Nội thành
5948			Xã Mỹ Yên	CÓ	Nội thành
5949			Xã Thanh Phú	CÓ	Nội thành
5950			Xã Long Hiệp	CÓ	Nội thành
5951			Thị trấn Bến Lức	CÓ	Nội thành
5952			Xã Tân Hòa	CÓ	Nội thành
5953			Xã Bình Đức	CÓ	Nội thành
5954			Xã Thạnh Đức	CÓ	Nội thành
5955			Xã Phước Lợi	CÓ	Nội thành
5956			Xã Nhựt Chánh	CÓ	Nội thành
5957		Huyện Cần Đước	Xã Long Định	CÓ	Ngoại thành
5958			Xã Long Cang	CÓ	Ngoại thành
5959			Thị trấn Cần Đước	CÓ	Ngoại thành
5960			Xã Long Trạch	CÓ	Ngoại thành
5961			Xã Long Khê	CÓ	Ngoại thành
5962			Xã Phước Vân	CÓ	Ngoại thành
5963			Xã Long Hòa	CÓ	Ngoại thành
5964			Xã Long Sơn	CÓ	Ngoại thành
5965			Xã Tân Trạch	CÓ	Ngoại thành
5966			Xã Mỹ Lệ	CÓ	Ngoại thành
5967			Xã Tân Lâm	CÓ	Ngoại thành
5968			Xã Phước Tuy	CÓ	Ngoại thành
5969			Xã Long Hữu Đông	CÓ	Ngoại thành
5970			Xã Tân Ân	CÓ	Ngoại thành
5971			Xã Phước Đông	CÓ	Ngoại thành
5972			Xã Long Hữu Tây	CÓ	Ngoại thành
5973			Xã Tân Chánh	CÓ	Ngoại thành
5974		Huyện Cần Giuộc	Xã Long Hậu	CÓ	Ngoại thành
5975			Xã Long Thượng	CÓ	Ngoại thành
5976			Xã Phước Hậu	CÓ	Ngoại thành
5977			Xã Phước Lý	CÓ	Ngoại thành

5978	Tỉnh Long An	Huyện Cần Giuộc	Xã Mỹ Lộc	CÓ	Ngoại thành
5979			Xã Phước Lại	CÓ	Ngoại thành
5980			Xã Phước Lâm	CÓ	Ngoại thành
5981			Xã Thuận Thành	CÓ	Ngoại thành
5982			Xã Phước Vĩnh Tây	CÓ	Ngoại thành
5983			Xã Phước Vĩnh Đông	CÓ	Ngoại thành
5984			Xã Long An	CÓ	Ngoại thành
5985			Xã Long Phụng	CÓ	Ngoại thành
5986			Xã Đông Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5987			Xã Tân Tập	CÓ	Ngoại thành
5988			Thị trấn Cần Giuộc	CÓ	Ngoại thành
5989		Huyện Châu Thành	Thị trấn Tâm Vu	CÓ	Ngoại thành
5990			Xã Bình Quới	CÓ	Ngoại thành
5991			Xã Hòa Phú	CÓ	Ngoại thành
5992			Xã Phú Ngãi Trị	CÓ	Ngoại thành
5993			Xã Vĩnh Công	CÓ	Ngoại thành
5994			Xã Thuận Mỹ	CÓ	Ngoại thành
5995			Xã Hiệp Thạnh	CÓ	Ngoại thành
5996			Xã Phước Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
5997			Xã Thanh Phú Long	CÓ	Ngoại thành
5998			Xã Dương Xuân Hội	CÓ	Ngoại thành
5999			Xã An Lục Long	CÓ	Ngoại thành
6000			Xã Long Trì	CÓ	Ngoại thành
6001			Xã Thanh Vĩnh Đông	CÓ	Ngoại thành
6002		Huyện Đức Hòa	Thị trấn Hiệp Hòa	KHÔNG	Nội thành
6003			Xã Lộc Giang	KHÔNG	Nội thành
6004			Xã An Ninh Đông	KHÔNG	Nội thành
6005			Xã An Ninh Tây	KHÔNG	Nội thành
6006			Xã Tân Mỹ	KHÔNG	Nội thành
6007			Xã Đức Hòa Đông	CÓ	Nội thành
6008			Xã Tân Phú	CÓ	Nội thành
6009			Xã Đức Lập Thượng	CÓ	Nội thành
6010			Xã Đức Lập Hạ	CÓ	Nội thành
6011			Xã Hòa Khánh Tây	CÓ	Nội thành
6012			Xã Hòa Khánh Đông	CÓ	Nội thành
6013			Xã Hòa Khánh Nam	CÓ	Nội thành
6014			Thị trấn Hậu Nghĩa	CÓ	Nội thành
6015			Thị trấn Đức Hòa	CÓ	Nội thành
6016			Xã Hiệp Hòa	CÓ	Nội thành
6017			Xã Mỹ Hạnh Bắc	CÓ	Nội thành
6018			Xã Đức Hòa Thượng	CÓ	Nội thành

6019	Tỉnh Long An	Huyện Đức Hòa	Xã Mỹ Hạnh Nam	CÓ	Nội thành
6020			Xã Đức Hòa Hạ	CÓ	Nội thành
6021			Xã Hựu Thạnh	CÓ	Nội thành
6022		Huyện Đức Huệ	Thị trấn Đông Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6023			Xã Mỹ Quý Đông	KHÔNG	Ngoại thành
6024			Xã Mỹ Thạnh Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
6025			Xã Mỹ Quý Tây	KHÔNG	Ngoại thành
6026			Xã Mỹ Thạnh Tây	KHÔNG	Ngoại thành
6027			Xã Mỹ Thạnh Đông	KHÔNG	Ngoại thành
6028			Xã Bình Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6029			Xã Bình Hòa Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
6030			Xã Bình Hòa Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
6031			Xã Bình Hòa Nam	KHÔNG	Ngoại thành
6032			Xã Mỹ Bình	KHÔNG	Ngoại thành
6033			Xã Bình Hòa Tây	CÓ	Ngoại thành
6034		Huyện Mộc Hóa	Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6035			Xã Bình Hòa Trung	CÓ	Ngoại thành
6036			Xã Bình Hòa Đông	CÓ	Ngoại thành
6037			Thị trấn Bình Phong Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6038			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
6039			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
6040		Huyện Tân Hưng	Thị trấn Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
6041			Xã Hưng Hà	CÓ	Ngoại thành
6042			Xã Hưng Điền B	CÓ	Ngoại thành
6043			Xã Hưng Điền	CÓ	Ngoại thành
6044			Xã Thạnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
6045			Xã Hưng Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6046			Xã Vĩnh Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6047			Xã Vĩnh Châu B	CÓ	Ngoại thành
6048			Xã Vĩnh Lợi	CÓ	Ngoại thành
6049			Xã Vĩnh Đại	CÓ	Ngoại thành
6050			Xã Vĩnh Châu A	CÓ	Ngoại thành
6051			Xã Vĩnh Bửu	CÓ	Ngoại thành
6052		Huyện Tân Thạnh	Xã Hậu Thạnh Tây	CÓ	Ngoại thành
6053			Xã Nhơn Hòa Lập	CÓ	Ngoại thành
6054			Xã Hậu Thạnh Đông	CÓ	Ngoại thành
6055			Xã Bắc Hòa	CÓ	Ngoại thành
6056			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
6057			Xã Nhơn Hoà	CÓ	Ngoại thành
6058			Xã Kiến Bình	CÓ	Ngoại thành
6059			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành

6060	Tỉnh Long An	Huyện Tân Thạnh	Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
6061			Xã Tân Ninh	CÓ	Ngoại thành
6062			Xã Nhơn Ninh	CÓ	Ngoại thành
6063			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
6064			Thị trấn Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6065		Huyện Tân Trụ	Thị trấn Tân Trụ	CÓ	Ngoại thành
6066			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
6067			Xã Quê Mỹ Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6068			Xã Lạc Tấn	CÓ	Ngoại thành
6069			Xã Bình Trinh Đông	CÓ	Ngoại thành
6070			Xã Tân Phước Tây	CÓ	Ngoại thành
6071			Xã Bình Lãng	CÓ	Ngoại thành
6072			Xã Bình Tịnh	CÓ	Ngoại thành
6073			Xã Đức Tân	CÓ	Ngoại thành
6074			Xã Nhựt Ninh	CÓ	Ngoại thành
6075		Huyện Thạnh Hóa	Thị trấn Thạnh Hóa	CÓ	Ngoại thành
6076			Xã Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
6077			Xã Thuận Bình	CÓ	Ngoại thành
6078			Xã Thạnh Phước	CÓ	Ngoại thành
6079			Xã Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
6080			Xã Thuận Nghĩa Hòa	CÓ	Ngoại thành
6081			Xã Thủy Đông	CÓ	Ngoại thành
6082			Xã Thủy Tây	CÓ	Ngoại thành
6083			Xã Tân Tây	CÓ	Ngoại thành
6084			Xã Tân Đông	CÓ	Ngoại thành
6085			Xã Thạnh An	CÓ	Ngoại thành
6086		Huyện Thủ Thừa	Thị trấn Thủ Thừa	CÓ	Ngoại thành
6087			Xã Long Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6088			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
6089			Xã Long Thuận	CÓ	Ngoại thành
6090			Xã Mỹ Lạc	CÓ	Ngoại thành
6091			Xã Mỹ Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6092			Xã Bình An	CÓ	Ngoại thành
6093			Xã Nhị Thành	CÓ	Ngoại thành
6094			Xã Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
6095			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6096			Xã Mỹ Phú	CÓ	Ngoại thành
6097			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
6098		Huyện Vĩnh Hưng	Thị trấn Vĩnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
6099			Xã Hưng Điền A	CÓ	Ngoại thành
6100			Xã Khánh Hưng	CÓ	Ngoại thành

6101	Tỉnh Long An	Huyện Vĩnh Hưng	Xã Thái Trị	CÓ	Ngoại thành
6102			Xã Vĩnh Trị	CÓ	Ngoại thành
6103			Xã Thái Bình Trung	CÓ	Ngoại thành
6104			Xã Vĩnh Bình	CÓ	Ngoại thành
6105			Xã Vĩnh Thuận	CÓ	Ngoại thành
6106			Xã Tuyên Bình	CÓ	Ngoại thành
6107			Xã Tuyên Bình Tây	CÓ	Ngoại thành
6108		Thành phố Tân An	Phường 5	CÓ	Nội thành
6109			Phường 2	CÓ	Nội thành
6110			Phường 4	CÓ	Nội thành
6111			Phường Tân Khánh	CÓ	Nội thành
6112			Phường 1	CÓ	Nội thành
6113			Phường 3	CÓ	Nội thành
6114			Phường 7	CÓ	Nội thành
6115			Phường 6	CÓ	Nội thành
6116			Xã Hướng Thọ Phú	CÓ	Nội thành
6117			Xã Nhơn Thạnh Trung	CÓ	Nội thành
6118			Xã Lợi Bình Nhơn	CÓ	Nội thành
6119			Xã Bình Tâm	CÓ	Nội thành
6120			Phường Khánh Hậu	CÓ	Nội thành
6121			Xã An Vĩnh Ngãi	CÓ	Nội thành
6122		Thị xã Kiến Tường	Phường 1	CÓ	Ngoại thành
6123			Xã Thạnh Trị	CÓ	Ngoại thành
6124			Xã Bình Hiệp	CÓ	Ngoại thành
6125			Xã Bình Tân	CÓ	Ngoại thành
6126			Xã Tuyên Thạnh	CÓ	Ngoại thành
6127			Phường 3	CÓ	Ngoại thành
6128			Xã Thạnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
6129			Phường 2	CÓ	Ngoại thành
6130	Tỉnh Nam Định	Huyện Giao Thủy	Thị trấn Ngô Đồng	CÓ	Ngoại thành
6131			Thị trấn Quất Lâm	CÓ	Ngoại thành
6132			Xã Giao Hưởng	CÓ	Ngoại thành
6133			Xã Hồng Thuận	CÓ	Ngoại thành
6134			Xã Giao Thiện	CÓ	Ngoại thành
6135			Xã Giao Thanh	CÓ	Ngoại thành
6136			Xã Hoành Sơn	CÓ	Ngoại thành
6137			Xã Bình Hòa	CÓ	Ngoại thành
6138			Xã Giao Tiến	CÓ	Ngoại thành
6139			Xã Giao Hà	CÓ	Ngoại thành
6140			Xã Giao Nhân	CÓ	Ngoại thành
6141			Xã Giao An	CÓ	Ngoại thành

6142	Tỉnh Nam Định	Huyện Giao Thủy	Xã Giao Lạc	CÓ	Ngoại thành
6143			Xã Giao Châu	CÓ	Ngoại thành
6144			Xã Giao Tân	CÓ	Ngoại thành
6145			Xã Giao Yến	CÓ	Ngoại thành
6146			Xã Giao Xuân	CÓ	Ngoại thành
6147			Xã Giao Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6148			Xã Giao Hải	CÓ	Ngoại thành
6149			Xã Bạch Long	CÓ	Ngoại thành
6150			Xã Giao Long	CÓ	Ngoại thành
6151			Xã Giao Phong	CÓ	Ngoại thành
6152		Huyện Hải Hậu	Thị trấn Thịnh Long	KHÔNG	Ngoại thành
6153			Xã Hải Phong	KHÔNG	Ngoại thành
6154			Xã Hải An	KHÔNG	Ngoại thành
6155			Xã Hải Phú	KHÔNG	Ngoại thành
6156			Xã Hải Giang	KHÔNG	Ngoại thành
6157			Xã Hải Cường	KHÔNG	Ngoại thành
6158			Xã Hải Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
6159			Xã Hải Chính	KHÔNG	Ngoại thành
6160			Xã Hải Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
6161			Xã Hải Châu	KHÔNG	Ngoại thành
6162			Xã Hải Triều	KHÔNG	Ngoại thành
6163			Xã Hải Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
6164			Thị trấn Yên Định	CÓ	Ngoại thành
6165			Thị trấn Cồn	CÓ	Ngoại thành
6166			Xã Hải Nam	CÓ	Ngoại thành
6167			Xã Hải Trung	CÓ	Ngoại thành
6168			Xã Hải Vân	CÓ	Ngoại thành
6169			Xã Hải Minh	CÓ	Ngoại thành
6170			Xã Hải Anh	CÓ	Ngoại thành
6171			Xã Hải Hưng	CÓ	Ngoại thành
6172			Xã Hải Bắc	CÓ	Ngoại thành
6173			Xã Hải Phúc	CÓ	Ngoại thành
6174			Xã Hải Thanh	CÓ	Ngoại thành
6175			Xã Hải Hà	CÓ	Ngoại thành
6176			Xã Hải Long	CÓ	Ngoại thành
6177			Xã Hải Phương	CÓ	Ngoại thành
6178			Xã Hải Đường	CÓ	Ngoại thành
6179			Xã Hải Lộc	CÓ	Ngoại thành
6180			Xã Hải Quang	CÓ	Ngoại thành
6181			Xã Hải Đông	CÓ	Ngoại thành
6182			Xã Hải Sơn	CÓ	Ngoại thành

6183	Tỉnh Nam Định	Huyện Hải Hậu	Xã Hải Tân	CÓ	Ngoại thành
6184			Xã Hải Tây	CÓ	Ngoại thành
6185			Xã Hải Lý	CÓ	Ngoại thành
6186		Huyện Mỹ Lộc	Thị trấn Mỹ Lộc	CÓ	Ngoại thành
6187			Xã Mỹ Hà	CÓ	Ngoại thành
6188			Xã Mỹ Tiến	CÓ	Ngoại thành
6189			Xã Mỹ Thắng	CÓ	Ngoại thành
6190			Xã Mỹ Trung	CÓ	Ngoại thành
6191			Xã Mỹ Tân	CÓ	Ngoại thành
6192			Xã Mỹ Phúc	CÓ	Ngoại thành
6193			Xã Mỹ Hưng	CÓ	Ngoại thành
6194			Xã Mỹ Thuận	CÓ	Ngoại thành
6195			Xã Mỹ Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6196			Xã Mỹ Thành	CÓ	Ngoại thành
6197		Huyện Nam Trực	Thị trấn Nam Giang	CÓ	Ngoại thành
6198			Xã Nam Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6199			Xã Điền Xá	CÓ	Ngoại thành
6200			Xã Nghĩa An	CÓ	Ngoại thành
6201			Xã Nam Thắng	CÓ	Ngoại thành
6202			Xã Nam Toàn	CÓ	Ngoại thành
6203			Xã Hồng Quang	CÓ	Ngoại thành
6204			Xã Tân Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6205			Xã Nam Cường	CÓ	Ngoại thành
6206			Xã Nam Hồng	CÓ	Ngoại thành
6207			Xã Nam Hùng	CÓ	Ngoại thành
6208			Xã Nam Hoa	CÓ	Ngoại thành
6209			Xã Nam Dương	CÓ	Ngoại thành
6210			Xã Nam Thanh	CÓ	Ngoại thành
6211			Xã Nam Lợi	CÓ	Ngoại thành
6212			Xã Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
6213			Xã Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành
6214			Xã Nam Tiến	CÓ	Ngoại thành
6215			Xã Nam Hải	CÓ	Ngoại thành
6216			Xã Nam Thái	CÓ	Ngoại thành
6217		Huyện Nghĩa Hưng	Thị trấn Liễu Đề	CÓ	Ngoại thành
6218			Thị trấn Rạng Đông	CÓ	Ngoại thành
6219			Xã Nghĩa Đồng	CÓ	Ngoại thành
6220			Xã Nghĩa Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6221			Xã Nghĩa Minh	CÓ	Ngoại thành
6222			Xã Nghĩa Thái	CÓ	Ngoại thành
6223			Xã Hoàng Nam	CÓ	Ngoại thành

6224	Tỉnh Nam Định	Huyện Nghĩa Hưng	Xã Nghĩa Châu	CÓ	Ngoại thành
6225			Xã Nghĩa Trung	CÓ	Ngoại thành
6226			Xã Nghĩa Sơn	CÓ	Ngoại thành
6227			Xã Nghĩa Lạc	CÓ	Ngoại thành
6228			Xã Nghĩa Hồng	CÓ	Ngoại thành
6229			Xã Nghĩa Phong	CÓ	Ngoại thành
6230			Xã Nghĩa Phú	CÓ	Ngoại thành
6231			Xã Nghĩa Bình	CÓ	Ngoại thành
6232			Thị trấn Quỳ Nhất	CÓ	Ngoại thành
6233			Xã Nghĩa Tân	CÓ	Ngoại thành
6234			Xã Nghĩa Hùng	CÓ	Ngoại thành
6235			Xã Nghĩa Lâm	CÓ	Ngoại thành
6236			Xã Nghĩa Thành	CÓ	Ngoại thành
6237			Xã Phúc Thắng	CÓ	Ngoại thành
6238			Xã Nghĩa Lợi	CÓ	Ngoại thành
6239			Xã Nghĩa Hải	CÓ	Ngoại thành
6240			Xã Nam Điền	CÓ	Ngoại thành
6241		Huyện Trực Ninh	Thị trấn Cổ Lễ	CÓ	Ngoại thành
6242			Xã Phương Định	CÓ	Ngoại thành
6243			Xã Trực Chính	CÓ	Ngoại thành
6244			Xã Trung Đông	CÓ	Ngoại thành
6245			Xã Liêm Hải	CÓ	Ngoại thành
6246			Xã Trực Tuấn	CÓ	Ngoại thành
6247			Xã Việt Hùng	CÓ	Ngoại thành
6248			Xã Trực Đạo	CÓ	Ngoại thành
6249			Xã Trực Hưng	CÓ	Ngoại thành
6250			Xã Trực Nội	CÓ	Ngoại thành
6251			Thị trấn Cát Thành	CÓ	Ngoại thành
6252			Xã Trực Thanh	CÓ	Ngoại thành
6253			Xã Trực Khang	CÓ	Ngoại thành
6254			Xã Trực Thuận	CÓ	Ngoại thành
6255			Xã Trực Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6256			Xã Trực Đại	KHÔNG	Ngoại thành
6257			Xã Trực Cường	KHÔNG	Ngoại thành
6258			Thị trấn Ninh Cường	KHÔNG	Ngoại thành
6259			Xã Trực Thái	KHÔNG	Ngoại thành
6260			Xã Trực Hùng	KHÔNG	Ngoại thành
6261			Xã Trực Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
6262		Huyện Vụ Bản	Thị trấn Gôi	CÓ	Ngoại thành
6263			Xã Minh Thuận	CÓ	Ngoại thành
6264			Xã Hiến Khánh	CÓ	Ngoại thành

6265	Tỉnh Nam Định	Huyện Vụ Bản	Xã Tân Khánh	CÓ	Ngoại thành
6266			Xã Hợp Hưng	CÓ	Ngoại thành
6267			Xã Đại An	CÓ	Ngoại thành
6268			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
6269			Xã Cộng Hòa	CÓ	Ngoại thành
6270			Xã Trung Thành	CÓ	Ngoại thành
6271			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
6272			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
6273			Xã Liên Bảo	CÓ	Ngoại thành
6274			Xã Thành Lợi	CÓ	Ngoại thành
6275			Xã Kim Thái	CÓ	Ngoại thành
6276			Xã Liên Minh	CÓ	Ngoại thành
6277			Xã Đại Thắng	CÓ	Ngoại thành
6278			Xã Tam Thanh	CÓ	Ngoại thành
6279			Xã Vĩnh Hào	CÓ	Ngoại thành
6280		Huyện Xuân Trường	Thị trấn Xuân Trường	CÓ	Ngoại thành
6281			Xã Xuân Châu	KHÔNG	Ngoại thành
6282			Xã Xuân Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
6283			Xã Xuân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6284			Xã Xuân Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
6285			Xã Xuân Phong	KHÔNG	Ngoại thành
6286			Xã Xuân Đài	KHÔNG	Ngoại thành
6287			Xã Xuân Tân	KHÔNG	Ngoại thành
6288			Xã Xuân Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
6289			Xã Xuân Ngọc	CÓ	Ngoại thành
6290			Xã Xuân Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
6291			Xã Xuân Phương	KHÔNG	Ngoại thành
6292			Xã Thọ Nghiệp	CÓ	Ngoại thành
6293			Xã Xuân Phú	KHÔNG	Ngoại thành
6294			Xã Xuân Trung	CÓ	Ngoại thành
6295			Xã Xuân Vinh	CÓ	Ngoại thành
6296			Xã Xuân Kiên	CÓ	Ngoại thành
6297			Xã Xuân Tiến	CÓ	Ngoại thành
6298			Xã Xuân Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
6299			Xã Xuân Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
6300		Huyện Ý Yên	Thị trấn Lâm	CÓ	Ngoại thành
6301			Xã Yên Trung	CÓ	Ngoại thành
6302			Xã Yên Thành	CÓ	Ngoại thành
6303			Xã Yên Tân	CÓ	Ngoại thành
6304			Xã Yên Lợi	CÓ	Ngoại thành
6305			Xã Yên Thọ	CÓ	Ngoại thành

6306	Tỉnh Nam Định	Huyện Ý Yên	Xã Yên Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
6307			Xã Yên Minh	CÓ	Ngoại thành
6308			Xã Yên Phương	CÓ	Ngoại thành
6309			Xã Yên Chính	CÓ	Ngoại thành
6310			Xã Yên Bình	CÓ	Ngoại thành
6311			Xã Yên Phú	CÓ	Ngoại thành
6312			Xã Yên Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6313			Xã Yên Dương	CÓ	Ngoại thành
6314			Xã Yên Hưng	CÓ	Ngoại thành
6315			Xã Yên Khánh	CÓ	Ngoại thành
6316			Xã Yên Phong	CÓ	Ngoại thành
6317			Xã Yên Ninh	CÓ	Ngoại thành
6318			Xã Yên Lương	CÓ	Ngoại thành
6319			Xã Yên Hồng	CÓ	Ngoại thành
6320			Xã Yên Quang	CÓ	Ngoại thành
6321			Xã Yên Tiến	CÓ	Ngoại thành
6322			Xã Yên Thắng	CÓ	Ngoại thành
6323			Xã Yên Phúc	CÓ	Ngoại thành
6324			Xã Yên Cường	CÓ	Ngoại thành
6325			Xã Yên Lộc	CÓ	Ngoại thành
6326			Xã Yên Bằng	CÓ	Ngoại thành
6327			Xã Yên Đồng	CÓ	Ngoại thành
6328			Xã Yên Khang	CÓ	Ngoại thành
6329			Xã Yên Nhân	CÓ	Ngoại thành
6330			Xã Yên Trị	CÓ	Ngoại thành
6331		Thành phố Nam Định	Phường Hạ Long	CÓ	Nội thành
6332			Phường Trần Tế Xương	CÓ	Nội thành
6333			Phường Vị Hoàng	CÓ	Nội thành
6334			Phường Vị Xuyên	CÓ	Nội thành
6335			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
6336			Phường Cửa Bắc	CÓ	Nội thành
6337			Phường Nguyễn Du	CÓ	Nội thành
6338			Phường Bà Triệu	CÓ	Nội thành
6339			Phường Trường Thi	CÓ	Nội thành
6340			Phường Phan Đình Phùng	CÓ	Nội thành
6341			Phường Ngô Quyền	CÓ	Nội thành
6342			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
6343			Phường Trần Đăng Ninh	CÓ	Nội thành
6344			Phường Năng Tĩnh	CÓ	Nội thành
6345			Phường Văn Miếu	CÓ	Nội thành
6346			Phường Trần Quang Khải	CÓ	Nội thành

6347	Tỉnh Nam Định	Thành phố Nam Định	Phường Thống Nhất	CÓ	Nội thành
6348			Phường Lộc Hạ	CÓ	Nội thành
6349			Phường Lộc Vượng	CÓ	Nội thành
6350			Phường Cửa Nam	CÓ	Nội thành
6351			Phường Lộc Hòa	CÓ	Nội thành
6352			Xã Nam Phong	CÓ	Nội thành
6353			Phường Mỹ Xá	CÓ	Nội thành
6354			Xã Lộc An	CÓ	Nội thành
6355			Xã Nam Vân	CÓ	Nội thành
6356	Tỉnh Nghệ An	Huyện Anh Sơn	Thị trấn Anh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6357			Xã Thọ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6358			Xã Thành Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6359			Xã Bình Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6360			Xã Tam Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6361			Xã Đinh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6362			Xã Hùng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6363			Xã Cẩm Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6364			Xã Đức Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6365			Xã Tường Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6366			Xã Hoa Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6367			Xã Tào Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6368			Xã Vĩnh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6369			Xã Lạng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6370			Xã Hội Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6371			Xã Thạch Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6372			Xã Phúc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6373			Xã Long Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6374			Xã Khai Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6375			Xã Lĩnh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6376			Xã Cao Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6377		Huyện Con Cuông	Thị trấn Con Cuông	KHÔNG	Ngoại thành
6378			Xã Bình Chuẩn	KHÔNG	Ngoại thành
6379			Xã Lạng Khê	KHÔNG	Ngoại thành
6380			Xã Cam Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
6381			Xã Thạch Ngàn	KHÔNG	Ngoại thành
6382			Xã Đôn Phục	KHÔNG	Ngoại thành
6383			Xã Mậu Đức	KHÔNG	Ngoại thành
6384			Xã Châu Khê	KHÔNG	Ngoại thành
6385			Xã Chi Khê	KHÔNG	Ngoại thành
6386			Xã Bông Khê	KHÔNG	Ngoại thành
6387			Xã Yên Khê	KHÔNG	Ngoại thành

6388	Tỉnh Nghệ An	Huyện Con Cuông	Xã Lục Dạ	KHÔNG	Ngoại thành
6389			Xã Môn Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6390		Huyện Diễn Châu	Thị trấn Diễn Châu	CÓ	Ngoại thành
6391			Xã Diễn Lâm	CÓ	Ngoại thành
6392			Xã Diễn Đoài	CÓ	Ngoại thành
6393			Xã Diễn Trường	CÓ	Ngoại thành
6394			Xã Diễn Yên	CÓ	Ngoại thành
6395			Xã Diễn Hoàng	CÓ	Ngoại thành
6396			Xã Diễn Hùng	CÓ	Ngoại thành
6397			Xã Diễn Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6398			Xã Diễn Hồng	CÓ	Ngoại thành
6399			Xã Diễn Phong	CÓ	Ngoại thành
6400			Xã Diễn Hải	CÓ	Ngoại thành
6401			Xã Diễn Tháp	CÓ	Ngoại thành
6402			Xã Diễn Liên	CÓ	Ngoại thành
6403			Xã Diễn Vạn	CÓ	Ngoại thành
6404			Xã Diễn Kim	CÓ	Ngoại thành
6405			Xã Diễn Kỳ	CÓ	Ngoại thành
6406			Xã Diễn Xuân	CÓ	Ngoại thành
6407			Xã Diễn Thái	CÓ	Ngoại thành
6408			Xã Diễn Đồng	CÓ	Ngoại thành
6409			Xã Diễn Bích	CÓ	Ngoại thành
6410			Xã Diễn Hạnh	CÓ	Ngoại thành
6411			Xã Diễn Ngọc	CÓ	Ngoại thành
6412			Xã Diễn Quảng	CÓ	Ngoại thành
6413			Xã Diễn Nguyên	CÓ	Ngoại thành
6414			Xã Diễn Hoa	CÓ	Ngoại thành
6415			Xã Diễn Thành	CÓ	Ngoại thành
6416			Xã Diễn Phúc	CÓ	Ngoại thành
6417			Xã Diễn Cát	CÓ	Ngoại thành
6418			Xã Diễn Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6419			Xã Diễn Tân	CÓ	Ngoại thành
6420			Xã Minh Châu	CÓ	Ngoại thành
6421			Xã Diễn Thọ	CÓ	Ngoại thành
6422			Xã Diễn Lợi	CÓ	Ngoại thành
6423			Xã Diễn Lộc	CÓ	Ngoại thành
6424			Xã Diễn Trung	CÓ	Ngoại thành
6425			Xã Diễn An	CÓ	Ngoại thành
6426			Xã Diễn Phú	CÓ	Ngoại thành
6427		Huyện Đô Lương	Thị trấn Đô Lương	CÓ	Ngoại thành
6428			Xã Giang Sơn Đông	CÓ	Ngoại thành

6429	Tỉnh Nghệ An	Huyện Đô Lương	Xã Giang Sơn Tây	CÓ	Ngoại thành
6430			Xã Lam Sơn	CÓ	Ngoại thành
6431			Xã Bồi Sơn	CÓ	Ngoại thành
6432			Xã Hồng Sơn	CÓ	Ngoại thành
6433			Xã Bài Sơn	CÓ	Ngoại thành
6434			Xã Ngọc Sơn	CÓ	Ngoại thành
6435			Xã Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
6436			Xã Tràng Sơn	CÓ	Ngoại thành
6437			Xã Thượng Sơn	CÓ	Ngoại thành
6438			Xã Hòa Sơn	CÓ	Ngoại thành
6439			Xã Đặng Sơn	CÓ	Ngoại thành
6440			Xã Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành
6441			Xã Nam Sơn	CÓ	Ngoại thành
6442			Xã Lưu Sơn	CÓ	Ngoại thành
6443			Xã Yên Sơn	CÓ	Ngoại thành
6444			Xã Văn Sơn	CÓ	Ngoại thành
6445			Xã Đà Sơn	CÓ	Ngoại thành
6446			Xã Lạc Sơn	CÓ	Ngoại thành
6447			Xã Tân Sơn	CÓ	Ngoại thành
6448			Xã Thái Sơn	CÓ	Ngoại thành
6449			Xã Quang Sơn	CÓ	Ngoại thành
6450			Xã Thịnh Sơn	CÓ	Ngoại thành
6451			Xã Trung Sơn	CÓ	Ngoại thành
6452			Xã Xuân Sơn	CÓ	Ngoại thành
6453			Xã Minh Sơn	CÓ	Ngoại thành
6454			Xã Thuận Sơn	CÓ	Ngoại thành
6455			Xã Nhân Sơn	CÓ	Ngoại thành
6456			Xã Hiến Sơn	CÓ	Ngoại thành
6457			Xã Mỹ Sơn	CÓ	Ngoại thành
6458			Xã Trù Sơn	CÓ	Ngoại thành
6459			Xã Đại Sơn	CÓ	Ngoại thành
6460		Huyện Hưng Nguyên	Thị trấn Hưng Nguyên	CÓ	Ngoại thành
6461			Xã Hưng Trung	CÓ	Ngoại thành
6462			Xã Hưng Yên	CÓ	Ngoại thành
6463			Xã Hưng Yên Bắc	CÓ	Ngoại thành
6464			Xã Hưng Tây	CÓ	Ngoại thành
6465			Xã Hưng Đạo	CÓ	Ngoại thành
6466			Xã Hưng Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6467			Xã Hưng Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6468			Xã Hưng Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
6469			Xã Hưng Thông	CÓ	Ngoại thành

6470	Tỉnh Nghệ An	Huyện Hưng Nguyên	Xã Hưng Tân	CÓ	Ngoại thành
6471			Xã Hưng Lợi	CÓ	Ngoại thành
6472			Xã Hưng Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
6473			Xã Hưng Phúc	CÓ	Ngoại thành
6474			Xã Long Xá	CÓ	Ngoại thành
6475			Xã Châu Nhân	CÓ	Ngoại thành
6476			Xã Xuân Lam	CÓ	Ngoại thành
6477			Xã Hưng Thành	CÓ	Ngoại thành
6478		Huyện Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén	KHÔNG	Ngoại thành
6479			Xã Mỹ Lý	KHÔNG	Ngoại thành
6480			Xã Bắc Lý	KHÔNG	Ngoại thành
6481			Xã Keng Đu	KHÔNG	Ngoại thành
6482			Xã Đoạc Mạy	KHÔNG	Ngoại thành
6483			Xã Huồi Tụ	KHÔNG	Ngoại thành
6484			Xã Mường Lống	KHÔNG	Ngoại thành
6485			Xã Na Loi	KHÔNG	Ngoại thành
6486			Xã Nậm Cắn	KHÔNG	Ngoại thành
6487			Xã Bảo Nam	KHÔNG	Ngoại thành
6488			Xã Phà Đánh	KHÔNG	Ngoại thành
6489			Xã Bảo Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
6490			Xã Hữu Lập	KHÔNG	Ngoại thành
6491			Xã Tà Cạ	KHÔNG	Ngoại thành
6492			Xã Chiêu Lưu	KHÔNG	Ngoại thành
6493			Xã Mường Típ	KHÔNG	Ngoại thành
6494			Xã Hữu Kiệm	KHÔNG	Ngoại thành
6495			Xã Tây Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6496			Xã Mường Ải	KHÔNG	Ngoại thành
6497			Xã Na Ngoi	KHÔNG	Ngoại thành
6498			Xã Nậm Cắn	KHÔNG	Ngoại thành
6499		Huyện Nam Đàn	Xã Nam Hưng	CÓ	Ngoại thành
6500			Xã Nam Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
6501			Xã Nam Thanh	CÓ	Ngoại thành
6502			Xã Nam Anh	CÓ	Ngoại thành
6503			Xã Nam Xuân	CÓ	Ngoại thành
6504			Xã Nam Thái	CÓ	Ngoại thành
6505			Thị trấn Nam Đàn	CÓ	Ngoại thành
6506			Xã Nam Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
6507			Xã Nam Giang	CÓ	Ngoại thành
6508			Xã Xuân Hòa	CÓ	Ngoại thành
6509			Xã Hùng Tiến	CÓ	Ngoại thành
6510			Xã Thượng Tân Lộc	CÓ	Ngoại thành

6511	Tỉnh Nghệ An	Huyện Nam Đàn	Xã Kim Liên	CÓ	Ngoại thành
6512			Xã Hồng Long	CÓ	Ngoại thành
6513			Xã Xuân Lâm	CÓ	Ngoại thành
6514			Xã Nam Cát	CÓ	Ngoại thành
6515			Xã Khánh Sơn	CÓ	Ngoại thành
6516			Xã Trung Phúc Cường	CÓ	Ngoại thành
6517			Xã Nam Kim	CÓ	Ngoại thành
6518		Huyện Nghi Lộc	Xã Nghi Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
6519			Xã Phúc Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
6520			Xã Nghi Thái	KHÔNG	Ngoại thành
6521			Thị trấn Quán Hành	CÓ	Ngoại thành
6522			Xã Nghi Văn	CÓ	Ngoại thành
6523			Xã Nghi Yên	CÓ	Ngoại thành
6524			Xã Nghi Tiến	CÓ	Ngoại thành
6525			Xã Nghi Hưng	CÓ	Ngoại thành
6526			Xã Nghi Đồng	CÓ	Ngoại thành
6527			Xã Nghi Thiết	CÓ	Ngoại thành
6528			Xã Nghi Lâm	CÓ	Ngoại thành
6529			Xã Nghi Quang	CÓ	Ngoại thành
6530			Xã Nghi Kiều	CÓ	Ngoại thành
6531			Xã Nghi Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6532			Xã Nghi Phương	CÓ	Ngoại thành
6533			Xã Nghi Thuận	CÓ	Ngoại thành
6534			Xã Nghi Long	CÓ	Ngoại thành
6535			Xã Nghi Xá	CÓ	Ngoại thành
6536			Xã Nghi Hoa	CÓ	Ngoại thành
6537			Xã Khánh Hợp	CÓ	Ngoại thành
6538			Xã Nghi Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6539			Xã Nghi Công Bắc	CÓ	Ngoại thành
6540			Xã Nghi Công Nam	CÓ	Ngoại thành
6541			Xã Nghi Thạch	CÓ	Ngoại thành
6542			Xã Nghi Trung	CÓ	Ngoại thành
6543			Xã Nghi Trường	CÓ	Ngoại thành
6544			Xã Nghi Diên	CÓ	Ngoại thành
6545			Xã Nghi Phong	CÓ	Ngoại thành
6546			Xã Nghi Vạn	CÓ	Ngoại thành
6547		Huyện Nghĩa Đàn	Thị trấn Nghĩa Đàn	CÓ	Ngoại thành
6548			Xã Nghĩa Mai	CÓ	Ngoại thành
6549			Xã Nghĩa Yên	CÓ	Ngoại thành
6550			Xã Nghĩa Lạc	CÓ	Ngoại thành
6551			Xã Nghĩa Lâm	CÓ	Ngoại thành

6552	Tỉnh Nghệ An	Huyện Nghĩa Đàn	Xã Nghĩa Sơn	CÓ	Ngoại thành
6553			Xã Nghĩa Lợi	CÓ	Ngoại thành
6554			Xã Nghĩa Bình	CÓ	Ngoại thành
6555			Xã Nghĩa Thọ	CÓ	Ngoại thành
6556			Xã Nghĩa Minh	CÓ	Ngoại thành
6557			Xã Nghĩa Phú	CÓ	Ngoại thành
6558			Xã Nghĩa Hưng	CÓ	Ngoại thành
6559			Xã Nghĩa Hồng	CÓ	Ngoại thành
6560			Xã Nghĩa Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6561			Xã Nghĩa Trung	CÓ	Ngoại thành
6562			Xã Nghĩa Hội	CÓ	Ngoại thành
6563			Xã Nghĩa Thành	CÓ	Ngoại thành
6564			Xã Nghĩa Hiếu	CÓ	Ngoại thành
6565			Xã Nghĩa Đức	CÓ	Ngoại thành
6566			Xã Nghĩa An	CÓ	Ngoại thành
6567			Xã Nghĩa Long	CÓ	Ngoại thành
6568			Xã Nghĩa Lộc	CÓ	Ngoại thành
6569			Xã Nghĩa Khánh	CÓ	Ngoại thành
6570		Huyện Quế Phong	Thị trấn Kim Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6571			Xã Thông Thụ	KHÔNG	Ngoại thành
6572			Xã Đồng Văn	KHÔNG	Ngoại thành
6573			Xã Hạnh Dịch	KHÔNG	Ngoại thành
6574			Xã Tiền Phong	KHÔNG	Ngoại thành
6575			Xã Nậm Giải	KHÔNG	Ngoại thành
6576			Xã Tri Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
6577			Xã Châu Kim	KHÔNG	Ngoại thành
6578			Xã Mường Nọc	KHÔNG	Ngoại thành
6579			Xã Châu Thôn	KHÔNG	Ngoại thành
6580			Xã Nậm Nhoóng	KHÔNG	Ngoại thành
6581			Xã Quang Phong	KHÔNG	Ngoại thành
6582			Xã Cẩm Muộn	KHÔNG	Ngoại thành
6583		Huyện Quỳnh Châu	Thị trấn Tân Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
6584			Xã Châu Bính	KHÔNG	Ngoại thành
6585			Xã Châu Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
6586			Xã Châu Hội	KHÔNG	Ngoại thành
6587			Xã Châu Nga	KHÔNG	Ngoại thành
6588			Xã Châu Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
6589			Xã Châu Hạnh	KHÔNG	Ngoại thành
6590			Xã Châu Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
6591			Xã Châu Phong	KHÔNG	Ngoại thành
6592			Xã Châu Bình	KHÔNG	Ngoại thành

6593	Tỉnh Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	Xã Châu Hoàn	KHÔNG	Ngoại thành
6594			Xã Diên Lãm	KHÔNG	Ngoại thành
6595		Huyện Quỳnh Hợp	Thị trấn Quỳnh Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6596			Xã Yên Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6597			Xã Châu Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
6598			Xã Châu Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
6599			Xã Đông Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6600			Xã Châu Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6601			Xã Liên Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6602			Xã Châu Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
6603			Xã Tam Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6604			Xã Châu Cường	KHÔNG	Ngoại thành
6605			Xã Châu Quang	KHÔNG	Ngoại thành
6606			Xã Thọ Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6607			Xã Minh Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6608			Xã Nghĩa Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
6609			Xã Châu Thái	KHÔNG	Ngoại thành
6610			Xã Châu Đình	KHÔNG	Ngoại thành
6611			Xã Văn Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
6612			Xã Nam Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6613			Xã Châu Lý	KHÔNG	Ngoại thành
6614			Xã Hạ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6615			Xã Bắc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6616		Huyện Quỳnh Lưu	Thị trấn Cầu Giát	CÓ	Ngoại thành
6617			Xã Quỳnh Văn	CÓ	Ngoại thành
6618			Xã Quỳnh Lâm	CÓ	Ngoại thành
6619			Xã Quỳnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
6620			Xã Quỳnh Giang	CÓ	Ngoại thành
6621			Xã An Hòa	CÓ	Ngoại thành
6622			Xã Quỳnh Thuận	CÓ	Ngoại thành
6623			Xã Quỳnh Thắng	CÓ	Ngoại thành
6624			Xã Quỳnh Tân	CÓ	Ngoại thành
6625			Xã Quỳnh Châu	CÓ	Ngoại thành
6626			Xã Tân Sơn	CÓ	Ngoại thành
6627			Xã Ngọc Sơn	CÓ	Ngoại thành
6628			Xã Quỳnh Tam	CÓ	Ngoại thành
6629			Xã Quỳnh Hoa	CÓ	Ngoại thành
6630			Xã Quỳnh Thạch	CÓ	Ngoại thành
6631			Xã Quỳnh Bảng	CÓ	Ngoại thành
6632			Xã Quỳnh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6633			Xã Quỳnh Thanh	CÓ	Ngoại thành

6634	Tỉnh Nghệ An	Huyện Quỳnh Lưu	Xã Quỳnh Hậu	CÓ	Ngoại thành
6635			Xã Quỳnh Đôi	CÓ	Ngoại thành
6636			Xã Quỳnh Lương	CÓ	Ngoại thành
6637			Xã Quỳnh Hồng	CÓ	Ngoại thành
6638			Xã Quỳnh Yên	CÓ	Ngoại thành
6639			Xã Quỳnh Bá	CÓ	Ngoại thành
6640			Xã Quỳnh Minh	CÓ	Ngoại thành
6641			Xã Quỳnh Diễn	CÓ	Ngoại thành
6642			Xã Quỳnh Ngọc	CÓ	Ngoại thành
6643			Xã Quỳnh Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
6644			Xã Tiến Thủy	CÓ	Ngoại thành
6645			Xã Sơn Hải	CÓ	Ngoại thành
6646			Xã Quỳnh Thọ	CÓ	Ngoại thành
6647			Xã Quỳnh Long	CÓ	Ngoại thành
6648			Xã Tân Thắng	CÓ	Ngoại thành
6649		Huyện Tân Kỳ	Thị trấn Tân Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
6650			Xã Tân Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6651			Xã Tân Phú	KHÔNG	Ngoại thành
6652			Xã Tân Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
6653			Xã Giai Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
6654			Xã Nghĩa Bình	KHÔNG	Ngoại thành
6655			Xã Nghĩa Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
6656			Xã Đồng Văn	KHÔNG	Ngoại thành
6657			Xã Nghĩa Thái	KHÔNG	Ngoại thành
6658			Xã Nghĩa Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6659			Xã Nghĩa Hoàn	KHÔNG	Ngoại thành
6660			Xã Nghĩa Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
6661			Xã Tiên Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
6662			Xã Tân An	KHÔNG	Ngoại thành
6663			Xã Nghĩa Dũng	KHÔNG	Ngoại thành
6664			Xã Tân Long	KHÔNG	Ngoại thành
6665			Xã Kỳ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6666			Xã Hương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6667			Xã Kỳ Tân	KHÔNG	Ngoại thành
6668			Xã Phú Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6669			Xã Tân Hương	KHÔNG	Ngoại thành
6670			Xã Nghĩa Hành	KHÔNG	Ngoại thành
6671		Huyện Thanh Chương	Thị trấn Thanh Chương	KHÔNG	Ngoại thành
6672			Xã Cát Văn	KHÔNG	Ngoại thành
6673			Xã Thanh Nho	KHÔNG	Ngoại thành
6674			Xã Hạnh Lâm	KHÔNG	Ngoại thành

6675	Tỉnh Nghệ An	Huyện Thanh Chương	Xã Thanh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6676			Xã Thanh Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
6677			Xã Phong Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
6678			Xã Thanh Phong	KHÔNG	Ngoại thành
6679			Xã Thanh Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
6680			Xã Thanh Tiên	KHÔNG	Ngoại thành
6681			Xã Thanh Liên	KHÔNG	Ngoại thành
6682			Xã Đại Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
6683			Xã Thanh Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
6684			Xã Thanh Ngọc	KHÔNG	Ngoại thành
6685			Xã Thanh Hương	KHÔNG	Ngoại thành
6686			Xã Ngọc Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
6687			Xã Thanh Lĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
6688			Xã Đồng Văn	KHÔNG	Ngoại thành
6689			Xã Ngọc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6690			Xã Thanh Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
6691			Xã Thanh An	KHÔNG	Ngoại thành
6692			Xã Thanh Chi	KHÔNG	Ngoại thành
6693			Xã Xuân Trường	KHÔNG	Ngoại thành
6694			Xã Thanh Dương	KHÔNG	Ngoại thành
6695			Xã Thanh Lương	KHÔNG	Ngoại thành
6696			Xã Thanh Khê	KHÔNG	Ngoại thành
6697			Xã Võ Liệt	KHÔNG	Ngoại thành
6698			Xã Thanh Long	KHÔNG	Ngoại thành
6699			Xã Thanh Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
6700			Xã Thanh Khai	KHÔNG	Ngoại thành
6701			Xã Thanh Yên	KHÔNG	Ngoại thành
6702			Xã Thanh Hà	KHÔNG	Ngoại thành
6703			Xã Thanh Giang	KHÔNG	Ngoại thành
6704			Xã Thanh Tùng	KHÔNG	Ngoại thành
6705			Xã Thanh Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
6706			Xã Thanh Mai	KHÔNG	Ngoại thành
6707			Xã Thanh Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
6708			Xã Thanh Đức	KHÔNG	Ngoại thành
6709		Huyện Tương Dương	Thị trấn Thạch Giám	KHÔNG	Ngoại thành
6710			Xã Mai Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6711			Xã Nhôn Mai	KHÔNG	Ngoại thành
6712			Xã Hữu Khuông	KHÔNG	Ngoại thành
6713			Xã Yên Tĩnh	KHÔNG	Ngoại thành
6714			Xã Nga My	KHÔNG	Ngoại thành
6715			Xã Xiêng My	KHÔNG	Ngoại thành

6716	Tỉnh Nghệ An	Huyện Tương Dương	Xã Lưỡng Minh	KHÔNG	Ngoại thành
6717			Xã Yên Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
6718			Xã Yên Na	KHÔNG	Ngoại thành
6719			Xã Lưu Kiền	KHÔNG	Ngoại thành
6720			Xã Xá Lượng	KHÔNG	Ngoại thành
6721			Xã Tam Thái	KHÔNG	Ngoại thành
6722			Xã Tam Đình	KHÔNG	Ngoại thành
6723			Xã Yên Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
6724			Xã Tam Quang	KHÔNG	Ngoại thành
6725			Xã Tam Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
6726		Huyện Yên Thành	Thị trấn Yên Thành	CÓ	Ngoại thành
6727			Xã Mã Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6728			Xã Tiến Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6729			Xã Lăng Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6730			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6731			Xã Đức Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6732			Xã Kim Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6733			Xã Hậu Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6734			Xã Hùng Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6735			Xã Đô Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6736			Xã Thọ Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6737			Xã Quang Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6738			Xã Tây Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6739			Xã Phúc Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6740			Xã Hồng Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6741			Xã Đông Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6742			Xã Phú Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6743			Xã Hoa Thành	CÓ	Ngoại thành
6744			Xã Tăng Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6745			Xã Văn Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6746			Xã Thịnh Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6747			Xã Hợp Thành	CÓ	Ngoại thành
6748			Xã Xuân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6749			Xã Bắc Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6750			Xã Nhân Thành	CÓ	Ngoại thành
6751			Xã Trung Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6752			Xã Long Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6753			Xã Minh Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6754			Xã Nam Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6755			Xã Vĩnh Thành	CÓ	Ngoại thành
6756			Xã Lý Thành	KHÔNG	Ngoại thành

6757	Tỉnh Nghệ An	Huyện Yên Thành	Xã Khánh Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6758			Xã Viên Thành	CÓ	Ngoại thành
6759			Xã Đại Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6760			Xã Liên Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6761			Xã Bảo Thành	CÓ	Ngoại thành
6762			Xã Mỹ Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6763			Xã Công Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6764			Xã Sơn Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6765		Thành phố Vinh	Phường Cửa Nam	KHÔNG	Nội thành
6766			Phường Hồng Sơn	KHÔNG	Nội thành
6767			Phường Hưng Bình	KHÔNG	Nội thành
6768			Phường Lê Lợi	KHÔNG	Nội thành
6769			Phường Lê Mao	KHÔNG	Nội thành
6770			Phường Quán Bàu	KHÔNG	Nội thành
6771			Phường Quang Trung	KHÔNG	Nội thành
6772			Phường Vinh Tân	KHÔNG	Nội thành
6773			Phường Bến Thủy	CÓ	Nội thành
6774			Phường Đội Cung	CÓ	Nội thành
6775			Phường Đông Vinh	CÓ	Nội thành
6776			Phường Hà Huy Tập	CÓ	Nội thành
6777			Phường Hưng Dũng	CÓ	Nội thành
6778			Phường Hưng Phúc	CÓ	Nội thành
6779			Phường Trung Đô	CÓ	Nội thành
6780			Phường Trường Thi	CÓ	Nội thành
6781			Xã Hưng Chính	CÓ	Nội thành
6782			Xã Hưng Đông	CÓ	Nội thành
6783			Xã Hưng Hòa	KHÔNG	Nội thành
6784			Xã Hưng Lộc	KHÔNG	Nội thành
6785			Xã Nghi Ân	CÓ	Nội thành
6786			Xã Nghi Đức	CÓ	Nội thành
6787			Xã Nghi Kim	CÓ	Nội thành
6788			Xã Nghi Liên	CÓ	Nội thành
6789			Xã Nghi Phú	CÓ	Nội thành
6790		Thị xã Cửa Lò	Phường Nghi Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
6791			Phường Nghi Tân	KHÔNG	Ngoại thành
6792			Phường Thu Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
6793			Phường Nghi Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
6794			Phường Nghi Hải	KHÔNG	Ngoại thành
6795			Phường Nghi Hương	KHÔNG	Ngoại thành
6796			Phường Nghi Thu	KHÔNG	Ngoại thành
6797		Thị xã Hoàng Mai	Xã Quỳnh Vinh	CÓ	Ngoại thành

6798	Tỉnh Nghệ An	Thị xã Hoàng Mai	Xã Quỳnh Lộc	CÓ	Ngoại thành
6799			Phường Quỳnh Thiện	CÓ	Ngoại thành
6800			Xã Quỳnh Lập	CÓ	Ngoại thành
6801			Xã Quỳnh Trang	CÓ	Ngoại thành
6802			Phường Mai Hùng	CÓ	Ngoại thành
6803			Phường Quỳnh Dị	CÓ	Ngoại thành
6804			Phường Quỳnh Xuân	CÓ	Ngoại thành
6805			Phường Quỳnh Phương	CÓ	Ngoại thành
6806			Xã Quỳnh Liên	CÓ	Ngoại thành
6807		Thị xã Thái Hoà	Phường Hoà Hiếu	CÓ	Ngoại thành
6808			Phường Quang Phong	CÓ	Ngoại thành
6809			Phường Quang Tiến	CÓ	Ngoại thành
6810			Phường Long Sơn	CÓ	Ngoại thành
6811			Xã Nghĩa Tiến	CÓ	Ngoại thành
6812			Xã Nghĩa Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6813			Xã Tây Hiếu	CÓ	Ngoại thành
6814			Xã Nghĩa Thuận	CÓ	Ngoại thành
6815			Xã Đông Hiếu	CÓ	Ngoại thành
6816	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Gia Viễn	Thị trấn Me	CÓ	Ngoại thành
6817			Xã Liên Sơn	CÓ	Ngoại thành
6818			Xã Gia Thanh	CÓ	Ngoại thành
6819			Xã Gia Vân	CÓ	Ngoại thành
6820			Xã Gia Phú	CÓ	Ngoại thành
6821			Xã Gia Xuân	CÓ	Ngoại thành
6822			Xã Gia Lập	CÓ	Ngoại thành
6823			Xã Gia Vượng	CÓ	Ngoại thành
6824			Xã Gia Trấn	CÓ	Ngoại thành
6825			Xã Gia Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6826			Xã Gia Phương	CÓ	Ngoại thành
6827			Xã Gia Tân	CÓ	Ngoại thành
6828			Xã Gia Thắng	CÓ	Ngoại thành
6829			Xã Gia Trung	CÓ	Ngoại thành
6830			Xã Gia Tiến	CÓ	Ngoại thành
6831			Xã Gia Sinh	CÓ	Ngoại thành
6832			Xã Gia Hòa	CÓ	Ngoại thành
6833			Xã Gia Hưng	CÓ	Ngoại thành
6834			Xã Gia Minh	CÓ	Ngoại thành
6835			Xã Gia Lạc	CÓ	Ngoại thành
6836			Xã Gia Phong	CÓ	Ngoại thành
6837		Huyện Hoa Lư	Thị trấn Thiên Tôn	CÓ	Ngoại thành
6838			Xã Ninh Giang	CÓ	Ngoại thành

6839	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Hoa Lư	Xã Trường Yên	CÓ	Ngoại thành
6840			Xã Ninh Khang	CÓ	Ngoại thành
6841			Xã Ninh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6842			Xã Ninh Hòa	CÓ	Ngoại thành
6843			Xã Ninh Xuân	CÓ	Ngoại thành
6844			Xã Ninh Hải	CÓ	Ngoại thành
6845			Xã Ninh Thắng	CÓ	Ngoại thành
6846			Xã Ninh Vân	CÓ	Ngoại thành
6847			Xã Ninh An	CÓ	Ngoại thành
6848		Huyện Kim Sơn	Thị trấn Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
6849			Xã Kim Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6850			Xã Cồn Thoi	CÓ	Ngoại thành
6851			Xã Kim Hải	CÓ	Ngoại thành
6852			Xã Kim Trung	CÓ	Ngoại thành
6853			Xã Kim Đông	CÓ	Ngoại thành
6854			Thị trấn Phát Diệm	CÓ	Ngoại thành
6855			Xã Hôi Ninh	CÓ	Ngoại thành
6856			Xã Xuân Chính	CÓ	Ngoại thành
6857			Xã Kim Định	CÓ	Ngoại thành
6858			Xã Ân Hòa	CÓ	Ngoại thành
6859			Xã Hùng Tiến	CÓ	Ngoại thành
6860			Xã Quang Thiện	CÓ	Ngoại thành
6861			Xã Như Hòa	CÓ	Ngoại thành
6862			Xã Chắt Bình	CÓ	Ngoại thành
6863			Xã Đồng Hướng	CÓ	Ngoại thành
6864			Xã Kim Chính	CÓ	Ngoại thành
6865			Xã Thượng Kiệm	CÓ	Ngoại thành
6866			Xã Lưu Phương	CÓ	Ngoại thành
6867			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
6868			Xã Yên Lộc	CÓ	Ngoại thành
6869			Xã Lai Thành	CÓ	Ngoại thành
6870			Xã Định Hóa	CÓ	Ngoại thành
6871			Xã Văn Hải	CÓ	Ngoại thành
6872			Xã Kim Tân	CÓ	Ngoại thành
6873		Huyện Nho Quan	Thị trấn Nho Quan	CÓ	Ngoại thành
6874			Xã Gia Lâm	CÓ	Ngoại thành
6875			Xã Gia Sơn	CÓ	Ngoại thành
6876			Xã Gia Thủy	CÓ	Ngoại thành
6877			Xã Gia Tường	CÓ	Ngoại thành
6878			Xã Phú Sơn	CÓ	Ngoại thành
6879			Xã Đức Long	CÓ	Ngoại thành

6880	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Nho Quan	Xã Lạc Vân	CÓ	Ngoại thành
6881			Xã Đồng Phong	CÓ	Ngoại thành
6882			Xã Yên Quang	CÓ	Ngoại thành
6883			Xã Lạng Phong	CÓ	Ngoại thành
6884			Xã Thượng Hòa	CÓ	Ngoại thành
6885			Xã Văn Phong	CÓ	Ngoại thành
6886			Xã Văn Phương	CÓ	Ngoại thành
6887			Xã Thanh Lạc	CÓ	Ngoại thành
6888			Xã Sơn Lai	CÓ	Ngoại thành
6889			Xã Sơn Thành	CÓ	Ngoại thành
6890			Xã Văn Phú	CÓ	Ngoại thành
6891			Xã Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
6892			Xã Quỳnh Lưu	CÓ	Ngoại thành
6893			Xã Xích Thổ	CÓ	Ngoại thành
6894			Xã Thạch Bình	CÓ	Ngoại thành
6895			Xã Cúc Phương	CÓ	Ngoại thành
6896			Xã Kỳ Phú	CÓ	Ngoại thành
6897			Xã Sơn Hà	CÓ	Ngoại thành
6898			Xã Phú Long	CÓ	Ngoại thành
6899			Xã Quảng Lạc	CÓ	Ngoại thành
6900		Huyện Yên Khánh	Thị trấn Yên Ninh	CÓ	Ngoại thành
6901			Xã Khánh Tiên	CÓ	Ngoại thành
6902			Xã Khánh Phú	CÓ	Ngoại thành
6903			Xã Khánh Hòa	CÓ	Ngoại thành
6904			Xã Khánh Lợi	CÓ	Ngoại thành
6905			Xã Khánh An	CÓ	Ngoại thành
6906			Xã Khánh Cường	CÓ	Ngoại thành
6907			Xã Khánh Cư	CÓ	Ngoại thành
6908			Xã Khánh Thiện	CÓ	Ngoại thành
6909			Xã Khánh Hải	CÓ	Ngoại thành
6910			Xã Khánh Trung	CÓ	Ngoại thành
6911			Xã Khánh Mậu	CÓ	Ngoại thành
6912			Xã Khánh Vân	CÓ	Ngoại thành
6913			Xã Khánh Hội	CÓ	Ngoại thành
6914			Xã Khánh Công	CÓ	Ngoại thành
6915			Xã Khánh Thành	CÓ	Ngoại thành
6916			Xã Khánh Nhạc	CÓ	Ngoại thành
6917			Xã Khánh Thủy	CÓ	Ngoại thành
6918			Xã Khánh Hồng	CÓ	Ngoại thành
6919		Huyện Yên Mô	Thị trấn Yên Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6920			Xã Khánh Thượng	CÓ	Ngoại thành

6921	Tỉnh Ninh Bình	Huyện Yên Mô	Xã Khánh Dương	CÓ	Ngoại thành
6922			Xã Mai Sơn	CÓ	Ngoại thành
6923			Xã Khánh Thịnh	CÓ	Ngoại thành
6924			Xã Yên Phong	CÓ	Ngoại thành
6925			Xã Yên Hòa	CÓ	Ngoại thành
6926			Xã Yên Thắng	CÓ	Ngoại thành
6927			Xã Yên Tử	CÓ	Ngoại thành
6928			Xã Yên Hưng	CÓ	Ngoại thành
6929			Xã Yên Thành	CÓ	Ngoại thành
6930			Xã Yên Nhân	CÓ	Ngoại thành
6931			Xã Yên Mỹ	CÓ	Ngoại thành
6932			Xã Yên Mạc	CÓ	Ngoại thành
6933			Xã Yên Đồng	CÓ	Ngoại thành
6934			Xã Yên Thái	CÓ	Ngoại thành
6935			Xã Yên Lâm	CÓ	Ngoại thành
6936		Thành phố Ninh Bình	Phường Đông Thành	CÓ	Nội thành
6937			Phường Tân Thành	CÓ	Nội thành
6938			Phường Thanh Bình	CÓ	Nội thành
6939			Phường Vân Giang	CÓ	Nội thành
6940			Phường Bích Đào	CÓ	Nội thành
6941			Phường Phúc Thành	CÓ	Nội thành
6942			Phường Nam Bình	CÓ	Nội thành
6943			Phường Nam Thành	CÓ	Nội thành
6944			Phường Ninh Khánh	CÓ	Nội thành
6945			Xã Ninh Nhất	CÓ	Nội thành
6946			Xã Ninh Tiến	CÓ	Nội thành
6947			Xã Ninh Phúc	CÓ	Nội thành
6948			Phường Ninh Sơn	CÓ	Nội thành
6949			Phường Ninh Phong	CÓ	Nội thành
6950		Thành phố Tam Điệp	Xã Yên Sơn	CÓ	Ngoại thành
6951			Xã Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành
6952			Phường Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
6953			Phường Trung Sơn	CÓ	Ngoại thành
6954			Phường Nam Sơn	CÓ	Ngoại thành
6955			Phường Tây Sơn	CÓ	Ngoại thành
6956			Phường Yên Bình	CÓ	Ngoại thành
6957			Phường Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
6958			Xã Quang Sơn	CÓ	Ngoại thành
6959	Tỉnh Ninh Thuận	Huyện Bác Ái	Xã Phước Bình	KHÔNG	Ngoại thành
6960			Xã Phước Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
6961			Xã Phước Tân	KHÔNG	Ngoại thành

6962	Tỉnh Ninh Thuận	Huyện Bác Ái	Xã Phước Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
6963			Xã Phước Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
6964			Xã Phước Thành	KHÔNG	Ngoại thành
6965			Xã Phước Đại	KHÔNG	Ngoại thành
6966			Xã Phước Chính	KHÔNG	Ngoại thành
6967			Xã Phước Trung	KHÔNG	Ngoại thành
6968		Huyện Ninh Hải	Thị trấn Khánh Hải	CÓ	Ngoại thành
6969			Xã Vĩnh Hải	CÓ	Ngoại thành
6970			Xã Phương Hải	CÓ	Ngoại thành
6971			Xã Tân Hải	CÓ	Ngoại thành
6972			Xã Xuân Hải	CÓ	Ngoại thành
6973			Xã Hộ Hải	CÓ	Ngoại thành
6974			Xã Tri Hải	CÓ	Ngoại thành
6975			Xã Nhơn Hải	CÓ	Ngoại thành
6976			Xã Thanh Hải	CÓ	Ngoại thành
6977		Huyện Ninh Phước	Thị trấn Phước Dân	CÓ	Ngoại thành
6978			Xã Phước Sơn	CÓ	Ngoại thành
6979			Xã Phước Thái	CÓ	Ngoại thành
6980			Xã Phước Hậu	CÓ	Ngoại thành
6981			Xã Phước Thuận	CÓ	Ngoại thành
6982			Xã An Hải	CÓ	Ngoại thành
6983			Xã Phước Hữu	CÓ	Ngoại thành
6984			Xã Phước Hải	CÓ	Ngoại thành
6985			Xã Phước Vinh	CÓ	Ngoại thành
6986		Huyện Ninh Sơn	Thị trấn Tân Sơn	CÓ	Ngoại thành
6987			Xã Lâm Sơn	CÓ	Ngoại thành
6988			Xã Lương Sơn	CÓ	Ngoại thành
6989			Xã Quảng Sơn	CÓ	Ngoại thành
6990			Xã Mỹ Sơn	CÓ	Ngoại thành
6991			Xã Hòa Sơn	CÓ	Ngoại thành
6992			Xã Ma Nối	CÓ	Ngoại thành
6993			Xã Nhơn Sơn	CÓ	Ngoại thành
6994		Huyện Thuận Bắc	Xã Phước Chiến	KHÔNG	Ngoại thành
6995			Xã Công Hải	KHÔNG	Ngoại thành
6996			Xã Phước Kháng	KHÔNG	Ngoại thành
6997			Xã Lợi Hải	KHÔNG	Ngoại thành
6998			Xã Bắc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
6999			Xã Bắc Phong	KHÔNG	Ngoại thành
7000		Huyện Thuận Nam	Xã Phước Hà	CÓ	Ngoại thành
7001			Xã Phước Nam	CÓ	Ngoại thành
7002			Xã Phước Ninh	CÓ	Ngoại thành

7003	Tỉnh Ninh Thuận	Huyện Thuận Nam	Xã Nhị Hà	CÓ	Ngoại thành
7004			Xã Phước Dinh	CÓ	Ngoại thành
7005			Xã Phước Minh	CÓ	Ngoại thành
7006			Xã Phước Diêm	CÓ	Ngoại thành
7007			Xã Cà Ná	CÓ	Ngoại thành
7008		Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	Phường Đô Vinh	CÓ	Nội thành
7009			Phường Phước Mỹ	CÓ	Nội thành
7010			Phường Bảo An	CÓ	Nội thành
7011			Phường Phủ Hà	CÓ	Nội thành
7012			Phường Thanh Sơn	CÓ	Nội thành
7013			Phường Mỹ Hương	CÓ	Nội thành
7014			Phường Tấn Tài	CÓ	Nội thành
7015			Phường Kinh Dinh	CÓ	Nội thành
7016			Phường Đạo Long	CÓ	Nội thành
7017			Phường Đài Sơn	CÓ	Nội thành
7018			Phường Đông Hải	CÓ	Nội thành
7019			Phường Mỹ Đông	CÓ	Nội thành
7020			Xã Thành Hải	CÓ	Nội thành
7021			Phường Văn Hải	CÓ	Nội thành
7022			Phường Mỹ Bình	CÓ	Nội thành
7023			Phường Mỹ Hải	CÓ	Nội thành
7024	Tỉnh Phú Thọ	Huyện Cẩm Khê	Thị trấn Cẩm Khê	CÓ	Ngoại thành
7025			Xã Tiên Lương	CÓ	Ngoại thành
7026			Xã Tuy Lộc	CÓ	Ngoại thành
7027			Xã Ngô Xá	CÓ	Ngoại thành
7028			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
7029			Xã Phượng Vĩ	CÓ	Ngoại thành
7030			Xã Thụy Liễu	CÓ	Ngoại thành
7031			Xã Tùng Khê	CÓ	Ngoại thành
7032			Xã Tam Sơn	CÓ	Ngoại thành
7033			Xã Văn Bán	CÓ	Ngoại thành
7034			Xã Cấp Dẫn	CÓ	Ngoại thành
7035			Xã Xương Thịnh	CÓ	Ngoại thành
7036			Xã Phú Khê	CÓ	Ngoại thành
7037			Xã Sơn Tình	CÓ	Ngoại thành
7038			Xã Yên Tập	CÓ	Ngoại thành
7039			Xã Hương Lung	CÓ	Ngoại thành
7040			Xã Tạ Xá	CÓ	Ngoại thành
7041			Xã Phú Lạc	CÓ	Ngoại thành
7042			Xã Chương Xá	CÓ	Ngoại thành
7043			Xã Hùng Việt	CÓ	Ngoại thành

7044	Tỉnh Phú Thọ	Huyện Cẩm Khê	Xã Văn Khúc	CÓ	Ngoại thành
7045			Xã Yên Dưỡng	CÓ	Ngoại thành
7046			Xã Điều Lương	CÓ	Ngoại thành
7047			Xã Đồng Lương	CÓ	Ngoại thành
7048		Huyện Đoan Hùng	Thị trấn Đoan Hùng	CÓ	Ngoại thành
7049			Xã Hùng Xuyên	CÓ	Ngoại thành
7050			Xã Bằng Luân	CÓ	Ngoại thành
7051			Xã Vân Du	CÓ	Ngoại thành
7052			Xã Phú Lâm	CÓ	Ngoại thành
7053			Xã Minh Lương	CÓ	Ngoại thành
7054			Xã Bằng Doãn	CÓ	Ngoại thành
7055			Xã Chí Đám	CÓ	Ngoại thành
7056			Xã Phúc Lai	CÓ	Ngoại thành
7057			Xã Ngọc Quan	CÓ	Ngoại thành
7058			Xã Hợp Nhất	CÓ	Ngoại thành
7059			Xã Sóc Đăng	CÓ	Ngoại thành
7060			Xã Tây Cốc	CÓ	Ngoại thành
7061			Xã Yên Kien	CÓ	Ngoại thành
7062			Xã Hùng Long	CÓ	Ngoại thành
7063			Xã Vụ Quang	CÓ	Ngoại thành
7064			Xã Vân Đồn	CÓ	Ngoại thành
7065			Xã Tiêu Sơn	CÓ	Ngoại thành
7066			Xã Minh Tiến	CÓ	Ngoại thành
7067			Xã Minh Phú	CÓ	Ngoại thành
7068			Xã Chân Mộng	CÓ	Ngoại thành
7069			Xã Ca Đình	CÓ	Ngoại thành
7070		Huyện Hạ Hoà	Thị trấn Hạ Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
7071			Xã Đại Phạm	KHÔNG	Ngoại thành
7072			Xã Đan Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
7073			Xã Hà Lương	KHÔNG	Ngoại thành
7074			Xã Tứ Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
7075			Xã Hiền Lương	KHÔNG	Ngoại thành
7076			Xã Phương Viên	KHÔNG	Ngoại thành
7077			Xã Gia Điền	KHÔNG	Ngoại thành
7078			Xã Ấm Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
7079			Xã Hương Xạ	KHÔNG	Ngoại thành
7080			Xã Xuân Áng	KHÔNG	Ngoại thành
7081			Xã Yên Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
7082			Xã Minh Hạc	KHÔNG	Ngoại thành
7083			Xã Lang Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7084			Xã Bằng Giã	KHÔNG	Ngoại thành

7085	Tỉnh Phú Thọ	Huyện Hạ Hoà	Xã Yên Luật	KHÔNG	Ngoại thành
7086			Xã Vô Tranh	KHÔNG	Ngoại thành
7087			Xã Văn Lang	KHÔNG	Ngoại thành
7088			Xã Minh Côi	KHÔNG	Ngoại thành
7089			Xã Vĩnh Chân	KHÔNG	Ngoại thành
7090		Huyện Lâm Thao	Thị trấn Lâm Thao	CÓ	Ngoại thành
7091			Xã Tiên Kiên	CÓ	Ngoại thành
7092			Thị trấn Hùng Sơn	CÓ	Ngoại thành
7093			Xã Xuân Lũng	CÓ	Ngoại thành
7094			Xã Xuân Huy	CÓ	Ngoại thành
7095			Xã Thạch Sơn	CÓ	Ngoại thành
7096			Xã Sơn Vi	CÓ	Ngoại thành
7097			Xã Phùng Nguyên	CÓ	Ngoại thành
7098			Xã Cao Xá	CÓ	Ngoại thành
7099			Xã Vĩnh Lại	CÓ	Ngoại thành
7100			Xã Tứ Xã	CÓ	Ngoại thành
7101			Xã Bản Nguyên	CÓ	Ngoại thành
7102		Huyện Phù Ninh	Thị trấn Phong Châu	CÓ	Ngoại thành
7103			Xã Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành
7104			Xã Lê Mỹ	CÓ	Ngoại thành
7105			Xã Liên Hoa	CÓ	Ngoại thành
7106			Xã Trạm Thán	CÓ	Ngoại thành
7107			Xã Trị Quận	CÓ	Ngoại thành
7108			Xã Trung Giáp	CÓ	Ngoại thành
7109			Xã Tiên Phú	CÓ	Ngoại thành
7110			Xã Hạ Giáp	CÓ	Ngoại thành
7111			Xã Bảo Thanh	CÓ	Ngoại thành
7112			Xã Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
7113			Xã Gia Thanh	CÓ	Ngoại thành
7114			Xã Tiên Du	CÓ	Ngoại thành
7115			Xã Phú Nham	CÓ	Ngoại thành
7116			Xã An Đạo	CÓ	Ngoại thành
7117			Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
7118			Xã Phù Ninh	CÓ	Ngoại thành
7119		Huyện Tam Nông	Thị trấn Hưng Hoá	CÓ	Ngoại thành
7120			Xã Hiền Quan	CÓ	Ngoại thành
7121			Xã Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
7122			Xã Thanh Uyên	CÓ	Ngoại thành
7123			Xã Lam Sơn	CÓ	Ngoại thành
7124			Xã Vạn Xuân	CÓ	Ngoại thành
7125			Xã Quang Húc	CÓ	Ngoại thành

7126	Tỉnh Phú Thọ	Huyện Tam Nông	Xã Hương Nộn	CÓ	Ngoại thành
7127			Xã Tề Lễ	CÓ	Ngoại thành
7128			Xã Thọ Văn	CÓ	Ngoại thành
7129			Xã Dị Nậu	CÓ	Ngoại thành
7130			Xã Dân Quyền	CÓ	Ngoại thành
7131		Huyện Tân Sơn	Xã Thu Cúc	KHÔNG	Ngoại thành
7132			Xã Thạch Kiệt	KHÔNG	Ngoại thành
7133			Xã Thu Ngạc	KHÔNG	Ngoại thành
7134			Xã Kiệt Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7135			Xã Đồng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7136			Xã Lai Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
7137			Xã Tân Phú	KHÔNG	Ngoại thành
7138			Xã Mỹ Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
7139			Xã Tân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7140			Xã Xuân Đài	KHÔNG	Ngoại thành
7141			Xã Minh Đài	KHÔNG	Ngoại thành
7142			Xã Văn Luông	KHÔNG	Ngoại thành
7143			Xã Xuân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7144			Xã Long Cốc	KHÔNG	Ngoại thành
7145			Xã Kim Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
7146			Xã Tam Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
7147			Xã Vinh Tiền	KHÔNG	Ngoại thành
7148		Huyện Thanh Ba	Thị trấn Thanh Ba	CÓ	Ngoại thành
7149			Xã Vân Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
7150			Xã Đông Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
7151			Xã Đại An	CÓ	Ngoại thành
7152			Xã Hanh Cù	CÓ	Ngoại thành
7153			Xã Đồng Xuân	CÓ	Ngoại thành
7154			Xã Quảng Yên	CÓ	Ngoại thành
7155			Xã Ninh Dân	CÓ	Ngoại thành
7156			Xã Võ Lao	CÓ	Ngoại thành
7157			Xã Khải Xuân	CÓ	Ngoại thành
7158			Xã Mạn Lạn	CÓ	Ngoại thành
7159			Xã Hoàng Cương	CÓ	Ngoại thành
7160			Xã Chí Tiên	CÓ	Ngoại thành
7161			Xã Đông Thành	CÓ	Ngoại thành
7162			Xã Sơn Cương	CÓ	Ngoại thành
7163			Xã Thanh Hà	CÓ	Ngoại thành
7164			Xã Đỗ Sơn	CÓ	Ngoại thành
7165			Xã Đỗ Xuyên	CÓ	Ngoại thành
7166			Xã Lương Lễ	CÓ	Ngoại thành

7167	Tỉnh Phú Thọ	Huyện Thanh Sơn	Thị trấn Thanh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7168			Xã Sơn Hùng	KHÔNG	Ngoại thành
7169			Xã Dịch Quả	KHÔNG	Ngoại thành
7170			Xã Giáp Lai	KHÔNG	Ngoại thành
7171			Xã Thục Luyện	KHÔNG	Ngoại thành
7172			Xã Võ Miếu	KHÔNG	Ngoại thành
7173			Xã Thạch Khoán	KHÔNG	Ngoại thành
7174			Xã Cự Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
7175			Xã Tất Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
7176			Xã Văn Miếu	KHÔNG	Ngoại thành
7177			Xã Cự Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
7178			Xã Thắng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7179			Xã Tân Minh	KHÔNG	Ngoại thành
7180			Xã Hương Cẩn	KHÔNG	Ngoại thành
7181			Xã Khả Cửu	KHÔNG	Ngoại thành
7182			Xã Đông Cửu	KHÔNG	Ngoại thành
7183			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
7184			Xã Yên Lãng	KHÔNG	Ngoại thành
7185			Xã Yên Lương	KHÔNG	Ngoại thành
7186			Xã Thượng Cửu	KHÔNG	Ngoại thành
7187			Xã Lương Nha	KHÔNG	Ngoại thành
7188			Xã Yên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7189			Xã Tinh Nhuệ	KHÔNG	Ngoại thành
7190		Huyện Thanh Thủy	Xã Đào Xá	KHÔNG	Ngoại thành
7191			Xã Thạch Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
7192			Xã Xuân Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
7193			Xã Tân Phương	KHÔNG	Ngoại thành
7194			Thị trấn Thanh Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
7195			Xã Sơn Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
7196			Xã Bảo Yên	KHÔNG	Ngoại thành
7197			Xã Đoan Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
7198			Xã Đồng Trung	KHÔNG	Ngoại thành
7199			Xã Hoàng Xá	KHÔNG	Ngoại thành
7200			Xã Tu Vũ	KHÔNG	Ngoại thành
7201		Huyện Yên Lập	Thị trấn Yên Lập	KHÔNG	Ngoại thành
7202			Xã Mỹ Lung	KHÔNG	Ngoại thành
7203			Xã Mỹ Lương	KHÔNG	Ngoại thành
7204			Xã Lương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7205			Xã Xuân An	KHÔNG	Ngoại thành
7206			Xã Xuân Viên	KHÔNG	Ngoại thành
7207			Xã Xuân Thủy	KHÔNG	Ngoại thành

7208	Tỉnh Phú Thọ	Huyện Yên Lập	Xã Trung Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7209			Xã Hưng Long	KHÔNG	Ngoại thành
7210			Xã Nga Hoàng	KHÔNG	Ngoại thành
7211			Xã Đồng Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
7212			Xã Thượng Long	KHÔNG	Ngoại thành
7213			Xã Đồng Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
7214			Xã Phúc Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
7215			Xã Minh Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
7216			Xã Ngọc Lập	KHÔNG	Ngoại thành
7217			Xã Ngọc Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
7218		Thành phố Việt Trì	Phường Dữu Lâu	CÓ	Nội thành
7219			Phường Vân Cờ	CÓ	Nội thành
7220			Phường Nông Trang	CÓ	Nội thành
7221			Phường Tân Dân	CÓ	Nội thành
7222			Phường Gia Cẩm	CÓ	Nội thành
7223			Phường Tiên Cát	CÓ	Nội thành
7224			Phường Thọ Sơn	CÓ	Nội thành
7225			Phường Thanh Miếu	CÓ	Nội thành
7226			Phường Bạch Hạc	CÓ	Nội thành
7227			Phường Bến Gót	CÓ	Nội thành
7228			Phường Vân Phú	CÓ	Nội thành
7229			Xã Phượng Lâu	CÓ	Nội thành
7230			Xã Thụy Vân	CÓ	Nội thành
7231			Phường Minh Phương	CÓ	Nội thành
7232			Xã Trưng Vương	CÓ	Nội thành
7233			Phường Minh Nông	CÓ	Nội thành
7234			Xã Sông Lô	CÓ	Nội thành
7235			Xã Kim Đức	CÓ	Nội thành
7236			Xã Hùng Lô	CÓ	Nội thành
7237			Xã Hy Cương	CÓ	Nội thành
7238			Xã Chu Hóa	CÓ	Nội thành
7239			Xã Thanh Đình	CÓ	Nội thành
7240		Thị xã Phú Thọ	Phường Hùng Vương	CÓ	Ngoại thành
7241			Phường Phong Châu	CÓ	Ngoại thành
7242			Phường Âu Cơ	CÓ	Ngoại thành
7243			Xã Hà Lộc	CÓ	Ngoại thành
7244			Xã Phú Hộ	CÓ	Ngoại thành
7245			Xã Văn Lung	CÓ	Ngoại thành
7246			Xã Thanh Minh	CÓ	Ngoại thành
7247			Xã Hà Thạch	CÓ	Ngoại thành
7248			Phường Thanh Vinh	CÓ	Ngoại thành

7249	Tỉnh Phú Yên	Huyện Đồng Xuân	Thị trấn La Hai	KHÔNG	Ngoại thành
7250			Xã Đa Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
7251			Xã Phú Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
7252			Xã Xuân Lãnh	KHÔNG	Ngoại thành
7253			Xã Xuân Long	KHÔNG	Ngoại thành
7254			Xã Xuân Quang 1	KHÔNG	Ngoại thành
7255			Xã Xuân Sơn Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
7256			Xã Xuân Quang 2	KHÔNG	Ngoại thành
7257			Xã Xuân Sơn Nam	KHÔNG	Ngoại thành
7258			Xã Xuân Quang 3	KHÔNG	Ngoại thành
7259			Xã Xuân Phước	KHÔNG	Ngoại thành
7260		Huyện Phú Hoà	Xã Hòa Quang Bắc	CÓ	Ngoại thành
7261			Xã Hòa Quang Nam	CÓ	Ngoại thành
7262			Xã Hòa Hội	CÓ	Ngoại thành
7263			Xã Hòa Trị	CÓ	Ngoại thành
7264			Xã Hòa An	CÓ	Ngoại thành
7265			Xã Hòa Định Đông	CÓ	Ngoại thành
7266			Thị Trấn Phú Hoà	CÓ	Ngoại thành
7267			Xã Hòa Định Tây	CÓ	Ngoại thành
7268			Xã Hòa Thắng	CÓ	Ngoại thành
7269		Huyện Sơn Hòa	Thị trấn Củng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7270			Xã Phước Tân	KHÔNG	Ngoại thành
7271			Xã Sơn Hội	KHÔNG	Ngoại thành
7272			Xã Sơn Định	KHÔNG	Ngoại thành
7273			Xã Sơn Long	KHÔNG	Ngoại thành
7274			Xã Cà Lúi	KHÔNG	Ngoại thành
7275			Xã Sơn Phước	KHÔNG	Ngoại thành
7276			Xã Sơn Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
7277			Xã Sơn Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
7278			Xã Eachà Rang	KHÔNG	Ngoại thành
7279			Xã Krông Pa	KHÔNG	Ngoại thành
7280			Xã Suối Bạc	KHÔNG	Ngoại thành
7281			Xã Sơn Hà	KHÔNG	Ngoại thành
7282			Xã Suối Trai	KHÔNG	Ngoại thành
7283		Huyện Sông Hinh	Thị trấn Hai Riêng	KHÔNG	Ngoại thành
7284			Xã Ea Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
7285			Xã Đức Bình Tây	KHÔNG	Ngoại thành
7286			Xã Ea Bá	KHÔNG	Ngoại thành
7287			Xã Sơn Giang	KHÔNG	Ngoại thành
7288			Xã Đức Bình Đông	KHÔNG	Ngoại thành
7289			Xã EaBar	KHÔNG	Ngoại thành

7290	Tỉnh Phú Yên	Huyện Sông Hinh	Xã EaBia	KHÔNG	Ngoại thành
7291			Xã EaTrol	KHÔNG	Ngoại thành
7292			Xã Sông Hinh	KHÔNG	Ngoại thành
7293			Xã Ealy	KHÔNG	Ngoại thành
7294		Huyện Tây Hoà	Xã Sơn Thành Tây	CÓ	Ngoại thành
7295			Xã Sơn Thành Đông	CÓ	Ngoại thành
7296			Xã Hòa Bình 1	CÓ	Ngoại thành
7297			Thị trấn Phú Thứ	CÓ	Ngoại thành
7298			Xã Hòa Phong	CÓ	Ngoại thành
7299			Xã Hòa Phú	CÓ	Ngoại thành
7300			Xã Hòa Tân Tây	CÓ	Ngoại thành
7301			Xã Hòa Đồng	CÓ	Ngoại thành
7302			Xã Hòa Mỹ Đông	CÓ	Ngoại thành
7303			Xã Hòa Mỹ Tây	CÓ	Ngoại thành
7304			Xã Hòa Thịnh	CÓ	Ngoại thành
7305		Huyện Tuy An	Thị trấn Chí Thạnh	CÓ	Ngoại thành
7306			Xã An Dân	CÓ	Ngoại thành
7307			Xã An Ninh Tây	CÓ	Ngoại thành
7308			Xã An Ninh Đông	CÓ	Ngoại thành
7309			Xã An Thạch	CÓ	Ngoại thành
7310			Xã An Định	CÓ	Ngoại thành
7311			Xã An Nghiệp	CÓ	Ngoại thành
7312			Xã An Cư	CÓ	Ngoại thành
7313			Xã An Xuân	CÓ	Ngoại thành
7314			Xã An Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
7315			Xã An Hòa Hải	CÓ	Ngoại thành
7316			Xã An Hiệp	CÓ	Ngoại thành
7317			Xã An Mỹ	CÓ	Ngoại thành
7318			Xã An Chấn	CÓ	Ngoại thành
7319			Xã An Thọ	CÓ	Ngoại thành
7320		Thành phố Tuy Hoà	Phường 1	CÓ	Nội thành
7321			Phường 8	CÓ	Nội thành
7322			Phường 2	CÓ	Nội thành
7323			Phường 9	CÓ	Nội thành
7324			Phường 3	CÓ	Nội thành
7325			Phường 4	CÓ	Nội thành
7326			Phường 5	CÓ	Nội thành
7327			Phường 7	CÓ	Nội thành
7328			Phường 6	CÓ	Nội thành
7329			Phường Phú Thạnh	CÓ	Nội thành
7330			Phường Phú Đông	CÓ	Nội thành

7331	Tỉnh Phú Yên	Thành phố Tuy Hoà	Xã Hòa Kiến	CÓ	Nội thành
7332			Xã Bình Kiến	CÓ	Nội thành
7333			Xã Bình Ngọc	CÓ	Nội thành
7334			Xã An Phú	CÓ	Nội thành
7335			Phường Phú Lâm	CÓ	Nội thành
7336		Thị xã Đông Hòa	Xã Hòa Thành	CÓ	Ngoại thành
7337			Phường Hòa Hiệp Bắc	CÓ	Ngoại thành
7338			Phường Hoà Vinh	CÓ	Ngoại thành
7339			Phường Hoà Hiệp Trung	CÓ	Ngoại thành
7340			Xã Hòa Tân Đông	CÓ	Ngoại thành
7341			Phường Hòa Xuân Tây	CÓ	Ngoại thành
7342			Phường Hòa Hiệp Nam	CÓ	Ngoại thành
7343			Xã Hòa Xuân Đông	CÓ	Ngoại thành
7344			Xã Hòa Tâm	CÓ	Ngoại thành
7345			Xã Hòa Xuân Nam	CÓ	Ngoại thành
7346		Thị xã Sông Cầu	Phường Xuân Phú	CÓ	Ngoại thành
7347			Xã Xuân Lâm	CÓ	Ngoại thành
7348			Phường Xuân Thành	CÓ	Ngoại thành
7349			Xã Xuân Hải	CÓ	Ngoại thành
7350			Xã Xuân Lộc	CÓ	Ngoại thành
7351			Xã Xuân Bình	CÓ	Ngoại thành
7352			Xã Xuân Cảnh	CÓ	Ngoại thành
7353			Xã Xuân Thịnh	CÓ	Ngoại thành
7354			Xã Xuân Phương	CÓ	Ngoại thành
7355			Phường Xuân Yên	CÓ	Ngoại thành
7356			Xã Xuân Thọ 1	CÓ	Ngoại thành
7357			Phường Xuân Đài	CÓ	Ngoại thành
7358			Xã Xuân Thọ 2	CÓ	Ngoại thành
7359	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Thị trấn Hoàn Lão	CÓ	Ngoại thành
7360			Thị trấn NT Việt Trung	CÓ	Ngoại thành
7361			Xã Xuân Trạch	CÓ	Ngoại thành
7362			Xã Mỹ Trạch	CÓ	Ngoại thành
7363			Xã Hạ Trạch	CÓ	Ngoại thành
7364			Xã Bắc Trạch	CÓ	Ngoại thành
7365			Xã Lâm Trạch	CÓ	Ngoại thành
7366			Xã Thanh Trạch	CÓ	Ngoại thành
7367			Xã Liên Trạch	CÓ	Ngoại thành
7368			Xã Phúc Trạch	CÓ	Ngoại thành
7369			Xã Cự Nẫm	CÓ	Ngoại thành
7370			Xã Hải Phú	CÓ	Ngoại thành
7371			Xã Thượng Trạch	CÓ	Ngoại thành

7372	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	Xã Sơn Lộc	CÓ	Ngoại thành
7373			Xã Hưng Trạch	CÓ	Ngoại thành
7374			Xã Đông Trạch	CÓ	Ngoại thành
7375			Xã Đức Trạch	CÓ	Ngoại thành
7376			Thị trấn Phong Nha	CÓ	Ngoại thành
7377			Xã Vạn Trạch	CÓ	Ngoại thành
7378			Xã Phú Định	CÓ	Ngoại thành
7379			Xã Trung Trạch	CÓ	Ngoại thành
7380			Xã Tây Trạch	CÓ	Ngoại thành
7381			Xã Hòa Trạch	CÓ	Ngoại thành
7382			Xã Đại Trạch	CÓ	Ngoại thành
7383			Xã Nhân Trạch	CÓ	Ngoại thành
7384			Xã Tân Trạch	CÓ	Ngoại thành
7385			Xã Nam Trạch	CÓ	Ngoại thành
7386			Xã Lý Trạch	CÓ	Ngoại thành
7387		Huyện Lệ Thủy	Thị trấn NT Lệ Ninh	CÓ	Ngoại thành
7388			Thị trấn Kiến Giang	CÓ	Ngoại thành
7389			Xã Hồng Thủy	CÓ	Ngoại thành
7390			Xã Ngư Thủy Bắc	CÓ	Ngoại thành
7391			Xã Hoa Thủy	CÓ	Ngoại thành
7392			Xã Thanh Thủy	CÓ	Ngoại thành
7393			Xã An Thủy	CÓ	Ngoại thành
7394			Xã Phong Thủy	CÓ	Ngoại thành
7395			Xã Cam Thủy	CÓ	Ngoại thành
7396			Xã Ngân Thủy	CÓ	Ngoại thành
7397			Xã Sơn Thủy	CÓ	Ngoại thành
7398			Xã Lộc Thủy	CÓ	Ngoại thành
7399			Xã Liên Thủy	CÓ	Ngoại thành
7400			Xã Hưng Thủy	CÓ	Ngoại thành
7401			Xã Dương Thủy	CÓ	Ngoại thành
7402			Xã Tân Thủy	CÓ	Ngoại thành
7403			Xã Phú Thủy	CÓ	Ngoại thành
7404			Xã Xuân Thủy	CÓ	Ngoại thành
7405			Xã Mỹ Thủy	CÓ	Ngoại thành
7406			Xã Ngư Thủy	CÓ	Ngoại thành
7407			Xã Mai Thủy	CÓ	Ngoại thành
7408			Xã Sen Thủy	CÓ	Ngoại thành
7409			Xã Thái Thủy	CÓ	Ngoại thành
7410			Xã Kim Thủy	CÓ	Ngoại thành
7411			Xã Trường Thủy	CÓ	Ngoại thành
7412			Xã Lâm Thủy	CÓ	Ngoại thành

7413	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thị trấn Quy Đạt	KHÔNG	Ngoại thành
7414			Xã Dân Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7415			Xã Trọng Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7416			Xã Hóa Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
7417			Xã Hồng Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7418			Xã Hóa Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
7419			Xã Hóa Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
7420			Xã Hóa Hợp	KHÔNG	Ngoại thành
7421			Xã Xuân Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7422			Xã Yên Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7423			Xã Minh Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7424			Xã Tân Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7425			Xã Hóa Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7426			Xã Trung Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7427			Xã Thượng Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7428		Huyện Quảng Ninh	Thị trấn Quán Hàu	CÓ	Ngoại thành
7429			Xã Trường Sơn	CÓ	Ngoại thành
7430			Xã Lương Ninh	CÓ	Ngoại thành
7431			Xã Vĩnh Ninh	CÓ	Ngoại thành
7432			Xã Võ Ninh	CÓ	Ngoại thành
7433			Xã Hải Ninh	CÓ	Ngoại thành
7434			Xã Hàm Ninh	CÓ	Ngoại thành
7435			Xã Duy Ninh	CÓ	Ngoại thành
7436			Xã Gia Ninh	CÓ	Ngoại thành
7437			Xã Trường Xuân	CÓ	Ngoại thành
7438			Xã Hiền Ninh	CÓ	Ngoại thành
7439			Xã Tân Ninh	CÓ	Ngoại thành
7440			Xã Xuân Ninh	CÓ	Ngoại thành
7441			Xã An Ninh	CÓ	Ngoại thành
7442			Xã Vạn Ninh	CÓ	Ngoại thành
7443		Huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Hợp	CÓ	Ngoại thành
7444			Xã Quảng Kim	CÓ	Ngoại thành
7445			Xã Quảng Đông	CÓ	Ngoại thành
7446			Xã Quảng Phú	CÓ	Ngoại thành
7447			Xã Quảng Châu	CÓ	Ngoại thành
7448			Xã Quảng Thạch	CÓ	Ngoại thành
7449			Xã Quảng Lưu	CÓ	Ngoại thành
7450			Xã Quảng Tùng	CÓ	Ngoại thành
7451			Xã Cảnh Dương	CÓ	Ngoại thành
7452			Xã Quảng Tiến	CÓ	Ngoại thành
7453			Xã Quảng Hưng	CÓ	Ngoại thành

7454	Tỉnh Quảng Bình	Huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Xuân	CÓ	Ngoại thành
7455			Xã Cảnh Hóa	CÓ	Ngoại thành
7456			Xã Liên Trường	CÓ	Ngoại thành
7457			Xã Quảng Phương	CÓ	Ngoại thành
7458			Xã Phù Hóa	CÓ	Ngoại thành
7459			Xã Quảng Thanh	CÓ	Ngoại thành
7460		Huyện Tuyên Hóa	Thị trấn Đồng Lê	KHÔNG	Ngoại thành
7461			Xã Hương Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7462			Xã Kim Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7463			Xã Thanh Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7464			Xã Thanh Thạch	KHÔNG	Ngoại thành
7465			Xã Thuận Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7466			Xã Lâm Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7467			Xã Lê Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7468			Xã Sơn Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7469			Xã Đồng Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7470			Xã Ngư Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7471			Xã Thạch Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7472			Xã Đức Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7473			Xã Phong Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7474			Xã Mai Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7475			Xã Tiến Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7476			Xã Châu Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7477			Xã Cao Quảng	KHÔNG	Ngoại thành
7478			Xã Văn Hóa	KHÔNG	Ngoại thành
7479		Thành Phố Đồng Hới	Phường Hải Thành	CÓ	Nội thành
7480			Phường Đồng Phú	CÓ	Nội thành
7481			Phường Bắc Lý	CÓ	Nội thành
7482			Phường Nam Lý	CÓ	Nội thành
7483			Phường Đồng Hải	CÓ	Nội thành
7484			Phường Đồng Sơn	CÓ	Nội thành
7485			Phường Phú Hải	CÓ	Nội thành
7486			Phường Bắc Nghĩa	CÓ	Nội thành
7487			Phường Đức Ninh Đông	CÓ	Nội thành
7488			Xã Quang Phú	CÓ	Nội thành
7489			Xã Lộc Ninh	CÓ	Nội thành
7490			Xã Bảo Ninh	CÓ	Nội thành
7491			Xã Nghĩa Ninh	CÓ	Nội thành
7492			Xã Thuận Đức	CÓ	Nội thành
7493			Xã Đức Ninh	CÓ	Nội thành
7494		Thị xã Ba Đồn	Phường Ba Đồn	CÓ	Ngoại thành

7495	Tỉnh Quảng Bình	Thị xã Ba Đồn	Phường Quảng Long	CÓ	Ngoại thành
7496			Phường Quảng Thọ	CÓ	Ngoại thành
7497			Xã Quảng Tiên	CÓ	Ngoại thành
7498			Xã Quảng Trung	CÓ	Ngoại thành
7499			Phường Quảng Phong	CÓ	Ngoại thành
7500			Phường Quảng Thuận	CÓ	Ngoại thành
7501			Xã Quảng Tân	CÓ	Ngoại thành
7502			Xã Quảng Hải	CÓ	Ngoại thành
7503			Xã Quảng Sơn	CÓ	Ngoại thành
7504			Xã Quảng Lộc	CÓ	Ngoại thành
7505			Xã Quảng Thủy	CÓ	Ngoại thành
7506			Xã Quảng Văn	CÓ	Ngoại thành
7507			Phường Quảng Phúc	CÓ	Ngoại thành
7508			Xã Quảng Hòa	CÓ	Ngoại thành
7509			Xã Quảng Minh	CÓ	Ngoại thành
7510	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Bắc Trà My	Thị trấn Trà My	KHÔNG	Ngoại thành
7511			Xã Trà Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7512			Xã Trà Kót	KHÔNG	Ngoại thành
7513			Xã Trà Nú	KHÔNG	Ngoại thành
7514			Xã Trà Đông	KHÔNG	Ngoại thành
7515			Xã Trà Dương	KHÔNG	Ngoại thành
7516			Xã Trà Giang	KHÔNG	Ngoại thành
7517			Xã Trà Bui	KHÔNG	Ngoại thành
7518			Xã Trà Đốc	KHÔNG	Ngoại thành
7519			Xã Trà Tân	KHÔNG	Ngoại thành
7520			Xã Trà Giác	KHÔNG	Ngoại thành
7521			Xã Trà Giáp	KHÔNG	Ngoại thành
7522			Xã Trà Ka	KHÔNG	Ngoại thành
7523		Huyện Đại Lộc	Thị trấn Ái Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
7524			Xã Đại Sơn	CÓ	Ngoại thành
7525			Xã Đại Lãnh	CÓ	Ngoại thành
7526			Xã Đại Hưng	CÓ	Ngoại thành
7527			Xã Đại Hồng	CÓ	Ngoại thành
7528			Xã Đại Đông	CÓ	Ngoại thành
7529			Xã Đại Quang	CÓ	Ngoại thành
7530			Xã Đại Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
7531			Xã Đại Hiệp	CÓ	Ngoại thành
7532			Xã Đại Thạnh	CÓ	Ngoại thành
7533			Xã Đại Chánh	CÓ	Ngoại thành
7534			Xã Đại Tân	CÓ	Ngoại thành
7535			Xã Đại Phong	CÓ	Ngoại thành

7536	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Đại Lộc	Xã Đại Minh	CÓ	Ngoại thành
7537			Xã Đại Thắng	CÓ	Ngoại thành
7538			Xã Đại Cường	CÓ	Ngoại thành
7539			Xã Đại An	CÓ	Ngoại thành
7540			Xã Đại Hòa	CÓ	Ngoại thành
7541		Huyện Đông Giang	Thị trấn P Rao	KHÔNG	Ngoại thành
7542			Xã Tà Lu	KHÔNG	Ngoại thành
7543			Xã Sông Kôn	KHÔNG	Ngoại thành
7544			Xã Jơ Ngây	KHÔNG	Ngoại thành
7545			Xã A Ting	KHÔNG	Ngoại thành
7546			Xã Tư	KHÔNG	Ngoại thành
7547			Xã Ba	KHÔNG	Ngoại thành
7548			Xã A Rooi	KHÔNG	Ngoại thành
7549			Xã Za Hung	KHÔNG	Ngoại thành
7550			Xã Mà Cooi	KHÔNG	Ngoại thành
7551			Xã Ka Dăng	KHÔNG	Ngoại thành
7552		Huyện Duy Xuyên	Thị trấn Nam Phước	CÓ	Ngoại thành
7553			Xã Duy Thu	CÓ	Ngoại thành
7554			Xã Duy Phú	CÓ	Ngoại thành
7555			Xã Duy Tân	CÓ	Ngoại thành
7556			Xã Duy Hòa	CÓ	Ngoại thành
7557			Xã Duy Châu	CÓ	Ngoại thành
7558			Xã Duy Trinh	CÓ	Ngoại thành
7559			Xã Duy Sơn	CÓ	Ngoại thành
7560			Xã Duy Trung	CÓ	Ngoại thành
7561			Xã Duy Phước	CÓ	Ngoại thành
7562			Xã Duy Thành	CÓ	Ngoại thành
7563			Xã Duy Vinh	CÓ	Ngoại thành
7564			Xã Duy Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
7565			Xã Duy Hải	CÓ	Ngoại thành
7566		Huyện Hiệp Đức	Xã Hiệp Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
7567			Xã Hiệp Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
7568			Xã Quế Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
7569			Xã Bình Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
7570			Xã Sông Trà	KHÔNG	Ngoại thành
7571			Xã Phước Trà	KHÔNG	Ngoại thành
7572			Xã Phước Gia	KHÔNG	Ngoại thành
7573			Thị trấn Tân Bình	KHÔNG	Ngoại thành
7574			Xã Quế Lưu	KHÔNG	Ngoại thành
7575			Xã Thăng Phước	KHÔNG	Ngoại thành
7576			Xã Bình Sơn	KHÔNG	Ngoại thành

7577	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Nam Giang	Thị trấn Thanh Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
7578			Xã Laêê	KHÔNG	Ngoại thành
7579			Xã Chợ Chun	KHÔNG	Ngoại thành
7580			Xã Zuôich	KHÔNG	Ngoại thành
7581			Xã Tà Pơơ	KHÔNG	Ngoại thành
7582			Xã La Dêê	KHÔNG	Ngoại thành
7583			Xã Đắc Tôi	KHÔNG	Ngoại thành
7584			Xã Chà Vài	KHÔNG	Ngoại thành
7585			Xã Tà Bỉnh	KHÔNG	Ngoại thành
7586			Xã Cà Dy	KHÔNG	Ngoại thành
7587			Xã Đắc Pre	KHÔNG	Ngoại thành
7588			Xã Đắc Pring	KHÔNG	Ngoại thành
7589		Huyện Nam Trà My	Xã Trà Leng	KHÔNG	Ngoại thành
7590			Xã Trà Đơn	KHÔNG	Ngoại thành
7591			Xã Trà Tập	KHÔNG	Ngoại thành
7592			Xã Trà Mai	KHÔNG	Ngoại thành
7593			Xã Trà Cang	KHÔNG	Ngoại thành
7594			Xã Trà Linh	KHÔNG	Ngoại thành
7595			Xã Trà Nam	KHÔNG	Ngoại thành
7596			Xã Trà Đơn	KHÔNG	Ngoại thành
7597			Xã Trà Vân	KHÔNG	Ngoại thành
7598			Xã Trà Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
7599		Huyện Nông Sơn	Xã Quế Trung	KHÔNG	Ngoại thành
7600			Xã Ninh Phước	KHÔNG	Ngoại thành
7601			Xã Phước Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
7602			Xã Quế Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
7603			Xã Sơn Viên	KHÔNG	Ngoại thành
7604			Xã Quế Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
7605		Huyện Núi Thành	Thị trấn Núi Thành	CÓ	Nội thành
7606			Xã Tam Xuân I	CÓ	Nội thành
7607			Xã Tam Xuân II	KHÔNG	Nội thành
7608			Xã Tam Tiến	KHÔNG	Nội thành
7609			Xã Tam Sơn	KHÔNG	Nội thành
7610			Xã Tam Thạnh	KHÔNG	Nội thành
7611			Xã Tam Anh Bắc	KHÔNG	Nội thành
7612			Xã Tam Anh Nam	KHÔNG	Nội thành
7613			Xã Tam Hòa	KHÔNG	Nội thành
7614			Xã Tam Hiệp	CÓ	Nội thành
7615			Xã Tam Hải	KHÔNG	Nội thành
7616			Xã Tam Giang	KHÔNG	Nội thành
7617			Xã Tam Quang	KHÔNG	Nội thành

7618	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Núi Thành	Xã Tam Nghĩa	KHÔNG	Nội thành
7619			Xã Tam Mỹ Tây	KHÔNG	Nội thành
7620			Xã Tam Mỹ Đông	KHÔNG	Nội thành
7621			Xã Tam Trà	KHÔNG	Nội thành
7622		Huyện Phú Ninh	Thị trấn Phú Thịnh	CÓ	Ngoại thành
7623			Xã Tam Thành	KHÔNG	Ngoại thành
7624			Xã Tam An	CÓ	Ngoại thành
7625			Xã Tam Đàn	CÓ	Ngoại thành
7626			Xã Tam Lộc	CÓ	Ngoại thành
7627			Xã Tam Phước	CÓ	Ngoại thành
7628			Xã Tam Vinh	CÓ	Ngoại thành
7629			Xã Tam Thái	CÓ	Ngoại thành
7630			Xã Tam Đại	CÓ	Ngoại thành
7631			Xã Tam Dân	CÓ	Ngoại thành
7632			Xã Tam Lãnh	KHÔNG	Ngoại thành
7633		Huyện Phước Sơn	Thị trấn Khâm Đức	KHÔNG	Ngoại thành
7634			Xã Phước Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
7635			Xã Phước Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
7636			Xã Phước Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
7637			Xã Phước Đức	KHÔNG	Ngoại thành
7638			Xã Phước Năng	KHÔNG	Ngoại thành
7639			Xã Phước Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
7640			Xã Phước Chánh	KHÔNG	Ngoại thành
7641			Xã Phước Công	KHÔNG	Ngoại thành
7642			Xã Phước Kim	KHÔNG	Ngoại thành
7643			Xã Phước Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
7644			Xã Phước Thành	KHÔNG	Ngoại thành
7645		Huyện Quế Sơn	Thị trấn Đông Phú	CÓ	Ngoại thành
7646			Xã Quế Xuân 1	CÓ	Ngoại thành
7647			Xã Quế Xuân 2	CÓ	Ngoại thành
7648			Xã Quế Phú	CÓ	Ngoại thành
7649			Thị trấn Hương An	CÓ	Ngoại thành
7650			Xã Quế Hiệp	CÓ	Ngoại thành
7651			Xã Quế Thuận	CÓ	Ngoại thành
7652			Xã Quế Mỹ	CÓ	Ngoại thành
7653			Xã Quế Long	CÓ	Ngoại thành
7654			Xã Quế Châu	CÓ	Ngoại thành
7655			Xã Quế Phong	CÓ	Ngoại thành
7656			Xã Quế An	CÓ	Ngoại thành
7657			Xã Quế Minh	CÓ	Ngoại thành
7658		Huyện Tây Giang	Xã Ch'ơm	KHÔNG	Ngoại thành

7659	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Tây Giang	Xã Ga Ri	KHÔNG	Ngoại thành
7660			Xã A Xan	KHÔNG	Ngoại thành
7661			Xã Tr'Hy	KHÔNG	Ngoại thành
7662			Xã Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
7663			Xã A Nông	KHÔNG	Ngoại thành
7664			Xã A Tiêng	KHÔNG	Ngoại thành
7665			Xã Bha Lê	KHÔNG	Ngoại thành
7666			Xã A Vương	KHÔNG	Ngoại thành
7667			Xã Dang	KHÔNG	Ngoại thành
7668		Huyện Thăng Bình	Thị trấn Hà Lam	CÓ	Ngoại thành
7669			Xã Bình Dương	CÓ	Ngoại thành
7670			Xã Bình Giang	CÓ	Ngoại thành
7671			Xã Bình Nguyên	CÓ	Ngoại thành
7672			Xã Bình Phục	CÓ	Ngoại thành
7673			Xã Bình Triều	CÓ	Ngoại thành
7674			Xã Bình Đào	CÓ	Ngoại thành
7675			Xã Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
7676			Xã Bình Lãnh	CÓ	Ngoại thành
7677			Xã Bình Trị	CÓ	Ngoại thành
7678			Xã Bình Định Bắc	CÓ	Ngoại thành
7679			Xã Bình Định Nam	CÓ	Ngoại thành
7680			Xã Bình Quý	CÓ	Ngoại thành
7681			Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
7682			Xã Bình Chánh	CÓ	Ngoại thành
7683			Xã Bình Tú	CÓ	Ngoại thành
7684			Xã Bình Sa	CÓ	Ngoại thành
7685			Xã Bình Hải	CÓ	Ngoại thành
7686			Xã Bình Quế	CÓ	Ngoại thành
7687			Xã Bình An	CÓ	Ngoại thành
7688			Xã Bình Trung	CÓ	Ngoại thành
7689			Xã Bình Nam	CÓ	Ngoại thành
7690		Huyện Tiên Phước	Thị trấn Tiên Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
7691			Xã Tiên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7692			Xã Tiên Hà	KHÔNG	Ngoại thành
7693			Xã Tiên Cẩm	KHÔNG	Ngoại thành
7694			Xã Tiên Châu	KHÔNG	Ngoại thành
7695			Xã Tiên Lãnh	KHÔNG	Ngoại thành
7696			Xã Tiên Ngọc	KHÔNG	Ngoại thành
7697			Xã Tiên Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
7698			Xã Tiên Cảnh	KHÔNG	Ngoại thành
7699			Xã Tiên Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành

7700	Tỉnh Quảng Nam	Huyện Tiên Phước	Xã Tiên Phong	KHÔNG	Ngoại thành
7701			Xã Tiên Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
7702			Xã Tiên An	KHÔNG	Ngoại thành
7703			Xã Tiên Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
7704			Xã Tiên Lập	KHÔNG	Ngoại thành
7705		Thành phố Hội An	Xã Tân Hiệp	KHÔNG	Nội thành
7706			Phường Minh An	CÓ	Nội thành
7707			Phường Tân An	CÓ	Nội thành
7708			Phường Cẩm Phô	CÓ	Nội thành
7709			Phường Thanh Hà	CÓ	Nội thành
7710			Phường Sơn Phong	CÓ	Nội thành
7711			Phường Cẩm Châu	CÓ	Nội thành
7712			Phường Cửa Đại	CÓ	Nội thành
7713			Phường Cẩm An	CÓ	Nội thành
7714			Xã Cẩm Hà	CÓ	Nội thành
7715			Xã Cẩm Kim	CÓ	Nội thành
7716			Phường Cẩm Nam	CÓ	Nội thành
7717			Xã Cẩm Thanh	CÓ	Nội thành
7718		Thành phố Tam Kỳ	Phường Tân Thạnh	CÓ	Nội thành
7719			Phường Phước Hòa	CÓ	Nội thành
7720			Phường An Mỹ	CÓ	Nội thành
7721			Phường Hòa Hương	CÓ	Nội thành
7722			Phường An Xuân	CÓ	Nội thành
7723			Phường An Sơn	CÓ	Nội thành
7724			Phường Trường Xuân	CÓ	Nội thành
7725			Phường An Phú	CÓ	Nội thành
7726			Xã Tam Thanh	KHÔNG	Nội thành
7727			Xã Tam Thăng	CÓ	Nội thành
7728			Xã Tam Phú	CÓ	Nội thành
7729			Phường Hoà Thuận	CÓ	Nội thành
7730			Xã Tam Ngọc	CÓ	Nội thành
7731		Thị xã Điện Bàn	Phường Vĩnh Điện	CÓ	Nội thành
7732			Xã Điện Tiến	CÓ	Nội thành
7733			Xã Điện Hòa	CÓ	Nội thành
7734			Xã Điện Thăng Bắc	CÓ	Nội thành
7735			Xã Điện Thăng Trung	CÓ	Nội thành
7736			Xã Điện Thăng Nam	CÓ	Nội thành
7737			Phường Điện Ngọc	CÓ	Nội thành
7738			Xã Điện Hồng	CÓ	Nội thành
7739			Xã Điện Thọ	CÓ	Nội thành
7740			Xã Điện Phước	CÓ	Nội thành

7741	Tỉnh Quảng Nam	Thị xã Điện Bàn	Phường Điện An	CÓ	Nội thành
7742			Phường Điện Nam Bắc	CÓ	Nội thành
7743			Phường Điện Nam Trung	CÓ	Nội thành
7744			Phường Điện Nam Đông	CÓ	Nội thành
7745			Phường Điện Dương	CÓ	Nội thành
7746			Xã Điện Quang	CÓ	Nội thành
7747			Xã Điện Trung	CÓ	Nội thành
7748			Xã Điện Phong	CÓ	Nội thành
7749			Xã Điện Minh	CÓ	Nội thành
7750			Xã Điện Phương	CÓ	Nội thành
7751	Tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Ba Tơ	Thị trấn Ba Tơ	KHÔNG	Ngoại thành
7752			Xã Ba Điền	KHÔNG	Ngoại thành
7753			Xã Ba Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
7754			Xã Ba Thành	KHÔNG	Ngoại thành
7755			Xã Ba Động	KHÔNG	Ngoại thành
7756			Xã Ba Dinh	KHÔNG	Ngoại thành
7757			Xã Ba Giang	KHÔNG	Ngoại thành
7758			Xã Ba Liên	KHÔNG	Ngoại thành
7759			Xã Ba Ngạc	KHÔNG	Ngoại thành
7760			Xã Ba Khâm	KHÔNG	Ngoại thành
7761			Xã Ba Cung	KHÔNG	Ngoại thành
7762			Xã Ba Tiêu	KHÔNG	Ngoại thành
7763			Xã Ba Trang	KHÔNG	Ngoại thành
7764			Xã Ba Tô	KHÔNG	Ngoại thành
7765			Xã Ba Bích	KHÔNG	Ngoại thành
7766			Xã Ba Vĩ	KHÔNG	Ngoại thành
7767			Xã Ba Lễ	KHÔNG	Ngoại thành
7768			Xã Ba Nam	KHÔNG	Ngoại thành
7769			Xã Ba Xa	KHÔNG	Ngoại thành
7770		Huyện Bình Sơn	Thị Trấn Châu Ổ	CÓ	Ngoại thành
7771			Xã Bình Thuận	CÓ	Ngoại thành
7772			Xã Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
7773			Xã Bình Đông	CÓ	Ngoại thành
7774			Xã Bình Chánh	CÓ	Ngoại thành
7775			Xã Bình Nguyên	CÓ	Ngoại thành
7776			Xã Bình Khương	CÓ	Ngoại thành
7777			Xã Bình Trị	CÓ	Ngoại thành
7778			Xã Bình An	CÓ	Ngoại thành
7779			Xã Bình Hải	CÓ	Ngoại thành
7780			Xã Bình Dương	CÓ	Ngoại thành
7781			Xã Bình Phước	KHÔNG	Ngoại thành

7782	Tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Xã Bình Hòa	CÓ	Ngoại thành
7783			Xã Bình Trung	CÓ	Ngoại thành
7784			Xã Bình Minh	KHÔNG	Ngoại thành
7785			Xã Bình Long	CÓ	Ngoại thành
7786			Xã Bình Thanh	CÓ	Ngoại thành
7787			Xã Bình Chương	CÓ	Ngoại thành
7788			Xã Bình Hiệp	CÓ	Ngoại thành
7789			Xã Bình Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
7790			Xã Bình Tân Phú	KHÔNG	Ngoại thành
7791			Xã Bình Châu	KHÔNG	Ngoại thành
7792		Huyện Lý Sơn	Xã đảo Lý Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7793		Huyện Minh Long	Xã Long Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7794			Xã Long Mai	KHÔNG	Ngoại thành
7795			Xã Thanh An	KHÔNG	Ngoại thành
7796			Xã Long Môn	KHÔNG	Ngoại thành
7797			Xã Long Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
7798		Huyện Mộ Đức	Thị trấn Mộ Đức	CÓ	Ngoại thành
7799			Xã Đức Lợi	CÓ	Ngoại thành
7800			Xã Đức Thắng	CÓ	Ngoại thành
7801			Xã Đức Nhuận	CÓ	Ngoại thành
7802			Xã Đức Chánh	CÓ	Ngoại thành
7803			Xã Đức Hiệp	CÓ	Ngoại thành
7804			Xã Đức Minh	CÓ	Ngoại thành
7805			Xã Đức Thạnh	CÓ	Ngoại thành
7806			Xã Đức Hòa	CÓ	Ngoại thành
7807			Xã Đức Tân	CÓ	Ngoại thành
7808			Xã Đức Phú	CÓ	Ngoại thành
7809			Xã Đức Phong	CÓ	Ngoại thành
7810			Xã Đức Lân	CÓ	Ngoại thành
7811		Huyện Nghĩa Hành	Thị trấn Chợ Chùa	CÓ	Ngoại thành
7812			Xã Hành Thuận	CÓ	Ngoại thành
7813			Xã Hành Dũng	CÓ	Ngoại thành
7814			Xã Hành Trung	CÓ	Ngoại thành
7815			Xã Hành Nhân	CÓ	Ngoại thành
7816			Xã Hành Đức	CÓ	Ngoại thành
7817			Xã Hành Minh	CÓ	Ngoại thành
7818			Xã Hành Phước	CÓ	Ngoại thành
7819			Xã Hành Thiện	CÓ	Ngoại thành
7820			Xã Hành Thịnh	CÓ	Ngoại thành
7821			Xã Hành Tín Tây	CÓ	Ngoại thành
7822			Xã Hành Tín Đông	CÓ	Ngoại thành

7823	Tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thị trấn Di Lăng	KHÔNG	Ngoại thành
7824			Xã Sơn Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
7825			Xã Sơn Thành	KHÔNG	Ngoại thành
7826			Xã Sơn Nham	KHÔNG	Ngoại thành
7827			Xã Sơn Bao	KHÔNG	Ngoại thành
7828			Xã Sơn Linh	KHÔNG	Ngoại thành
7829			Xã Sơn Giang	KHÔNG	Ngoại thành
7830			Xã Sơn Trung	KHÔNG	Ngoại thành
7831			Xã Sơn Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
7832			Xã Sơn Cao	KHÔNG	Ngoại thành
7833			Xã Sơn Hải	KHÔNG	Ngoại thành
7834			Xã Sơn Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
7835			Xã Sơn Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
7836			Xã Sơn Ba	KHÔNG	Ngoại thành
7837		Huyện Sơn Tây	Xã Sơn Bua	KHÔNG	Ngoại thành
7838			Xã Sơn Mùa	KHÔNG	Ngoại thành
7839			Xã Sơn Liên	KHÔNG	Ngoại thành
7840			Xã Sơn Tân	KHÔNG	Ngoại thành
7841			Xã Sơn Màu	KHÔNG	Ngoại thành
7842			Xã Sơn Dung	KHÔNG	Ngoại thành
7843			Xã Sơn Long	KHÔNG	Ngoại thành
7844			Xã Sơn Tinh	KHÔNG	Ngoại thành
7845			Xã Sơn Lập	KHÔNG	Ngoại thành
7846		Huyện Sơn Tịnh	Xã Tịnh Thọ	CÓ	Ngoại thành
7847			Xã Tịnh Trà	CÓ	Ngoại thành
7848			Xã Tịnh Phong	CÓ	Ngoại thành
7849			Xã Tịnh Hiệp	CÓ	Ngoại thành
7850			Xã Tịnh Bình	CÓ	Ngoại thành
7851			Xã Tịnh Đông	CÓ	Ngoại thành
7852			Xã Tịnh Bắc	CÓ	Ngoại thành
7853			Xã Tịnh Sơn	CÓ	Ngoại thành
7854			Xã Tịnh Hà	CÓ	Ngoại thành
7855			Xã Tịnh Giang	CÓ	Ngoại thành
7856			Xã Tịnh Minh	CÓ	Ngoại thành
7857		Huyện Trà Bồng	Thị trấn Trà Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
7858			Xã Trà Giang	KHÔNG	Ngoại thành
7859			Xã Trà Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
7860			Xã Trà Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
7861			Xã Trà Bình	KHÔNG	Ngoại thành
7862			Xã Trà Phú	KHÔNG	Ngoại thành
7863			Xã Trà Lâm	KHÔNG	Ngoại thành

7864	Tỉnh Quảng Ngãi	Huyện Trà Bồng	Xã Trà Tân	KHÔNG	Ngoại thành
7865			Xã Trà Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7866			Xã Trà Bùi	KHÔNG	Ngoại thành
7867			Xã Trà Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
7868			Xã Sơn Trà	KHÔNG	Ngoại thành
7869			Xã Trà Phong	KHÔNG	Ngoại thành
7870			Xã Hương Trà	KHÔNG	Ngoại thành
7871			Xã Trà Xinh	KHÔNG	Ngoại thành
7872			Xã Trà Tây	KHÔNG	Ngoại thành
7873		Huyện Tư Nghĩa	Thị trấn La Hà	CÓ	Ngoại thành
7874			Thị trấn Sông Vệ	CÓ	Ngoại thành
7875			Xã Nghĩa Lâm	CÓ	Ngoại thành
7876			Xã Nghĩa Thắng	CÓ	Ngoại thành
7877			Xã Nghĩa Thuận	CÓ	Ngoại thành
7878			Xã Nghĩa Kỳ	CÓ	Ngoại thành
7879			Xã Nghĩa Sơn	CÓ	Ngoại thành
7880			Xã Nghĩa Hòa	CÓ	Ngoại thành
7881			Xã Nghĩa Điền	CÓ	Ngoại thành
7882			Xã Nghĩa Thương	CÓ	Ngoại thành
7883			Xã Nghĩa Trung	CÓ	Ngoại thành
7884			Xã Nghĩa Hiệp	CÓ	Ngoại thành
7885			Xã Nghĩa Phương	CÓ	Ngoại thành
7886			Xã Nghĩa Mỹ	CÓ	Ngoại thành
7887		Thành phố Quảng Ngãi	Phường Lê Hồng Phong	CÓ	Nội thành
7888			Phường Trần Phú	CÓ	Nội thành
7889			Phường Quảng Phú	CÓ	Nội thành
7890			Phường Nghĩa Chánh	CÓ	Nội thành
7891			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
7892			Phường Nguyễn Nghiêm	CÓ	Nội thành
7893			Phường Nghĩa Lộ	CÓ	Nội thành
7894			Phường Chánh Lộ	CÓ	Nội thành
7895			Xã Nghĩa Dũng	CÓ	Nội thành
7896			Xã Nghĩa Đồng	CÓ	Nội thành
7897			Phường Trương Quang Trọng	CÓ	Nội thành
7898			Xã Tịnh Hòa	CÓ	Nội thành
7899			Xã Tịnh Kỳ	CÓ	Nội thành
7900			Xã Tịnh Thiện	CÓ	Nội thành
7901			Xã Tịnh Ấn Đông	CÓ	Nội thành
7902			Xã Tịnh Châu	CÓ	Nội thành
7903			Xã Tịnh Khê	CÓ	Nội thành

7904	Tỉnh Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	Xã Tịnh Long	CÓ	Nội thành
7905			Xã Tịnh Ấn Tây	CÓ	Nội thành
7906			Xã Tịnh An	CÓ	Nội thành
7907			Xã Nghĩa Phú	CÓ	Nội thành
7908			Xã Nghĩa Hà	CÓ	Nội thành
7909			Xã Nghĩa An	CÓ	Nội thành
7910		Thị xã Đức Phổ	Phường Nguyễn Nghiêm	CÓ	Ngoại thành
7911			Xã Phổ An	CÓ	Ngoại thành
7912			Xã Phổ Phong	CÓ	Ngoại thành
7913			Xã Phổ Thuận	CÓ	Ngoại thành
7914			Phường Phổ Văn	CÓ	Ngoại thành
7915			Phường Phổ Quang	CÓ	Ngoại thành
7916			Xã Phổ Nhơn	CÓ	Ngoại thành
7917			Phường Phổ Ninh	CÓ	Ngoại thành
7918			Phường Phổ Minh	CÓ	Ngoại thành
7919			Phường Phổ Vinh	CÓ	Ngoại thành
7920			Phường Phổ Hòa	CÓ	Ngoại thành
7921			Xã Phổ Cường	CÓ	Ngoại thành
7922			Xã Phổ Khánh	CÓ	Ngoại thành
7923			Phường Phổ Thạnh	CÓ	Ngoại thành
7924			Xã Phổ Châu	CÓ	Ngoại thành
7925		Huyện Ba Chẽ	Thị trấn Ba Chẽ	KHÔNG	Ngoại thành
7926			Xã Thanh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7927			Xã Thanh Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
7928			Xã Đạp Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
7929			Xã Nam Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7930			Xã Lương Mông	KHÔNG	Ngoại thành
7931			Xã Đồn Đạc	KHÔNG	Ngoại thành
7932			Xã Minh Cầm	KHÔNG	Ngoại thành
7933	Tỉnh Quảng Ninh	Huyện Bình Liêu	Thị trấn Bình Liêu	KHÔNG	Ngoại thành
7934			Xã Hoành Mô	KHÔNG	Ngoại thành
7935			Xã Đồng Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
7936			Xã Đồng Văn	KHÔNG	Ngoại thành
7937			Xã Vô Ngại	KHÔNG	Ngoại thành
7938			Xã Lục Hồn	KHÔNG	Ngoại thành
7939			Xã Húc Động	KHÔNG	Ngoại thành
7940		Huyện Cô Tô	Thị trấn Cô Tô	KHÔNG	Ngoại thành
7941			Xã Đông Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
7942			Xã Thanh Lân	KHÔNG	Ngoại thành
7943		Huyện Đầm Hà	Thị trấn Đầm Hà	KHÔNG	Ngoại thành
7944			Xã Quảng Lâm	KHÔNG	Ngoại thành

7945	Tỉnh Quảng Ninh	Huyện Đầm Hà	Xã Quảng An	KHÔNG	Ngoại thành
7946			Xã Tân Bình	KHÔNG	Ngoại thành
7947			Xã Dực Yên	KHÔNG	Ngoại thành
7948			Xã Quảng Tân	KHÔNG	Ngoại thành
7949			Xã Đầm Hà	KHÔNG	Ngoại thành
7950			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
7951			Xã Đại Bình	KHÔNG	Ngoại thành
7952		Huyện Hải Hà	Thị trấn Quảng Hà	KHÔNG	Ngoại thành
7953			Xã Quảng Đức	KHÔNG	Ngoại thành
7954			Xã Quảng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
7955			Xã Quảng Thành	KHÔNG	Ngoại thành
7956			Xã Quảng Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
7957			Xã Quảng Minh	KHÔNG	Ngoại thành
7958			Xã Quảng Chính	KHÔNG	Ngoại thành
7959			Xã Quảng Long	KHÔNG	Ngoại thành
7960			Xã Đường Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
7961			Xã Quảng Phong	KHÔNG	Ngoại thành
7962			Xã Cái Chiên	KHÔNG	Ngoại thành
7963		Huyện Tiên Yên	Thị trấn Tiên Yên	KHÔNG	Ngoại thành
7964			Xã Hà Lâu	KHÔNG	Ngoại thành
7965			Xã Đại Dực	KHÔNG	Ngoại thành
7966			Xã Phong Dụ	KHÔNG	Ngoại thành
7967			Xã Điền Xá	KHÔNG	Ngoại thành
7968			Xã Đông Ngũ	KHÔNG	Ngoại thành
7969			Xã Yên Than	KHÔNG	Ngoại thành
7970			Xã Đông Hải	KHÔNG	Ngoại thành
7971			Xã Hải Lạng	KHÔNG	Ngoại thành
7972			Xã Tiên Lãng	KHÔNG	Ngoại thành
7973			Xã Đồng Rui	KHÔNG	Ngoại thành
7974		Huyện Vân Đồn	Thị trấn Cái Rồng	KHÔNG	Ngoại thành
7975			Xã Đài Xuyên	KHÔNG	Ngoại thành
7976			Xã Bình Dân	KHÔNG	Ngoại thành
7977			Xã Vạn Yên	KHÔNG	Ngoại thành
7978			Xã Minh Châu	KHÔNG	Ngoại thành
7979			Xã Đoàn Kết	KHÔNG	Ngoại thành
7980			Xã Hạ Long	KHÔNG	Ngoại thành
7981			Xã Đông Xá	KHÔNG	Ngoại thành
7982			Xã Bản Sen	KHÔNG	Ngoại thành
7983			Xã Thắng Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
7984			Xã Quan Lạn	KHÔNG	Ngoại thành
7985			Xã Ngọc Vũng	KHÔNG	Ngoại thành

7986	Tỉnh Quảng Ninh	Thành phố Cẩm Phả	Phường Mông Dương	CÓ	Nội thành
7987			Phường Cửa Ông	CÓ	Nội thành
7988			Phường Cẩm Sơn	CÓ	Nội thành
7989			Phường Cẩm Đông	CÓ	Nội thành
7990			Phường Cẩm Phú	CÓ	Nội thành
7991			Phường Cẩm Tây	CÓ	Nội thành
7992			Phường Quang Hanh	CÓ	Nội thành
7993			Phường Cẩm Thịnh	CÓ	Nội thành
7994			Phường Cẩm Thủy	CÓ	Nội thành
7995			Phường Cẩm Thạch	CÓ	Nội thành
7996			Phường Cẩm Thành	CÓ	Nội thành
7997			Phường Cẩm Trung	CÓ	Nội thành
7998			Phường Cẩm Bình	CÓ	Nội thành
7999			Xã Cộng Hòa	CÓ	Nội thành
8000			Xã Cẩm Hải	CÓ	Nội thành
8001			Xã Dương Huy	CÓ	Nội thành
8002		Thành phố Hạ Long	Phường Hoành Bồ	KHÔNG	Nội thành
8003			Xã Kỳ Thượng	KHÔNG	Nội thành
8004			Xã Đông Sơn	KHÔNG	Nội thành
8005			Xã Tân Dân	KHÔNG	Nội thành
8006			Xã Đồng Lâm	KHÔNG	Nội thành
8007			Xã Hòa Bình	KHÔNG	Nội thành
8008			Xã Vũ Oai	KHÔNG	Nội thành
8009			Xã Dân Chủ	KHÔNG	Nội thành
8010			Xã Quảng La	KHÔNG	Nội thành
8011			Xã Bằng Cả	KHÔNG	Nội thành
8012			Xã Thống Nhất	KHÔNG	Nội thành
8013			Xã Sơn Dương	KHÔNG	Nội thành
8014			Xã Lê Lợi	KHÔNG	Nội thành
8015			Phường Hà Khánh	CÓ	Nội thành
8016			Phường Hà Phong	CÓ	Nội thành
8017			Phường Hà Khẩu	CÓ	Nội thành
8018			Phường Cao Xanh	CÓ	Nội thành
8019			Phường Giếng Đáy	CÓ	Nội thành
8020			Phường Hà Tu	CÓ	Nội thành
8021			Phường Hà Trung	CÓ	Nội thành
8022			Phường Hà Lâm	CÓ	Nội thành
8023			Phường Bãi Cháy	CÓ	Nội thành
8024			Phường Cao Thắng	CÓ	Nội thành
8025			Phường Hùng Thắng	CÓ	Nội thành
8026			Phường Yết Kiêu	CÓ	Nội thành

8027	Tỉnh Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long	Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
8028			Phường Hồng Hải	CÓ	Nội thành
8029			Phường Hồng Gai	CÓ	Nội thành
8030			Phường Bạch Đằng	CÓ	Nội thành
8031			Phường Hồng Hà	CÓ	Nội thành
8032			Phường Tuần Châu	CÓ	Nội thành
8033			Phường Việt Hưng	CÓ	Nội thành
8034			Phường Đại Yên	CÓ	Nội thành
8035		Thành phố Móng Cái	Xã Quảng Nghĩa	KHÔNG	Ngoại thành
8036			Xã Vĩnh Trung	KHÔNG	Ngoại thành
8037			Xã Vĩnh Thực	KHÔNG	Ngoại thành
8038			Phường Ka Long	CÓ	Ngoại thành
8039			Phường Trần Phú	CÓ	Ngoại thành
8040			Phường Ninh Dương	CÓ	Ngoại thành
8041			Phường Hoà Lạc	CÓ	Ngoại thành
8042			Phường Trà Cổ	CÓ	Ngoại thành
8043			Xã Hải Sơn	CÓ	Ngoại thành
8044			Xã Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
8045			Xã Hải Đông	CÓ	Ngoại thành
8046			Xã Hải Tiến	CÓ	Ngoại thành
8047			Phường Hải Yên	CÓ	Ngoại thành
8048			Phường Hải Hoà	CÓ	Ngoại thành
8049			Xã Hải Xuân	CÓ	Ngoại thành
8050			Xã Vạn Ninh	CÓ	Ngoại thành
8051			Phường Bình Ngọc	CÓ	Ngoại thành
8052		Thành phố Uông Bí	Phường Vàng Danh	CÓ	Nội thành
8053			Phường Thanh Sơn	CÓ	Nội thành
8054			Phường Bắc Sơn	CÓ	Nội thành
8055			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
8056			Phường Trưng Vương	CÓ	Nội thành
8057			Phường Nam Khê	CÓ	Nội thành
8058			Phường Yên Thanh	CÓ	Nội thành
8059			Xã Thượng Yên Công	CÓ	Nội thành
8060			Phường Phương Đông	CÓ	Nội thành
8061			Phường Phương Nam	CÓ	Nội thành
8062		Thị xã Đông Triều	Phường Mạo Khê	CÓ	Ngoại thành
8063			Phường Đông Triều	CÓ	Ngoại thành
8064			Xã An Sinh	CÓ	Ngoại thành
8065			Xã Tràng Lương	CÓ	Ngoại thành
8066			Xã Bình Khê	CÓ	Ngoại thành
8067			Xã Việt Dân	CÓ	Ngoại thành

8068	Tỉnh Quảng Ninh	Thị xã Đông Triều	Xã Tân Việt	CÓ	Ngoại thành
8069			Xã Bình Dương	CÓ	Ngoại thành
8070			Phường Đức Chính	CÓ	Ngoại thành
8071			Phường Trảng An	CÓ	Ngoại thành
8072			Xã Nguyễn Huệ	CÓ	Ngoại thành
8073			Xã Thủy An	CÓ	Ngoại thành
8074			Phường Xuân Sơn	CÓ	Ngoại thành
8075			Xã Hồng Thái Tây	CÓ	Ngoại thành
8076			Xã Hồng Thái Đông	CÓ	Ngoại thành
8077			Phường Hoàng Quế	CÓ	Ngoại thành
8078			Phường Yên Thọ	CÓ	Ngoại thành
8079			Phường Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành
8080			Phường Kim Sơn	CÓ	Ngoại thành
8081			Phường Hưng Đạo	CÓ	Ngoại thành
8082			Xã Yên Đức	CÓ	Ngoại thành
8083		Thị xã Quảng Yên	Phường Quảng Yên	CÓ	Ngoại thành
8084			Phường Đông Mai	CÓ	Ngoại thành
8085			Phường Minh Thành	CÓ	Ngoại thành
8086			Xã Sông Khoai	CÓ	Ngoại thành
8087			Xã Hiệp Hòa	CÓ	Ngoại thành
8088			Phường Cộng Hòa	CÓ	Ngoại thành
8089			Xã Tiên An	CÓ	Ngoại thành
8090			Xã Hoàng Tân	CÓ	Ngoại thành
8091			Phường Tân An	CÓ	Ngoại thành
8092			Phường Yên Giang	CÓ	Ngoại thành
8093			Phường Nam Hoà	CÓ	Ngoại thành
8094			Phường Hà An	CÓ	Ngoại thành
8095			Xã Cẩm La	CÓ	Ngoại thành
8096			Phường Phong Hải	CÓ	Ngoại thành
8097			Phường Yên Hải	CÓ	Ngoại thành
8098			Xã Liên Hòa	CÓ	Ngoại thành
8099			Phường Phong Cốc	CÓ	Ngoại thành
8100			Xã Liên Vị	CÓ	Ngoại thành
8101			Xã Tiên Phong	CÓ	Ngoại thành
8102	Tỉnh Quảng Trị	Huyện Cam Lộ	Thị trấn Cam Lộ	CÓ	Ngoại thành
8103			Xã Cam Tuyền	CÓ	Ngoại thành
8104			Xã Thanh An	CÓ	Ngoại thành
8105			Xã Cam Thủy	CÓ	Ngoại thành
8106			Xã Cam Thành	CÓ	Ngoại thành
8107			Xã Cam Hiếu	CÓ	Ngoại thành
8108			Xã Cam Chính	CÓ	Ngoại thành

8109	Tỉnh Quảng Trị	Huyện Cam Lộ	Xã Cam Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
8110		Huyện Cồn Cỏ	Xã Cồn Cỏ	KHÔNG	Ngoại thành
8111		Huyện Đa Krông	Thị trấn Krông Klang	KHÔNG	Ngoại thành
8112			Xã Mò Ó	KHÔNG	Ngoại thành
8113			Xã Hướng Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
8114			Xã Đa Krông	KHÔNG	Ngoại thành
8115			Xã Triệu Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
8116			Xã Ba Lòng	KHÔNG	Ngoại thành
8117			Xã Ba Nang	KHÔNG	Ngoại thành
8118			Xã Tà Long	KHÔNG	Ngoại thành
8119			Xã Húc Nghi	KHÔNG	Ngoại thành
8120			Xã A Vao	KHÔNG	Ngoại thành
8121			Xã Tà Rụt	KHÔNG	Ngoại thành
8122			Xã A Bung	KHÔNG	Ngoại thành
8123			Xã A Ngo	KHÔNG	Ngoại thành
8124		Huyện Gio Linh	Thị trấn Gio Linh	CÓ	Ngoại thành
8125			Thị trấn Cửa Việt	CÓ	Ngoại thành
8126			Xã Trung Giang	CÓ	Ngoại thành
8127			Xã Trung Hải	CÓ	Ngoại thành
8128			Xã Trung Sơn	CÓ	Ngoại thành
8129			Xã Phong Bình	CÓ	Ngoại thành
8130			Xã Gio Mỹ	CÓ	Ngoại thành
8131			Xã Gio Hải	CÓ	Ngoại thành
8132			Xã Gio An	CÓ	Ngoại thành
8133			Xã Gio Châu	CÓ	Ngoại thành
8134			Xã Gio Việt	CÓ	Ngoại thành
8135			Xã Linh Trường	CÓ	Ngoại thành
8136			Xã Gio Sơn	CÓ	Ngoại thành
8137			Xã Gio Mai	CÓ	Ngoại thành
8138			Xã Hải Thái	CÓ	Ngoại thành
8139			Xã Linh Hải	CÓ	Ngoại thành
8140			Xã Gio Quang	CÓ	Ngoại thành
8141		Huyện Hải Lăng	Thị trấn Diên Sanh	CÓ	Ngoại thành
8142			Xã Hải An	CÓ	Ngoại thành
8143			Xã Hải Ba	CÓ	Ngoại thành
8144			Xã Hải Quy	CÓ	Ngoại thành
8145			Xã Hải Quế	CÓ	Ngoại thành
8146			Xã Hải Hưng	CÓ	Ngoại thành
8147			Xã Hải Phú	CÓ	Ngoại thành
8148			Xã Hải Thượng	CÓ	Ngoại thành
8149			Xã Hải Dương	CÓ	Ngoại thành

8150	Tỉnh Quảng Trị	Huyện Hải Lăng	Xã Hải Định	CÓ	Ngoại thành
8151			Xã Hải Lâm	CÓ	Ngoại thành
8152			Xã Hải Phong	CÓ	Ngoại thành
8153			Xã Hải Trường	CÓ	Ngoại thành
8154			Xã Hải Sơn	CÓ	Ngoại thành
8155			Xã Hải Chánh	CÓ	Ngoại thành
8156			Xã Hải Khê	CÓ	Ngoại thành
8157		Huyện Hướng Hóa	Xã Hướng Lập	KHÔNG	Ngoại thành
8158			Xã Hướng Việt	KHÔNG	Ngoại thành
8159			Xã Hướng Phùng	KHÔNG	Ngoại thành
8160			Xã Hướng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
8161			Xã Hướng Linh	KHÔNG	Ngoại thành
8162			Xã Hướng Tân	KHÔNG	Ngoại thành
8163			Xã Húc	KHÔNG	Ngoại thành
8164			Xã Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
8165			Xã Hướng Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
8166			Xã Ba Tầng	KHÔNG	Ngoại thành
8167			Xã Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
8168			Xã A Dơi	KHÔNG	Ngoại thành
8169			Xã Lìa	KHÔNG	Ngoại thành
8170			Xã Xy	KHÔNG	Ngoại thành
8171			Thị trấn Khe Sanh	CÓ	Ngoại thành
8172			Thị trấn Lao Bảo	CÓ	Ngoại thành
8173			Xã Tân Hợp	CÓ	Ngoại thành
8174			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
8175			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
8176			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
8177			Xã Tân Liên	CÓ	Ngoại thành
8178		Huyện Triệu Phong	Thị Trấn Ái Tử	CÓ	Ngoại thành
8179			Xã Triệu An	CÓ	Ngoại thành
8180			Xã Triệu Vân	CÓ	Ngoại thành
8181			Xã Triệu Phước	CÓ	Ngoại thành
8182			Xã Triệu Độ	CÓ	Ngoại thành
8183			Xã Triệu Trạch	CÓ	Ngoại thành
8184			Xã Triệu Thuận	CÓ	Ngoại thành
8185			Xã Triệu Đại	CÓ	Ngoại thành
8186			Xã Triệu Hòa	CÓ	Ngoại thành
8187			Xã Triệu Lăng	CÓ	Ngoại thành
8188			Xã Triệu Sơn	CÓ	Ngoại thành
8189			Xã Triệu Long	CÓ	Ngoại thành
8190			Xã Triệu Tài	CÓ	Ngoại thành

8191	Tỉnh Quảng Trị	Huyện Triệu Phong	Xã Triệu Trung	CÓ	Ngoại thành
8192			Xã Triệu Ái	CÓ	Ngoại thành
8193			Xã Triệu Thượng	CÓ	Ngoại thành
8194			Xã Triệu Giang	CÓ	Ngoại thành
8195			Xã Triệu Thành	CÓ	Ngoại thành
8196		Huyện Vĩnh Linh	Thị trấn Hồ Xá	CÓ	Ngoại thành
8197			Thị trấn Bến Quan	CÓ	Ngoại thành
8198			Xã Vĩnh Thái	CÓ	Ngoại thành
8199			Xã Vĩnh Tú	CÓ	Ngoại thành
8200			Xã Vĩnh Chấp	CÓ	Ngoại thành
8201			Xã Trung Nam	CÓ	Ngoại thành
8202			Xã Kim Thạch	CÓ	Ngoại thành
8203			Xã Vĩnh Long	CÓ	Ngoại thành
8204			Xã Vĩnh Khê	CÓ	Ngoại thành
8205			Xã Vĩnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
8206			Xã Vĩnh Thủy	CÓ	Ngoại thành
8207			Xã Vĩnh Lâm	CÓ	Ngoại thành
8208			Xã Hiền Thành	CÓ	Ngoại thành
8209			Thị trấn Cửa Tùng	CÓ	Ngoại thành
8210			Xã Vĩnh Hà	CÓ	Ngoại thành
8211			Xã Vĩnh Sơn	CÓ	Ngoại thành
8212			Xã Vĩnh Giang	CÓ	Ngoại thành
8213			Xã Vĩnh Ô	CÓ	Ngoại thành
8214		Thành phố Đông Hà	Phường Đông Giang	CÓ	Nội thành
8215			Phường 1	CÓ	Nội thành
8216			Phường Đông Lễ	CÓ	Nội thành
8217			Phường Đông Thanh	CÓ	Nội thành
8218			Phường 2	CÓ	Nội thành
8219			Phường 4	CÓ	Nội thành
8220			Phường 5	CÓ	Nội thành
8221			Phường Đông Lương	CÓ	Nội thành
8222			Phường 3	CÓ	Nội thành
8223		Thị xã Quảng Trị	Phường 1	CÓ	Ngoại thành
8224			Phường An Đôn	CÓ	Ngoại thành
8225			Phường 2	CÓ	Ngoại thành
8226			Phường 3	CÓ	Ngoại thành
8227			Xã Hải Lệ	CÓ	Ngoại thành
8228	Tỉnh Sóc Trăng	Huyện Châu Thành	Xã Thiện Mỹ	CÓ	Ngoại thành
8229			Xã An Ninh	CÓ	Ngoại thành
8230			Xã Phú Tâm	CÓ	Ngoại thành
8231			Xã Phú Tân	CÓ	Ngoại thành

8232	Tỉnh Sóc Trăng	Huyện Châu Thành	Thị trấn Châu Thành	CÓ	Ngoại thành
8233			Xã Hồ Đắc Kiện	CÓ	Ngoại thành
8234			Xã An Hiệp	CÓ	Ngoại thành
8235			Xã Thuận Hòa	CÓ	Ngoại thành
8236		Huyện Cù Lao Dung	Xã An Thạnh 1	CÓ	Ngoại thành
8237			Xã An Thạnh 2	CÓ	Ngoại thành
8238			Xã An Thạnh 3	CÓ	Ngoại thành
8239			Xã Đại Ân 1	CÓ	Ngoại thành
8240			Xã An Thạnh Nam	CÓ	Ngoại thành
8241			Thị trấn Cù Lao Dung	CÓ	Ngoại thành
8242			Xã An Thạnh Tây	CÓ	Ngoại thành
8243			Xã An Thạnh Đông	CÓ	Ngoại thành
8244		Huyện Kế Sách	Xã Thới An Hội	CÓ	Ngoại thành
8245			Xã Nhơn Mỹ	CÓ	Ngoại thành
8246			Xã An Lạc Tây	CÓ	Ngoại thành
8247			Xã Kế An	CÓ	Ngoại thành
8248			Xã Ba Trinh	CÓ	Ngoại thành
8249			Xã Phong Nẫm	CÓ	Ngoại thành
8250			Thị trấn Kế Sách	CÓ	Ngoại thành
8251			Thị trấn An Lạc Thôn	CÓ	Ngoại thành
8252			Xã Trinh Phú	CÓ	Ngoại thành
8253			Xã Kế Thành	CÓ	Ngoại thành
8254			Xã Đại Hải	CÓ	Ngoại thành
8255			Xã An Mỹ	CÓ	Ngoại thành
8256			Xã Xuân Hòa	CÓ	Ngoại thành
8257		Huyện Long Phú	Xã Hậu Thạnh	CÓ	Ngoại thành
8258			Xã Long Phú	CÓ	Ngoại thành
8259			Xã Phú Hữu	CÓ	Ngoại thành
8260			Xã Châu Khánh	CÓ	Ngoại thành
8261			Xã Song Phụng	CÓ	Ngoại thành
8262			Xã Trường Khánh	CÓ	Ngoại thành
8263			Thị trấn Đại Ngãi	CÓ	Ngoại thành
8264			Thị trấn Long Phú	CÓ	Ngoại thành
8265			Xã Long Đức	CÓ	Ngoại thành
8266			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
8267			Xã Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
8268		Huyện Mỹ Tú	Xã Mỹ Hương	CÓ	Ngoại thành
8269			Xã Long Hưng	CÓ	Ngoại thành
8270			Xã Hưng Phú	CÓ	Ngoại thành
8271			Xã Thuận Hưng	CÓ	Ngoại thành
8272			Xã Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành

8273	Tỉnh Sóc Trăng	Huyện Mỹ Tú	Xã Mỹ Tú	CÓ	Ngoại thành
8274			Xã Mỹ Phước	CÓ	Ngoại thành
8275			Xã Mỹ Thuận	CÓ	Ngoại thành
8276			Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
8277		Huyện Mỹ Xuyên	Xã Hòa Tú II	CÓ	Ngoại thành
8278			Xã Gia Hòa 2	CÓ	Ngoại thành
8279			Xã Thạnh Quới	CÓ	Ngoại thành
8280			Xã Tham Đôn	CÓ	Ngoại thành
8281			Xã Ngọc Đông	CÓ	Ngoại thành
8282			Xã Hòa Tú 1	CÓ	Ngoại thành
8283			Xã Gia Hòa 1	CÓ	Ngoại thành
8284			Xã Ngọc Tổ	CÓ	Ngoại thành
8285			Xã Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
8286			Xã Đại Tâm	CÓ	Ngoại thành
8287			Thị trấn Mỹ Xuyên	CÓ	Ngoại thành
8288		Huyện Thạnh Trị	Thị trấn Hưng Lợi	CÓ	Ngoại thành
8289			Xã Châu Hưng	CÓ	Ngoại thành
8290			Xã Lâm Tân	CÓ	Ngoại thành
8291			Xã Thạnh Tân	CÓ	Ngoại thành
8292			Xã Lâm Kiệt	CÓ	Ngoại thành
8293			Xã Tuân Túc	CÓ	Ngoại thành
8294			Xã Vĩnh Thành	CÓ	Ngoại thành
8295			Xã Thạnh Trị	CÓ	Ngoại thành
8296			Xã Vĩnh Lợi	CÓ	Ngoại thành
8297			Thị trấn Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
8298		Huyện Trần Đề	Thị trấn Lịch Hội Thượng	CÓ	Ngoại thành
8299			Xã Trung Bình	CÓ	Ngoại thành
8300			Xã Liêu Tú	CÓ	Ngoại thành
8301			Xã Viên An	CÓ	Ngoại thành
8302			Xã Thạnh Thới An	CÓ	Ngoại thành
8303			Xã Thạnh Thới Thuận	CÓ	Ngoại thành
8304			Xã Viên Bình	CÓ	Ngoại thành
8305			Xã Tài Văn	CÓ	Ngoại thành
8306			Xã Đại Ân 2	CÓ	Ngoại thành
8307			Xã Lịch Hội Thượng	CÓ	Ngoại thành
8308			Thị trấn Trần Đề	CÓ	Ngoại thành
8309		Thành phố Sóc Trăng	Phường 5	CÓ	Nội thành
8310			Phường 7	CÓ	Nội thành
8311			Phường 8	CÓ	Nội thành
8312			Phường 6	CÓ	Nội thành
8313			Phường 2	CÓ	Nội thành

8314	Tỉnh Sóc Trăng	Thành phố Sóc Trăng	Phường 1	CÓ	Nội thành
8315			Phường 4	CÓ	Nội thành
8316			Phường 3	CÓ	Nội thành
8317			Phường 9	CÓ	Nội thành
8318			Phường 10	CÓ	Nội thành
8319		Thị xã Ngã Năm	Xã Vĩnh Quới	CÓ	Ngoại thành
8320			Phường 2	CÓ	Ngoại thành
8321			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
8322			Xã Long Bình	CÓ	Ngoại thành
8323			Phường 3	CÓ	Ngoại thành
8324			Xã Mỹ Bình	CÓ	Ngoại thành
8325			Xã Mỹ Quới	CÓ	Ngoại thành
8326		Thị xã Vĩnh Châu	Phường 1	CÓ	Ngoại thành
8327			Phường 1	CÓ	Ngoại thành
8328			Xã Hòa Đông	CÓ	Ngoại thành
8329			Phường Khánh Hòa	CÓ	Ngoại thành
8330			Xã Vĩnh Hiệp	CÓ	Ngoại thành
8331			Xã Vĩnh Hải	CÓ	Ngoại thành
8332			Xã Lạc Hòa	CÓ	Ngoại thành
8333			Phường 2	CÓ	Ngoại thành
8334			Phường Vĩnh Phước	CÓ	Ngoại thành
8335			Xã Vĩnh Tân	CÓ	Ngoại thành
8336			Xã Lai Hòa	CÓ	Ngoại thành
8337	Tỉnh Sơn La	Huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	KHÔNG	Ngoại thành
8338			Xã Phiêng Ban	KHÔNG	Ngoại thành
8339			Xã Hang Chú	KHÔNG	Ngoại thành
8340			Xã Xím Vàng	KHÔNG	Ngoại thành
8341			Xã Tà Xùa	KHÔNG	Ngoại thành
8342			Xã Háng Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
8343			Xã Pắc Ngà	KHÔNG	Ngoại thành
8344			Xã Làng Chếu	KHÔNG	Ngoại thành
8345			Xã Chim Vàn	KHÔNG	Ngoại thành
8346			Xã Mường Khoa	KHÔNG	Ngoại thành
8347			Xã Song Pe	KHÔNG	Ngoại thành
8348			Xã Hồng Ngài	KHÔNG	Ngoại thành
8349			Xã Tạ Khoa	KHÔNG	Ngoại thành
8350			Xã Hua Nhàn	KHÔNG	Ngoại thành
8351			Xã Phiêng Côn	KHÔNG	Ngoại thành
8352			Xã Chiềng Sại	KHÔNG	Ngoại thành
8353			Thị trấn Hát Lót	CÓ	Ngoại thành
8354			Xã Chiềng Sung	CÓ	Ngoại thành

8355	Tỉnh Sơn La	Huyện Mai Sơn	Xã Mường Bắg	CÓ	Ngoại thành
8356			Xã Chiềng Chăn	CÓ	Ngoại thành
8357			Xã Chiềng Ban	CÓ	Ngoại thành
8358			Xã Chiềng Mung	CÓ	Ngoại thành
8359			Xã Mường Bon	CÓ	Ngoại thành
8360			Xã Chiềng Mai	CÓ	Ngoại thành
8361			Xã Hát Lót	CÓ	Ngoại thành
8362			Xã Nà Pó	CÓ	Ngoại thành
8363			Xã Cò Nòi	CÓ	Ngoại thành
8364			Xã Chiềng Dong	CÓ	Ngoại thành
8365			Xã Chiềng Kheo	CÓ	Ngoại thành
8366			Xã Chiềng Lương	CÓ	Ngoại thành
8367			Xã Phiềng Păn	CÓ	Ngoại thành
8368			Xã Tà Hộc	CÓ	Ngoại thành
8369			Xã Mường Chanh	KHÔNG	Ngoại thành
8370			Xã Chiềng Chung	KHÔNG	Ngoại thành
8371			Xã Chiềng Nơi	KHÔNG	Ngoại thành
8372			Xã Phiềng Căm	KHÔNG	Ngoại thành
8373			Xã Chiềng Ve	KHÔNG	Ngoại thành
8374			Xã Nà Ôt	KHÔNG	Ngoại thành
8375		Huyện Mộc Châu	Thị trấn Mộc Châu	CÓ	Ngoại thành
8376			Thị trấn NT Mộc Châu	CÓ	Ngoại thành
8377			Xã Tân Hợp	CÓ	Ngoại thành
8378			Xã Qui Hướg	CÓ	Ngoại thành
8379			Xã Nà Mường	CÓ	Ngoại thành
8380			Xã Tà Lai	CÓ	Ngoại thành
8381			Xã Hua Pắg	CÓ	Ngoại thành
8382			Xã Chiềng Khừa	CÓ	Ngoại thành
8383			Xã Mường Sang	CÓ	Ngoại thành
8384			Xã Đông Sang	CÓ	Ngoại thành
8385			Xã Phiềng Luông	CÓ	Ngoại thành
8386			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
8387			Xã Chiềng Hắg	KHÔNG	Ngoại thành
8388			Xã Lóng Sắp	KHÔNG	Ngoại thành
8389			Xã Chiềng Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
8390		Huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	KHÔNG	Ngoại thành
8391			Xã Nậm Giôn	KHÔNG	Ngoại thành
8392			Xã Chiềng Lao	KHÔNG	Ngoại thành
8393			Xã Hua Trai	KHÔNG	Ngoại thành
8394			Xã Ngọc Chiến	KHÔNG	Ngoại thành
8395			Xã Mường Trai	KHÔNG	Ngoại thành

8396	Tỉnh Sơn La	Huyện Mường La	Xã Nậm Păm	KHÔNG	Ngoại thành
8397			Xã Chiềng Muôn	KHÔNG	Ngoại thành
8398			Xã Chiềng Ân	KHÔNG	Ngoại thành
8399			Xã Pi Toong	KHÔNG	Ngoại thành
8400			Xã Chiềng Công	KHÔNG	Ngoại thành
8401			Xã Tạ Bú	KHÔNG	Ngoại thành
8402			Xã Chiềng San	KHÔNG	Ngoại thành
8403			Xã Mường Bú	KHÔNG	Ngoại thành
8404			Xã Chiềng Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
8405			Xã Mường Chùm	KHÔNG	Ngoại thành
8406		Huyện Phù Yên	Thị trấn Phù Yên	KHÔNG	Ngoại thành
8407			Xã Suối Tọ	KHÔNG	Ngoại thành
8408			Xã Mường Thái	KHÔNG	Ngoại thành
8409			Xã Mường Cơi	KHÔNG	Ngoại thành
8410			Xã Quang Huy	KHÔNG	Ngoại thành
8411			Xã Huy Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
8412			Xã Huy Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
8413			Xã Tân Lang	KHÔNG	Ngoại thành
8414			Xã Gia Phù	KHÔNG	Ngoại thành
8415			Xã Tường Phù	KHÔNG	Ngoại thành
8416			Xã Huy Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
8417			Xã Huy Tân	KHÔNG	Ngoại thành
8418			Xã Mường Lang	KHÔNG	Ngoại thành
8419			Xã Suối Bau	KHÔNG	Ngoại thành
8420			Xã Huy Tường	KHÔNG	Ngoại thành
8421			Xã Mường Do	KHÔNG	Ngoại thành
8422			Xã Sập Xa	KHÔNG	Ngoại thành
8423			Xã Tường Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
8424			Xã Tường Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
8425			Xã Tường Phong	KHÔNG	Ngoại thành
8426			Xã Tường Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
8427			Xã Kim Bon	KHÔNG	Ngoại thành
8428			Xã Mường Bang	KHÔNG	Ngoại thành
8429			Xã Đá Đỏ	KHÔNG	Ngoại thành
8430			Xã Tân Phong	KHÔNG	Ngoại thành
8431			Xã Nam Phong	KHÔNG	Ngoại thành
8432			Xã Bắc Phong	KHÔNG	Ngoại thành
8433		Huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Chiên	KHÔNG	Ngoại thành
8434			Xã Cà Nàng	KHÔNG	Ngoại thành
8435			Xã Chiềng Khay	KHÔNG	Ngoại thành
8436			Xã Mường Giôn	KHÔNG	Ngoại thành

8437	Tỉnh Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Xã Pá Ma Pha Khinh	KHÔNG	Ngoại thành
8438			Xã Chiềng Ớn	KHÔNG	Ngoại thành
8439			Xã Mường Giàng	KHÔNG	Ngoại thành
8440			Xã Chiềng Bằng	KHÔNG	Ngoại thành
8441			Xã Mường Sại	KHÔNG	Ngoại thành
8442			Xã Nậm ết	KHÔNG	Ngoại thành
8443			Xã Chiềng Khoang	KHÔNG	Ngoại thành
8444		Huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	KHÔNG	Ngoại thành
8445			Xã Bó Sinh	KHÔNG	Ngoại thành
8446			Xã Pú Pầu	KHÔNG	Ngoại thành
8447			Xã Chiềng Phung	KHÔNG	Ngoại thành
8448			Xã Chiềng En	KHÔNG	Ngoại thành
8449			Xã Mường Lầm	KHÔNG	Ngoại thành
8450			Xã Nậm Ty	KHÔNG	Ngoại thành
8451			Xã Đứa Mòn	KHÔNG	Ngoại thành
8452			Xã Yên Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
8453			Xã Chiềng Sơ	KHÔNG	Ngoại thành
8454			Xã Nà Nghịu	KHÔNG	Ngoại thành
8455			Xã Nậm Mẩn	KHÔNG	Ngoại thành
8456			Xã Chiềng Khoong	KHÔNG	Ngoại thành
8457			Xã Chiềng Cang	KHÔNG	Ngoại thành
8458			Xã Huổi Một	KHÔNG	Ngoại thành
8459			Xã Mường Sai	KHÔNG	Ngoại thành
8460			Xã Mường Cai	KHÔNG	Ngoại thành
8461			Xã Mường Hung	KHÔNG	Ngoại thành
8462			Xã Chiềng Khương	KHÔNG	Ngoại thành
8463		Huyện Sốp Cộp	Xã Sam Kha	KHÔNG	Ngoại thành
8464			Xã Púng Bính	KHÔNG	Ngoại thành
8465			Xã Sốp Cộp	KHÔNG	Ngoại thành
8466			Xã Dôm Cang	KHÔNG	Ngoại thành
8467			Xã Nậm Lạnh	KHÔNG	Ngoại thành
8468			Xã Mường Lèo	KHÔNG	Ngoại thành
8469			Xã Mường Và	KHÔNG	Ngoại thành
8470			Xã Mường Lạn	KHÔNG	Ngoại thành
8471		Huyện Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	KHÔNG	Ngoại thành
8472			Xã Phổng Lái	KHÔNG	Ngoại thành
8473			Xã Mường é	KHÔNG	Ngoại thành
8474			Xã Chiềng Pha	KHÔNG	Ngoại thành
8475			Xã Chiềng La	KHÔNG	Ngoại thành
8476			Xã Chiềng Ngàm	KHÔNG	Ngoại thành
8477			Xã Liệp Tè	KHÔNG	Ngoại thành

8478	Tỉnh Sơn La	Huyện Thuận Châu	Xã é Tòng	KHÔNG	Ngoại thành
8479			Xã Phổng Lập	KHÔNG	Ngoại thành
8480			Xã Phổng Lãng	KHÔNG	Ngoại thành
8481			Xã Chiềng Ly	KHÔNG	Ngoại thành
8482			Xã Noong Lay	KHÔNG	Ngoại thành
8483			Xã Mường Khiêng	KHÔNG	Ngoại thành
8484			Xã Mường Bám	KHÔNG	Ngoại thành
8485			Xã Long Hẹ	KHÔNG	Ngoại thành
8486			Xã Chiềng Bôm	KHÔNG	Ngoại thành
8487			Xã Thôm Mòn	KHÔNG	Ngoại thành
8488			Xã Tông Lạnh	KHÔNG	Ngoại thành
8489			Xã Tông Cọ	KHÔNG	Ngoại thành
8490			Xã Bó Mười	KHÔNG	Ngoại thành
8491			Xã Co Mạ	KHÔNG	Ngoại thành
8492			Xã Púng Tra	KHÔNG	Ngoại thành
8493			Xã Chiềng Pắc	KHÔNG	Ngoại thành
8494			Xã Nậm Lầu	KHÔNG	Ngoại thành
8495			Xã Bon Phặng	KHÔNG	Ngoại thành
8496			Xã Co Tòng	KHÔNG	Ngoại thành
8497			Xã Muối Nội	KHÔNG	Ngoại thành
8498			Xã Pá Lông	KHÔNG	Ngoại thành
8499			Xã Bản Lầm	KHÔNG	Ngoại thành
8500		Huyện Vân Hồ	Xã Suối Bàng	KHÔNG	Ngoại thành
8501			Xã Song Khủa	KHÔNG	Ngoại thành
8502			Xã Liên Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
8503			Xã Tô Múa	KHÔNG	Ngoại thành
8504			Xã Mường Tè	KHÔNG	Ngoại thành
8505			Xã Chiềng Khoa	KHÔNG	Ngoại thành
8506			Xã Mường Men	KHÔNG	Ngoại thành
8507			Xã Quang Minh	KHÔNG	Ngoại thành
8508			Xã Vân Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
8509			Xã Lóng Luông	KHÔNG	Ngoại thành
8510			Xã Chiềng Yên	KHÔNG	Ngoại thành
8511			Xã Chiềng Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
8512			Xã Xuân Nha	KHÔNG	Ngoại thành
8513			Xã Tân Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
8514		Huyện Yên Châu	Thị trấn Yên Châu	KHÔNG	Ngoại thành
8515			Xã Chiềng Đông	KHÔNG	Ngoại thành
8516			Xã Sập Vạt	KHÔNG	Ngoại thành
8517			Xã Chiềng Sàng	KHÔNG	Ngoại thành
8518			Xã Chiềng Păn	KHÔNG	Ngoại thành

8519	Tỉnh Sơn La	Huyện Yên Châu	Xã Viêng Lán	KHÔNG	Ngoại thành
8520			Xã Chiềng Hặc	KHÔNG	Ngoại thành
8521			Xã Mường Lựm	KHÔNG	Ngoại thành
8522			Xã Chiềng On	KHÔNG	Ngoại thành
8523			Xã Yên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
8524			Xã Chiềng Khoi	KHÔNG	Ngoại thành
8525			Xã Tú Nang	KHÔNG	Ngoại thành
8526			Xã Lóng Phiêng	KHÔNG	Ngoại thành
8527			Xã Phiêng Khoài	KHÔNG	Ngoại thành
8528			Xã Chiềng Tương	KHÔNG	Ngoại thành
8529		Thành phố Sơn La	Phường Chiềng Lề	CÓ	Nội thành
8530			Phường Tô Hiệu	CÓ	Nội thành
8531			Phường Quyết Thắng	CÓ	Nội thành
8532			Phường Quyết Tâm	CÓ	Nội thành
8533			Xã Chiềng Cọ	CÓ	Nội thành
8534			Xã Chiềng Xôm	CÓ	Nội thành
8535			Phường Chiềng An	CÓ	Nội thành
8536			Phường Chiềng Cơi	CÓ	Nội thành
8537			Phường Chiềng Sinh	CÓ	Nội thành
8538			Xã Chiềng Đen	KHÔNG	Nội thành
8539			Xã Chiềng Ngần	KHÔNG	Nội thành
8540			Xã Hua La	KHÔNG	Nội thành
8541	Tỉnh Tây Ninh	Huyện Bến Cầu	Thị trấn Bến Cầu	CÓ	Ngoại thành
8542			Xã Long Chữ	CÓ	Ngoại thành
8543			Xã Long Phước	CÓ	Ngoại thành
8544			Xã Long Giang	CÓ	Ngoại thành
8545			Xã Tiên Thuận	CÓ	Ngoại thành
8546			Xã Long Khánh	CÓ	Ngoại thành
8547			Xã Lợi Thuận	CÓ	Ngoại thành
8548			Xã Long Thuận	CÓ	Ngoại thành
8549			Xã An Thạnh	CÓ	Ngoại thành
8550		Huyện Châu Thành	Thị trấn Châu Thành	CÓ	Ngoại thành
8551			Xã Hào Đức	CÓ	Ngoại thành
8552			Xã Phước Vinh	CÓ	Ngoại thành
8553			Xã Đồng Khởi	CÓ	Ngoại thành
8554			Xã Thái Bình	CÓ	Ngoại thành
8555			Xã An Cơ	CÓ	Ngoại thành
8556			Xã Biên Giới	CÓ	Ngoại thành
8557			Xã Hòa Thạnh	CÓ	Ngoại thành
8558			Xã Trí Bình	CÓ	Ngoại thành
8559			Xã Hòa Hội	CÓ	Ngoại thành

8560	Tỉnh Tây Ninh	Huyện Châu Thành	Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
8561			Xã Thanh Điền	CÓ	Ngoại thành
8562			Xã Thành Long	CÓ	Ngoại thành
8563			Xã Ninh Điền	CÓ	Ngoại thành
8564			Xã Long Vĩnh	CÓ	Ngoại thành
8565		Huyện Dương Minh Châu	Thị trấn Dương Minh Châu	CÓ	Ngoại thành
8566			Xã Suối Đá	CÓ	Ngoại thành
8567			Xã Phan	CÓ	Ngoại thành
8568			Xã Phước Ninh	CÓ	Ngoại thành
8569			Xã Phước Minh	CÓ	Ngoại thành
8570			Xã Bàu Năng	CÓ	Ngoại thành
8571			Xã Chà Là	CÓ	Ngoại thành
8572			Xã Cầu Khởi	CÓ	Ngoại thành
8573			Xã Bến Củi	CÓ	Ngoại thành
8574			Xã Lộc Ninh	CÓ	Ngoại thành
8575			Xã Truông Mít	CÓ	Ngoại thành
8576		Huyện Gò Dầu	Xã Hiệp Thạnh	CÓ	Ngoại thành
8577			Xã Bàu Đồn	CÓ	Ngoại thành
8578			Xã Phước Thạnh	CÓ	Ngoại thành
8579			Xã Phước Đông	CÓ	Ngoại thành
8580			Xã Phước Trạch	CÓ	Ngoại thành
8581			Xã Thanh Phước	CÓ	Ngoại thành
8582			Thị trấn Gò Dầu	CÓ	Ngoại thành
8583			Xã Thạnh Đức	CÓ	Ngoại thành
8584			Xã Cẩm Giang	CÓ	Ngoại thành
8585		Huyện Tân Biên	Xã Mỏ Công	CÓ	Ngoại thành
8586			Thị Trấn Tân Biên	CÓ	Ngoại thành
8587			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
8588			Xã Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
8589			Xã Thạnh Tây	CÓ	Ngoại thành
8590			Xã Trà Vong	CÓ	Ngoại thành
8591			Xã Hòa Hiệp	KHÔNG	Ngoại thành
8592			Xã Thạnh Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
8593			Xã Tân Bình	KHÔNG	Ngoại thành
8594			Xã Thạnh Bình	KHÔNG	Ngoại thành
8595		Huyện Tân Châu	Thị trấn Tân Châu	CÓ	Ngoại thành
8596			Xã Tân Đông	CÓ	Ngoại thành
8597			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
8598			Xã Suối Ngô	CÓ	Ngoại thành
8599			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
8600			Xã Tân Hà	CÓ	Ngoại thành

8601	Tỉnh Tây Ninh	Huyện Tân Châu	Xã Tân Hội	CÓ	Ngoại thành
8602			Xã Suối Dây	CÓ	Ngoại thành
8603			Xã Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
8604			Xã Thạnh Đông	CÓ	Ngoại thành
8605			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
8606			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
8607		Thành phố Tây Ninh	Phường 1	CÓ	Nội thành
8608			Phường 3	CÓ	Nội thành
8609			Phường 4	CÓ	Nội thành
8610			Phường Hiệp Ninh	CÓ	Nội thành
8611			Phường 2	CÓ	Nội thành
8612			Xã Thạnh Tân	CÓ	Nội thành
8613			Xã Tân Bình	CÓ	Nội thành
8614			Xã Bình Minh	CÓ	Nội thành
8615			Phường Ninh Sơn	CÓ	Nội thành
8616			Phường Ninh Thạnh	CÓ	Nội thành
8617		Thị xã Hòa Thành	Phường Long Hoa	CÓ	Ngoại thành
8618			Phường Hiệp Tân	CÓ	Ngoại thành
8619			Phường Long Thành Bắc	CÓ	Ngoại thành
8620			Xã Trường Hòa	CÓ	Ngoại thành
8621			Xã Trường Đông	CÓ	Ngoại thành
8622			Phường Long Thành Trung	CÓ	Ngoại thành
8623			Xã Trường Tây	CÓ	Ngoại thành
8624			Xã Long Thành Nam	CÓ	Ngoại thành
8625		Thị xã Trảng Bàng	Xã Phước Bình	CÓ	Nội thành
8626			Xã Phước Chỉ	CÓ	Nội thành
8627			Xã Đôn Thuận	CÓ	Nội thành
8628			Xã Hưng Thuận	CÓ	Nội thành
8629			Phường Lộc Hưng	CÓ	Nội thành
8630			Phường Gia Lộc	CÓ	Nội thành
8631			Phường Gia Bình	CÓ	Nội thành
8632			Phường Trảng Bàng	CÓ	Nội thành
8633			Phường An Tịnh	CÓ	Nội thành
8634			Phường An Hòa	CÓ	Nội thành
8635	Tỉnh Thái Bình	Huyện Đông Hưng	Thị trấn Đông Hưng	CÓ	Ngoại thành
8636			Xã Đô Lương	CÓ	Ngoại thành
8637			Xã Đông Phương	CÓ	Ngoại thành
8638			Xã Liên Giang	CÓ	Ngoại thành
8639			Xã An Châu	CÓ	Ngoại thành
8640			Xã Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành
8641			Xã Đông Cường	CÓ	Ngoại thành

8642	Tỉnh Thái Bình	Huyện Đông Hưng	Xã Phú Lương	CÓ	Ngoại thành
8643			Xã Mê Linh	CÓ	Ngoại thành
8644			Xã Lô Giang	CÓ	Ngoại thành
8645			Xã Đông La	CÓ	Ngoại thành
8646			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
8647			Xã Đông Xá	CÓ	Ngoại thành
8648			Xã Chương Dương	CÓ	Ngoại thành
8649			Xã Nguyên Xá	CÓ	Ngoại thành
8650			Xã Phong Châu	CÓ	Ngoại thành
8651			Xã Hợp Tiến	CÓ	Ngoại thành
8652			Xã Hồng Việt	CÓ	Ngoại thành
8653			Xã Hà Giang	CÓ	Ngoại thành
8654			Xã Đông Kinh	CÓ	Ngoại thành
8655			Xã Đông Hợp	CÓ	Ngoại thành
8656			Xã Thăng Long	CÓ	Ngoại thành
8657			Xã Đông Các	CÓ	Ngoại thành
8658			Xã Phú Châu	CÓ	Ngoại thành
8659			Xã Liên Hoa	CÓ	Ngoại thành
8660			Xã Đông Tân	CÓ	Ngoại thành
8661			Xã Đông Vinh	CÓ	Ngoại thành
8662			Xã Đông Động	CÓ	Ngoại thành
8663			Xã Hồng Bạch	CÓ	Ngoại thành
8664			Xã Trọng Quan	CÓ	Ngoại thành
8665			Xã Hồng Giang	CÓ	Ngoại thành
8666			Xã Đông Quan	CÓ	Ngoại thành
8667			Xã Đông Quang	CÓ	Ngoại thành
8668			Xã Đông Xuân	CÓ	Ngoại thành
8669			Xã Đông Á	CÓ	Ngoại thành
8670			Xã Đông Hoàng	CÓ	Ngoại thành
8671			Xã Đông Dương	CÓ	Ngoại thành
8672			Xã Minh Phú	CÓ	Ngoại thành
8673		Huyện Hưng Hà	Thị trấn Hưng Hà	CÓ	Ngoại thành
8674			Xã Điệp Nông	CÓ	Ngoại thành
8675			Xã Tân Lễ	CÓ	Ngoại thành
8676			Xã Cộng Hòa	CÓ	Ngoại thành
8677			Xã Dân Chủ	CÓ	Ngoại thành
8678			Xã Canh Tân	CÓ	Ngoại thành
8679			Xã Hòa Tiến	CÓ	Ngoại thành
8680			Xã Hùng Dũng	CÓ	Ngoại thành
8681			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
8682			Thị trấn Hưng Nhân	CÓ	Ngoại thành

8683	Tỉnh Thái Bình	Huyện Hưng Hà	Xã Đoan Hùng	CÓ	Ngoại thành
8684			Xã Duyên Hải	CÓ	Ngoại thành
8685			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
8686			Xã Văn Cẩm	CÓ	Ngoại thành
8687			Xã Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
8688			Xã Đông Đô	CÓ	Ngoại thành
8689			Xã Phúc Khánh	CÓ	Ngoại thành
8690			Xã Liên Hiệp	CÓ	Ngoại thành
8691			Xã Tây Đô	CÓ	Ngoại thành
8692			Xã Thống Nhất	CÓ	Ngoại thành
8693			Xã Tiến Đức	CÓ	Ngoại thành
8694			Xã Thái Hưng	CÓ	Ngoại thành
8695			Xã Thái Phương	CÓ	Ngoại thành
8696			Xã Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
8697			Xã Chi Lăng	CÓ	Ngoại thành
8698			Xã Minh Khai	CÓ	Ngoại thành
8699			Xã Hồng An	CÓ	Ngoại thành
8700			Xã Kim Chung	CÓ	Ngoại thành
8701			Xã Hồng Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
8702			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
8703			Xã Văn Lang	CÓ	Ngoại thành
8704			Xã Độc Lập	CÓ	Ngoại thành
8705			Xã Chí Hòa	CÓ	Ngoại thành
8706			Xã Minh Hòa	CÓ	Ngoại thành
8707			Xã Hồng Minh	CÓ	Ngoại thành
8708		Huyện Kiến Xương	Thị trấn Kiến Xương	CÓ	Ngoại thành
8709			Xã Trà Giang	CÓ	Ngoại thành
8710			Xã Quốc Tuấn	CÓ	Ngoại thành
8711			Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
8712			Xã Tây Sơn	CÓ	Ngoại thành
8713			Xã Hồng Thái	CÓ	Ngoại thành
8714			Xã Bình Nguyên	CÓ	Ngoại thành
8715			Xã Lê Lợi	CÓ	Ngoại thành
8716			Xã Vũ Lễ	CÓ	Ngoại thành
8717			Xã Thanh Tân	CÓ	Ngoại thành
8718			Xã Thượng Hiền	CÓ	Ngoại thành
8719			Xã Nam Cao	CÓ	Ngoại thành
8720			Xã Đình Phùng	CÓ	Ngoại thành
8721			Xã Vũ Ninh	CÓ	Ngoại thành
8722			Xã Vũ An	CÓ	Ngoại thành
8723			Xã Quang Lịch	CÓ	Ngoại thành

8724	Tỉnh Thái Bình	Huyện Kiến Xương	Xã Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
8725			Xã Bình Minh	CÓ	Ngoại thành
8726			Xã Vũ Quý	CÓ	Ngoại thành
8727			Xã Quang Bình	CÓ	Ngoại thành
8728			Xã Vũ Trung	CÓ	Ngoại thành
8729			Xã Vũ Thắng	CÓ	Ngoại thành
8730			Xã Vũ Công	CÓ	Ngoại thành
8731			Xã Vũ Hòa	CÓ	Ngoại thành
8732			Xã Quang Minh	CÓ	Ngoại thành
8733			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
8734			Xã Minh Quang	CÓ	Ngoại thành
8735			Xã Vũ Bình	CÓ	Ngoại thành
8736			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
8737			Xã Nam Bình	CÓ	Ngoại thành
8738			Xã Bình Thanh	CÓ	Ngoại thành
8739			Xã Bình Định	CÓ	Ngoại thành
8740			Xã Hồng Tiến	CÓ	Ngoại thành
8741		Huyện Quỳnh Phụ	Thị trấn Quỳnh Côi	CÓ	Ngoại thành
8742			Xã An Khê	CÓ	Ngoại thành
8743			Xã An Đông	CÓ	Ngoại thành
8744			Xã Quỳnh Hoa	CÓ	Ngoại thành
8745			Xã Quỳnh Lâm	CÓ	Ngoại thành
8746			Xã Quỳnh Thợ	CÓ	Ngoại thành
8747			Xã An Hiệp	CÓ	Ngoại thành
8748			Xã Quỳnh Hoàng	CÓ	Ngoại thành
8749			Xã Quỳnh Giao	CÓ	Ngoại thành
8750			Xã An Thái	CÓ	Ngoại thành
8751			Xã An Cầu	CÓ	Ngoại thành
8752			Xã Quỳnh Hồng	CÓ	Ngoại thành
8753			Xã Quỳnh Khê	CÓ	Ngoại thành
8754			Xã Quỳnh Minh	CÓ	Ngoại thành
8755			Xã An Ninh	CÓ	Ngoại thành
8756			Xã Quỳnh Ngọc	CÓ	Ngoại thành
8757			Xã Quỳnh Hải	CÓ	Ngoại thành
8758			Thị trấn An Bài	CÓ	Ngoại thành
8759			Xã An Ấp	CÓ	Ngoại thành
8760			Xã Quỳnh Hội	CÓ	Ngoại thành
8761			Xã Châu Sơn	CÓ	Ngoại thành
8762			Xã Quỳnh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
8763			Xã An Quý	CÓ	Ngoại thành
8764			Xã An Thanh	CÓ	Ngoại thành

8765	Tỉnh Thái Bình	Huyện Quỳnh Phụ	Xã An Vũ	CÓ	Ngoại thành
8766			Xã An Lễ	CÓ	Ngoại thành
8767			Xã Quỳnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
8768			Xã Quỳnh Bảo	CÓ	Ngoại thành
8769			Xã An Mỹ	CÓ	Ngoại thành
8770			Xã Quỳnh Nguyên	CÓ	Ngoại thành
8771			Xã An Vinh	CÓ	Ngoại thành
8772			Xã Quỳnh Xá	CÓ	Ngoại thành
8773			Xã An Dục	CÓ	Ngoại thành
8774			Xã Đông Hải	CÓ	Ngoại thành
8775			Xã Quỳnh Trang	CÓ	Ngoại thành
8776			Xã An Tràng	CÓ	Ngoại thành
8777			Xã Đông Tiến	CÓ	Ngoại thành
8778		Huyện Thái Thụy	Thị trấn Diêm Điền	CÓ	Ngoại thành
8779			Xã Thụy Trường	CÓ	Ngoại thành
8780			Xã Hồng Dũng	CÓ	Ngoại thành
8781			Xã Thụy Quỳnh	CÓ	Ngoại thành
8782			Xã An Tân	CÓ	Ngoại thành
8783			Xã Thụy Ninh	CÓ	Ngoại thành
8784			Xã Thụy Hưng	CÓ	Ngoại thành
8785			Xã Thụy Việt	CÓ	Ngoại thành
8786			Xã Thụy Văn	CÓ	Ngoại thành
8787			Xã Thụy Xuân	CÓ	Ngoại thành
8788			Xã Dương Phúc	CÓ	Ngoại thành
8789			Xã Thụy Trình	CÓ	Ngoại thành
8790			Xã Thụy Bình	CÓ	Ngoại thành
8791			Xã Thụy Chính	CÓ	Ngoại thành
8792			Xã Thụy Dân	CÓ	Ngoại thành
8793			Xã Thụy Hải	CÓ	Ngoại thành
8794			Xã Thụy Liên	CÓ	Ngoại thành
8795			Xã Thụy Duyên	CÓ	Ngoại thành
8796			Xã Thụy Thanh	CÓ	Ngoại thành
8797			Xã Thụy Sơn	CÓ	Ngoại thành
8798			Xã Thụy Phong	CÓ	Ngoại thành
8799			Xã Thái Thượng	CÓ	Ngoại thành
8800			Xã Thái Nguyên	CÓ	Ngoại thành
8801			Xã Dương Hồng Thủy	CÓ	Ngoại thành
8802			Xã Thái Giang	CÓ	Ngoại thành
8803			Xã Hòa An	CÓ	Ngoại thành
8804			Xã Sơn Hà	CÓ	Ngoại thành
8805			Xã Thái Phúc	CÓ	Ngoại thành

8806	Tỉnh Thái Bình	Huyện Thái Thụy	Xã Thái Hưng	CÓ	Ngoại thành
8807			Xã Thái Đô	CÓ	Ngoại thành
8808			Xã Thái Xuyên	CÓ	Ngoại thành
8809			Xã Mỹ Lộc	CÓ	Ngoại thành
8810			Xã Tân Học	CÓ	Ngoại thành
8811			Xã Thái Thịnh	CÓ	Ngoại thành
8812			Xã Thuần Thành	CÓ	Ngoại thành
8813			Xã Thái Thợ	CÓ	Ngoại thành
8814		Huyện Tiền Hải	Thị trấn Tiền Hải	CÓ	Ngoại thành
8815			Xã Đông Trà	CÓ	Ngoại thành
8816			Xã Đông Long	CÓ	Ngoại thành
8817			Xã Đông Quý	CÓ	Ngoại thành
8818			Xã Vũ Lăng	CÓ	Ngoại thành
8819			Xã Đông Xuyên	CÓ	Ngoại thành
8820			Xã Tây Lương	CÓ	Ngoại thành
8821			Xã Tây Ninh	CÓ	Ngoại thành
8822			Xã Đông Trung	CÓ	Ngoại thành
8823			Xã Đông Hoàng	CÓ	Ngoại thành
8824			Xã Đông Minh	CÓ	Ngoại thành
8825			Xã Đông Phong	CÓ	Ngoại thành
8826			Xã An Ninh	CÓ	Ngoại thành
8827			Xã Đông Cơ	CÓ	Ngoại thành
8828			Xã Tây Giang	CÓ	Ngoại thành
8829			Xã Đông Lâm	CÓ	Ngoại thành
8830			Xã Phương Công	CÓ	Ngoại thành
8831			Xã Tây Phong	CÓ	Ngoại thành
8832			Xã Tây Tiến	CÓ	Ngoại thành
8833			Xã Nam Cường	CÓ	Ngoại thành
8834			Xã Vân Trường	CÓ	Ngoại thành
8835			Xã Nam Thắng	CÓ	Ngoại thành
8836			Xã Nam Chính	CÓ	Ngoại thành
8837			Xã Bắc Hải	CÓ	Ngoại thành
8838			Xã Nam Thịnh	CÓ	Ngoại thành
8839			Xã Nam Hà	CÓ	Ngoại thành
8840			Xã Nam Thanh	CÓ	Ngoại thành
8841			Xã Nam Trung	CÓ	Ngoại thành
8842			Xã Nam Hồng	CÓ	Ngoại thành
8843			Xã Nam Hưng	CÓ	Ngoại thành
8844			Xã Nam Hải	CÓ	Ngoại thành
8845			Xã Nam Phú	CÓ	Ngoại thành
8846		Huyện Vũ Thư	Thị trấn Vũ Thư	CÓ	Ngoại thành

8847	Tỉnh Thái Bình	Huyện Vũ Thư	Xã Hồng Lý	CÓ	Ngoại thành
8848			Xã Đồng Thanh	CÓ	Ngoại thành
8849			Xã Xuân Hòa	CÓ	Ngoại thành
8850			Xã Hiệp Hòa	CÓ	Ngoại thành
8851			Xã Phúc Thành	CÓ	Ngoại thành
8852			Xã Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
8853			Xã Song Lãng	CÓ	Ngoại thành
8854			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
8855			Xã Việt Hùng	CÓ	Ngoại thành
8856			Xã Minh Lãng	CÓ	Ngoại thành
8857			Xã Minh Khai	CÓ	Ngoại thành
8858			Xã Dũng Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
8859			Xã Minh Quang	CÓ	Ngoại thành
8860			Xã Tam Quang	CÓ	Ngoại thành
8861			Xã Tân Lập	CÓ	Ngoại thành
8862			Xã Bách Thuận	CÓ	Ngoại thành
8863			Xã Tự Tân	CÓ	Ngoại thành
8864			Xã Song An	CÓ	Ngoại thành
8865			Xã Trung An	CÓ	Ngoại thành
8866			Xã Vũ Hội	CÓ	Ngoại thành
8867			Xã Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
8868			Xã Nguyên Xá	CÓ	Ngoại thành
8869			Xã Việt Thuận	CÓ	Ngoại thành
8870			Xã Vũ Vinh	CÓ	Ngoại thành
8871			Xã Vũ Đoài	CÓ	Ngoại thành
8872			Xã Vũ Tiến	CÓ	Ngoại thành
8873			Xã Vũ Vân	CÓ	Ngoại thành
8874			Xã Duy Nhất	CÓ	Ngoại thành
8875			Xã Hồng Phong	CÓ	Ngoại thành
8876		Thành phố Thái Bình	Phường Lê Hồng Phong	CÓ	Nội thành
8877			Phường Bồ Xuyên	CÓ	Nội thành
8878			Phường Đề Thám	CÓ	Nội thành
8879			Phường Kỳ Bá	CÓ	Nội thành
8880			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
8881			Phường Phú Khánh	CÓ	Nội thành
8882			Phường Tiền Phong	CÓ	Nội thành
8883			Phường Trần Hưng Đạo	CÓ	Nội thành
8884			Phường Trần Lãm	CÓ	Nội thành
8885			Xã Đông Hòa	CÓ	Nội thành
8886			Phường Hoàng Diệu	CÓ	Nội thành
8887			Xã Phú Xuân	CÓ	Nội thành

8888	Tỉnh Thái Bình	Thành phố Thái Bình	Xã Vũ Phúc	CÓ	Nội thành
8889			Xã Vũ Chính	CÓ	Nội thành
8890			Xã Đông Mỹ	CÓ	Nội thành
8891			Xã Đông Thọ	CÓ	Nội thành
8892			Xã Vũ Đông	CÓ	Nội thành
8893			Xã Vũ Lạc	CÓ	Nội thành
8894			Xã Tân Bình	CÓ	Nội thành
8895	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Đại Từ	Thị trấn Hùng Sơn	CÓ	Ngoại thành
8896			Thị trấn Quân Chu	CÓ	Ngoại thành
8897			Xã Phúc Lương	CÓ	Ngoại thành
8898			Xã Minh Tiến	CÓ	Ngoại thành
8899			Xã Yên Lãng	CÓ	Ngoại thành
8900			Xã Đức Lương	CÓ	Ngoại thành
8901			Xã Phú Cường	CÓ	Ngoại thành
8902			Xã Na Mao	CÓ	Ngoại thành
8903			Xã Phú Lạc	CÓ	Ngoại thành
8904			Xã Tân Linh	CÓ	Ngoại thành
8905			Xã Phú Thịnh	CÓ	Ngoại thành
8906			Xã Phúc Linh	CÓ	Ngoại thành
8907			Xã Phú Xuyên	CÓ	Ngoại thành
8908			Xã Bản Ngoại	CÓ	Ngoại thành
8909			Xã Tiên Hội	CÓ	Ngoại thành
8910			Xã Cù Vân	CÓ	Ngoại thành
8911			Xã Hà Thượng	CÓ	Ngoại thành
8912			Xã La Bằng	CÓ	Ngoại thành
8913			Xã Hoàng Nông	CÓ	Ngoại thành
8914			Xã Khôi Kỳ	CÓ	Ngoại thành
8915			Xã An Khánh	CÓ	Ngoại thành
8916			Xã Tân Thái	CÓ	Ngoại thành
8917			Xã Bình Thuận	CÓ	Ngoại thành
8918			Xã Lục Ba	CÓ	Ngoại thành
8919			Xã Mỹ Yên	CÓ	Ngoại thành
8920			Xã Vạn Thọ	CÓ	Ngoại thành
8921			Xã Văn Yên	CÓ	Ngoại thành
8922			Xã Ký Phú	CÓ	Ngoại thành
8923			Xã Cát Nê	CÓ	Ngoại thành
8924			Xã Quân Chu	CÓ	Ngoại thành
8925		Huyện Định Hóa	Thị trấn Chợ Chu	CÓ	Ngoại thành
8926			Xã Linh Thông	CÓ	Ngoại thành
8927			Xã Lam Vỹ	CÓ	Ngoại thành
8928			Xã Quy Kỳ	CÓ	Ngoại thành

8929	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	Xã Tân Thịnh	CÓ	Ngoại thành
8930			Xã Kim Phượng	CÓ	Ngoại thành
8931			Xã Bảo Linh	CÓ	Ngoại thành
8932			Xã Phúc Chu	CÓ	Ngoại thành
8933			Xã Tân Dương	CÓ	Ngoại thành
8934			Xã Phượng Tiến	CÓ	Ngoại thành
8935			Xã Bảo Cường	CÓ	Ngoại thành
8936			Xã Đông Thịnh	CÓ	Ngoại thành
8937			Xã Định Biên	CÓ	Ngoại thành
8938			Xã Thanh Định	CÓ	Ngoại thành
8939			Xã Trung Hội	CÓ	Ngoại thành
8940			Xã Trung Lương	CÓ	Ngoại thành
8941			Xã Bình Yên	CÓ	Ngoại thành
8942			Xã Diềm Mặc	CÓ	Ngoại thành
8943			Xã Phú Tiến	CÓ	Ngoại thành
8944			Xã Bộc Nhiêu	CÓ	Ngoại thành
8945			Xã Sơn Phú	CÓ	Ngoại thành
8946			Xã Phú Đình	CÓ	Ngoại thành
8947			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
8948		Huyện Đồng Hỷ	Thị trấn Sông Cầu	CÓ	Ngoại thành
8949			Thị trấn Trại Cau	CÓ	Ngoại thành
8950			Xã Văn Lãng	CÓ	Ngoại thành
8951			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
8952			Xã Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
8953			Xã Quang Sơn	CÓ	Ngoại thành
8954			Xã Minh Lập	CÓ	Ngoại thành
8955			Xã Văn Hán	CÓ	Ngoại thành
8956			Xã Hóa Trung	CÓ	Ngoại thành
8957			Xã Khe Mo	CÓ	Ngoại thành
8958			Xã Cây Thị	CÓ	Ngoại thành
8959			Xã Hóa Thượng	CÓ	Ngoại thành
8960			Xã Hợp Tiến	CÓ	Ngoại thành
8961			Xã Tân Lợi	CÓ	Ngoại thành
8962			Xã Nam Hòa	CÓ	Ngoại thành
8963		Huyện Phú Bình	Thị trấn Hương Sơn	CÓ	Ngoại thành
8964			Xã Bàn Đạt	CÓ	Ngoại thành
8965			Xã Tân Khánh	CÓ	Ngoại thành
8966			Xã Tân Kim	CÓ	Ngoại thành
8967			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
8968			Xã Đào Xá	CÓ	Ngoại thành
8969			Xã Bảo Lý	CÓ	Ngoại thành

8970	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Phú Bình	Xã Thượng Đình	CÓ	Ngoại thành
8971			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
8972			Xã Nhã Lộng	CÓ	Ngoại thành
8973			Xã Diềm Thụy	CÓ	Ngoại thành
8974			Xã Xuân Phương	CÓ	Ngoại thành
8975			Xã Tân Đức	CÓ	Ngoại thành
8976			Xã Úc Kỳ	CÓ	Ngoại thành
8977			Xã Lương Phú	CÓ	Ngoại thành
8978			Xã Nga My	CÓ	Ngoại thành
8979			Xã Kha Sơn	CÓ	Ngoại thành
8980			Xã Thanh Ninh	CÓ	Ngoại thành
8981			Xã Dương Thành	CÓ	Ngoại thành
8982			Xã Hà Châu	CÓ	Ngoại thành
8983		Huyện Phú Lương	Thị trấn Giang Tiên	CÓ	Ngoại thành
8984			Thị trấn Đu	CÓ	Ngoại thành
8985			Xã Yên Ninh	CÓ	Ngoại thành
8986			Xã Yên Trạch	CÓ	Ngoại thành
8987			Xã Yên Đỗ	CÓ	Ngoại thành
8988			Xã Yên Lạc	CÓ	Ngoại thành
8989			Xã Ôn Lương	CÓ	Ngoại thành
8990			Xã Động Đạt	CÓ	Ngoại thành
8991			Xã Phủ Lý	CÓ	Ngoại thành
8992			Xã Phú Đô	CÓ	Ngoại thành
8993			Xã Hợp Thành	CÓ	Ngoại thành
8994			Xã Túc Tranh	CÓ	Ngoại thành
8995			Xã Phấn Mễ	CÓ	Ngoại thành
8996			Xã Vô Tranh	CÓ	Ngoại thành
8997			Xã Cổ Lũng	CÓ	Ngoại thành
8998		Huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả	KHÔNG	Ngoại thành
8999			Xã Sáng Mộc	KHÔNG	Ngoại thành
9000			Xã Nghinh Tường	KHÔNG	Ngoại thành
9001			Xã Thần Xa	KHÔNG	Ngoại thành
9002			Xã Vũ Chấn	KHÔNG	Ngoại thành
9003			Xã Thượng Nung	KHÔNG	Ngoại thành
9004			Xã Phú Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
9005			Xã Cúc Đường	KHÔNG	Ngoại thành
9006			Xã La Hiên	KHÔNG	Ngoại thành
9007			Xã Lâu Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
9008			Xã Tràng Xá	KHÔNG	Ngoại thành
9009			Xã Phương Giao	KHÔNG	Ngoại thành
9010			Xã Liên Minh	KHÔNG	Ngoại thành

9011	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	Xã Dân Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
9012			Xã Bình Long	KHÔNG	Ngoại thành
9013		Thành phố Sông Công	Phường Lương Sơn	CÓ	Ngoại thành
9014			Phường Châu Sơn	CÓ	Ngoại thành
9015			Phường Mỏ Chè	CÓ	Ngoại thành
9016			Phường Cải Đan	CÓ	Ngoại thành
9017			Phường Thắng Lợi	CÓ	Ngoại thành
9018			Phường Phố Cò	CÓ	Ngoại thành
9019			Xã Tân Quang	CÓ	Ngoại thành
9020			Phường Bách Quang	CÓ	Ngoại thành
9021			Xã Bình Sơn	CÓ	Ngoại thành
9022			Xã Bá Xuyên	CÓ	Ngoại thành
9023		Thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn	CÓ	Nội thành
9024			Phường Quán Triều	CÓ	Nội thành
9025			Phường Quang Vinh	CÓ	Nội thành
9026			Phường Túc Duyên	CÓ	Nội thành
9027			Phường Hoàng Văn Thụ	CÓ	Nội thành
9028			Phường Trưng Vương	CÓ	Nội thành
9029			Phường Quang Trung	CÓ	Nội thành
9030			Phường Phan Đình Phùng	CÓ	Nội thành
9031			Phường Tân Thịnh	CÓ	Nội thành
9032			Phường Thịnh Đán	CÓ	Nội thành
9033			Phường Đồng Quang	CÓ	Nội thành
9034			Phường Gia Sàng	CÓ	Nội thành
9035			Phường Tân Lập	CÓ	Nội thành
9036			Phường Cam Giá	CÓ	Nội thành
9037			Phường Phú Xá	CÓ	Nội thành
9038			Phường Hương Sơn	CÓ	Nội thành
9039			Phường Trung Thành	CÓ	Nội thành
9040			Phường Tân Thành	CÓ	Nội thành
9041			Phường Tân Long	CÓ	Nội thành
9042			Xã Phúc Hà	CÓ	Nội thành
9043			Xã Phúc Xuân	CÓ	Nội thành
9044			Xã Quyết Thắng	CÓ	Nội thành
9045			Xã Phúc Trìu	CÓ	Nội thành
9046			Xã Thịnh Đức	CÓ	Nội thành
9047			Phường Tích Lương	CÓ	Nội thành
9048			Xã Tân Cương	CÓ	Nội thành
9049			Xã Sơn Cẩm	CÓ	Nội thành
9050			Phường Chùa Hang	CÓ	Nội thành
9051			Xã Linh Sơn	CÓ	Nội thành

9052	Tỉnh Thái Nguyên	Thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bẩm	CÓ	Nội thành
9053			Xã Huống Thượng	CÓ	Nội thành
9054			Xã Đồng Liên	CÓ	Nội thành
9055		Thị xã Phổ Yên	Phường Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
9056			Xã Phúc Tân	CÓ	Ngoại thành
9057			Xã Phúc Thuận	CÓ	Ngoại thành
9058			Xã Thành Công	CÓ	Ngoại thành
9059			Phường Bãi Bông	CÓ	Ngoại thành
9060			Phường Ba Hàng	CÓ	Ngoại thành
9061			Xã Hồng Tiến	CÓ	Ngoại thành
9062			Xã Minh Đức	CÓ	Ngoại thành
9063			Xã Đắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
9064			Phường Đồng Tiến	CÓ	Ngoại thành
9065			Xã Tiên Phong	CÓ	Ngoại thành
9066			Xã Vạn Phái	CÓ	Ngoại thành
9067			Xã Nam Tiến	CÓ	Ngoại thành
9068			Xã Tân Hương	CÓ	Ngoại thành
9069			Xã Đông Cao	CÓ	Ngoại thành
9070			Xã Trung Thành	CÓ	Ngoại thành
9071			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
9072			Xã Thuận Thành	CÓ	Ngoại thành
9073	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nang	CÓ	Ngoại thành
9074			Xã Điền Thượng	CÓ	Ngoại thành
9075			Xã Điền Hạ	CÓ	Ngoại thành
9076			Xã Điền Quang	CÓ	Ngoại thành
9077			Xã Điền Trung	CÓ	Ngoại thành
9078			Xã Thành Sơn	CÓ	Ngoại thành
9079			Xã Lương Ngoại	CÓ	Ngoại thành
9080			Xã Ái Thượng	CÓ	Ngoại thành
9081			Xã Lương Nội	CÓ	Ngoại thành
9082			Xã Điền Lư	CÓ	Ngoại thành
9083			Xã Lương Trung	CÓ	Ngoại thành
9084			Xã Lũng Niêm	CÓ	Ngoại thành
9085			Xã Lũng Cao	CÓ	Ngoại thành
9086			Xã Hạ Trung	CÓ	Ngoại thành
9087			Xã Cổ Lũng	CÓ	Ngoại thành
9088			Xã Thành Lâm	CÓ	Ngoại thành
9089			Xã Ban Công	CÓ	Ngoại thành
9090			Xã Kỳ Tân	CÓ	Ngoại thành
9091			Xã Văn Nho	CÓ	Ngoại thành
9092			Xã Thiết Ống	CÓ	Ngoại thành

9093	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Bá Thước	Xã Thiết Kế	CÓ	Ngoại thành
9094		Huyện Cẩm Thủy	Thị trấn Phong Sơn	CÓ	Ngoại thành
9095			Xã Cẩm Thành	CÓ	Ngoại thành
9096			Xã Cẩm Quý	CÓ	Ngoại thành
9097			Xã Cẩm Lương	CÓ	Ngoại thành
9098			Xã Cẩm Thạch	CÓ	Ngoại thành
9099			Xã Cẩm Liên	CÓ	Ngoại thành
9100			Xã Cẩm Giang	CÓ	Ngoại thành
9101			Xã Cẩm Bình	CÓ	Ngoại thành
9102			Xã Cẩm Tú	CÓ	Ngoại thành
9103			Xã Cẩm Châu	CÓ	Ngoại thành
9104			Xã Cẩm Tâm	CÓ	Ngoại thành
9105			Xã Cẩm Ngọc	CÓ	Ngoại thành
9106			Xã Cẩm Long	CÓ	Ngoại thành
9107			Xã Cẩm Yên	CÓ	Ngoại thành
9108			Xã Cẩm Tân	CÓ	Ngoại thành
9109			Xã Cẩm Phú	CÓ	Ngoại thành
9110			Xã Cẩm Vân	CÓ	Ngoại thành
9111		Huyện Đông Sơn	Thị trấn Rừng Thông	CÓ	Ngoại thành
9112			Xã Đông Hoàng	CÓ	Ngoại thành
9113			Xã Đông Ninh	CÓ	Ngoại thành
9114			Xã Đông Hòa	CÓ	Ngoại thành
9115			Xã Đông Yên	CÓ	Ngoại thành
9116			Xã Đông Minh	CÓ	Ngoại thành
9117			Xã Đông Thanh	CÓ	Ngoại thành
9118			Xã Đông Tiến	CÓ	Ngoại thành
9119			Xã Đông Khê	CÓ	Ngoại thành
9120			Xã Đông Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9121			Xã Đông Văn	CÓ	Ngoại thành
9122			Xã Đông Phú	CÓ	Ngoại thành
9123			Xã Đông Nam	CÓ	Ngoại thành
9124			Xã Đông Quang	CÓ	Ngoại thành
9125		Huyện Hà Trung	Thị trấn Hà Trung	CÓ	Ngoại thành
9126			Xã Hà Long	CÓ	Ngoại thành
9127			Xã Hà Vinh	CÓ	Ngoại thành
9128			Xã Hà Bắc	CÓ	Ngoại thành
9129			Xã Hoạt Giang	CÓ	Ngoại thành
9130			Xã Yên Dương	CÓ	Ngoại thành
9131			Xã Hà Giang	CÓ	Ngoại thành
9132			Xã Lĩnh Toại	CÓ	Ngoại thành
9133			Xã Hà Ngọc	CÓ	Ngoại thành

9134	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Hà Trung	Xã Yến Sơn	CÓ	Ngoại thành
9135			Xã Hà Sơn	CÓ	Ngoại thành
9136			Xã Hà Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
9137			Xã Hà Đông	CÓ	Ngoại thành
9138			Xã Hà Tân	CÓ	Ngoại thành
9139			Xã Hà Tiến	CÓ	Ngoại thành
9140			Xã Hà Bình	CÓ	Ngoại thành
9141			Xã Hà Lai	CÓ	Ngoại thành
9142			Xã Hà Châu	CÓ	Ngoại thành
9143			Xã Hà Thái	CÓ	Ngoại thành
9144			Xã Hà Hải	CÓ	Ngoại thành
9145		Huyện Hậu Lộc	Thị trấn Hậu Lộc	CÓ	Ngoại thành
9146			Xã Đồng Lộc	CÓ	Ngoại thành
9147			Xã Đại Lộc	CÓ	Ngoại thành
9148			Xã Triệu Lộc	CÓ	Ngoại thành
9149			Xã Tiến Lộc	CÓ	Ngoại thành
9150			Xã Lộc Sơn	CÓ	Ngoại thành
9151			Xã Cầu Lộc	CÓ	Ngoại thành
9152			Xã Thành Lộc	CÓ	Ngoại thành
9153			Xã Tuy Lộc	CÓ	Ngoại thành
9154			Xã Phong Lộc	CÓ	Ngoại thành
9155			Xã Mỹ Lộc	CÓ	Ngoại thành
9156			Xã Thuần Lộc	CÓ	Ngoại thành
9157			Xã Xuân Lộc	CÓ	Ngoại thành
9158			Xã Hoa Lộc	CÓ	Ngoại thành
9159			Xã Liên Lộc	CÓ	Ngoại thành
9160			Xã Quang Lộc	CÓ	Ngoại thành
9161			Xã Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
9162			Xã Hòa Lộc	CÓ	Ngoại thành
9163			Xã Minh Lộc	CÓ	Ngoại thành
9164			Xã Hưng Lộc	CÓ	Ngoại thành
9165			Xã Hải Lộc	CÓ	Ngoại thành
9166			Xã Đa Lộc	CÓ	Ngoại thành
9167			Xã Ngư Lộc	CÓ	Ngoại thành
9168		Huyện Hoằng Hóa	Thị trấn Bút Sơn	CÓ	Ngoại thành
9169			Xã Hoằng Giang	CÓ	Ngoại thành
9170			Xã Hoằng Xuân	CÓ	Ngoại thành
9171			Xã Hoằng Phụng	CÓ	Ngoại thành
9172			Xã Hoằng Phú	CÓ	Ngoại thành
9173			Xã Hoằng Quỳ	CÓ	Ngoại thành
9174			Xã Hoằng Kim	CÓ	Ngoại thành

9175	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Hoằng Hóa	Xã Hoằng Trung	CÓ	Ngoại thành
9176			Xã Hoằng Trinh	CÓ	Ngoại thành
9177			Xã Hoằng Sơn	CÓ	Ngoại thành
9178			Xã Hoằng Cát	CÓ	Ngoại thành
9179			Xã Hoằng Xuyên	CÓ	Ngoại thành
9180			Xã Hoằng Quý	CÓ	Ngoại thành
9181			Xã Hoằng Hợp	CÓ	Ngoại thành
9182			Xã Hoằng Đức	CÓ	Ngoại thành
9183			Xã Hoằng Hà	CÓ	Ngoại thành
9184			Xã Hoằng Đạt	CÓ	Ngoại thành
9185			Xã Hoằng Đạo	CÓ	Ngoại thành
9186			Xã Hoằng Thắng	CÓ	Ngoại thành
9187			Xã Hoằng Đồng	CÓ	Ngoại thành
9188			Xã Hoằng Thái	CÓ	Ngoại thành
9189			Xã Hoằng Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9190			Xã Hoằng Thành	CÓ	Ngoại thành
9191			Xã Hoằng Lộc	CÓ	Ngoại thành
9192			Xã Hoằng Trạch	CÓ	Ngoại thành
9193			Xã Hoằng Phong	CÓ	Ngoại thành
9194			Xã Hoằng Lưu	CÓ	Ngoại thành
9195			Xã Hoằng Châu	CÓ	Ngoại thành
9196			Xã Hoằng Tân	CÓ	Ngoại thành
9197			Xã Hoằng Yên	CÓ	Ngoại thành
9198			Xã Hoằng Tiến	CÓ	Ngoại thành
9199			Xã Hoằng Hải	CÓ	Ngoại thành
9200			Xã Hoằng Ngọc	CÓ	Ngoại thành
9201			Xã Hoằng Đông	CÓ	Ngoại thành
9202			Xã Hoằng Thanh	CÓ	Ngoại thành
9203			Xã Hoằng Phụ	CÓ	Ngoại thành
9204			Xã Hoằng Trường	CÓ	Ngoại thành
9205		Huyện Lang Chánh	Xã Yên Khương	KHÔNG	Ngoại thành
9206			Xã Yên Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
9207			Xã Trí Nang	KHÔNG	Ngoại thành
9208			Xã Giao An	KHÔNG	Ngoại thành
9209			Xã Giao Thiện	KHÔNG	Ngoại thành
9210			Xã Tân Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
9211			Xã Tam Văn	KHÔNG	Ngoại thành
9212			Xã Lâm Phú	KHÔNG	Ngoại thành
9213			Thị trấn Lang Chánh	KHÔNG	Ngoại thành
9214			Xã Đồng Lương	KHÔNG	Ngoại thành
9215		Huyện Mường Lát	Thị trấn Mường Lát	KHÔNG	Ngoại thành

9216	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Mường Lát	Xã Tam Chung	KHÔNG	Ngoại thành
9217			Xã Mường Lý	KHÔNG	Ngoại thành
9218			Xã Trung Lý	KHÔNG	Ngoại thành
9219			Xã Quang Chiểu	KHÔNG	Ngoại thành
9220			Xã Pù Nhi	KHÔNG	Ngoại thành
9221			Xã Nhi Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9222			Xã Mường Chanh	KHÔNG	Ngoại thành
9223		Huyện Nga Sơn	Thị trấn Nga Sơn	CÓ	Ngoại thành
9224			Xã Ba Đình	CÓ	Ngoại thành
9225			Xã Nga Vịnh	CÓ	Ngoại thành
9226			Xã Nga Văn	CÓ	Ngoại thành
9227			Xã Nga Thiện	CÓ	Ngoại thành
9228			Xã Nga Tiến	CÓ	Ngoại thành
9229			Xã Nga Phượng	CÓ	Ngoại thành
9230			Xã Nga Trung	CÓ	Ngoại thành
9231			Xã Nga Bạch	CÓ	Ngoại thành
9232			Xã Nga Thanh	CÓ	Ngoại thành
9233			Xã Nga Yên	CÓ	Ngoại thành
9234			Xã Nga Giáp	CÓ	Ngoại thành
9235			Xã Nga Hải	CÓ	Ngoại thành
9236			Xã Nga Thành	CÓ	Ngoại thành
9237			Xã Nga An	CÓ	Ngoại thành
9238			Xã Nga Phú	CÓ	Ngoại thành
9239			Xã Nga Điền	CÓ	Ngoại thành
9240			Xã Nga Tân	CÓ	Ngoại thành
9241			Xã Nga Thủy	CÓ	Ngoại thành
9242			Xã Nga Liên	CÓ	Ngoại thành
9243			Xã Nga Thái	CÓ	Ngoại thành
9244			Xã Nga Thạch	CÓ	Ngoại thành
9245			Xã Nga Thắng	CÓ	Ngoại thành
9246			Xã Nga Trường	CÓ	Ngoại thành
9247		Huyện Ngọc Lặc	Thị Trấn Ngọc Lặc	CÓ	Ngoại thành
9248			Xã Lam Sơn	CÓ	Ngoại thành
9249			Xã Mỹ Tân	CÓ	Ngoại thành
9250			Xã Thúy Sơn	CÓ	Ngoại thành
9251			Xã Thạch Lập	CÓ	Ngoại thành
9252			Xã Vân Âm	CÓ	Ngoại thành
9253			Xã Cao Ngọc	CÓ	Ngoại thành
9254			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
9255			Xã Đồng Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9256			Xã Ngọc Liên	CÓ	Ngoại thành

9257	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Ngọc Lặc	Xã Ngọc Sơn	CÓ	Ngoại thành
9258			Xã Lộc Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9259			Xã Cao Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9260			Xã Ngọc Trung	CÓ	Ngoại thành
9261			Xã Phùng Giáo	CÓ	Ngoại thành
9262			Xã Phùng Minh	CÓ	Ngoại thành
9263			Xã Phúc Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9264			Xã Nguyệt Ấn	CÓ	Ngoại thành
9265			Xã Kiên Thọ	CÓ	Ngoại thành
9266			Xã Minh Tiến	CÓ	Ngoại thành
9267			Xã Minh Sơn	CÓ	Ngoại thành
9268		Huyện Như Thanh	Thị trấn Bến Sung	KHÔNG	Ngoại thành
9269			Xã Cán Khê	KHÔNG	Ngoại thành
9270			Xã Xuân Du	KHÔNG	Ngoại thành
9271			Xã Phượng Nghi	KHÔNG	Ngoại thành
9272			Xã Mậu Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
9273			Xã Xuân Khang	KHÔNG	Ngoại thành
9274			Xã Phú Nhuận	KHÔNG	Ngoại thành
9275			Xã Hải Long	KHÔNG	Ngoại thành
9276			Xã Xuân Thái	KHÔNG	Ngoại thành
9277			Xã Xuân Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
9278			Xã Yên Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
9279			Xã Yên Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
9280			Xã Thanh Tân	KHÔNG	Ngoại thành
9281			Xã Thanh Kỳ	KHÔNG	Ngoại thành
9282		Huyện Như Xuân	Thị trấn Yên Cát	KHÔNG	Ngoại thành
9283			Xã Bãi Trành	KHÔNG	Ngoại thành
9284			Xã Xuân Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
9285			Xã Xuân Bình	KHÔNG	Ngoại thành
9286			Xã Hóa Quỳ	KHÔNG	Ngoại thành
9287			Xã Cát Vân	KHÔNG	Ngoại thành
9288			Xã Cát Tân	KHÔNG	Ngoại thành
9289			Xã Tân Bình	KHÔNG	Ngoại thành
9290			Xã Bình Lương	KHÔNG	Ngoại thành
9291			Xã Thanh Quân	KHÔNG	Ngoại thành
9292			Xã Thanh Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9293			Xã Thanh Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
9294			Xã Thanh Phong	KHÔNG	Ngoại thành
9295			Xã Thanh Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
9296			Xã Thanh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9297			Xã Thượng Ninh	KHÔNG	Ngoại thành

9298	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Nông Cống	Thị trấn Nông Cống	CÓ	Ngoại thành
9299			Xã Tân Phúc	CÓ	Ngoại thành
9300			Xã Tân Thọ	CÓ	Ngoại thành
9301			Xã Hoàng Sơn	CÓ	Ngoại thành
9302			Xã Tân Khang	CÓ	Ngoại thành
9303			Xã Hoàng Giang	CÓ	Ngoại thành
9304			Xã Trung Chính	CÓ	Ngoại thành
9305			Xã Trung Thành	CÓ	Ngoại thành
9306			Xã Tế Thắng	CÓ	Ngoại thành
9307			Xã Tế Lợi	CÓ	Ngoại thành
9308			Xã Tế Nông	CÓ	Ngoại thành
9309			Xã Minh Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
9310			Xã Minh Khôi	CÓ	Ngoại thành
9311			Xã Vạn Hòa	CÓ	Ngoại thành
9312			Xã Trường Trung	CÓ	Ngoại thành
9313			Xã Vạn Thắng	CÓ	Ngoại thành
9314			Xã Trường Giang	CÓ	Ngoại thành
9315			Xã Vạn Thiện	CÓ	Ngoại thành
9316			Xã Thắng Long	CÓ	Ngoại thành
9317			Xã Trường Minh	CÓ	Ngoại thành
9318			Xã Trường Sơn	CÓ	Ngoại thành
9319			Xã Thắng Bình	CÓ	Ngoại thành
9320			Xã Công Liêm	CÓ	Ngoại thành
9321			Xã Tượng Văn	CÓ	Ngoại thành
9322			Xã Thắng Thọ	CÓ	Ngoại thành
9323			Xã Tượng Lĩnh	CÓ	Ngoại thành
9324			Xã Tượng Sơn	CÓ	Ngoại thành
9325			Xã Công Chính	CÓ	Ngoại thành
9326			Xã Yên Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9327		Huyện Quan Hóa	Thị trấn Hồi Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9328			Xã Thành Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9329			Xã Trung Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9330			Xã Phú Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
9331			Xã Trung Thành	KHÔNG	Ngoại thành
9332			Xã Phú Lệ	KHÔNG	Ngoại thành
9333			Xã Phú Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9334			Xã Phú Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9335			Xã Hiền Chung	KHÔNG	Ngoại thành
9336			Xã Hiền Kiệt	KHÔNG	Ngoại thành
9337			Xã Nam Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
9338			Xã Thiên Phú	KHÔNG	Ngoại thành

9339	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Quan Hóa	Xã Phú Nghiệm	KHÔNG	Ngoại thành
9340			Xã Nam Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9341			Xã Nam Động	KHÔNG	Ngoại thành
9342		Huyện Quan Sơn	Xã Trung Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9343			Xã Trung Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
9344			Xã Trung Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
9345			Xã Trung Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
9346			Xã Sơn Hà	KHÔNG	Ngoại thành
9347			Xã Tam Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
9348			Xã Sơn Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
9349			Xã Na Mèo	KHÔNG	Ngoại thành
9350			Thị trấn Sơn Lự	KHÔNG	Ngoại thành
9351			Xã Tam Lự	KHÔNG	Ngoại thành
9352			Xã Sơn Điện	KHÔNG	Ngoại thành
9353			Xã Mường Mìn	KHÔNG	Ngoại thành
9354		Huyện Quảng Xương	Xã Quảng Nhân	CÓ	Ngoại thành
9355			Xã Quảng Long	CÓ	Ngoại thành
9356			Xã Quảng Yên	CÓ	Ngoại thành
9357			Xã Quảng Khê	CÓ	Ngoại thành
9358			Xã Quảng Trung	CÓ	Ngoại thành
9359			Xã Quảng Chính	CÓ	Ngoại thành
9360			Xã Quảng Lộc	CÓ	Ngoại thành
9361			Xã Quảng Thạch	CÓ	Ngoại thành
9362			Thị trấn Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
9363			Xã Quảng Trạch	CÓ	Ngoại thành
9364			Xã Quảng Đức	CÓ	Ngoại thành
9365			Xã Quảng Định	CÓ	Ngoại thành
9366			Xã Quảng Ninh	CÓ	Ngoại thành
9367			Xã Quảng Bình	CÓ	Ngoại thành
9368			Xã Quảng Hợp	CÓ	Ngoại thành
9369			Xã Quảng Văn	CÓ	Ngoại thành
9370			Xã Quảng Hòa	CÓ	Ngoại thành
9371			Xã Quảng Ngọc	CÓ	Ngoại thành
9372			Xã Quảng Trường	CÓ	Ngoại thành
9373			Xã Quảng Phúc	CÓ	Ngoại thành
9374			Xã Quảng Giao	CÓ	Ngoại thành
9375			Xã Quảng Hải	CÓ	Ngoại thành
9376			Xã Quảng Lưu	CÓ	Ngoại thành
9377			Xã Tiên Trang	CÓ	Ngoại thành
9378			Xã Quảng Nham	CÓ	Ngoại thành
9379			Xã Quảng Thái	CÓ	Ngoại thành

9380	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Thạch Thành	Thị trấn Kim Tân	CÓ	Ngoại thành
9381			Thị trấn Vân Du	CÓ	Ngoại thành
9382			Xã Thạch Lâm	CÓ	Ngoại thành
9383			Xã Thạch Quảng	CÓ	Ngoại thành
9384			Xã Thạch Tượng	CÓ	Ngoại thành
9385			Xã Thạch Cẩm	CÓ	Ngoại thành
9386			Xã Thạch Sơn	CÓ	Ngoại thành
9387			Xã Thạch Bình	CÓ	Ngoại thành
9388			Xã Thạch Định	CÓ	Ngoại thành
9389			Xã Thạch Đồng	CÓ	Ngoại thành
9390			Xã Thạch Long	CÓ	Ngoại thành
9391			Xã Thành Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9392			Xã Thành Yên	CÓ	Ngoại thành
9393			Xã Thành Vinh	CÓ	Ngoại thành
9394			Xã Thành Minh	CÓ	Ngoại thành
9395			Xã Thành Công	CÓ	Ngoại thành
9396			Xã Thành Tân	CÓ	Ngoại thành
9397			Xã Thành Trực	CÓ	Ngoại thành
9398			Xã Thành Tâm	CÓ	Ngoại thành
9399			Xã Thành An	CÓ	Ngoại thành
9400			Xã Thành Thọ	CÓ	Ngoại thành
9401			Xã Thành Tiến	CÓ	Ngoại thành
9402			Xã Thành Long	CÓ	Ngoại thành
9403			Xã Thành Hưng	CÓ	Ngoại thành
9404			Xã Ngọc Trạo	CÓ	Ngoại thành
9405		Huyện Thiệu Hóa	Thị trấn Thiệu Hóa	CÓ	Ngoại thành
9406			Xã Thiệu Ngọc	CÓ	Ngoại thành
9407			Xã Thiệu Vũ	CÓ	Ngoại thành
9408			Xã Thiệu Phúc	CÓ	Ngoại thành
9409			Xã Thiệu Tiến	CÓ	Ngoại thành
9410			Xã Thiệu Công	CÓ	Ngoại thành
9411			Xã Thiệu Phú	CÓ	Ngoại thành
9412			Xã Thiệu Long	CÓ	Ngoại thành
9413			Xã Thiệu Giang	CÓ	Ngoại thành
9414			Xã Thiệu Duy	CÓ	Ngoại thành
9415			Xã Thiệu Nguyên	CÓ	Ngoại thành
9416			Xã Thiệu Hợp	CÓ	Ngoại thành
9417			Xã Thiệu Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9418			Xã Thiệu Quang	CÓ	Ngoại thành
9419			Xã Thiệu Thành	CÓ	Ngoại thành
9420			Xã Thiệu Toán	CÓ	Ngoại thành

9421	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Thiệu Hóa	Xã Thiệu Chính	CÓ	Ngoại thành
9422			Xã Thiệu Hòa	CÓ	Ngoại thành
9423			Xã Minh Tâm	CÓ	Ngoại thành
9424			Xã Thiệu Viên	CÓ	Ngoại thành
9425			Xã Thiệu Lý	CÓ	Ngoại thành
9426			Xã Thiệu Vận	CÓ	Ngoại thành
9427			Xã Thiệu Trung	CÓ	Ngoại thành
9428			Xã Tân Châu	CÓ	Ngoại thành
9429			Xã Thiệu Giao	CÓ	Ngoại thành
9430		Huyện Thọ Xuân	Xã Xuân Hồng	CÓ	Ngoại thành
9431			Thị trấn Thọ Xuân	CÓ	Ngoại thành
9432			Xã Bắc Lương	CÓ	Ngoại thành
9433			Xã Nam Giang	CÓ	Ngoại thành
9434			Xã Xuân Phong	CÓ	Ngoại thành
9435			Xã Thọ Lộc	CÓ	Ngoại thành
9436			Xã Xuân Trường	CÓ	Ngoại thành
9437			Xã Xuân Hòa	CÓ	Ngoại thành
9438			Xã Thọ Hải	CÓ	Ngoại thành
9439			Xã Tây Hồ	CÓ	Ngoại thành
9440			Xã Xuân Giang	CÓ	Ngoại thành
9441			Xã Xuân Sinh	CÓ	Ngoại thành
9442			Xã Xuân Hưng	CÓ	Ngoại thành
9443			Xã Thọ Diên	CÓ	Ngoại thành
9444			Xã Thọ Lâm	CÓ	Ngoại thành
9445			Xã Thọ Xương	CÓ	Ngoại thành
9446			Xã Xuân Bái	CÓ	Ngoại thành
9447			Xã Xuân Phú	CÓ	Ngoại thành
9448			Thị trấn Sao Vàng	CÓ	Ngoại thành
9449			Thị trấn Lam Sơn	CÓ	Ngoại thành
9450			Xã Xuân Thiên	CÓ	Ngoại thành
9451			Xã Thuận Minh	CÓ	Ngoại thành
9452			Xã Thọ Lập	CÓ	Ngoại thành
9453			Xã Quảng Phú	CÓ	Ngoại thành
9454			Xã Xuân Tín	CÓ	Ngoại thành
9455			Xã Phú Xuân	CÓ	Ngoại thành
9456			Xã Xuân Lai	CÓ	Ngoại thành
9457			Xã Xuân Lập	CÓ	Ngoại thành
9458			Xã Xuân Minh	CÓ	Ngoại thành
9459			Xã Trường Xuân	CÓ	Ngoại thành
9460		Huyện Thường Xuân	Xã Bát Mọt	KHÔNG	Ngoại thành
9461			Xã Yên Nhân	KHÔNG	Ngoại thành

9462	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Thường Xuân	Xã Xuân Lẹ	KHÔNG	Ngoại thành
9463			Xã Vạn Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9464			Xã Lương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9465			Xã Xuân Cao	KHÔNG	Ngoại thành
9466			Xã Luận Thành	KHÔNG	Ngoại thành
9467			Xã Luận Khê	KHÔNG	Ngoại thành
9468			Xã Xuân Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
9469			Xã Xuân Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
9470			Thị trấn Thường Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9471			Xã Xuân Dương	KHÔNG	Ngoại thành
9472			Xã Thọ Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
9473			Xã Ngọc Phụng	KHÔNG	Ngoại thành
9474			Xã Xuân Chinh	KHÔNG	Ngoại thành
9475			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
9476		Huyện Triệu Sơn	Thị trấn Triệu Sơn	CÓ	Ngoại thành
9477			Xã Thọ Sơn	CÓ	Ngoại thành
9478			Xã Thọ Bình	CÓ	Ngoại thành
9479			Xã Thọ Tiến	CÓ	Ngoại thành
9480			Xã Hợp Lý	CÓ	Ngoại thành
9481			Xã Hợp Tiến	CÓ	Ngoại thành
9482			Xã Hợp Thành	CÓ	Ngoại thành
9483			Xã Triệu Thành	CÓ	Ngoại thành
9484			Xã Hợp Thắng	CÓ	Ngoại thành
9485			Xã Minh Sơn	CÓ	Ngoại thành
9486			Xã Dân Lực	CÓ	Ngoại thành
9487			Xã Dân Lý	CÓ	Ngoại thành
9488			Xã Dân Quyền	CÓ	Ngoại thành
9489			Xã An Nông	CÓ	Ngoại thành
9490			Xã Văn Sơn	CÓ	Ngoại thành
9491			Xã Thái Hòa	CÓ	Ngoại thành
9492			Thị trấn Nưa	CÓ	Ngoại thành
9493			Xã Đồng Lợi	CÓ	Ngoại thành
9494			Xã Đồng Tiến	CÓ	Ngoại thành
9495			Xã Đồng Thắng	CÓ	Ngoại thành
9496			Xã Tiến Nông	CÓ	Ngoại thành
9497			Xã Khuyến Nông	CÓ	Ngoại thành
9498			Xã Xuân Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9499			Xã Xuân Lộc	CÓ	Ngoại thành
9500			Xã Thọ Dân	CÓ	Ngoại thành
9501			Xã Xuân Thọ	CÓ	Ngoại thành
9502			Xã Thọ Tân	CÓ	Ngoại thành

9503	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Triệu Sơn	Xã Thọ Ngọc	CÓ	Ngoại thành
9504			Xã Thọ Cường	CÓ	Ngoại thành
9505			Xã Thọ Phú	CÓ	Ngoại thành
9506			Xã Thọ Vực	CÓ	Ngoại thành
9507			Xã Thọ Thế	CÓ	Ngoại thành
9508			Xã Nông Trường	CÓ	Ngoại thành
9509			Xã Bình Sơn	CÓ	Ngoại thành
9510		Huyện Vĩnh Lộc	Thị trấn Vĩnh Lộc	CÓ	Ngoại thành
9511			Xã Vĩnh Quang	CÓ	Ngoại thành
9512			Xã Vĩnh Yên	CÓ	Ngoại thành
9513			Xã Vĩnh Tiến	CÓ	Ngoại thành
9514			Xã Vĩnh Long	CÓ	Ngoại thành
9515			Xã Vĩnh Phúc	CÓ	Ngoại thành
9516			Xã Vĩnh Hưng	CÓ	Ngoại thành
9517			Xã Vĩnh Hòa	CÓ	Ngoại thành
9518			Xã Vĩnh Hùng	CÓ	Ngoại thành
9519			Xã Minh Tân	CÓ	Ngoại thành
9520			Xã Ninh Khang	CÓ	Ngoại thành
9521			Xã Vĩnh Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9522			Xã Vĩnh An	CÓ	Ngoại thành
9523		Huyện Yên Định	Thị trấn Thống Nhất	CÓ	Ngoại thành
9524			Thị trấn Yên Lâm	CÓ	Ngoại thành
9525			Xã Yên Tâm	CÓ	Ngoại thành
9526			Xã Yên Phú	CÓ	Ngoại thành
9527			Thị trấn Quý Lộc	CÓ	Ngoại thành
9528			Xã Yên Thọ	CÓ	Ngoại thành
9529			Xã Yên Trung	CÓ	Ngoại thành
9530			Xã Yên Trường	CÓ	Ngoại thành
9531			Xã Yên Phong	CÓ	Ngoại thành
9532			Xã Yên Thái	CÓ	Ngoại thành
9533			Xã Yên Hùng	CÓ	Ngoại thành
9534			Xã Yên Thịnh	CÓ	Ngoại thành
9535			Xã Yên Ninh	CÓ	Ngoại thành
9536			Xã Yên Lạc	CÓ	Ngoại thành
9537			Xã Định Tăng	CÓ	Ngoại thành
9538			Xã Định Hòa	CÓ	Ngoại thành
9539			Xã Định Thành	CÓ	Ngoại thành
9540			Xã Định Công	CÓ	Ngoại thành
9541			Xã Định Tân	CÓ	Ngoại thành
9542			Xã Định Tiến	CÓ	Ngoại thành
9543			Xã Định Long	CÓ	Ngoại thành

9544	Tỉnh Thanh Hóa	Huyện Yên Định	Xã Định Liên	CÓ	Ngoại thành
9545			Thị trấn Quán Lào	CÓ	Ngoại thành
9546			Xã Định Hưng	CÓ	Ngoại thành
9547			Xã Định Hải	CÓ	Ngoại thành
9548			Xã Định Bình	CÓ	Ngoại thành
9549		Thành phố Sầm Sơn	Phường Trung Sơn	CÓ	Ngoại thành
9550			Phường Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
9551			Phường Trường Sơn	CÓ	Ngoại thành
9552			Phường Quảng Cư	CÓ	Ngoại thành
9553			Phường Quảng Tiến	CÓ	Ngoại thành
9554			Xã Quảng Minh	CÓ	Ngoại thành
9555			Xã Quảng Hùng	CÓ	Ngoại thành
9556			Phường Quảng Thọ	CÓ	Ngoại thành
9557			Phường Quảng Châu	CÓ	Ngoại thành
9558			Phường Quảng Vinh	CÓ	Ngoại thành
9559			Xã Quảng Đại	CÓ	Ngoại thành
9560		Thành phố Thanh Hóa	Phường Hàm Rồng	CÓ	Nội thành
9561			Phường Đông Thọ	CÓ	Nội thành
9562			Phường Nam Ngạn	CÓ	Nội thành
9563			Phường Trường Thi	CÓ	Nội thành
9564			Phường Điện Biên	CÓ	Nội thành
9565			Phường Phú Sơn	CÓ	Nội thành
9566			Phường Lam Sơn	CÓ	Nội thành
9567			Phường Ba Đình	CÓ	Nội thành
9568			Phường Ngọc Trạo	CÓ	Nội thành
9569			Phường Đông Vệ	CÓ	Nội thành
9570			Phường Đông Sơn	CÓ	Nội thành
9571			Phường Tân Sơn	CÓ	Nội thành
9572			Phường Đông Cương	CÓ	Nội thành
9573			Phường Đông Hương	CÓ	Nội thành
9574			Phường Đồng Hải	CÓ	Nội thành
9575			Phường Quảng Hưng	CÓ	Nội thành
9576			Phường Quảng Thắng	CÓ	Nội thành
9577			Phường Quảng Thành	CÓ	Nội thành
9578			Xã Thiệu Văn	CÓ	Nội thành
9579			Phường Thiệu Khánh	CÓ	Nội thành
9580			Phường Thiệu Dương	CÓ	Nội thành
9581			Phường Tào Xuyên	CÓ	Nội thành
9582			Phường Long Anh	CÓ	Nội thành
9583			Xã Hoằng Quang	CÓ	Nội thành
9584			Xã Hoằng Đại	CÓ	Nội thành

9585	Tỉnh Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa	Phường Đông Lĩnh	CÓ	Nội thành
9586			Xã Đông Vinh	CÓ	Nội thành
9587			Phường Đông Tân	CÓ	Nội thành
9588			Phường An Hưng	CÓ	Nội thành
9589			Phường Quảng Thịnh	CÓ	Nội thành
9590			Phường Quảng Đông	CÓ	Nội thành
9591			Phường Quảng Cát	CÓ	Nội thành
9592			Xã Quảng Phú	CÓ	Nội thành
9593			Phường Quảng Tâm	CÓ	Nội thành
9594		Thị xã Bỉm Sơn	Phường Bắc Sơn	CÓ	Ngoại thành
9595			Phường Ba Đình	CÓ	Ngoại thành
9596			Phường Lam Sơn	CÓ	Ngoại thành
9597			Phường Ngọc Trạo	CÓ	Ngoại thành
9598			Phường Đông Sơn	CÓ	Ngoại thành
9599			Phường Phú Sơn	CÓ	Ngoại thành
9600			Xã Quang Trung	CÓ	Ngoại thành
9601		Thị xã Nghi Sơn	Phường Hải Hòa	CÓ	Nội thành
9602			Phường Hải Châu	CÓ	Nội thành
9603			Xã Thanh Thủy	CÓ	Nội thành
9604			Xã Thanh Sơn	CÓ	Nội thành
9605			Phường Hải Ninh	CÓ	Nội thành
9606			Xã Anh Sơn	CÓ	Nội thành
9607			Xã Ngọc Lĩnh	CÓ	Nội thành
9608			Phường Hải An	CÓ	Nội thành
9609			Xã Các Sơn	CÓ	Nội thành
9610			Phường Tân Dân	CÓ	Nội thành
9611			Phường Hải Lĩnh	CÓ	Nội thành
9612			Xã Định Hải	CÓ	Nội thành
9613			Xã Phú Sơn	CÓ	Nội thành
9614			Phường Ninh Hải	CÓ	Nội thành
9615			Phường Nguyên Bình	CÓ	Nội thành
9616			Xã Hải Nhân	CÓ	Nội thành
9617			Phường Bình Minh	CÓ	Nội thành
9618			Phường Hải Thanh	CÓ	Nội thành
9619			Xã Phú Lâm	CÓ	Nội thành
9620			Phường Xuân Lâm	CÓ	Nội thành
9621			Phường Trúc Lâm	CÓ	Nội thành
9622			Phường Hải Bình	CÓ	Nội thành
9623			Xã Tân Trường	CÓ	Nội thành
9624			Xã Tùng Lâm	CÓ	Nội thành
9625			Phường Tĩnh Hải	CÓ	Nội thành

9626	Tỉnh Thanh Hóa	Thị xã Nghi Sơn	Phường Mai Lâm	CÓ	Nội thành
9627			Xã Trường Lâm	CÓ	Nội thành
9628			Xã Hải Yến	CÓ	Nội thành
9629			Phường Hải Thượng	CÓ	Nội thành
9630			Xã Nghi Sơn	CÓ	Nội thành
9631			Xã Hải Hà	CÓ	Nội thành
9632	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Huyện A Lưới	Thị trấn A Lưới	KHÔNG	Ngoại thành
9633			Xã Hồng Vân	KHÔNG	Ngoại thành
9634			Xã Hồng Hạ	KHÔNG	Ngoại thành
9635			Xã Hồng Kim	KHÔNG	Ngoại thành
9636			Xã Trung Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9637			Xã Hương Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
9638			Xã Hồng Bắc	KHÔNG	Ngoại thành
9639			Xã A Ngo	KHÔNG	Ngoại thành
9640			Xã Sơn Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
9641			Xã Phú Vinh	KHÔNG	Ngoại thành
9642			Xã Hương Phong	KHÔNG	Ngoại thành
9643			Xã Quảng Nhâm	KHÔNG	Ngoại thành
9644			Xã Hồng Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
9645			Xã Hồng Thái	KHÔNG	Ngoại thành
9646			Xã A Roảng	KHÔNG	Ngoại thành
9647			Xã Đông Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9648			Xã Lâm Đốt	KHÔNG	Ngoại thành
9649			Xã Hồng Thủy	KHÔNG	Ngoại thành
9650		Huyện Nam Đông	Thị trấn Khe Tre	KHÔNG	Ngoại thành
9651			Xã Hương Phú	KHÔNG	Ngoại thành
9652			Xã Hương Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
9653			Xã Hương Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
9654			Xã Thượng Quảng	KHÔNG	Ngoại thành
9655			Xã Hương Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
9656			Xã Hương Hữu	KHÔNG	Ngoại thành
9657			Xã Thượng Lộ	KHÔNG	Ngoại thành
9658			Xã Thượng Long	KHÔNG	Ngoại thành
9659			Xã Thượng Nhật	KHÔNG	Ngoại thành
9660		Huyện Phong Điền	Thị trấn Phong Điền	CÓ	Ngoại thành
9661			Xã Điền Hương	CÓ	Ngoại thành
9662			Xã Điền Môn	CÓ	Ngoại thành
9663			Xã Điền Lộc	CÓ	Ngoại thành
9664			Xã Phong Bình	CÓ	Ngoại thành
9665			Xã Điền Hòa	CÓ	Ngoại thành
9666			Xã Phong Chương	CÓ	Ngoại thành

9667	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Huyện Phong Điền	Xã Phong Hải	CÓ	Ngoại thành
9668			Xã Điền Hải	CÓ	Ngoại thành
9669			Xã Phong Hòa	CÓ	Ngoại thành
9670			Xã Phong Thu	CÓ	Ngoại thành
9671			Xã Phong Hiền	CÓ	Ngoại thành
9672			Xã Phong Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9673			Xã Phong An	CÓ	Ngoại thành
9674			Xã Phong Xuân	CÓ	Ngoại thành
9675			Xã Phong Sơn	CÓ	Ngoại thành
9676		Huyện Phú Lộc	Thị trấn Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
9677			Thị trấn Lăng Cô	CÓ	Ngoại thành
9678			Xã Vinh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9679			Xã Vinh Hưng	CÓ	Ngoại thành
9680			Xã Giang Hải	CÓ	Ngoại thành
9681			Xã Vinh Hiền	CÓ	Ngoại thành
9682			Xã Lộc Bồn	CÓ	Ngoại thành
9683			Xã Lộc Sơn	CÓ	Ngoại thành
9684			Xã Lộc Bình	CÓ	Ngoại thành
9685			Xã Lộc Vĩnh	CÓ	Ngoại thành
9686			Xã Lộc An	CÓ	Ngoại thành
9687			Xã Lộc Điền	CÓ	Ngoại thành
9688			Xã Lộc Thủy	CÓ	Ngoại thành
9689			Xã Lộc Trì	CÓ	Ngoại thành
9690			Xã Lộc Tiến	CÓ	Ngoại thành
9691			Xã Lộc Hòa	CÓ	Ngoại thành
9692			Xã Xuân Lộc	CÓ	Ngoại thành
9693		Huyện Phú Vang	Thị trấn Thuận An	CÓ	Ngoại thành
9694			Xã Phú Thuận	CÓ	Ngoại thành
9695			Xã Phú Dương	CÓ	Ngoại thành
9696			Xã Phú Mậu	CÓ	Ngoại thành
9697			Xã Phú An	CÓ	Ngoại thành
9698			Xã Phú Hải	CÓ	Ngoại thành
9699			Xã Phú Xuân	CÓ	Ngoại thành
9700			Xã Phú Diên	CÓ	Ngoại thành
9701			Xã Phú Thanh	CÓ	Ngoại thành
9702			Xã Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9703			Xã Phú Thượng	CÓ	Ngoại thành
9704			Xã Phú Hồ	CÓ	Ngoại thành
9705			Xã Vinh Xuân	CÓ	Ngoại thành
9706			Xã Phú Lương	CÓ	Ngoại thành
9707			Thị trấn Phú Đa	CÓ	Ngoại thành

9708	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Huyện Phú Vang	Xã Vinh Thanh	CÓ	Ngoại thành
9709			Xã Vinh An	CÓ	Ngoại thành
9710			Xã Phú Gia	CÓ	Ngoại thành
9711			Xã Vinh Hà	CÓ	Ngoại thành
9712		Huyện Quảng Điền	Thị trấn Sịa	CÓ	Ngoại thành
9713			Xã Quảng Thái	CÓ	Ngoại thành
9714			Xã Quảng Ngạn	CÓ	Ngoại thành
9715			Xã Quảng Lợi	CÓ	Ngoại thành
9716			Xã Quảng Công	CÓ	Ngoại thành
9717			Xã Quảng Phước	CÓ	Ngoại thành
9718			Xã Quảng Vinh	CÓ	Ngoại thành
9719			Xã Quảng An	CÓ	Ngoại thành
9720			Xã Quảng Thành	CÓ	Ngoại thành
9721			Xã Quảng Thọ	CÓ	Ngoại thành
9722			Xã Quảng Phú	CÓ	Ngoại thành
9723		Thành phố Huế	Phường Gia Hội	CÓ	Nội thành
9724			Phường Đông Ba	CÓ	Nội thành
9725			Phường Thủy Vân	CÓ	Nội thành
9726			Phường Hương Vinh	CÓ	Nội thành
9727			Phường Phú Thuận	CÓ	Nội thành
9728			Phường Phú Bình	CÓ	Nội thành
9729			Phường Tây Lộc	CÓ	Nội thành
9730			Phường Thuận Lộc	CÓ	Nội thành
9731			Phường Phú Hậu	CÓ	Nội thành
9732			Phường Thuận Hòa	CÓ	Nội thành
9733			Phường Kim Long	CÓ	Nội thành
9734			Phường Vĩ Dạ	CÓ	Nội thành
9735			Phường Phường Đúc	CÓ	Nội thành
9736			Phường Vĩnh Ninh	CÓ	Nội thành
9737			Phường Phú Hội	CÓ	Nội thành
9738			Phường Phú Nhuận	CÓ	Nội thành
9739			Phường Xuân Phú	CÓ	Nội thành
9740			Phường Trường An	CÓ	Nội thành
9741			Phường Phước Vĩnh	CÓ	Nội thành
9742			Phường An Cựu	CÓ	Nội thành
9743			Phường An Hòa	CÓ	Nội thành
9744			Phường Hương Sơ	CÓ	Nội thành
9745			Phường Thủy Biều	CÓ	Nội thành
9746			Phường Hương Long	CÓ	Nội thành
9747			Phường Thủy Xuân	CÓ	Nội thành
9748			Phường An Đông	CÓ	Nội thành

9749	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thành phố Huế	Phường An Tây	CÓ	Nội thành
9750			Xã Hương Thọ	CÓ	Nội thành
9751		Thị xã Hương Thủy	Phường Phú Bài	CÓ	Nội thành
9752			Xã Thủy Thanh	CÓ	Nội thành
9753			Phường Thủy Dương	CÓ	Nội thành
9754			Phường Thủy Phương	CÓ	Nội thành
9755			Phường Thủy Châu	CÓ	Nội thành
9756			Phường Thủy Lương	CÓ	Nội thành
9757			Xã Thủy Bằng	CÓ	Nội thành
9758			Xã Thủy Tân	CÓ	Nội thành
9759			Xã Thủy Phú	CÓ	Nội thành
9760			Xã Phú Sơn	CÓ	Nội thành
9761			Xã Dương Hòa	CÓ	Nội thành
9762		Thị xã Hương Trà	Phường Tứ Hạ	CÓ	Ngoại thành
9763			Xã Hải Dương	CÓ	Ngoại thành
9764			Xã Hương Phong	CÓ	Ngoại thành
9765			Xã Hương Toàn	CÓ	Ngoại thành
9766			Phường Hương Vân	CÓ	Ngoại thành
9767			Phường Hương Văn	CÓ	Ngoại thành
9768			Phường Hương Xuân	CÓ	Ngoại thành
9769			Phường Hương Chữ	CÓ	Ngoại thành
9770			Phường Hương An	CÓ	Ngoại thành
9771			Xã Hương Bình	CÓ	Ngoại thành
9772			Phường Hương Hồ	CÓ	Ngoại thành
9773			Xã Bình Tiến	CÓ	Ngoại thành
9774			Xã Bình Thành	CÓ	Ngoại thành
9775	Tỉnh Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Thị trấn Cái Bè	CÓ	Ngoại thành
9776			Xã Hậu Mỹ Bắc B	CÓ	Ngoại thành
9777			Xã Hậu Mỹ Bắc A	CÓ	Ngoại thành
9778			Xã Mỹ Trung	CÓ	Ngoại thành
9779			Xã Hậu Mỹ Trinh	CÓ	Ngoại thành
9780			Xã Hậu Mỹ Phú	CÓ	Ngoại thành
9781			Xã Mỹ Tân	CÓ	Ngoại thành
9782			Xã Mỹ Lợi B	CÓ	Ngoại thành
9783			Xã Thiện Trung	CÓ	Ngoại thành
9784			Xã Mỹ Hội	CÓ	Ngoại thành
9785			Xã An Cư	CÓ	Ngoại thành
9786			Xã Hậu Thành	CÓ	Ngoại thành
9787			Xã Mỹ Lợi A	CÓ	Ngoại thành
9788			Xã Hòa Khánh	CÓ	Ngoại thành
9789			Xã Thiện Trí	CÓ	Ngoại thành

9790	Tỉnh Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Xã Mỹ Đức Đông	CÓ	Ngoại thành
9791			Xã Mỹ Đức Tây	CÓ	Ngoại thành
9792			Xã Đông Hòa Hiệp	CÓ	Ngoại thành
9793			Xã An Thái Đông	CÓ	Ngoại thành
9794			Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
9795			Xã Mỹ Lương	CÓ	Ngoại thành
9796			Xã Tân Thanh	CÓ	Ngoại thành
9797			Xã An Thái Trung	CÓ	Ngoại thành
9798			Xã An Hữu	CÓ	Ngoại thành
9799			Xã Hòa Hưng	CÓ	Ngoại thành
9800		Huyện Cai Lậy	Xã Thạnh Lộc	CÓ	Ngoại thành
9801			Xã Mỹ Thành Bắc	CÓ	Ngoại thành
9802			Xã Phú Cường	CÓ	Ngoại thành
9803			Xã Mỹ Thành Nam	CÓ	Ngoại thành
9804			Xã Phú Nhuận	CÓ	Ngoại thành
9805			Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
9806			Xã Cẩm Sơn	CÓ	Ngoại thành
9807			Xã Phú An	CÓ	Ngoại thành
9808			Xã Mỹ Long	CÓ	Ngoại thành
9809			Xã Long Tiên	CÓ	Ngoại thành
9810			Xã Hiệp Đức	CÓ	Ngoại thành
9811			Xã Long Trung	CÓ	Ngoại thành
9812			Xã Hội Xuân	CÓ	Ngoại thành
9813			Xã Tân Phong	CÓ	Ngoại thành
9814			Xã Tam Bình	CÓ	Ngoại thành
9815			Xã Ngũ Hiệp	CÓ	Ngoại thành
9816		Huyện Châu Thành	Thị trấn Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
9817			Xã Tân Hội Đông	CÓ	Ngoại thành
9818			Xã Tân Hương	CÓ	Ngoại thành
9819			Xã Tân Lý Đông	CÓ	Ngoại thành
9820			Xã Tân Lý Tây	CÓ	Ngoại thành
9821			Xã Thân Cửu Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
9822			Xã Tam Hiệp	CÓ	Ngoại thành
9823			Xã Diềm Hy	CÓ	Ngoại thành
9824			Xã Nhị Bình	CÓ	Ngoại thành
9825			Xã Dưỡng Diềm	CÓ	Ngoại thành
9826			Xã Đông Hòa	CÓ	Ngoại thành
9827			Xã Long Định	CÓ	Ngoại thành
9828			Xã Hữu Đạo	CÓ	Ngoại thành
9829			Xã Long An	CÓ	Ngoại thành
9830			Xã Long Hưng	CÓ	Ngoại thành

9831	Tỉnh Tiền Giang	Huyện Châu Thành	Xã Bình Trưng	CÓ	Ngoại thành
9832			Xã Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
9833			Xã Bàn Long	CÓ	Ngoại thành
9834			Xã Vĩnh Kim	CÓ	Ngoại thành
9835			Xã Bình Đức	CÓ	Ngoại thành
9836			Xã Song Thuận	CÓ	Ngoại thành
9837			Xã Kim Sơn	CÓ	Ngoại thành
9838			Xã Phú Phong	CÓ	Ngoại thành
9839		Huyện Chợ Gạo	Thị trấn Chợ Gạo	CÓ	Ngoại thành
9840			Xã Trung Hòa	CÓ	Ngoại thành
9841			Xã Hòa Tịnh	CÓ	Ngoại thành
9842			Xã Mỹ Tịnh An	CÓ	Ngoại thành
9843			Xã Tân Bình Thạnh	CÓ	Ngoại thành
9844			Xã Phú Kiết	CÓ	Ngoại thành
9845			Xã Lương Hòa Lạc	CÓ	Ngoại thành
9846			Xã Thanh Bình	CÓ	Ngoại thành
9847			Xã Quơn Long	CÓ	Ngoại thành
9848			Xã Bình Phục Nhút	CÓ	Ngoại thành
9849			Xã Đăng Hưng Phước	CÓ	Ngoại thành
9850			Xã Tân Thuận Bình	CÓ	Ngoại thành
9851			Xã Song Bình	CÓ	Ngoại thành
9852			Xã Bình Phan	CÓ	Ngoại thành
9853			Xã Long Bình Điền	CÓ	Ngoại thành
9854			Xã An Thạnh Thủy	CÓ	Ngoại thành
9855			Xã Xuân Đông	CÓ	Ngoại thành
9856			Xã Hòa Định	CÓ	Ngoại thành
9857			Xã Bình Ninh	CÓ	Ngoại thành
9858		Huyện Gò Công Đông	Thị trấn Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
9859			Xã Tăng Hoà	CÓ	Ngoại thành
9860			Xã Tân Phước	CÓ	Ngoại thành
9861			Xã Gia Thuận	CÓ	Ngoại thành
9862			Thị trấn Vàm Láng	CÓ	Ngoại thành
9863			Xã Tân Tây	CÓ	Ngoại thành
9864			Xã Kiểng Phước	CÓ	Ngoại thành
9865			Xã Tân Đông	CÓ	Ngoại thành
9866			Xã Bình Ân	CÓ	Ngoại thành
9867			Xã Tân Điền	CÓ	Ngoại thành
9868			Xã Bình Nghị	CÓ	Ngoại thành
9869			Xã Phước Trung	CÓ	Ngoại thành
9870			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
9871		Huyện Gò Công Tây	Thị trấn Vĩnh Bình	CÓ	Ngoại thành

9872	Tỉnh Tiền Giang	Huyện Gò Công Tây	Xã Đồng Sơn	CÓ	Ngoại thành
9873			Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
9874			Xã Đồng Thạnh	CÓ	Ngoại thành
9875			Xã Thành Công	CÓ	Ngoại thành
9876			Xã Bình Nhì	CÓ	Ngoại thành
9877			Xã Yên Luông	CÓ	Ngoại thành
9878			Xã Thạnh Trị	CÓ	Ngoại thành
9879			Xã Thạnh Nhựt	CÓ	Ngoại thành
9880			Xã Long Vĩnh	CÓ	Ngoại thành
9881			Xã Bình Tân	CÓ	Ngoại thành
9882			Xã Vĩnh Hựu	CÓ	Ngoại thành
9883			Xã Long Bình	CÓ	Ngoại thành
9884		Huyện Tân Phú Đông	Xã Tân Thới	CÓ	Ngoại thành
9885			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
9886			Xã Phú Thạnh	CÓ	Ngoại thành
9887			Xã Tân Thạnh	CÓ	Ngoại thành
9888			Xã Phú Đông	CÓ	Ngoại thành
9889			Xã Phú Tân	CÓ	Ngoại thành
9890		Huyện Tân Phước	Thị trấn Mỹ Phước	CÓ	Ngoại thành
9891			Xã Tân Hòa Đông	CÓ	Ngoại thành
9892			Xã Thạnh Tân	CÓ	Ngoại thành
9893			Xã Thạnh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9894			Xã Thạnh Hoà	CÓ	Ngoại thành
9895			Xã Phú Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9896			Xã Tân Hòa Thành	CÓ	Ngoại thành
9897			Xã Hưng Thạnh	CÓ	Ngoại thành
9898			Xã Tân Lập 1	CÓ	Ngoại thành
9899			Xã Tân Hòa Tây	CÓ	Ngoại thành
9900			Xã Tân Lập 2	CÓ	Ngoại thành
9901			Xã Phước Lập	CÓ	Ngoại thành
9902		Thành phố Mỹ Tho	Phường 3	CÓ	Nội thành
9903			Phường 2	CÓ	Nội thành
9904			Phường 8	CÓ	Nội thành
9905			Phường Tân Long	CÓ	Nội thành
9906			Xã Thới Sơn	CÓ	Nội thành
9907			Xã Đạo Thạnh	CÓ	Nội thành
9908			Phường 9	CÓ	Nội thành
9909			Phường 5	CÓ	Nội thành
9910			Phường 4	CÓ	Nội thành
9911			Phường 7	CÓ	Nội thành
9912			Phường 1	CÓ	Nội thành

9913	Tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Phường 6	CÓ	Nội thành
9914			Phường 10	CÓ	Nội thành
9915			Xã Trung An	CÓ	Nội thành
9916			Xã Mỹ Phong	CÓ	Nội thành
9917			Xã Tân Mỹ Chánh	CÓ	Nội thành
9918			Xã Phước Thạnh	CÓ	Nội thành
9919		Thị xã Cai Lậy	Phường 1	CÓ	Ngoại thành
9920			Phường 2	CÓ	Ngoại thành
9921			Phường 3	CÓ	Ngoại thành
9922			Phường 4	CÓ	Ngoại thành
9923			Phường 5	CÓ	Ngoại thành
9924			Xã Mỹ Phước Tây	CÓ	Ngoại thành
9925			Xã Mỹ Hạnh Đông	CÓ	Ngoại thành
9926			Xã Mỹ Hạnh Trung	CÓ	Ngoại thành
9927			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
9928			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
9929			Xã Tân Hội	CÓ	Ngoại thành
9930			Phường Nhị Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9931			Xã Nhị Quý	CÓ	Ngoại thành
9932			Xã Thanh Hòa	CÓ	Ngoại thành
9933			Xã Phú Quý	CÓ	Ngoại thành
9934			Xã Long Khánh	CÓ	Ngoại thành
9935		Thị xã Gò Công	Phường 3	CÓ	Ngoại thành
9936			Phường 2	CÓ	Ngoại thành
9937			Phường 4	CÓ	Ngoại thành
9938			Phường 1	CÓ	Ngoại thành
9939			Phường 5	CÓ	Ngoại thành
9940			Xã Long Hưng	CÓ	Ngoại thành
9941			Xã Long Thuận	CÓ	Ngoại thành
9942			Xã Long Chánh	CÓ	Ngoại thành
9943			Xã Long Hòa	CÓ	Ngoại thành
9944			Xã Bình Đông	CÓ	Ngoại thành
9945			Xã Bình Xuân	CÓ	Ngoại thành
9946			Xã Tân Trung	CÓ	Ngoại thành
9947	Tỉnh Trà Vinh	Huyện Càng Long	Thị trấn Càng Long	CÓ	Ngoại thành
9948			Xã Mỹ Cẩm	CÓ	Ngoại thành
9949			Xã An Trường A	CÓ	Ngoại thành
9950			Xã An Trường	CÓ	Ngoại thành
9951			Xã Huyền Hội	CÓ	Ngoại thành
9952			Xã Tân An	CÓ	Ngoại thành
9953			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành

9954	Tỉnh Trà Vinh	Huyện Càng Long	Xã Bình Phú	CÓ	Ngoại thành
9955			Xã Phương Thạnh	CÓ	Ngoại thành
9956			Xã Đại Phúc	CÓ	Ngoại thành
9957			Xã Đại Phước	CÓ	Ngoại thành
9958			Xã Nhị Long Phú	CÓ	Ngoại thành
9959			Xã Nhị Long	CÓ	Ngoại thành
9960			Xã Đức Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9961		Huyện Cầu Kè	Thị trấn Cầu Kè	CÓ	Ngoại thành
9962			Xã Hòa Ân	CÓ	Ngoại thành
9963			Xã Châu Diên	CÓ	Ngoại thành
9964			Xã An Phú Tân	CÓ	Ngoại thành
9965			Xã Hoà Tân	CÓ	Ngoại thành
9966			Xã Ninh Thới	CÓ	Ngoại thành
9967			Xã Phong Phú	CÓ	Ngoại thành
9968			Xã Phong Thạnh	CÓ	Ngoại thành
9969			Xã Tam Ngãi	CÓ	Ngoại thành
9970			Xã Thông Hòa	CÓ	Ngoại thành
9971			Xã Thạnh Phú	CÓ	Ngoại thành
9972		Huyện Cầu Ngang	Thị trấn Cầu Ngang	CÓ	Ngoại thành
9973			Thị trấn Mỹ Long	CÓ	Ngoại thành
9974			Xã Mỹ Long Bắc	CÓ	Ngoại thành
9975			Xã Mỹ Long Nam	CÓ	Ngoại thành
9976			Xã Mỹ Hòa	CÓ	Ngoại thành
9977			Xã Vĩnh Kim	CÓ	Ngoại thành
9978			Xã Kim Hòa	CÓ	Ngoại thành
9979			Xã Hiệp Hòa	CÓ	Ngoại thành
9980			Xã Thuận Hòa	CÓ	Ngoại thành
9981			Xã Long Sơn	CÓ	Ngoại thành
9982			Xã Nhị Trường	CÓ	Ngoại thành
9983			Xã Trường Thọ	CÓ	Ngoại thành
9984			Xã Hiệp Mỹ Đông	CÓ	Ngoại thành
9985			Xã Hiệp Mỹ Tây	CÓ	Ngoại thành
9986			Xã Thạnh Hòa Sơn	CÓ	Ngoại thành
9987		Huyện Châu Thành	Thị trấn Châu Thành	CÓ	Ngoại thành
9988			Xã Đa Lộc	CÓ	Ngoại thành
9989			Xã Mỹ Chánh	CÓ	Ngoại thành
9990			Xã Thanh Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9991			Xã Lương Hoà A	CÓ	Ngoại thành
9992			Xã Lương Hòa	CÓ	Ngoại thành
9993			Xã Song Lộc	CÓ	Ngoại thành
9994			Xã Nguyệt Hóa	CÓ	Ngoại thành

9995	Tỉnh Trà Vinh	Huyện Châu Thành	Xã Hòa Thuận	CÓ	Ngoại thành
9996			Xã Hòa Lợi	CÓ	Ngoại thành
9997			Xã Phước Hảo	CÓ	Ngoại thành
9998			Xã Hưng Mỹ	CÓ	Ngoại thành
9999			Xã Hòa Minh	CÓ	Ngoại thành
10000			Xã Long Hòa	CÓ	Ngoại thành
10001		Huyện Duyên Hải	Xã Long Khánh	CÓ	Ngoại thành
10002			Xã Long Vĩnh	CÓ	Ngoại thành
10003			Thị trấn Long Thành	CÓ	Ngoại thành
10004			Xã Đông Hải	CÓ	Ngoại thành
10005			Xã Đôn Xuân	CÓ	Ngoại thành
10006			Xã Đôn Châu	CÓ	Ngoại thành
10007			Xã Ngũ Lạc	CÓ	Ngoại thành
10008		Huyện Tiểu Cần	Thị trấn Tiểu Cần	CÓ	Ngoại thành
10009			Thị trấn Cầu Quan	CÓ	Ngoại thành
10010			Xã Phú Cần	CÓ	Ngoại thành
10011			Xã Hiếu Tử	CÓ	Ngoại thành
10012			Xã Hiếu Trung	CÓ	Ngoại thành
10013			Xã Long Thới	CÓ	Ngoại thành
10014			Xã Hùng Hòa	CÓ	Ngoại thành
10015			Xã Tân Hùng	CÓ	Ngoại thành
10016			Xã Tập Ngãi	CÓ	Ngoại thành
10017			Xã Ngãi Hùng	CÓ	Ngoại thành
10018			Xã Tân Hòa	CÓ	Ngoại thành
10019		Huyện Trà Cú	Thị trấn Trà Cú	CÓ	Ngoại thành
10020			Thị trấn Định An	CÓ	Ngoại thành
10021			Xã Phước Hưng	CÓ	Ngoại thành
10022			Xã Tập Sơn	CÓ	Ngoại thành
10023			Xã Tân Sơn	CÓ	Ngoại thành
10024			Xã An Quảng Hữu	CÓ	Ngoại thành
10025			Xã Lưu Nghiệp Anh	CÓ	Ngoại thành
10026			Xã Ngãi Xuyên	CÓ	Ngoại thành
10027			Xã Kim Sơn	CÓ	Ngoại thành
10028			Xã Thanh Sơn	CÓ	Ngoại thành
10029			Xã Hàm Giang	CÓ	Ngoại thành
10030			Xã Hàm Tân	CÓ	Ngoại thành
10031			Xã Đại An	CÓ	Ngoại thành
10032			Xã Định An	CÓ	Ngoại thành
10033			Xã Ngọc Biên	CÓ	Ngoại thành
10034			Xã Long Hiệp	CÓ	Ngoại thành
10035			Xã Tân Hiệp	CÓ	Ngoại thành

10036	Tỉnh Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	Phường 4	CÓ	Nội thành
10037			Phường 1	CÓ	Nội thành
10038			Phường 3	CÓ	Nội thành
10039			Phường 2	CÓ	Nội thành
10040			Phường 5	CÓ	Nội thành
10041			Phường 6	CÓ	Nội thành
10042			Phường 7	CÓ	Nội thành
10043			Phường 8	CÓ	Nội thành
10044			Phường 9	CÓ	Nội thành
10045			Xã Long Đức	CÓ	Nội thành
10046		Thị xã Duyên Hải	Phường 1	CÓ	Ngoại thành
10047			Xã Long Toàn	CÓ	Ngoại thành
10048			Phường 2	CÓ	Ngoại thành
10049			Xã Long Hữu	CÓ	Ngoại thành
10050			Xã Dân Thành	CÓ	Ngoại thành
10051			Xã Trường Long Hòa	CÓ	Ngoại thành
10052			Xã Hiệp Thạnh	CÓ	Ngoại thành
10053	Tỉnh Tuyên Quang	Huyện Chiêm Hóa	Thị trấn Vĩnh Lộc	KHÔNG	Ngoại thành
10054			Xã Phúc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10055			Xã Minh Quang	KHÔNG	Ngoại thành
10056			Xã Trung Hà	KHÔNG	Ngoại thành
10057			Xã Tân Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
10058			Xã Hà Lang	KHÔNG	Ngoại thành
10059			Xã Hùng Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
10060			Xã Yên Lập	KHÔNG	Ngoại thành
10061			Xã Tân An	KHÔNG	Ngoại thành
10062			Xã Bình Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10063			Xã Xuân Quang	KHÔNG	Ngoại thành
10064			Xã Ngọc Hội	KHÔNG	Ngoại thành
10065			Xã Phú Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10066			Xã Hòa Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10067			Xã Phúc Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10068			Xã Kiên Đài	KHÔNG	Ngoại thành
10069			Xã Tân Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10070			Xã Trung Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
10071			Xã Kim Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10072			Xã Hòa An	KHÔNG	Ngoại thành
10073			Xã Vinh Quang	KHÔNG	Ngoại thành
10074			Xã Tri Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10075			Xã Nhân Lý	KHÔNG	Ngoại thành
10076			Xã Yên Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành

10077	Tỉnh Tuyên Quang	Huyện Chiêm Hóa	Xã Linh Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10078			Xã Bình Nhân	KHÔNG	Ngoại thành
10079		Huyện Hàm Yên	Thị trấn Tân Yên	KHÔNG	Ngoại thành
10080			Xã Yên Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
10081			Xã Bạch Xa	KHÔNG	Ngoại thành
10082			Xã Minh Khương	KHÔNG	Ngoại thành
10083			Xã Yên Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
10084			Xã Minh Dân	KHÔNG	Ngoại thành
10085			Xã Phù Lưu	KHÔNG	Ngoại thành
10086			Xã Minh Hương	KHÔNG	Ngoại thành
10087			Xã Yên Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10088			Xã Tân Thành	KHÔNG	Ngoại thành
10089			Xã Bình Xa	KHÔNG	Ngoại thành
10090			Xã Thái Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10091			Xã Nhân Mục	KHÔNG	Ngoại thành
10092			Xã Thành Long	KHÔNG	Ngoại thành
10093			Xã Bằng Cốc	KHÔNG	Ngoại thành
10094			Xã Thái Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
10095			Xã Đức Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
10096			Xã Hùng Đức	KHÔNG	Ngoại thành
10097		Huyện Lâm Bình	Xã Phúc Yên	KHÔNG	Ngoại thành
10098			Xã Xuân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
10099			Xã Khuôn Hà	KHÔNG	Ngoại thành
10100			Thị trấn Lãng Can	KHÔNG	Ngoại thành
10101			Xã Thượng Lâm	KHÔNG	Ngoại thành
10102			Xã Bình An	KHÔNG	Ngoại thành
10103			Xã Hồng Quang	KHÔNG	Ngoại thành
10104			Xã Thổ Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10105		Huyện Na Hang	Thị trấn Na Hang	KHÔNG	Ngoại thành
10106			Xã Sinh Long	KHÔNG	Ngoại thành
10107			Xã Thượng Giáp	KHÔNG	Ngoại thành
10108			Xã Thượng Nông	KHÔNG	Ngoại thành
10109			Xã Côn Lôn	KHÔNG	Ngoại thành
10110			Xã Yên Hoa	KHÔNG	Ngoại thành
10111			Xã Hồng Thái	KHÔNG	Ngoại thành
10112			Xã Đà Vị	KHÔNG	Ngoại thành
10113			Xã Khau Tinh	KHÔNG	Ngoại thành
10114			Xã Sơn Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10115			Xã Năng Khả	KHÔNG	Ngoại thành
10116			Xã Thanh Tương	KHÔNG	Ngoại thành
10117		Huyện Sơn Dương	Thị trấn Sơn Dương	KHÔNG	Ngoại thành

10118	Tỉnh Tuyên Quang	Huyện Sơn Dương	Xã Trung Yên	KHÔNG	Ngoại thành
10119			Xã Minh Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
10120			Xã Tân Trào	KHÔNG	Ngoại thành
10121			Xã Vĩnh Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
10122			Xã Thượng Ấm	KHÔNG	Ngoại thành
10123			Xã Bình Yên	KHÔNG	Ngoại thành
10124			Xã Lương Thiện	KHÔNG	Ngoại thành
10125			Xã Tú Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10126			Xã Cấp Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
10127			Xã Hợp Thành	KHÔNG	Ngoại thành
10128			Xã Phúc Ứng	KHÔNG	Ngoại thành
10129			Xã Đông Thọ	KHÔNG	Ngoại thành
10130			Xã Kháng Nhật	KHÔNG	Ngoại thành
10131			Xã Hợp Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
10132			Xã Quyết Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
10133			Xã Đồng Quý	KHÔNG	Ngoại thành
10134			Xã Tân Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
10135			Xã Vân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10136			Xã Văn Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10137			Xã Chi Thiết	KHÔNG	Ngoại thành
10138			Xã Đông Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
10139			Xã Thiện Kế	KHÔNG	Ngoại thành
10140			Xã Hồng Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
10141			Xã Phú Lương	KHÔNG	Ngoại thành
10142			Xã Ninh Lai	KHÔNG	Ngoại thành
10143			Xã Đại Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10144			Xã Sơn Nam	KHÔNG	Ngoại thành
10145			Xã Hào Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10146			Xã Tam Đa	KHÔNG	Ngoại thành
10147			Xã Trường Sinh	KHÔNG	Ngoại thành
10148		Huyện Yên Sơn	Xã Quý Quân	KHÔNG	Ngoại thành
10149			Xã Lực Hành	KHÔNG	Ngoại thành
10150			Xã Kiến Thiết	KHÔNG	Ngoại thành
10151			Xã Trung Minh	KHÔNG	Ngoại thành
10152			Xã Chiêu Yên	KHÔNG	Ngoại thành
10153			Xã Trung Trực	KHÔNG	Ngoại thành
10154			Xã Xuân Vân	KHÔNG	Ngoại thành
10155			Xã Phúc Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
10156			Xã Hùng Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
10157			Xã Trung Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10158			Xã Tân Tiến	KHÔNG	Ngoại thành

10159	Tỉnh Tuyên Quang	Huyện Yên Sơn	Xã Tứ Quận	KHÔNG	Ngoại thành
10160			Xã Đạo Viện	KHÔNG	Ngoại thành
10161			Xã Tân Long	KHÔNG	Ngoại thành
10162			Thị trấn Yên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10163			Xã Kim Quan	KHÔNG	Ngoại thành
10164			Xã Lang Quán	KHÔNG	Ngoại thành
10165			Xã Phú Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10166			Xã Công Đa	KHÔNG	Ngoại thành
10167			Xã Trung Môn	KHÔNG	Ngoại thành
10168			Xã Chân Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10169			Xã Thái Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10170			Xã Tiến Bộ	KHÔNG	Ngoại thành
10171			Xã Mỹ Bằng	KHÔNG	Ngoại thành
10172			Xã Hoàng Khai	KHÔNG	Ngoại thành
10173			Xã Nhữ Hán	KHÔNG	Ngoại thành
10174			Xã Nhữ Khê	KHÔNG	Ngoại thành
10175			Xã Đội Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10176		Thành phố Tuyên Quang	Xã Tràng Đà	KHÔNG	Nội thành
10177			Xã An Khang	KHÔNG	Nội thành
10178			Xã Lưỡng Vượng	KHÔNG	Nội thành
10179			Xã Thái Long	KHÔNG	Nội thành
10180			Phường Đội Cấn	KHÔNG	Nội thành
10181			Xã Kim Phú	KHÔNG	Nội thành
10182			Phường Mỹ Lâm	KHÔNG	Nội thành
10183			Phường Phan Thiết	CÓ	Nội thành
10184			Phường Minh Xuân	CÓ	Nội thành
10185			Phường Tân Quang	CÓ	Nội thành
10186			Phường Nông Tiến	CÓ	Nội thành
10187			Phường Ý La	CÓ	Nội thành
10188			Phường Tân Hà	CÓ	Nội thành
10189			Phường Hưng Thành	CÓ	Nội thành
10190			Phường An Tường	CÓ	Nội thành
10191	Tỉnh Vĩnh Long	Huyện Vũng Liêm	Xã Hiếu Phụng	CÓ	Ngoại thành
10192			Xã Hiếu Thuận	CÓ	Ngoại thành
10193			Xã Hiếu Nhơn	CÓ	Ngoại thành
10194			Xã Hiếu Thành	CÓ	Ngoại thành
10195			Xã Quới Thiện	CÓ	Ngoại thành
10196			Xã Thanh Bình	CÓ	Ngoại thành
10197			Xã Hiếu Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
10198			Thị trấn Vũng Liêm	CÓ	Ngoại thành
10199			Xã Tân Quới Trung	CÓ	Ngoại thành

10200	Tỉnh Vĩnh Long	Huyện Vũng Liêm	Xã Quới An	CÓ	Ngoại thành
10201			Xã Trung Chánh	CÓ	Ngoại thành
10202			Xã Tân An Luông	CÓ	Ngoại thành
10203			Xã Trung Thành Tây	CÓ	Ngoại thành
10204			Xã Trung Hiệp	CÓ	Ngoại thành
10205			Xã Trung Thành Đông	CÓ	Ngoại thành
10206			Xã Trung Thành	CÓ	Ngoại thành
10207			Xã Trung Hiếu	CÓ	Ngoại thành
10208			Xã Trung Ngãi	CÓ	Ngoại thành
10209			Xã Trung Nghĩa	CÓ	Ngoại thành
10210			Xã Trung An	CÓ	Ngoại thành
10211		Huyện Bình Tân	Xã Tân Hưng	CÓ	Ngoại thành
10212			Xã Tân Thành	CÓ	Ngoại thành
10213			Xã Thành Trung	CÓ	Ngoại thành
10214			Xã Tân An Thạnh	CÓ	Ngoại thành
10215			Xã Tân Lược	CÓ	Ngoại thành
10216			Xã Nguyễn Văn Thành	CÓ	Ngoại thành
10217			Xã Thành Lợi	CÓ	Ngoại thành
10218			Xã Mỹ Thuận	CÓ	Ngoại thành
10219			Xã Tân Bình	CÓ	Ngoại thành
10220			Thị trấn Tân Quới	CÓ	Ngoại thành
10221		Huyện Long Hồ	Xã Thạnh Quới	CÓ	Ngoại thành
10222			Thị trấn Long Hồ	CÓ	Ngoại thành
10223			Xã Đồng Phú	CÓ	Ngoại thành
10224			Xã Bình Hòa Phước	CÓ	Ngoại thành
10225			Xã Hòa Ninh	CÓ	Ngoại thành
10226			Xã An Bình	CÓ	Ngoại thành
10227			Xã Thanh Đức	CÓ	Ngoại thành
10228			Xã Tân Hạnh	CÓ	Ngoại thành
10229			Xã Phước Hậu	CÓ	Ngoại thành
10230			Xã Long Phước	CÓ	Ngoại thành
10231			Xã Phú Đức	CÓ	Ngoại thành
10232			Xã Lộc Hòa	CÓ	Ngoại thành
10233			Xã Long An	CÓ	Ngoại thành
10234			Xã Phú Quới	CÓ	Ngoại thành
10235			Xã Hòa Phú	CÓ	Ngoại thành
10236		Huyện Mang Thít	Xã Hòa Tịnh	CÓ	Ngoại thành
10237			Xã Tân Long	CÓ	Ngoại thành
10238			Xã Mỹ An	CÓ	Ngoại thành
10239			Xã Mỹ Phước	CÓ	Ngoại thành
10240			Xã An Phước	CÓ	Ngoại thành

10241	Tỉnh Vĩnh Long	Huyện Mang Thít	Xã Nhơn Phú	CÓ	Ngoại thành
10242			Xã Long Mỹ	CÓ	Ngoại thành
10243			Thị trấn Cái Nhum	CÓ	Ngoại thành
10244			Xã Bình Phước	CÓ	Ngoại thành
10245			Xã Chánh An	CÓ	Ngoại thành
10246			Xã Tân An Hội	CÓ	Ngoại thành
10247			Xã Tân Long Hội	CÓ	Ngoại thành
10248		Huyện Tam Bình	Thị trấn Tam Bình	CÓ	Ngoại thành
10249			Xã Tân Lộc	CÓ	Ngoại thành
10250			Xã Phú Thịnh	CÓ	Ngoại thành
10251			Xã Hậu Lộc	CÓ	Ngoại thành
10252			Xã Hòa Thạnh	CÓ	Ngoại thành
10253			Xã Hoà Lộc	CÓ	Ngoại thành
10254			Xã Phú Lộc	CÓ	Ngoại thành
10255			Xã Song Phú	CÓ	Ngoại thành
10256			Xã Hòa Hiệp	CÓ	Ngoại thành
10257			Xã Mỹ Lộc	CÓ	Ngoại thành
10258			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
10259			Xã Long Phú	CÓ	Ngoại thành
10260			Xã Mỹ Thạnh Trung	CÓ	Ngoại thành
10261			Xã Tường Lộc	CÓ	Ngoại thành
10262			Xã Loan Mỹ	CÓ	Ngoại thành
10263			Xã Ngải Tứ	CÓ	Ngoại thành
10264			Xã Bình Ninh	CÓ	Ngoại thành
10265		Huyện Trà Ôn	Xã Lục Sỷ Thành	CÓ	Ngoại thành
10266			Thị trấn Trà Ôn	CÓ	Ngoại thành
10267			Xã Xuân Hiệp	CÓ	Ngoại thành
10268			Xã Nhơn Bình	CÓ	Ngoại thành
10269			Xã Hòa Bình	CÓ	Ngoại thành
10270			Xã Thới Hòa	CÓ	Ngoại thành
10271			Xã Trà Côn	CÓ	Ngoại thành
10272			Xã Tân Mỹ	CÓ	Ngoại thành
10273			Xã Hữu Thành	CÓ	Ngoại thành
10274			Xã Vĩnh Xuân	CÓ	Ngoại thành
10275			Xã Thuận Thới	CÓ	Ngoại thành
10276			Xã Phú Thành	CÓ	Ngoại thành
10277			Xã Thiện Mỹ	CÓ	Ngoại thành
10278			Xã Tích Thiện	CÓ	Ngoại thành
10279		Thành phố Vĩnh Long	Phường 9	CÓ	Nội thành
10280			Phường 5	CÓ	Nội thành
10281			Phường 1	CÓ	Nội thành

10282	Tỉnh Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	Phường 2	CÓ	Nội thành
10283			Phường 4	CÓ	Nội thành
10284			Phường 3	CÓ	Nội thành
10285			Phường 8	CÓ	Nội thành
10286			Phường Tân Ngãi	CÓ	Nội thành
10287			Phường Tân Hòa	CÓ	Nội thành
10288			Phường Tân Hội	CÓ	Nội thành
10289			Phường Trường An	CÓ	Nội thành
10290		Thị xã Bình Minh	Phường Cái Vồn	CÓ	Ngoại thành
10291			Phường Thành Phước	CÓ	Ngoại thành
10292			Xã Thuận An	CÓ	Ngoại thành
10293			Xã Đông Thạnh	CÓ	Ngoại thành
10294			Xã Đông Bình	CÓ	Ngoại thành
10295			Phường Đông Thuận	CÓ	Ngoại thành
10296			Xã Mỹ Hòa	CÓ	Ngoại thành
10297			Xã Đông Thành	CÓ	Ngoại thành
10298	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyện Bình Xuyên	Thị trấn Hương Canh	CÓ	Nội thành
10299			Thị trấn Gia Khánh	CÓ	Nội thành
10300			Xã Trung Mỹ	CÓ	Nội thành
10301			Thị trấn Bá Hiến	CÓ	Nội thành
10302			Xã Thiện Kế	CÓ	Nội thành
10303			Xã Hương Sơn	CÓ	Nội thành
10304			Xã Tam Hợp	CÓ	Nội thành
10305			Xã Quất Lưu	CÓ	Nội thành
10306			Xã Sơn Lôi	CÓ	Nội thành
10307			Thị trấn Đạo Đức	CÓ	Nội thành
10308			Xã Tân Phong	CÓ	Nội thành
10309			Thị trấn Thanh Lãng	CÓ	Nội thành
10310			Xã Phú Xuân	CÓ	Nội thành
10311		Huyện Lập Thạch	Thị trấn Lập Thạch	KHÔNG	Ngoại thành
10312			Xã Quang Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10313			Xã Ngọc Mỹ	KHÔNG	Ngoại thành
10314			Xã Hợp Lý	KHÔNG	Ngoại thành
10315			Xã Bắc Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10316			Xã Thái Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
10317			Thị trấn Hoa Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10318			Xã Liễn Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10319			Xã Xuân Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
10320			Xã Vân Trục	KHÔNG	Ngoại thành
10321			Xã Liên Hòa	KHÔNG	Ngoại thành
10322			Xã Tử Du	KHÔNG	Ngoại thành

10323	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyện Lập Thạch	Xã Bàn Giản	KHÔNG	Ngoại thành
10324			Xã Xuân Lô	KHÔNG	Ngoại thành
10325			Xã Đông Ích	KHÔNG	Ngoại thành
10326			Xã Tiên Lữ	KHÔNG	Ngoại thành
10327			Xã Văn Quán	KHÔNG	Ngoại thành
10328			Xã Đình Chu	KHÔNG	Ngoại thành
10329			Xã Triệu Đề	KHÔNG	Ngoại thành
10330			Xã Sơn Đông	KHÔNG	Ngoại thành
10331		Huyện Sông Lô	Xã Lăng Công	KHÔNG	Ngoại thành
10332			Xã Quang Yên	KHÔNG	Ngoại thành
10333			Xã Bạch Lưu	KHÔNG	Ngoại thành
10334			Xã Hải Lưu	KHÔNG	Ngoại thành
10335			Xã Đông Quế	KHÔNG	Ngoại thành
10336			Xã Nhân Đạo	KHÔNG	Ngoại thành
10337			Xã Đôn Nhân	KHÔNG	Ngoại thành
10338			Xã Phương Khoan	KHÔNG	Ngoại thành
10339			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
10340			Xã Nhạo Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10341			Thị trấn Tam Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10342			Xã Như Thụy	KHÔNG	Ngoại thành
10343			Xã Yên Thạch	KHÔNG	Ngoại thành
10344			Xã Đông Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10345			Xã Tứ Yên	KHÔNG	Ngoại thành
10346			Xã Đức Bác	KHÔNG	Ngoại thành
10347			Xã Cao Phong	KHÔNG	Ngoại thành
10348		Huyện Tam Đảo	Thị trấn Tam Đảo	KHÔNG	Ngoại thành
10349			Thị trấn Hợp Châu	KHÔNG	Ngoại thành
10350			Xã Đạo Trù	KHÔNG	Ngoại thành
10351			Xã Yên Dương	KHÔNG	Ngoại thành
10352			Xã Bồ Lý	KHÔNG	Ngoại thành
10353			Thị trấn Đại Đình	KHÔNG	Ngoại thành
10354			Xã Tam Quan	KHÔNG	Ngoại thành
10355			Xã Hồ Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10356			Xã Minh Quang	KHÔNG	Ngoại thành
10357		Huyện Tam Dương	Thị trấn Hợp Hòa	CÓ	Ngoại thành
10358			Xã Hoàng Hoa	CÓ	Ngoại thành
10359			Xã Đông Tĩnh	CÓ	Ngoại thành
10360			Xã Kim Long	CÓ	Ngoại thành
10361			Xã Hướng Đạo	CÓ	Ngoại thành
10362			Xã Đạo Tú	CÓ	Ngoại thành
10363			Xã An Hòa	CÓ	Ngoại thành

10364	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyện Tam Dương	Xã Thanh Vân	CÓ	Ngoại thành
10365			Xã Duy Phiên	CÓ	Ngoại thành
10366			Xã Hoàng Đan	CÓ	Ngoại thành
10367			Xã Hoàng Lô	CÓ	Ngoại thành
10368			Xã Vân Hội	CÓ	Ngoại thành
10369			Xã Hợp Thịnh	CÓ	Ngoại thành
10370		Huyện Vĩnh Tường	Thị trấn Vĩnh Tường	CÓ	Ngoại thành
10371			Xã Kim Xá	CÓ	Ngoại thành
10372			Xã Yên Bình	CÓ	Ngoại thành
10373			Xã Chấn Hưng	CÓ	Ngoại thành
10374			Xã Nghĩa Hưng	CÓ	Ngoại thành
10375			Xã Yên Lập	CÓ	Ngoại thành
10376			Xã Việt Xuân	CÓ	Ngoại thành
10377			Xã Bồ Sao	CÓ	Ngoại thành
10378			Xã Đại Đồng	CÓ	Ngoại thành
10379			Xã Tân Tiến	CÓ	Ngoại thành
10380			Xã Lũng Hoà	CÓ	Ngoại thành
10381			Xã Cao Đại	CÓ	Ngoại thành
10382			Thị Trấn Thổ Tang	CÓ	Ngoại thành
10383			Xã Vĩnh Sơn	CÓ	Ngoại thành
10384			Xã Bình Dương	CÓ	Ngoại thành
10385			Xã Tân Phú	CÓ	Ngoại thành
10386			Xã Thượng Trưng	CÓ	Ngoại thành
10387			Xã Vũ Di	CÓ	Ngoại thành
10388			Xã Lý Nhân	CÓ	Ngoại thành
10389			Xã Tuân Chính	CÓ	Ngoại thành
10390			Xã Vân Xuân	CÓ	Ngoại thành
10391			Xã Tam Phúc	CÓ	Ngoại thành
10392			Thị trấn Tứ Trưng	CÓ	Ngoại thành
10393			Xã Ngũ Kiên	CÓ	Ngoại thành
10394			Xã An Tường	CÓ	Ngoại thành
10395			Xã Vĩnh Thịnh	CÓ	Ngoại thành
10396			Xã Phú Đa	CÓ	Ngoại thành
10397			Xã Vĩnh Ninh	CÓ	Ngoại thành
10398		Huyện Yên Lạc	Thị trấn Yên Lạc	CÓ	Ngoại thành
10399			Xã Đồng Cương	CÓ	Ngoại thành
10400			Xã Đồng Văn	CÓ	Ngoại thành
10401			Xã Bình Định	CÓ	Ngoại thành
10402			Xã Trung Nguyên	CÓ	Ngoại thành
10403			Xã Tê Lỗ	CÓ	Ngoại thành
10404			Xã Tam Hồng	CÓ	Ngoại thành

10405	Tỉnh Vĩnh Phúc	Huyện Yên Lạc	Xã Yên Đồng	CÓ	Ngoại thành
10406			Xã Văn Tiến	CÓ	Ngoại thành
10407			Xã Nguyệt Đức	CÓ	Ngoại thành
10408			Xã Yên Phương	CÓ	Ngoại thành
10409			Xã Hồng Phương	CÓ	Ngoại thành
10410			Xã Trung Kiên	CÓ	Ngoại thành
10411			Xã Liên Châu	CÓ	Ngoại thành
10412			Xã Đại Tự	CÓ	Ngoại thành
10413			Xã Hồng Châu	CÓ	Ngoại thành
10414			Xã Trung Hà	CÓ	Ngoại thành
10415		Thành phố Phúc Yên	Phường Trưng Trắc	CÓ	Nội thành
10416			Phường Hùng Vương	CÓ	Nội thành
10417			Phường Trưng Nhị	CÓ	Nội thành
10418			Phường Phúc Thắng	CÓ	Nội thành
10419			Phường Xuân Hoà	CÓ	Nội thành
10420			Phường Đồng Xuân	CÓ	Nội thành
10421			Xã Ngọc Thanh	CÓ	Nội thành
10422			Xã Cao Minh	CÓ	Nội thành
10423			Phường Nam Viêm	CÓ	Nội thành
10424			Phường Tiền Châu	CÓ	Nội thành
10425			Phường Tích Sơn	CÓ	Nội thành
10426			Phường Liên Bảo	CÓ	Nội thành
10427			Phường Hội Hợp	CÓ	Nội thành
10428			Phường Đồng Đa	CÓ	Nội thành
10429			Phường Ngô Quyền	CÓ	Nội thành
10430			Phường Đồng Tâm	CÓ	Nội thành
10431			Xã Định Trung	CÓ	Nội thành
10432			Phường Khai Quang	CÓ	Nội thành
10433			Xã Thanh Trù	CÓ	Nội thành
10434	Tỉnh Yên Bái	Huyện Lục Yên	Thị trấn Yên Thế	KHÔNG	Ngoại thành
10435			Xã Tân Phượng	KHÔNG	Ngoại thành
10436			Xã Lâm Thượng	KHÔNG	Ngoại thành
10437			Xã Khánh Thiện	KHÔNG	Ngoại thành
10438			Xã Minh Chuẩn	KHÔNG	Ngoại thành
10439			Xã Mai Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10440			Xã Khai Trung	KHÔNG	Ngoại thành
10441			Xã Mường Lai	KHÔNG	Ngoại thành
10442			Xã An Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
10443			Xã Minh Xuân	KHÔNG	Ngoại thành
10444			Xã Tô Mậu	KHÔNG	Ngoại thành
10445			Xã Tân Lĩnh	KHÔNG	Ngoại thành

10446	Tỉnh Yên Bái	Huyện Lục Yên	Xã Yên Thắng	KHÔNG	Ngoại thành
10447			Xã Khánh Hoà	KHÔNG	Ngoại thành
10448			Xã Vĩnh Lạc	KHÔNG	Ngoại thành
10449			Xã Liễu Đô	KHÔNG	Ngoại thành
10450			Xã Động Quan	KHÔNG	Ngoại thành
10451			Xã Tân Lập	KHÔNG	Ngoại thành
10452			Xã Minh Tiến	KHÔNG	Ngoại thành
10453			Xã Trúc Lâu	KHÔNG	Ngoại thành
10454			Xã Phúc Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
10455			Xã Phan Thanh	KHÔNG	Ngoại thành
10456			Xã An Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10457			Xã Trung Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
10458		Huyện Mù Căng Chải	Thị trấn Mù Căng Chải	KHÔNG	Ngoại thành
10459			Xã Hồ Bốn	KHÔNG	Ngoại thành
10460			Xã Nậm Có	KHÔNG	Ngoại thành
10461			Xã Khao Mang	KHÔNG	Ngoại thành
10462			Xã Mồ Dề	KHÔNG	Ngoại thành
10463			Xã Chế Cu Nha	KHÔNG	Ngoại thành
10464			Xã Lao Chải	KHÔNG	Ngoại thành
10465			Xã Kim Nội	KHÔNG	Ngoại thành
10466			Xã Cao Phạ	KHÔNG	Ngoại thành
10467			Xã La Pán Tẩn	KHÔNG	Ngoại thành
10468			Xã Dế Su Phình	KHÔNG	Ngoại thành
10469			Xã Chế Tạo	KHÔNG	Ngoại thành
10470			Xã Púng Luông	KHÔNG	Ngoại thành
10471			Xã Nậm Khắt	KHÔNG	Ngoại thành
10472		Huyện Trạm Tấu	Thị trấn Trạm Tấu	KHÔNG	Ngoại thành
10473			Xã Túc Đán	KHÔNG	Ngoại thành
10474			Xã Pá Lau	KHÔNG	Ngoại thành
10475			Xã Xà Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
10476			Xã Phình Hồ	KHÔNG	Ngoại thành
10477			Xã Trạm Tấu	KHÔNG	Ngoại thành
10478			Xã Tà Si Láng	KHÔNG	Ngoại thành
10479			Xã Pá Hu	KHÔNG	Ngoại thành
10480			Xã Làng Nhì	KHÔNG	Ngoại thành
10481			Xã Bản Công	KHÔNG	Ngoại thành
10482			Xã Bản Mù	KHÔNG	Ngoại thành
10483			Xã Hát Lìu	KHÔNG	Ngoại thành
10484		Huyện Trấn Yên	Thị trấn Cổ Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
10485			Xã Tân Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
10486			Xã Báo Đáp	KHÔNG	Ngoại thành

10487	Tỉnh Yên Bái	Huyện Trấn Yên	Xã Đào Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10488			Xã Việt Thành	KHÔNG	Ngoại thành
10489			Xã Hòa Cường	KHÔNG	Ngoại thành
10490			Xã Minh Quán	KHÔNG	Ngoại thành
10491			Xã Quy Mông	KHÔNG	Ngoại thành
10492			Xã Cường Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10493			Xã Kiên Thành	KHÔNG	Ngoại thành
10494			Xã Nga Quán	KHÔNG	Ngoại thành
10495			Xã Y Can	KHÔNG	Ngoại thành
10496			Xã Lương Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10497			Xã Bảo Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
10498			Xã Việt Cường	KHÔNG	Ngoại thành
10499			Xã Minh Quân	KHÔNG	Ngoại thành
10500			Xã Hồng Ca	KHÔNG	Ngoại thành
10501			Xã Hưng Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10502			Xã Hưng Khánh	KHÔNG	Ngoại thành
10503			Xã Việt Hồng	KHÔNG	Ngoại thành
10504			Xã Vân Hội	KHÔNG	Ngoại thành
10505		Huyện Văn Chấn	Thị trấn NT Liên Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10506			Thị trấn NT Trần Phú	KHÔNG	Ngoại thành
10507			Xã Tú Lệ	KHÔNG	Ngoại thành
10508			Xã Nậm Búng	KHÔNG	Ngoại thành
10509			Xã Gia Hội	KHÔNG	Ngoại thành
10510			Xã Sùng Đô	KHÔNG	Ngoại thành
10511			Xã Nậm Mười	KHÔNG	Ngoại thành
10512			Xã An Lương	KHÔNG	Ngoại thành
10513			Xã Nậm Lành	KHÔNG	Ngoại thành
10514			Xã Sơn Lương	KHÔNG	Ngoại thành
10515			Xã Suối Quyền	KHÔNG	Ngoại thành
10516			Xã Suối Giàng	KHÔNG	Ngoại thành
10517			Xã Nghĩa Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10518			Xã Suối Bu	KHÔNG	Ngoại thành
10519			Thị trấn Sơn Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10520			Xã Đại Lịch	KHÔNG	Ngoại thành
10521			Xã Đồng Khê	KHÔNG	Ngoại thành
10522			Xã Cát Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10523			Xã Tân Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10524			Xã Chấn Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10525			Xã Bình Thuận	KHÔNG	Ngoại thành
10526			Xã Thượng Bằng La	KHÔNG	Ngoại thành
10527			Xã Minh An	KHÔNG	Ngoại thành

10528	Tỉnh Yên Bái	Huyện Văn Chấn	Xã Nghĩa Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
10529		Huyện Văn Yên	Thị trấn Mậu A	Không	Ngoại thành
10530			Xã Lang Thíp	Không	Ngoại thành
10531			Xã Lâm Giang	Không	Ngoại thành
10532			Xã Châu Quế Thượng	Không	Ngoại thành
10533			Xã Châu Quế Hạ	Không	Ngoại thành
10534			Xã An Bình	Không	Ngoại thành
10535			Xã Quang Minh	Không	Ngoại thành
10536			Xã Đông An	Không	Ngoại thành
10537			Xã Đông Cuông	Không	Ngoại thành
10538			Xã Phong Dụ Hạ	Không	Ngoại thành
10539			Xã Mậu Đông	Không	Ngoại thành
10540			Xã Ngòi A	Không	Ngoại thành
10541			Xã Xuân Tâm	Không	Ngoại thành
10542			Xã Tân Hợp	Không	Ngoại thành
10543			Xã An Thịnh	Không	Ngoại thành
10544			Xã Yên Thái	Không	Ngoại thành
10545			Xã Phong Dụ Thượng	Không	Ngoại thành
10546			Xã Yên Hợp	Không	Ngoại thành
10547			Xã Đại Sơn	Không	Ngoại thành
10548			Xã Đại Phác	Không	Ngoại thành
10549			Xã Yên Phú	Không	Ngoại thành
10550			Xã Xuân Ái	Không	Ngoại thành
10551			Xã Viễn Sơn	Không	Ngoại thành
10552			Xã Mỏ Vàng	Không	Ngoại thành
10553			Xã Nà Hẩu	Không	Ngoại thành
10554		Huyện Yên Bình	Thị trấn Yên Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10555			Thị trấn Thác Bà	KHÔNG	Ngoại thành
10556			Xã Xuân Long	KHÔNG	Ngoại thành
10557			Xã Cẩm Nhân	KHÔNG	Ngoại thành
10558			Xã Ngọc Chấn	KHÔNG	Ngoại thành
10559			Xã Tân Nguyên	KHÔNG	Ngoại thành
10560			Xã Phúc Ninh	KHÔNG	Ngoại thành
10561			Xã Bảo Ái	KHÔNG	Ngoại thành
10562			Xã Mỹ Gia	KHÔNG	Ngoại thành
10563			Xã Xuân Lai	KHÔNG	Ngoại thành
10564			Xã Mông Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10565			Xã Cẩm Ân	KHÔNG	Ngoại thành
10566			Xã Yên Thành	KHÔNG	Ngoại thành
10567			Xã Tân Hương	KHÔNG	Ngoại thành
10568			Xã Phúc An	KHÔNG	Ngoại thành

10569	Tỉnh Yên Bái	Huyện Yên Bình	Xã Bạch Hà	KHÔNG	Ngoại thành
10570			Xã Vũ Linh	KHÔNG	Ngoại thành
10571			Xã Đại Đồng	KHÔNG	Ngoại thành
10572			Xã Vĩnh Kiên	KHÔNG	Ngoại thành
10573			Xã Yên Bình	KHÔNG	Ngoại thành
10574			Xã Thịnh Hưng	KHÔNG	Ngoại thành
10575			Xã Hán Đà	KHÔNG	Ngoại thành
10576			Xã Phú Thịnh	KHÔNG	Ngoại thành
10577			Xã Đại Minh	KHÔNG	Ngoại thành
10578		Thành phố Yên Bái	Phường Yên Thịnh	CÓ	Nội thành
10579			Phường Yên Ninh	CÓ	Nội thành
10580			Phường Minh Tân	CÓ	Nội thành
10581			Phường Nguyễn Thái Học	CÓ	Nội thành
10582			Phường Đồng Tâm	CÓ	Nội thành
10583			Phường Nguyễn Phúc	CÓ	Nội thành
10584			Phường Hồng Hà	CÓ	Nội thành
10585			Xã Minh Bảo	CÓ	Nội thành
10586			Phường Nam Cường	CÓ	Nội thành
10587			Xã Tuy Lộc	CÓ	Nội thành
10588			Xã Tân Thịnh	CÓ	Nội thành
10589			Xã Âu Lâu	CÓ	Nội thành
10590			Xã Giới Phiên	CÓ	Nội thành
10591			Phường Hợp Minh	CÓ	Nội thành
10592			Xã Văn Phú	CÓ	Nội thành
10593		Thị xã Nghĩa Lộ	Phường Pú Trạng	KHÔNG	Ngoại thành
10594			Phường Trung Tâm	KHÔNG	Ngoại thành
10595			Phường Tân An	KHÔNG	Ngoại thành
10596			Phường Cầu Thia	KHÔNG	Ngoại thành
10597			Xã Nghĩa Lợi	KHÔNG	Ngoại thành
10598			Xã Nghĩa Phúc	KHÔNG	Ngoại thành
10599			Xã Nghĩa An	KHÔNG	Ngoại thành
10600			Xã Nghĩa Lộ	KHÔNG	Ngoại thành
10601			Xã Sơn A	KHÔNG	Ngoại thành
10602			Xã Phủ Nham	KHÔNG	Ngoại thành
10603			Xã Thanh Lương	KHÔNG	Ngoại thành
10604			Xã Hạnh Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10605			Xã Phúc Sơn	KHÔNG	Ngoại thành
10606			Xã Thạch Lương	KHÔNG	Ngoại thành